

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 1, 2

Văn bản:

TÔI ĐI HỌC (Tiết 1)

- Thanh Tịnh -

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong đoạn trích “Tôi đi học”.
- Hiểu được nghệ thuật miêu tả tâm lý của trẻ nhỏ ở tuổi đến trường trong một văn bản tự sự qua ngòi bút Thanh Tịnh.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp, thưởng thức văn học.

3. Phẩm chất:

- HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (bảng phụ, máy chiếu)
- + Tranh ảnh, clip về ngày tựu trường, ảnh chân dung nhà văn Thanh Tịnh.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan.
- + Soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK.
- + Tìm những tư liệu, bài hát nói về ngày đầu tiên đi học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập

b) Nội dung: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

GV có thể bắt nhịp cho cả lớp hát, hay tự hát hoặc chọn một học sinh hát bài “Đi học” Nhạc Bùi Đình Thảo, thơ Hoàng Minh Chính), Hôm qua em tới trường. Mẹ dắt tay từng bước....

- GV dẫn dắt: Trong cuộc đời của mỗi con người, kỉ niệm tuổi học trò thường khắc sâu trong trí nhớ Vì nhờ đi học chúng ta bước vào đời bằng kiến thức, dưới sự dìu dắt yêu thương của cha mẹ, thầy cô, bạn bè. Nhưng bước đầu thì bao giờ cũng gặp nhiều khó khăn, cùng với cảm xúc vui buồn. Những nghệ sĩ đã dùng tài năng để nói về ngày kỉ niệm đáng nhớ về buổi đến trường đầu tiên qua bài hát còn nhà văn Thanh Tịnh kể những kỉ niệm

mon man, băng khuâng một thời ấy qua văn bản Tôi đi học của mà chúng ta cùng theo dõi qua bài học hôm nay

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: GV giới thiệu cho HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

a) Mục tiêu: HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Nắm rõ thông tin về tác giả và tác phẩm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>* Cho HS quan sát chân dung tác giả</p> <p>? Hãy giới thiệu những nét tiêu biểu về tác giả?</p> <p>? Kể tên những tác phẩm chính của Thanh Tịnh?</p> <p>? Hãy giới thiệu khái quát về truyện ngắn "Tôi đi học"?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>+ Giáo viên: hướng dẫn đọc, đọc mẫu.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>Các tác phẩm của nhà văn Thanh Tịnh:</p> <p>+ Quê mẹ (truyện ngắn 1941)</p> <p>+ Ngậm ngải tìm trầm (truyện ngắn 1943)</p> <p>+ Đi từ giữa mùa sen (truyện ngắn 1973)</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>1. Tác giả</p> <p>- Thanh Tịnh (1911-1988)</p> <p>- Tên khai sinh là Trần Văn Ninh sau đổi thành Trần Thanh Tịnh.</p> <p>- Là nhà giáo, nhà văn, nhà thơ.</p> <p>- Sáng tác của ông toát lên vẻ đẹp đầm thắm, tình cảm êm dịu, trong trẻo.</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>- Truyện ngắn đậm chất hồi kí in trong tập "Quê mẹ" -1941</p>

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản

a) Mục tiêu: HS tìm hiểu văn bản

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Theo em, truyện cần đọc với giọng đọc như thế nào cho phù hợp ?</p>	<p>II. Đọc - hiểu văn bản</p> <p>1. Đọc - chú thích</p> <p>2. Kết cấu, bố cục</p> <p>- Thể loại: Bút kí (Văn bản nhật</p>

<p>Chia sẻ. ? Hãy tìm 1 số từ ngữ đọc chú thích có liên quan đến kỉ niệm lần đầu tiên đi học của nhân vật “tôi” và giải thích các chú thích đó?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện các yêu cầu của GV</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS khác nhận xét, cho điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là một văn bản tự sự giàu chất trữ tình-> Đọc với giọng nhẹ nhàng, sâu lắng, ngọt ngào. - Giọng tự truyện, cảm xúc hồi hộp, bồi hồi. <p>Đọc mẫu từ đầu-> Như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.</p> <p>H1: Đọc tiếp-> Lòng tôi vẫn không cảm thấy xa nhà hay xa mẹ tôi chút nào hết.</p> <p>H2: Đọc phần còn lại của văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích chú thích 2, 5, 6, 7 SGK <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>NV2:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Truyện được kể theo ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể? 2. Bố cục của VB được xây dựng trên cơ sở nào? 3. Theo mạch hồi tưởng ấy em thấy văn bản xuất hiện những nhân vật nào? 4. Nhân vật chính là ai? Vì sao em cho là như vậy? 5. Từ sự cảm nhận của nhân vật “tôi” em hãy nêu bố cục của văn bản ? 6. Văn bản là một truyện ngắn được viết theo phương thức tự sự. So với các văn bản tự sự khác em thấy văn bản “Tôi đi học” có điều gì khác biệt? 7. Từ đó em rút ra những nhận xét gì về đặc điểm của văn bản? (Dành cho HG) 8. Truyện được kể theo trình tự nào? 	<p>dụng).</p> <ul style="list-style-type: none"> - PTBD: Miêu tả, biểu cảm, chứng minh. - Bố cục: 3 phần.
--	--

9. Qua dòng hồi tưởng ấy, tác giả muốn diễn tả điều gì ?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

1. Truyện kể theo ngôi thứ nhất. Ngôi kể này giúp cho người kể chuyện dễ dàng bộc lộ cảm xúc, tình cảm của mình một cách chân thực nhất.

2. - Theo dòng hồi tưởng của nhân vật tôi: Từ thời gian và không khí ngày tựu trường ở thời điểm hiện tại, nhân vật tôi hồi tưởng về kỉ niệm ngày đầu tiên đi học.

3. - Tôi, mẹ, ông đốc, những cậu học trò...

4. - Tôi là nhân vật chính. Vì mọi sự việc đều được kể từ sự cảm nhận của nhân vật này.

5. - Đoạn 1: Từ đầu -> “Trên ngọn núi”: Cảm nhận của nhân vật tôi trên đường đến trường.

- Đoạn 2: Tiếp -> “Cả ngày nữa”: Cảm nhận của nhân vật tôi lúc ở sân trường.

- Đoạn 3: Tiếp -> Hết: Cảm nhận của tôi trong lớp học.

6. - Không xây dựng cốt truyện (không có cốt truyện) với các sự kiện nhân vật để phản ánh những xung đột xã hội.

- Xoay quanh tình huống “Tôi đi học” là những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường: Bộc lộ tâm trạng của nhân vật “tôi”.

* Bình: Đây là một truyện ngắn tuy không có nhiều sự kiện, nhân vật, xung đột mà toàn tác phẩm là những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường đầu tiên được tái hiện theo dòng hồi tưởng của kí ức mà yếu tố xuyên suốt là dòng cảm xúc thiết tha

<p>nguyên khiết của tuổi học trò trong buổi tựu trường đầu tiên.</p> <p>7. Văn phong của Thanh Tịnh đậm chất trữ tình (Văn bản tự sự nhưng giàu giá trị biểu cảm).</p> <p>=> Tự sự trữ tình</p> <p>8. - Truyện được kể theo dòng hồi tưởng từ hiện tại nhớ về quá khứ với trình tự thời gian.</p> <p>9. Cảm xúc và tâm trạng của nhân vật tôi trong buổi tựu trường đầu tiên.</p> <p>Xuyên suốt toàn bộ tác phẩm là những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường qua hồi tưởng của tác giả. Đó cũng chính là chủ đề của tác phẩm. Để hiểu rõ hơn về chủ đề, chúng ta sẽ chuyển sang phân phân tích => phần 3.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</p>	
---	--

Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích

a) **Mục tiêu:** HS phân tích văn bản

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

c) **Sản phẩm:** Đáp án của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Hs theo dõi phần đầu văn bản và cho biết:</p> <p>? Kỉ niệm về buổi tựu trường đầu tiên của nhân vật tôi được miêu tả ở những thời điểm nào</p> <p>? Những gì đã gợi lên trong lòng tôi kỉ niệm về ngày đầu tiên đi học? Vì sao nổi nhớ buổi tựu trường đầu tiên lại được khơi nguồn từ hình ảnh ấy</p> <p>? Những kỉ niệm lần đầu tiên đi học được gắn với thời gian, không gian cụ thể nào? Vì sao thời gian, không gian ấy lại trở thành kỉ niệm trong trí</p>	<p>3. Phân tích</p> <p>3.1. Tâm trạng của nhân vật tôi trong buổi tựu trường đầu tiên.</p> <p>a. Khơi nguồn kỉ niệm: (5')</p> <p>- Thời điểm gợi nhớ: cuối thu.</p> <p>- Cảnh thiên nhiên: Biến chuyển của cảnh vật sang thu.</p> <p>- Cảnh sinh hoạt: Hình ảnh những em bé núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường.</p>

tưởng tượng của tôi ?

? Đắm mình trong không gian gợi kỉ niệm ấy, nhân vật tôi có cảm xúc ra sao ? Cảm xúc ấy được diễn tả cụ thể qua hình ảnh như thế nào?

? Hãy phân tích nét đặc sắc của câu văn đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Thảo luận trả lời câu hỏi của GV

Bước 3: Báo cáo thảo luận

* Quan sát toàn bộ tác phẩm chỉ ra các thời điểm:

- Khi cùng mẹ trên đường tới trường.
- Lúc ở sân trường
- Khi ngồi trong lớp học.

* - Chuyển biến của cảnh vật sang thu, hình ảnh các em nhỏ núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường...

* - Thời gian: buổi mai đầy sương thu và gió lạnh...

- Không gian: trên con đường làng dài và hẹp.....

=> Đó là thời điểm, nơi chốn gần gũi, quen thuộc gắn liền với tuổi thơ, gắn với tình yêu quê hương của tác giả.

* - Nao nức-> như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

* - Hình ảnh so sánh rất đẹp gắn với cảnh sắc thiên nhiên tươi sáng, trữ tình kết hợp với nghệ thuật nhân hóa tạo ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc.

Ngay từ những dòng đầu của tác phẩm, những câu văn thấm đẫm chất trữ tình như một cánh cửa dịu dàng mở ra dẫn người đọc vào một thế giới đầy ắp những sự vật, những con người, những cung bậc tình cảm đẹp đẽ trong sáng, đáng nhớ. Quá khứ được đánh thức với bao kỉ niệm ulla về. Cả một chuỗi tâm trạng lần lượt hiện lên trên từng trang truyện.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ Giáo viên nhận xét, đánh giá

<p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</p>	
<p>NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Tìm câu văn miêu tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật tôi trên đường đến trường? ? Hãy chỉ ra ý nghĩa của hai chi tiết sau : - Con đường quen.....lạ - Cảm thấy trang trọng..... (Dành cho HS khá, giỏi) ? Theo em vì sao nhân vật tôi lại có những cảm giác ấy? ? Qua những chi tiết, em cảm nhận được tâm trạng, cảm giác của nv tôi lúc này như thế nào? Vì sao tôi có tâm trạng đó? ? Trong cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ: Chắc chỉ người thạo mới cảm nổi bút thước. Tác giả viết “Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi”. Em hãy phân tích ý nghĩa của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu văn? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp. + Giáo viên: hướng dẫn, hỗ trợ nếu HS cần. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. * Dùng bút chì gạch chân từ ngữ quan trọng. + Cảm nhận con đường làng vốn quen thuộc tự nhiên thấy lạ, cảnh vật đều thay đổi. + Cảm thấy mình đứng đắn trang trọng trong bộ quần áo với mấy quyền vớ mới trên tay + Thận trọng nâng niu mấy quyền vớ, vừa lúng túng, vừa muốn thử sức, muốn kiểm định mình khi xin mẹ được cầm cả bút thước như các bạn</p>	<p>b. Khi cùng mẹ đi trên đường tới trường (18’) - Con đường làng vốn quen thuộc tự nhiên thấy lạ, cảnh vật đều thay đổi. - Đứng đắn chừng chặc, trang trọng hơn. - Muốn làm người lớn, muốn khẳng định mình. -> Hồi hộp, phấn chấn lạ thường -> Những cảm giác tinh tế, chân thực</p>

khác.

* => Đó là dấu hiệu sự đổi khác trong tình cảm và nhận thức của cậu bé => Tất cả những cảm giác ấy do một sự kiện quan trọng: hôm nay tôi đi học.

* Đó là dấu hiệu sự thay đổi trong tình cảm và nhận thức của cậu bé chứng tỏ cậu bé có chí học hành, có tinh thần tự lực, không muốn thua kém bạn bè.

* - Đó là cảm giác hồi hộp lạ thường. Tất cả những cảm giác ấy do một sự kiện quan trọng hôm nay tôi đi học. Vì đối với một em bé mới chỉ biết chơi đùa qua sông thả diều, ra đồng chạy nhảy với các bạn, hôm nay đi học quả là sự kiện lớn, một bước ngoặt của tuổi thơ. Vì thế hôm nay cậu cảm thấy mình đứng đắn chững trạc trang trọng hơn trong bộ quần áo mới, vì thế tôi muốn thử sức mình. Cảm giác này được tg ghi lại thật tinh tế, chân thực

* Hình ảnh so sánh đẹp, xác thực gắn liền với thiên nhiên tươi đẹp, mềm mại=> Câu văn giàu chất thơ, giàu chất tạo hình, khẳng định một kỉ niệm đẹp, đề cao sự học hành của con người.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.

Tâm trạng được bộc lộ theo dòng hồi tưởng, kết hợp hài hòa giữa kể và tả, bộc lộ cảm xúc góp phần quan trọng tạo nên chất trữ tình của tác phẩm=> Điều đó tiếp tục được khẳng định ở phần sau của văn bản.

Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:

- Đọc các văn bản viết về chủ đề tình cảm gia đình: Cổng trường mở ra, Mẹ tôi, Những câu hát về tình cảm gia đình.

- Ghi lại những ấn tượng, cảm xúc của bản thân về một ngày tựu trường mà em nhớ nhất.

* Đối với bài mới:

- Đọc, soạn bài tiết 2.

- Tìm hiểu tiếp tâm trạng của nhân vật “Tôi” khi đến trường, khi nghe gọi tên và rời tay mẹ, khi ngồi vào chỗ và thái độ của người lớn đối với trẻ em như thế nào ở tiết 2.

TIẾT 2

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** kiểm tra bài cũ, đặt vấn đề tiếp cận bài học.

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** Trình bày miệng

d) **Tổ chức thực hiện:**

- Lần đầu tiên bước chân vào trường THCS....em ngồi ở đâu và em ấn tượng về điều gì?

- Hs tự trả lời

Khi bước chân vào trường THCS là thêm một lần ta bỡ ngỡ, bẽn lèn và thẹn thùng nhưng cũng rất vui sướng và tự hào. Vậy thì cái cảm giác này có giống với cảm giác của một cô bé, cậu bé lớp một không, chúng ta cùng tìm hiểu tiết 2 của văn bản

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS phân tích

a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu tâm trạng của nhân vật “tôi” khi ở giữa sân trường và vào lớp học ...

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ giáo viên yêu cầu

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1: Quan sát đoạn văn: trước sân trường -> cả ngày cơ mà.</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Cảnh sân trường Mĩ Lí lưu lại trong tâm trí tôi có gì nổi bật? Cảnh tượng ấy phản ánh điều gì?</p> <p>? Ngôi trường được so sánh với cái đình làng, theo em sự so sánh ấy có ý nghĩa như thế nào?</p> <p>? Cảm xúc, tâm trạng của nhân vật tôi cũng như các bạn nhỏ khác lúc này được miêu tả như thế nào?</p> <p>? Chỉ ra cái hay của hình ảnh so sánh “Họ như con chim e sợ”?</p> <p>? Khi nghe tiếng trống trường nhân vật tôi có những biểu hiện ntn?</p> <p>? Tâm trạng đó tiếp tục được thể hiện ntn khi nghe ông đốc gọi tên?</p> <p>? Trong những từ ngữ miêu tả tâm</p>	<p>3. Phân tích</p> <p>c. Khi đứng giữa sân trường: (20’)</p> <p>- Cảm thấy ngôi trường vừa cao, vừa sạch sẽ, vừa oai nghiêm.</p> <p>-> Không khí của ngày hội tựu trường: náo nức, vui vẻ nhưng cũng rất trang trọng.</p> <p>- Lo sợ vẩn vơ</p> <p>- Khi nghe tiếng trống trường: chơ vơ, vụng về.</p> <p>- Nghe gọi tên: Hồi hộp lúng túng, quả tim như ngừng đập.</p> <p>- Cảm thấy sợ khi sắp rời bàn tay mẹ</p> <p>-> nước mắt khóc</p> <p>- Một loạt động từ đặc tả, miêu tả chân thực, chính xác, tinh tế, phép so sánh đặc sắc</p> <p>=> tâm trạng lúng túng, rụt rè, lo lắng, sợ hãi thể hiện cảm xúc hồn</p>

<p>trạng, từ nào được lặp đi lặp lại nhiều lần nhất? hãy phân tích tác dụng của việc lặp từ đó?</p> <p>? Có nhận xét cho rằng: Tiếng khóc của các cậu trò nhỏ như một phản ứng dây truyền, rất tự nhiên, rất ngây thơ, giàu ý nghĩa. Theo em nhận xét đó có đúng không? Vì sao?</p> <p>? Nhận xét từ ngữ và biện pháp miêu tả của tác giả trong đoạn văn trên? Qua đó tác giả đã làm nổi bật tâm trạng của nhân vật tôi ntn?</p> <p>? Tâm trạng của nhân vật tôi trong đoạn văn gợi trong lòng người đọc suy nghĩ gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</p>	<p>nhiên, trong sáng của tuổi thơ.</p>
<p>NV2:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>? Tìm những chi tiết, hình ảnh. cảm xúc, tâm trạng của nhân vật tôi khi ngồi trong lớp học? Tại sao nhân vật tôi có cảm giác đó?</p> <p>? Đoạn văn kết thúc bằng những hình ảnh đẹp và nhiều ý nghĩa. Đó là những hình ảnh nào? Những hình ảnh ấy giúp em hiểu thêm gì về nhân vật tôi ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>- Thấy mùi hương lạ xông lên trong lớp bàn ghế chỗ ngồi tự nhiên lăm lăm nhận làm vật riêng của mình</p> <p>- Nhìn người bạn không cảm thấy xa</p>	<p>d. Khi ngồi trong lớp đón giờ học đầu tiên (8')</p> <p>- Xốn sang những cảm giác lạ, quen, ngỡ ngàng, gần gũi.</p> <p>=> Kỉ niệm đẹp chân thực, trong sáng đến vô cùng.</p>

<p>lạ chút nào</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chăm chỉ nhìn thầy viết và lăm nhăm học vắn + Lạ bởi lần đầu tiên được vào lớp học. + Gần gũi bởi tôi ý thức được rằng mọi thứ sẽ gắn bó, thân thiết với mình bây giờ và mãi mãi. + T/c của tôi trong sáng, hồn nhiên, chân thực. - Chú chim hót..... bay cao. - Kỉ niệm bầy chim - Tiếng phán... <p>=> Một chút buồn khi từ giã tuổi thơ, bắt đầu trưởng thành trong nhận thức và bắt đầu vào việc học hành. Phải chăng đây là phút sang trang của một tâm hồn trẻ dại, tạm biệt thời thơ ấu để bước vào thế giới tuổi học trò đầy khó khăn mà biết bao hấp dẫn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoài nhân vật tôi còn có các nhân vật khác: Ông đốc, phụ huynh, thầy giáo. <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng. 	
<p>NV3 :</p> <p>Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>? Hình ảnh những người lớn hiện ra trong kí ức tuổi thơ của nhân vật tôi như thế nào?</p> <p>? Em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của những người lớn đối với những em bé lần đầu đi học?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp. <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. - Ông đốc: Nhìn các em với cặp mắt hiền từ và cảm động, lời nói khề khàng đầy yêu thương, lại tươi cười nhún nạy dỗ dành các em khóc vì phải xa mẹ. 	<p>3.2. Hình ảnh những người lớn trong buổi học đầu tiên của các em (5')</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả đều dịu dàng, yêu thương, chăm chút, khuyến khích các em.

- Thầy giáo: Gương mặt tươi cười đón các em trước cửa lớp.
- Phụ huynh: Dẫn các em đến trường chu đáo.
- Mẹ: ân cần dịu dàng.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

- + Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.

Nếu ví các em nhỏ ngày đầu tiên đi học là những cánh chim đang đập cánh rời tổ để bay vào bầu trời bao la đầy nắng và gió thì cha mẹ, thầy cô chính là những bàn tay nâng đỡ, những làn gió đưa, những tia nắng soi đường để cánh chim được cất lên mạnh dạn khoáng đạt trên bầu trời. Nhờ những bàn tay, những làn gió mát, những tia nắng chứa chan tình thương và trách nhiệm ấy, cậu học trò trong câu chuyện này đã nhanh chóng hoà nhập vào cái thế giới kì diệu của mái trường.

Hoạt động 3: Hướng dẫn tổng kết

a) Mục tiêu: Học sinh biết cách tổng kết văn bản

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn? ? Tìm những hình ảnh so sánh được nhà văn sử dụng trong bài? ? Em học tập được gì qua nghệ thuật kể chuyện của nhà văn?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Dùng kthuat thi đọc nhanh, tìm đúng hướng dẫn. - Cách tiến hành: mỗi đội ghi câu văn có chứa hình ảnh so sánh ra giấy. Đội nào tìm được đúng, nhanh và chứa nhiều câu chứa hình ảnh so sánh sẽ thắng cuộc.</p>	<p>4. Tổng kết</p> <p>4.1. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả tinh tế, chân thực diễn biến tâm trạng của ngày đầu tiên đi học. - Sử dụng ngôn ngữ giàu yếu tố biểu cảm, hình ảnh so sánh độc đáo ghi lại dòng liên tưởng, hồi tưởng của nhân vật tôi. - Giọng điệu trữ tình trong sáng. - Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí tinh tế, nhẹ nhàng tha thiết. - Bố cục truyện theo dòng hồi tưởng cảm xúc.

<p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. => Trong truyện có 12 lần tg sử dụng biện pháp tu từ so sánh. => Muốn kể chuyện hay cần có nhiều kỉ niệm và giàu cảm xúc...</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
<p>NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ?Nêu ý nghĩa văn bản? ? Những cảm giác trong sáng nảy nở trong lòng tôi là những cảm giác nào? ? Từ đó em cảm nhận gì về nhân vật?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. - Tình yêu và niềm trân trọng sách vở, bàn ghế, lớp học, bạn bè, thầy giáo, gắn liền với mẹ và quê hương. - Cảm xúc trong sáng về tuổi thơ và mái trường quê hương. => Hồn nhiên, ngây thơ, tình cảm trong sáng, không chỉ yêu TN tuổi thơ mà còn yêu sự học hành để trưởng thành. Là người giàu tình cảm, cảm xúc</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>4.2. Nội dung- Ý nghĩa văn bản * Nội dung : Ghi lại kỷ niệm trong sáng của tuổi học trò trong ngày tựu trường hết sức chân thực, tinh tế qua dòng hồi ức của nhà văn . * Ý nghĩa: Buổi tựu trường đầu tiên sẽ mãi không thể nào quên trong kí ức của nhà văn Thanh Tịnh.</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Nội dung: ? Viết đoạn văn từ 5- 7 câu ghi lại ấn tượng đẹp trong buổi tựu trường đầu tiên?

c) Sản phẩm: HS viết đoạn văn

d) Tổ chức thực hiện:

? Viết đoạn văn từ 5- 7 câu ghi lại ấn tượng đẹp trong buổi tựu trường đầu tiên?

- Báo cáo kết quả chuẩn bị ở nhà.
- Bài HS đã gửi qua trường học kết nối.
- Chọn khoảng 3 bài tiêu biểu chiếu lên màn hình.
- HS khác nhận xét về hình thức và nội dung viết đoạn văn.
- GV chốt động viên.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kỹ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

b) Nội dung: HS sưu tầm bài hát về thầy cô, mái trường và biểu diễn

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Nhóm 1, 2, 3 sưu tầm 1 bài hát về thầy cô, mái trường, biểu diễn tập thể thi giữa các nhóm chọn ra nhóm nhất nhì ba.

Cả lớp cùng hát bài: Ngày đầu tiên đi học.

Chiếu clip 2 phút về buổi tựu trường.

Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ

- Đọc lại các văn bản viết về chủ đề gia đình và nhà trường đã học.
- Thuộc ghi nhớ - hoàn thành bài tập 2
- Ghi lại những ấn tượng, cảm xúc của bản thân về một ngày tựu trường mà em nhớ nhất.

- Cảm nhận của em sau khi học văn bản “Tôi đi học”

* Đối với bài mới: Chuẩn bị bài: Tính thống nhất về chủ đề của văn bản.

+ Đọc kỹ lại văn bản "Tôi đi học", nhan đề của văn bản giúp em hiểu gì về nội dung của văn bản?

+ Tìm hiểu ý nghĩa nhan đề "Tôi đi học".

+ Các câu văn nhắc tới của buổi tựu trường, cảm nhận của nhân vật "tôi" (trên đường đến trường, ngoài sân, trong lớp).

+ Những từ ngữ lặp lại nhiều lần để duy trì đối tượng.

+ Sự thay đổi tâm trạng của nhân vật tôi (cảm nhận về con đường ngôi trường ngoài sân trong lớp học ...)

- Tìm hiểu và trả lời các câu hỏi cho bài tự học có hướng dẫn: Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 3, 4

Văn bản:

TRONG LÒNG MẸ (Trích Những ngày thơ ấu) (tiết 1)

-Nguyễn Hồng-

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được khái niệm thể loại hồi kí.
- Hiểu được cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong đoạn trích Trong lòng mẹ.

- Nắm được ngôn ngữ truyện thể hiện niềm khát khao tình cảm ruột thịt cháy bỏng của nhân vật.
- Hiểu được ý nghĩa giáo dục: những thành kiến cổ hủ, nhỏ nhen, độc ác không thể làm khô héo tình cảm ruột thịt sâu nặng, thiêng liêng.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp, thưởng thức văn học.
- Năng lực cảm thụ văn học.

3. Phẩm chất:

- HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu), chân dung nhà văn Nguyễn Hồng.
- + Tranh minh hoạ cảnh bé Hồng nằm trong lòng mẹ (theo SGK Ngữ văn 8 T1), phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.
- + Sưu tầm tư liệu về tác giả Nguyễn Hồng, các bài viết về tác giả, tác phẩm.
- + Soạn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập

b) Nội dung: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) Sản phẩm: Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

- GV: Chia sẻ những kỉ niệm, tình cảm và ấn tượng sâu sắc của em về mẹ:
=> mỗi HS tự kể

Rõ ràng chúng ta thấy tình cảm đối với mẹ thật thiêng liêng. Được nằm trong vòng tay của mẹ thật hạnh phúc. Bài học hôm nay sẽ cho các em thấy qua nhân vật Hồng trong đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyễn Hồng

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: GV giới thiệu cho HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

a) Mục tiêu: HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: HS nắm rõ thông tin về tác giả và tác phẩm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	1. Tác giả

<p>? Hãy giới thiệu những nét tiêu biểu về tác giả?</p> <p>Em biết gì về văn bản “Trong lòng mẹ” và tác phẩm “Những ngày thơ ấu”?</p> <p>? Nêu xuất xứ của văn bản ?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>* Bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Hồng sinh ở thành phố Nam Định, nhưng Hải Phòng cửa biển đã khơi dậy và gắn bó với ông, với sự nghiệp văn chương của ông. Tác phẩm của ông thường viết về những con người nghèo khổ dưới đáy xã hội, với một lòng yêu thương đồng cảm vì vậy ông được coi là nhà văn của những con người cùng khổ. - Trong thế giới nhân vật của ông xuất hiện nhiều người bà, người mẹ, người chị, những cô bé, cậu bé khốn khổ nhưng nhân hậu. Ông viết về họ bằng cả trái tim yêu thương và thấm thiết của mình. Ông được mệnh danh là nhà văn của phụ nữ và trẻ em. Văn xuôi của ông giàu chất trữ tình, nhiều khi dạt dào cảm xúc và hết <p>*- Văn bản " Trong lòng mẹ" là chương thứ IV của tập hồi kí.</p> <p>* Bổ sung: Những ngày thơ ấu là tập hồi ký tự truyện gồm 9 chương</p> <p>Chương 1: Tiếng kèn.</p> <p>Chương 2: Chúa thương xót chúng tôi.</p> <p>Chương 3: Trụy lạc.</p> <p>Chương 4: Trong lòng mẹ.</p> <p>Chương 5: Đêm nện.</p> <p>Chương 6: Tron đêm đông.</p> <p>Chương 7: Đồng xu cái.</p> <p>Chương 8: Sa ngã.</p> <p>Chương 9: Bước ngoặt.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả</p>	<p>(1918–1982)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quê ở Nam Định. + Là nhà văn của phụ nữ, nhi đồng, của những người cùng khổ. - Văn xuôi Nguyễn Hồng giàu chất trữ tình, nhiều khi dạt dào những cảm xúc thiết tha, rất mực chân thành. <p>2. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Những ngày thơ ấu” là tập hồi kí đăng báo 1938 in thành sách năm 1940 gồm 9 chương. - Văn bản "Trong lòng Mẹ" là chương thứ IV của tập hồi kí.
---	--

làm việc của HS, chuẩn đáp án.	
Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản a) Mục tiêu: HS tìm hiểu văn bản b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ c) Sản phẩm: Đáp án của HS d) Tổ chức thực hiện:	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Theo em, truyện cần đọc với giọng đọc như thế nào cho phù hợp ? ? Nhận xét? ? Tìm hiểu một số từ khó trong phần chú thích? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện các yêu cầu của GV Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS khác nhận xét, cho điểm. Giọng chậm, tình cảm, chú ý các từ ngữ, hình ảnh thể hiện cảm xúc thay đổi nhân vật tôi, nhất là đoạn cuối cuộc trò chuyện với bà cô, đoạn tả chú bé Hồng nằm trong lòng mẹ. Các từ ngữ, hình ảnh, lời nói ngọt ngào, giả dối rất kịch của bà cô cần thể hiện một cách đon đả, kéo dài, lộ rõ sắc thái châm biếm, cay nghiệt. Đọc - GV gọi 2, 3 em đọc tiếp. Tìm từ trái nghĩa với từ gõ đầu ; đồng nghĩa với từ đoạn tang. - Đoạn tang: hết gỗ, mất tang, hết tang, hết trở... - Lưu ý: 5, 8, 12, 13, 14, 17. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + Giáo viên nhận xét, đánh giá	1. Đọc - chú thích
NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Bài văn viết theo thể loại nào? ? Em hiểu gì về thể loại hồi kí? ? Em xếp văn bản thuộc thể loại nào? (Kiểu VB) nào? Nhân vật chính là ai? ? Nhận xét bố cục văn bản? Có thể chia đoạn trích thành 2 hay 3 đoạn ? ? So sánh mạch kể chuyện giữa	2. Kết cấu - bố cục - Thể loại: Hồi kí là một thể văn ghi chép, kể lại những biến cố đã xảy ra trong quá khứ mà tác giả đồng thời là người kể người tham gia hoặc chứng kiến. - Bố cục: 2 phần

truyện

“ Trong lòng mẹ” có gì giống và khác “Tôi đi học”?

? Tóm tắt nội dung chính của văn bản? (HSK)

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

*Hồi kí là thể văn được dùng để ghi lại những chuyện có thật đã xảy ra trong cuộc đời một con người.

*- Tiểu thuyết: tự thuật kết hợp với các kiểu văn bản: tự sự, miêu tả biểu cảm.

- Nhân vật xưng “tôi” ngôi thứ nhất chính là tác giả (bé Hồng), kể lại chuyện một cách chân thực, trung thành...

*- **P1:** Từ đầu đến... và mày cũng còn phải có họ, có hàng, người ta hỏi đến chứ?...: Cuộc đối thoại giữa bà cô cay độc và chú bé Hồng. Qua đó bộc lộ ý nghĩ, cảm xúc của chú bé Hồng về người mẹ bất hạnh.

- **P2:** Đoạn còn lại: Cuộc gặp lại bất ngờ với mẹ và cảm giác vui sướng cực điểm của chú bé Hồng.

*+ Giống: Kể theo trình tự thời gian, kể kết hợp với bộc lộ cảm xúc, hồi tưởng.

+ Khác: Liên mạch trong một khoảng thời gian ngắn, buổi sáng - ngất quăng trước một vài ngày sau khi gặp mẹ.

*HS tóm tắt đoạn trích -> GV tóm tắt ngắn gọn.

Gần đến ngày giỗ đầu bố Hồng, cậu lại rất thương và nhớ mẹ mình thì một hôm, người cô gọi cậu đến và hỏi có muốn gặp mẹ, gặp “em bé” ko. Sau đó, bà ta làm cho Hồng đau lòng bằng cách nói về cuộc sống của mẹ Hồng. Bà ta càng nói Hồng càng

im lặng và cậu bắt đầu khóc. Cậu càng thấy thương mẹ hơn, càng căm ghét những hủ tục lạc hậu trước những lời bôi nhọ mẹ mình của bà cô thâm hiểm, tàn nhẫn. Một hôm, trên đường đi học về, Hồng thoáng thấy 1 người ngồi trên xe kéo rất giống mẹ. Hồng liền đuổi theo và gọi to. Vài giây sau, Hồng đuổi kịp xe kéo. Và nhận ra đúng là mẹ mình. Hồng òa khóc nằm trong lòng mẹ. Cậu cảm nhận được tất cả vẻ đẹp, sự yêu thương và dịu dàng của mẹ. Cậu quên hết mọi lời nói độc ác của bà cô, chỉ còn niềm xúc động và tình yêu thương mẹ vô bờ.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.

Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích

a) Mục tiêu: HS phân tích văn bản

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Mở đầu đoạn trích tác giả đã cho người đọc thấy được cảnh ngộ của mình như thế nào?</p> <p>? Cảnh ngộ đó tạo nên thân phận của bé Hồng ntn?</p> <p>? Nhân vật người cô có quan hệ như thế nào với bé Hồng?</p> <p>? Hình ảnh người cô được khắc hoạ qua những chi tiết nào? (Chú ý chi tiết khắc hoạ về nét mặt, cử chỉ, giọng nói)</p> <p>? Bà cô muốn gì khi cho rằng mẹ chú đang phát tài và nhất là cố ý phát âm hai tiếng em bé ngân dài, thật ngọt?</p> <p>? Vì sao những lời nói của bà cô khiến bé Hồng lòng thất lại, nước mắt chảy ròng ròng...?</p>	<p>3. Phân tích</p> <p>3.1. Hình ảnh người cô của bé Hồng (20')</p> <p>* Cảnh ngộ của bé Hồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cha vừa mất, mẹ bỏ nhà đi tha phương cầu thực. - Anh em Hồng phải sống nhờ bà cô ruột. -> Cô độc, đau khổ luôn khát khao tình yêu thương. => Rất đáng thương. <p>* Hình ảnh bà cô:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất hiện trong cảnh ngộ thương tâm cô cút của bé Hồng. + Vẻ mặt tươi cười rất kịch. + Giọng nói ngọt ngào đầy mỉa mai cay độc. + Cử chỉ thân mật giả dối.

<p>? Nhận xét về cách khắc hoạ nhân vật người cô của tác giả ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Thảo luận trả lời câu hỏi của GV</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>+ HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*- Với giọng văn giản dị, tự nhiên, người đọc có thể nhận ra ngay cảnh ngộ đáng thương của Hồng:</p> <p>- Cha vừa mất, mẹ bỏ nhà đi tha phương cầu thực.</p> <p>- Anh em Hồng phải sống nhờ bà cô ruột.</p> <p>*Cô độc, đau khổ luôn khát khao tình yêu thương, tình mẹ => Rất đáng thương.</p> <p>Dòng tự sự ở phần đầu còn cho người đọc biết được thời gian xảy ra câu chuyện, hoàn cảnh sống của người mẹ tội nghiệp => khơi nguồn để từ đó bà cô xuất hiện.</p> <p>* Cô ruột (bên nội) => Quan hệ ruột thịt, gần gũi.</p> <p>*Ghi những chi tiết HS phát hiện.</p> <p>+ Bảng (1): Người cô</p> <p>+ Bảng (2): Hoạt động của bé Hồng.</p> <p>(pt' tâm trạng của bé Hồng rút ra ở phần sau)</p> <p>Thảo luận tìm chi tiết về người cô.</p> <p>+ Với vẻ mặt cười nói rất kịch: mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không ?</p> <p>-> Không có ý định tốt đẹp.</p> <p>- Bé Hồng từ chối -> không buông tha tiếp tục lôi đứa cháu vào trò chơi đã dàn tính sẵn.</p> <p>- Tỏ ra thân tình vỗ vai an ủi, muốn giúp đỡ cháu nhưng lại cố ý ngân hai tiếng em bé.</p> <p>-> Cử chỉ thân mật giả dối, lời nói ngọt ngào đầy mỉa mai cay độc.</p> <p>- Lạnh lùng vô cảm trước sự đau đớn của đứa cháu, tươi cười kể về tình cảnh đói rách túng thiếu của mẹ bé Hồng.</p>	<p>=> Gieo rắc vào đầu đứa cháu những ý nghĩ hoài nghi, khinh miệt, ruồng rẫy người mẹ bất hạnh.</p> <p>=> Đó là người đàn bà vô cảm, lạnh lùng, độc ác thâm hiểm, hiện thân cho thành kiến cổ hủ lạc hậu, phi nhân đạo của xã hội thực dân nửa phong kiến lúc bấy giờ.</p>
--	---

- Đôi giọng giả nhân giả nghĩa thương xót người anh trai.

*Với cảnh ngộ của bé Hồng, lẽ ra cô phải chia sẻ, an ủi, động viên, yêu thương mà trái lại tìm mọi cách gieo rắc vào đầu óc thơ ngây của cháu đáng thương những điều không hay khinh miệt ruồng rẫy người mẹ bất hạnh của nó.

- Với nụ cười nửa miệng và câu hỏi thăm dò: mày có muốn vào Thanh Hoá với mẹ mày không "Tuồng chừng đã chạnh tới nỗi nhớ tình thương mẹ của chú bé, nhưng vốn nhạy cảm, Hồng đã nhận ra ngay ý nghĩa cay độc trong giọng nói và nét mặt rất kịch cô. Bề ngoài tỏ ra quan tâm đến tình cảm mẹ con của đứa cháu cô cút, nhưng bên trong lòng bà chỉ muốn gieo rắc vào đầu cháu ý nghĩ hoài nghi khinh miệt người mẹ đang tha hương cầu thực.

- Vẫn giọng ngọt ngào kèm theo cả cái nhìn bằng đôi mắt long lanh, chăm chặp: Mợ mày phát tài lắm có như dạo trước đâu" Vào mà bắt mẹ mày may vá cho và thăm em bé chứ. Phải chăng người cô muốn kéo đứa cháu đáng thương vào trò chơi độc ác đã dàn tính sẵn, rõ ràng bà như muốn ngấm báo với bé Hồng rằng mẹ chú đã thay lòng đổi dạ, không thương con, không gắn bó với gia đình như trước nữa đã có con với người đàn ông khác. Lòng chia rẽ tình mẫu tử thiêng liêng của Hồng. Rõ ràng dù cho bé Hồng im lặng cúi đầu, khóe mắt cay cay lòng đau thắt lại rồi cả nức nở cười dài trong tiếng khóc thì người cô không hề mảy may xúc động, bà vẫn tươi cười kể chuyện cho bé Hồng nghe về tình cảnh túng quẫn về h/ả gầy guộc rách rưới của người mẹ chú một cách thích thú rõ rệt.

*Cay đắng biết bao khi niềm tin và

tình mẫu tử thiêng liêng bị chính người cô gán bó với mình bằng tình máu mủ ruột thịt cứ xăm soi hành hạ hòng chia rẽ. Vốn khổ cực bất hạnh và nhạy cảm giàu tình yêu mẹ, sự lạnh lùng vô cảm của người cô khiến bé Hồng đau xót tủi hờn như bị sát muối trong lòng. Vài lời vót vát cuối cùng cô tỏ một chút xót thương người anh trai vừa khuất, thương hại người chị dâu khổ sở và nói tới cái sĩ diện của đứa cháu phần nào làm dịu đi nỗi đau tình mẫu tử trong tâm hồn thơ dại của bé Hồng. Nhưng không xoá nổi nét bản chất trong nét tính cách của bà cô.

* Chú trọng miêu tả ngoại hình, hành động, lời nói => nổi bật tính cách theo trình tự các bước ngày càng phát triển, khắc sâu vào lòng người đọc sự căm phẫn người cô độc ác, tàn nhẫn, hẹp hòi.

Thảo luận nhóm bàn

- Thời gian: 2 phút
 - Hết thời gian đại diện nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, GV nhận xét và chốt kiến thức.
- ? Qua cách miêu tả ấy, em thấy bà cô bé Hồng là con người như thế nào?

Đó là người đàn bà độc ác, lạnh lùng vô cảm, thâm hiểm.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ Giáo viên nhận xét, đánh giá

* Tính cách tàn nhẫn của bà cô là sản phẩm của những định kiến đối với người phụ nữ theo luật "tam tòng". Bà cô tiêu biểu cho hạng đàn bà "Miệng nam mô, bụng một bồ dao găm" là hiện thân của thành kiến cổ hủ phi nhân đạo của xã hội thực dân phong kiến ngày đó. Qua hình ảnh người cô, tác giả lên án đanh thép sự tàn nhẫn bất công trong xã hội.

? Em có nhận xét gì về nhân vật bà cô? Thái độ của em đối với nhân vật này?

HS trình bày lại những hành động, cử chỉ, ngôn ngữ của bà cô -> bản chất con người lạnh lùng, độc ác, thâm hiểm, tàn nhẫn -> Là sản phẩm của những định kiến đối với người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

Hướng dẫn về nhà

- * Đối với bài cũ:
 - Học bài theo nội dung.
 - Hoàn chỉnh các bài tập.
- * Đối với bài mới: Chuẩn bị “Trong lòng mẹ” (T2)
 - Đọc kĩ văn bản.
 - Tìm các chi tiết thể hiện tâm trạng bé Hồng.
 - Chuẩn bị theo nội dung SGK.
 - Tìm các bài viết về tác giả Nguyên Hồng và tác phẩm “ Những ngày thơ ấu”.

TIẾT 2

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a) **Mục tiêu:** GV kiểm tra bài cũ, đặt vấn đề tiếp cận bài học.
- b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.
- c) **Sản phẩm:** HS Trình bày miệng
- d) **Tổ chức thực hiện:**

? Em có cảm nhận như thế nào khi đọc đoạn văn nói về cuộc trò chuyện giữa cô bé Hồng và bé Hồng ?

? Đọc diễn cảm lời thoại của bà cô ?

- Tự bộc lộ.

- Đọc diễn cảm.

* Dẫn: Trong tiết học trước chủ yếu chúng ta tìm hiểu về nhân vật bà cô quái ác và cuộc gặp gỡ như mèo vờn chuột- một trò đùa tàn ác do chính bà ta tạo ra.

Vậy tâm trạng của bé Hồng diễn biến như thế nào? Qua đó ta hiểu về tính cách và tâm hồn của chú bé , đó chính là nội dung quan trọng của tiết học này. **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS phân tích

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Tình cảm của bé Hồng với mẹ được thể hiện qua những sự việc chính nào? ? Bé Hồng đã phản ứng ntn trước câu hỏi thứ nhất của người cô? Vì sao Hồng có phản ứng như vậy? ? Những lời mỉa mai của người cô tâm trạng bé Hồng ntn? Tìm những chi tiết thể hiện điều đó? ? Vì sao những lời nói của bà cô khiến bé Hồng lòng thất lại, nước mắt chảy ròng ròng...? ? Tâm trạng đau đớn xót xa, uất ức của bé Hồng dâng đến cực điểm khi nghe người cô cứ	II. Đọc – hiểu văn bản b. Tình yêu thương mẹ mãnh liệt của bé Hồng

tươi cười kể về tình cảnh tội nghiệp của mẹ. Tác giả đã bộc lộ lòng cảm tức tột cùng ở giây phút này bằng hình ảnh nào?

? Hãy phân tích cái hay của h/a so sánh trên?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

*Qua cuộc trò chuyện... trong lần gặp mẹ.

*.Mới đầu nghe người cô hỏi, lập tức trong kí ức chú bé sống dậy hình vẽ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ. Từ cúi đầu không đáp đến cũng đã cười và đáp lại cô 1 cách dứt khoát:

"Không ! cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mẹ cháu cũng về". Đây là 1 phản ứng thông minh xuất phát từ sự nhạy cảm và lòng tin yêu mẹ của chú. Bởi chú nhận ra ngay những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và trên nét mặt của cô, nhưng không muốn tình yêu thương và lòng kính mến mẹ bị những rắp tâm tanh bẩn xúc phạm đến.

*- Sau lời hỏi thứ 2 của người cô, lòng chú thất lại, khoé mắt cay cay trước.

- Sau lời nói thứ 3 của người cô, bé Hồng phần uất không nén nổi: "Nước mắt tôi rờn rờn rót xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở cằm và ở cổ, rồi cười dài trong tiếng khóc." nỗi xót xa tức tưởi đang dâng lên trong lòng.

*- Hồng cay đau xót khi niềm tin và tình mẫu tử thiêng liêng bị chính người cô ruột thịt cứ xăm soi hành hạ hồng chia rẽ. Em khóc vì thương mẹ bị lăng nhục. bị đối xử tàn nhẫn bất công

* Nỗi cảm tức ấy được diễn tả bằng chi tiết đầy ấn tượng "Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ không ra tiếng. Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi.... mới thôi".

* Đây là một hình ảnh so sánh đặc sắc. Với những động từ mạnh: cắn, nhai, nghiền nằm trong 1 trường nghĩa đặc tả tâm trạng uất ức, căm giận của bé Hồng. Có thể nói tình thương và niềm tin đối với mẹ đã khiến người con thấu hiểu và suy nghĩ sâu hơn, xúc cảm rộng

<p>hơn. Từ cảnh ngộ riêng của người mẹ, từ những lời nói cay độc của người cô. Bé Hồng nghĩ tới những "Cổ tục" cấm giận cái xã hội cũ kĩ đầy thành kiến độc ác đối với người phụ nữ gặp hoàn cảnh éo le.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>Đây là một câu văn biểu cảm, một hình ảnh so sánh đặc sắc. Với những động từ mạnh: cắn, nhai, nghiền, nằm trong một trường nghĩa đặc tả tâm trạng uất ức, căm giận của bé Hồng</p>	
<p>NV2 :</p> <p>Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>? Những cung bậc cảm xúc của bé Hồng trước lời nói cay độc của người cô: từ chỗ nín nhịn, ghìm nén đến sự bùng nổ niềm xót xa uất hận. Cho em cảm nhận được điều gì trong tâm hồn của bé Hồng?</p> <p>? Khi gọi mẹ ơi, Hồng có biết chắc đó là mẹ mình không? Tiếng gọi đó cho ta biết điều gì?</p> <p>? Nếu người ngồi trên xe kéo không phải là mẹ Hồng thì điều gì sẽ xảy ra? Cảm giác tủi thẹn của bé Hồng được diễn tả bằng hình ảnh nào? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy?</p> <p>? Cử chỉ của Hồng khi gặp mẹ ntn?</p> <p>? Qua những cử chỉ ấy cho thấy tâm trạng bé Hồng ntn khi gặp mẹ?</p> <p>? Niềm vui sướng của bé Hồng khi được ngồi trong lòng mẹ được diễn tả xúc động qua những chi tiết nào?</p> <p>? Bức tranh diễn tả đoạn nào ? hãy mô tả & bình bức tranh ấy ?</p> <p>? Trình bày cảm nhận của em về niềm sung sướng cực điểm của bé Hồng khi được gặp mẹ qua các chi tiết trên?</p> <p>? Tình cảm, cảm xúc ấy của bé H được ghi lại bằng những câu văn ntn?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*-Trong bi kịch gia đình, tâm hồn bé Hồng vẫn trong sáng dạt dào tình yêu thương mẹ, thông cảm với cảnh ngộ bất hạnh của mẹ</p>	<p>* Khi nói chuyện với bà cô</p> <p>- Cúi đầu không đáp - cười và từ chối dứt khoát.</p> <p>-> là một phản ứng thông minh xuất phát từ sự nhạy cảm và lòng tin yêu mẹ.</p> <p>- Đau đớn tủi nhục trước những lời xúc phạm về mẹ.</p> <p>- Căm ghét những cổ tục đã đầy đoạ làm khổ mẹ.</p> <p>- Lời văn dòn dập với các động từ mạnh (vỗ, cắn, nhai, nghiền)</p> <p>-> thái độ quyết liệt, lòng căm phẫn tột cùng, tình yêu thương mãnh liệt ...</p> <p>- Hình ảnh so sánh đặc sắc...</p> <p>- Phương thức biểu cảm</p> <p>-> bộc lộ cảm xúc trực tiếp gợi trạng thái tâm hồn đau đớn của Hồng.</p> <p>=>Trong bi kịch gia đình, tâm hồn bé Hồng vẫn trong sáng dạt dào tình yêu thương mẹ, thông cảm với cảnh ngộ bất hạnh của mẹ</p> <p>* Khi được gặp mẹ</p> <p>- Gọi "mẹ ơi!"-> Khao khát được gặp mẹ</p>

- Qua diễn biến tâm trạng cảm xúc của bé Hồng trước bà cô, nhà văn đã cho người đọc thấy được nỗi bất hạnh của phụ nữ và trẻ em trong xã hội cũ. Đồng thời thấy được bản lĩnh cứng cỏi, một tấm lòng thiết tha của đứa con rất mực thương yêu và tin mẹ của bé Hồng.

Chú ý phần văn bản thứ 2.

*Tiếng gọi bối rối: Mẹ ơi! cho thấy nỗi khao khát gặp mẹ.

*- Nếu người ngồi trên xe kéo không phải là mẹ Hồng thì sẽ làm trò cười cho lũ trẻ, làm Hồng tủi thẹn.

- Khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm...

- Hình ảnh so sánh bộc lộ tâm trạng thất vọng tột cùng nếu người trên xe không phải mẹ

*Thở hồng hộc, trán đầm mồ hôi, khi trèo lên xe chân rú lại, được mẹ xoa đầu thì oà khóc nức nở.

*Xúc động, vui sướng.

*Trình bày:

+ Cảm nhận gương mặt mẹ vẫn tươi sáng, đôi mắt trong, nước da mịn

+ Những cảm giác ấm áp mơn man khắp da thịt

+ Hơi quần áo và cả hơi thở thơm tho lạ thường.

+ Nghĩ và khát khao được bé lại để được mẹ vuốt ve, gãi rôm ở sống lưng cho

+ Không nhớ mình đã hỏi và mẹ đã trả lời ntn?

Cho hs quan sát bức tranh trong SGK

*(thảo luận – 2 phút)

- Hết thời gian đại diện nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, GV nhận xét.

*Tự bộc lộ => đáng thương, đáng trân trọng.

*Trình bày:

- Phần cuối này ngôn ngữ văn chương càng linh hoạt, tình cảm người viết càng dào dạt, là bài ca chân thành, cảm động về tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ Giáo viên nhận xét, đánh giá

Với một tâm hồn nhạy cảm, luôn tin yêu, khát khao tình mẹ, nên khi ngồi trong lòng mẹ tất cả các giác quan đều mở ra và thức dậy để tận hưởng cái cảm giác mơn man ngát ngậy đầm

say êm dịu vô cùng của tình máu mủ ruột thịt: Bé Hồng đã nhận ra gương mặt mẹ vẫn tươi sáng, rực rỡ như thuở nào và mẹ đang truyền cho con niềm vui, niềm hạnh phúc, cảm giác ấm áp lạ thường từ hơi thở thơm tho. Đây là một bức tranh tràn ngập ánh sáng, đường nét với những sắc màu tươi tắn thoang thoảng hương thơm. Đây cũng là một thế giới dịu dàng kỉ niệm, ấm áp tình người. và cứ thế bé Hồng bỗng bình trong cảm giác sung sướng rạo rực của tình mẹ. Cái cảm giác mình đang bé lại hay niềm khao khát được bé lại để được làm nũng được mẹ vuốt ve chiều chuộng cứ lâng lâng tiếp nối ngỡ bé Hồng như đang sống trong mơ. và khi đó bé Hồng không còn nhớ mình đã hỏi, mẹ đã trả lời ntn, đặc biệt câu hỏi ác nghiệt của người cô tuy có vang lên, nhưng chìm ngay không mảy may nghĩ ngợi gì nữa. Thế mới biết bé H thương mẹ đến nhường nào và giây phút gặp mẹ đem lại cho chú cảm giác sung sướng ra sao.

Hoạt động 3: Hướng dẫn tổng kết

a) **Mục tiêu:** Học sinh biết cách tổng kết văn bản

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

c) **Sản phẩm:** Đáp án của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Những biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào tạo nên sự thành công trong trích đoạn...?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời + Giáo viên: hướng dẫn đọc, đọc mẫu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. *PBYK Tạo dựng được mạch truyện, mạch cảm xúc tự nhiên, sinh động. - Miêu tả tâm lý nhân vật bé Hồng với lời nói, hành động, tâm trạng sinh động, chân thật. - Kết hợp kể chuyện với miêu tả,</p>	<p>4. Tổng kết</p> <p>4.1. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạch truyện, mạch cảm xúc tự nhiên chân thực - Kết hợp TS với MT, BC tạo nên những rung động trong lòng người đọc - Khắc hoạ nhân vật.

<p>biểu cảm tạo rung động trong lòng người đọc. - Lời văn được viết trong dòng cảm xúc dạt dào. Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
<p>NV2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Trong lòng mẹ " Trích hồi kí " những ngày thơ ấu " của Nguyên Hồng đã để lại trong em những ấn tượng gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>4.2. Nội dung – ý nghĩa - Nội dung: Nỗi cay đắng tủi cực và tình yêu thương cháy bỏng của bé Hồng đối với người mẹ bất hạnh. - Ý nghĩa: Tình mẫu tử là mạch tình cảm không bao giờ vơi trong tâm hồn con người. 4.3. Ghi nhớ</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kỹ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Nội dung: ? Nêu ý kiến của em về nhận định: “Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng”?

? Văn bản có tiêu đề “Trong lòng mẹ”, em có đồng ý với cách đặt tiêu đề ấy không ? Vì sao?

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

? Nêu ý kiến của em về nhận định: “Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng”?

* Yêu cầu: Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng

- Là nhà văn viết nhiều về phụ nữ và nhi đồng

- Dành cho phụ nữ và nhi đồng tấm lòng chan chứa thương yêu và thái độ nâng niu trân trọng

+ Diễn tả thâm thúy những nỗi cơ cực, tủi nhục mà phụ nữ và nhi đồng phải gánh chịu trong xã hội cũ.

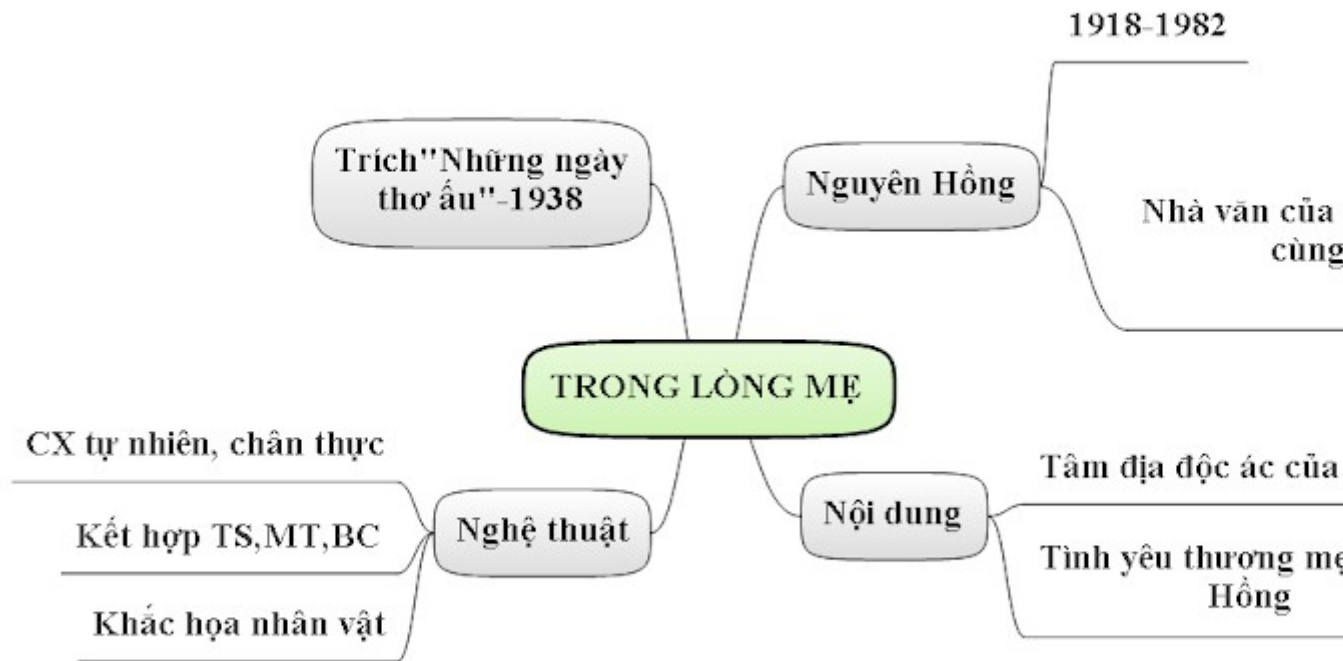
+ Thấu hiểu, trân trọng vẻ đẹp tâm hồn, đức tính cao quý của phụ nữ và nhi đồng.

? Văn bản có tiêu đề “Trong lòng mẹ”, em có đồng ý với cách đặt tiêu đề ấy không ? Vì sao?

- HS thảo luận nhóm -> trình bày: ...Đó là giây phút hạnh phúc, bộc lộ tình yêu thương mẹ của bé Hồng ...

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài
- b) **Nội dung:** HS vẽ sơ đồ
- c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS
- d) **Tổ chức thực hiện:**
Gọi HS lên bảng vẽ sơ đồ nội dung bài học.



Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:

- Học kĩ nội dung bài học
- Hoàn thành bài tập phần luyện tập
- Phân tích tâm địa xấu xa của bà cô và tình yêu mẹ mãnh liệt của bé Hồng đối với mẹ.

* Đối với bài mới: Chuẩn bị bài: Trường từ vựng

- Đọc kĩ ngữ liệu và trả lời các câu hỏi;
- Nắm được các lưu khi sử dụng trường từ vựng; biết tập hợp các từ có nét chung về nghĩa vào một trường từ vựng.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết:5

Tiếng Việt:

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được khái niệm trường từ vựng.
- Xác lập được một số trường từ vựng gần gũi.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp, thưởng thức văn học.

3. Phẩm chất:

Ý thức sử dụng quan hệ từ có hiệu quả, tạo cho lời nói và câu văn gợi hình, gợi cảm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (bảng phụ, phiếu học tập), Cuốn Từ vựng ngữ nghĩa Tiếng Việt.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan.
- + Soạn bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập

b) Nội dung: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) Sản phẩm: HS Trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

? Các từ mà các em vừa kể có điểm gì chung nhất?

- cùng thuộc một phạm vi nghĩa (một nét chung về nghĩa) nói về đồ dùng, dụng cụ để học tập của học sinh

=> Vậy khi tập hợp những từ đó lại ta sẽ có một trường từ vựng phù hợp

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu thế nào là trường từ vựng.

a) Mục tiêu: HS tìm hiểu trường từ vựng.

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Đọc đoạn văn (chú ý vào các từ in đậm) ? Các từ in đậm dùng để chỉ đối tượng nào? Người, động vật hay sự vật? Tại sao ta biết được điều đó?	I. Thế nào là trường từ vựng? 1. Phân tích ngữ liệu - Các từ: mặt, mắt, da, gò má, đùi, đầu, cánh tay, miệng - Đều có nét chung về nghĩa: Chỉ bộ phận cơ thể con

<p>? Các từ đó có nét chung nào về nghĩa? ? Vậy em hiểu trường từ vựng là gì? ? Cơ sở chính để hình thành nên một trường từ vựng căn cứ trên những điều gì?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bài tập nhanh: Thảo luận nhóm: 2' (Bảng phụ)</p> <p>Nhóm 1: Các từ in đậm trong câu văn thuộc trường từ vựng nào?</p> <p>Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vò ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.(Trong lòng mẹ)</p> <p>Đáp án : Chỉ hoạt động của răng.</p> <p>Nhóm 2: Tìm các từ thuộc trường từ vựng chỉ bộ môn khoa học?</p> <p>- Toán học, vật lý, sinh học...</p> <p>Nhóm 3: Cho nhóm từ : mập, gầy, cao, thấp, lòng không, lênh khênh, lêu nghêu... Nếu dùng nhóm từ trên để miêu tả người thì trường từ vựng của nhóm từ là gì?</p> <p>- Chỉ hình dáng của con người.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*- Các từ đó dùng để chỉ đối tượng là người. -> Biết được điều đó vì các từ ấy đều nằm trong những câu văn cụ thể, có ý nghĩa xác định.</p> <p>Trình bày. GV nhận xét</p> <p>* Các từ trên tập hợp thành một trường từ vựng.</p> <p>Trình bày.</p> <p>*Các từ phải có một nét chung về nghĩa.</p> <p>Nhấn mạnh : Lưu ý nếu không có một nét chung về nghĩa thì sẽ không tạo được một trường từ vựng.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>người.</p> <p>-> Tập hợp thành một trường từ vựng.</p> <p>-> Trường từ vựng: Là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.</p> <p>2. Ghi nhớ (SGK - 21)</p>
<p>NV2 GV: Một số điều lưu ý giúp chúng ta hiểu thêm một số khía cạnh khác về trường từ vựng</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p>	<p>* Lưu ý:</p> <p>a) Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn.</p>

<p>? Theo em, một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn không?</p> <p>? Trường từ vựng "mắt" có thể bao gồm những trường từ vựng nhỏ nào? Cho ví dụ?</p> <p>? Lấy ví dụ trường từ vựng "mắt" có nhiều trường nhỏ?</p> <p>? Các từ trong trường từ vựng về mắt thuộc các từ loại nào?</p> <p>? Lấy ví dụ thuộc trường " mắt" có DT, ĐT, TT?</p> <p>? Dựa vào hiện tượng nhiều nghĩa, một từ có thể tham gia vào nhiều trường từ vựng khác nhau không?</p> <p>? Hãy lấy ví dụ minh hoạ</p> <p>? Đọc đoạn văn (chú ý các từ in đậm)</p> <p>? Các từ in đậm bản thân nó thuộc trường từ vựng nào?</p> <p>? Trong đoạn văn này, tác giả đã chuyển các từ đó từ trường từ vựng "người" sang trường từ vựng nào?</p> <p>? Các từ: chiến trường, vũ khí, chiến sĩ thuộc trường từ vựng nào?</p> <p>? Từ trường từ vựng "quân sự", các từ đó đã được chuyển sang trường từ vựng nào?</p> <p>? Nhắc lại các điểm cần lưu ý về trường từ vựng?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*(5 trường nhỏ)</p> <p>+ Bộ phận của mắt: lòng đen, con ngươi, lông mày...</p> <p>+ Đặc điểm của mắt: đờ đẫn, sắc, lơ lơ, tinh anh...</p> <p>+ Cảm giác của mắt: chói, quáng, hoa, cộm...</p> <p>+ Bệnh về mắt: quáng gà, thông manh, cận thị...</p> <p>+ Hoạt động của mắt: nhìn, trông, thấy, liếc, ngó...</p> <p>*(Có DT, ĐT, TT)</p> <p>*+ DT: con ngươi, lông mày, lông mi...</p> <p>+ ĐT : nhìn, liếc, ngó, trông ...</p> <p>+ TT : lơ lơ, toét, tinh anh...</p>	<p>VD: Trường từ vựng "mắt" có nhiều trường nhỏ.</p> <p>b) Một trường từ vựng có thể bao gồm những từ khác biệt nhau về từ loại.</p> <p>VD: Thuộc trường " mắt" có DT, ĐT, TT.</p> <p>c) Do hiện tượng nhiều nghĩa, một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau.</p> <p>VD : Ngọt</p> <ul style="list-style-type: none"> - trường mùi vị - trường âm thanh - trường thời tiết <p>d) Ta thường dùng cách chuyển trường từ vựng để tăng thêm tính nghệ thuật và khả năng diễn đạt (Phép nhân hoá, ẩn dụ, so sánh...)</p> <p>VD: SGK/T22</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các từ : tưởng, mừng, cậu, chực, cậu Vàng, ngoan thuộc trường từ vựng " người" chuyển sang trường từ vựng " thú vật" để nhân hoá.
--	---

Có thể.

*- Từ "ngọt":

+ Trường mùi vị(Cùng trường với: cay, đắng, chát ...)

+ Trường âm thanh (Cùng trường với: the thé, êm dịu ...)

+ Trường thời tiết (Rét ngọt cùng trường với: hanh, ẩm, giá ...)

Trong thơ văn cũng như trong cuộc sống hàng ngày ta thường dùng cách chuyển...

Bảng phụ ghi đoạn văn T/22

*- Các từ tưởng, mừng, chực, ngoan vốn là các từ chỉ hoạt động, trạng thái, tính chất của con người và các từ ngữ cậu, cậu Vàng chuyên để chỉ người đã được chuyển trường để miêu tả con vật

=> Chính cách chuyển trường từ vựng này đã khắc hoạ sinh động mối quan hệ thân thiết giữa con chó vàng và lão Hạc. Chú chó ở đây như là một người bạn để lão Hạc có thể trò chuyện, tâm tình, giải khuây trong những ngày tháng cô đơn của tuổi già.

-> Lưu ý cho HS : về mối quan hệ giữa trường từ vựng với các biện pháp tu từ từ vựng.

Kết hợp làm bài tập 6/ SGK T23

(Bảng phụ ghi đoạn thơ)

*Trường "quân sự".

*Chuyển sang trường từ vựng "nông nghiệp".

Nêu 4 điểm cần lưu ý.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, rèn kĩ năng kỹ năng về trường từ vựng.

b) Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện:

? Tìm các từ thuộc trường từ vựng " người ruột thịt"

Trình bày.

? Đặt tên trường từ vựng cho mỗi dãy từ sau:

Chia nhóm : mỗi nhóm 2 dãy từ.

? Các từ: Chiến trường, vũ khí, chiến sĩ vốn thường dùng ở lĩnh vực quân sự nhưng ở đây được dùng để nói về lĩnh vực nào?

Đọc kĩ đoạn thơ và thảo luận trả lời.

? Viết một đoạn văn có ít nhất 5 từ cùng trường từ vựng “Trường học” hoặc trường từ vựng “môn bóng đá”

Yêu cầu:

- Viết đoạn văn có ít nhất 5 từ cùng trường từ vựng.
- Chủ đề: Liên quan đến trường học hoặc môn bóng đá.

HS trình bày phiếu học tập, GV thu 5 phiếu chấm và trả sau.

* Tham khảo các từ:

- Trường từ vựng trường học: Trường, lớp, sân trường, vườn thí nghiệm, thầy giáo, cô giáo, bạn bè, bảng, phấn, bàn ghế, sách, vở, hướng dẫn, giảng dạy, học, kiểm tra...
- Trường từ vựng môn bóng đá: Thủ môn, tiền đạo, hậu vệ, trung vệ, giám biên, trọng tài chính, trợ lý trọng tài, sút, chuyền, đá, đánh đầu...

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

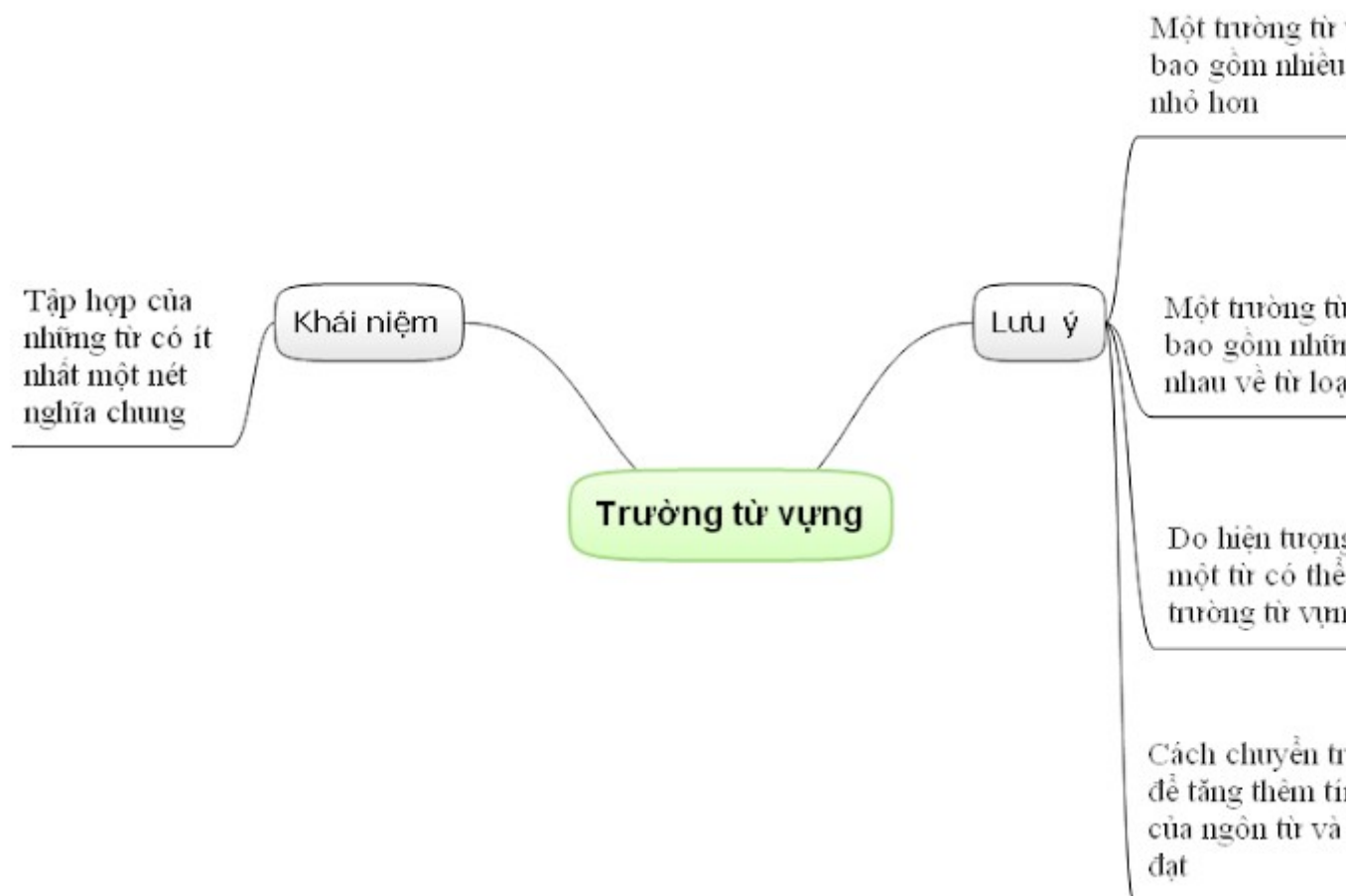
a) **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để vẽ sơ đồ tư duy bài học.

b) **Nội dung:** HS vẽ sơ đồ tư duy bài học

c) **Sản phẩm:** Đáp án của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

HS Vẽ sơ đồ tư duy bài học:



Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:

- Học kĩ nội dung bài học
- Hoàn thành các bài tập còn lại.

* Đối với bài mới: Chuẩn bị bài: Xây dựng đoạn trong văn bản

- Đọc kĩ bài, tóm tắt văn bản.

- Chuẩn bị theo nội dung câu hỏi

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết:

Tập làm văn:

XÂY DỰNG ĐOẠN TRONG VĂN BẢN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Nắm được các khái niệm đoạn văn, từ ngữ chủ đề, câu chủ đề, quan hệ giữa các câu trong đoạn văn và cách trình bày nội dung trong đoạn văn.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ngôn ngữ.
- Năng lực viết sáng tạo, năng lực cảm thụ văn học.
- Năng lực tìm kiếm và xử lý thông tin.

3. Phẩm chất: - Giáo dục ý thức nghiêm túc khi trình bày đoạn văn trong toàn văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu).

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan.
- + Soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: GV đặt vấn đề tiếp cận bài học.

b) Nội dung: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) Sản phẩm: HS trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

? Đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản? Số lượng câu trong văn bản ?

Đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản: đoạn văn. Số lượng câu trong văn bản: thường do nhiều câu tạo thành.

Vậy đoạn văn là gì, từ và câu trong đoạn văn yêu cầu như thế nào, tiết học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

Hoạt động 1: Tìm hiểu thế nào là đoạn văn.

a) Mục tiêu: HS tìm hiểu khái niệm đoạn văn, từ và câu trong đoạn văn.

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Học sinh thực hiện nhiệm vụ giáo viên yêu cầu

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
NV1 - Gọi học sinh đọc văn bản.	I. Thế nào là đoạn văn? 1. Ph.tích ngữ liệu: SGK trang 34.

<p>- 2 học sinh đọc văn bản.</p> <p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Văn bản trên gồm mấy ý? Mỗi ý được viết thành mấy đoạn văn?</p> <p>? Nêu ý chính của mỗi đoạn trong văn bản?</p> <p>? Em thường dựa vào dấu hiệu hình thức nào để nhận biết đoạn văn?</p> <p>? Thế nào là đoạn văn?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*- 2 ý mỗi ý được viết thành 1 đoạn văn.</p> <p>*+ Đoạn 1: cuộc đời sự nghiệp Ngô Tất Tố, tác phẩm tiêu biểu.</p> <p>+ Đoạn 2: Giới thiệu tóm tắt nội dung nghệ thuật tác phẩm.</p> <p>*- Nội dung: Thường có nhiều câu tạo thành (Đơn vị trên câu). Biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh.</p> <p>- Hình thức: Bắt đầu từ chỗ viết hoa lùi vào 1, 2 ô đến chỗ chấm xuống dòng => Là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản.</p> <p>*=> Đoạn văn là đơn vị tạo nên VB, gồm có nhiều câu, Bắt đầu từ chỗ viết hoa lùi đầu dòng kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng và thường biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh.</p> <p>Đọc ghi nhớ.</p> <p>-Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>Giáo viên nhận xét, đánh giá.</p>	<p>VB “Ngô Tất Tố và tác phẩm Tắt đèn”.</p> <p>- VB gồm 2 ý.</p> <p>- Mỗi ý được viết thành 1 đoạn văn.</p> <p>- Nhận biết đoạn văn (Đặc điểm đoạn văn)</p> <p>- Nội dung: Biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh.</p> <p>- Hình thức: Bắt đầu từ chỗ viết hoa => xuống dòng.</p> <p>2. Ghi nhớ 1/ SGK.T 36</p>
---	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu từ ngữ và câu trong đoạn văn.

- a) Mục tiêu:** GV giúp học sinh biết được từ ngữ chủ đề và câu chủ đề trong đoạn văn
- b) Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
- c) Sản phẩm:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ giáo viên yêu cầu
- d) Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Đọc thầm văn bản trên và tìm các</p>	<p>1. Từ ngữ chủ đề và câu chủ đề trong đoạn văn</p>

<p>từ ngữ thuyết minh cho đối tượng chính trong đoạn văn ?</p> <p>? Đọc thầm đoạn văn thứ hai trong văn bản cho biết: ý khái quát bao trùm cả đoạn?</p> <p>? Câu nào trong đoạn văn chứa ý khái quát nhất cho nội dung trên?</p> <p>? Câu chứa ý khái quát của đoạn văn được gọi là câu chủ đề. Vậy em nhận xét gì về câu chủ đề?</p> <p>? Em hiểu thế nào là từ ngữ chủ đề và câu chủ đề?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>* Đoạn 1: Ngô Tất Tố (ông, nhà văn)</p> <p>Đoạn 2: Tắt đèn (tác phẩm)</p> <p>=> Các từ ngữ trên được lặp lại nhiều lần thuyết minh cho đối tượng chính trong đoạn văn. (Tác giả NTT và TP Tắt đèn) => ngầm hướng người đọc đến nội dung chủ đề của VB -> Gọi là từ chủ đề.</p> <p>*=> Đoạn văn đánh giá những thành công xuất sắc của Ngô Tất Tố qua TP “tắt đèn” trong việc tái hiện thực trạng nông thôn Việt Nam trước CMT8 và khẳng định phẩm chất tốt đẹp của người nông dân chân chính.</p> <p>*- Câu: “Tắt đèn là tác phẩm tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố”.</p> <p>*=> Câu chủ đề thường có vai trò định hướng nội dung cho cả đoạn văn, vì vậy khi văn bản có nhiều đoạn văn chỉ cần nhặt ra các câu chủ đề rồi ghép lại với nhau chúng ta sẽ có văn bản tóm tắt khá hoàn chỉnh.</p> <p>*Đọc ghi nhớ 2 (Tr. 36).</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án</p>	<p>* Phân tích ngữ liệu: SGK trang 35.</p> <p>VB “Ngô Tất Tố và tác phẩm Tắt đèn”.</p> <p>- Từ ngữ duy trì đối tượng trong đoạn văn:</p> <p>Đoạn 1: Ngô Tất Tố (ông, nhà văn).</p> <p>Đoạn 2: Tắt đèn (tác phẩm)</p> <p>=> Từ ngữ chủ đề</p> <p>* Câu then chốt trong đoạn văn.</p> <p>- Câu 1 (đoạn 2) là câu chủ đề.</p> <p>- Nhận xét:</p> <p>+ Về nội dung: Thường mang ý nghĩa khái quát cho cả đoạn văn.</p> <p>+ Hình thức: Ngắn gọn, đủ hai phần chính: C – V.</p> <p>+ Vị trí: đứng đầu hoặc cuối đoạn văn.</p> <p>=> gọi là câu chủ đề.</p> <p>* Ghi nhớ 2: SGK. 36</p>
<p>NV2</p> <p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p>	<p>2. Cách trình bày nội dung trong đoạn văn :</p>

<p>? Đoạn thứ nhất có câu chủ đề không? Yếu tố nào duy trì đối tượng trong đoạn văn?</p> <p>? Quan hệ ý nghĩa giữa các câu trong đoạn văn như thế nào?</p> <p>? Câu chủ đề đoạn 2 nằm ở vị trí nào? Những câu sau có nhiệm vụ gì?</p> <p>? Đoạn văn có câu chủ đề không? Nếu có thì nó ở vị trí nào?</p> <p>? Nhận xét về cách trình bày nội dung của đoạn văn, theo trình tự nào?</p> <p>? Từ đó em có nhận xét gì về cách trình bày đoạn văn?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*- Những câu sau bổ sung ý nghĩa (triển khai) cho câu chủ đề</p> <p>Nhà văn đã dựng lên một bức tranh xã hội có giá trị hiện thực sâu sắc...Nổi bật mỗi xung đột giai cấp/phơi trần bộ mặt tàn ác xấu xa/...Xây dựng hình tượng người phụ nữ nông dân....</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án</p>	<p>a) Nội dung đoạn văn được trình bày bằng nhiều cách khác nhau.</p> <p>- Phân tích và so sánh cách trình bày của 2 đoạn trong VB trên.</p> <p>+ Đoạn 1 : Không có câu chủ đề -> Duy trì đối tượng bằng từ ngữ chủ đề.</p> <p>Giữa các câu có quan hệ ngang bằng, cùng thực hiện nhiệm vụ giới thiệu về NTTố. -> T/bày theo cách song hành.</p> <p>+ Đoạn 2 : Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn văn (Mang ý kh/quát) -> Những câu sau bổ sung ý nghĩa (triển khai) cho câu chủ đề</p> <p>-> Trình bày theo cách diễn dịch.</p> <p>b) Đoạn văn :</p> <p>- Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn văn.</p> <p>- ND : lí giải vì sao lá cây có màu xanh.</p> <p>-> Trình bày từ ý cụ thể đến ý khái quát -> Cách trình bày qui nạp.</p> <p>* Ghi nhớ 3 : SGK - 36</p>
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, rèn kĩ năng làm bài tập liên quan đến đoạn văn.

b) Nội dung: ? Viết đoạn văn theo cách diễn dịch, sau đó đổi thành đoạn văn qui nạp.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

? Văn bản được chia làm mấy ý? Mỗi ý được diễn đạt bằng mấy đoạn văn

- Hoạt động cá nhân.

H lên bảng trình bày.

H còn lại quan sát, nhận xét.

Nhận xét, đánh giá, sửa sai (nếu có)

? Phân tích cách trình bày nội dung trong các đoạn văn

Hoạt động nhóm (4 nhóm).

Cách thức:

+ Bước 1: Giao nhiệm vụ

- + Nhóm 1: a
- + Nhóm 2: b
- + Nhóm 3: c
- + Nhóm 4: a - Học sinh hoạt động theo các nhóm trả lời từng câu hỏi.
(Thời gian: 5 phút)
- Học sinh: cá nhân sử dụng phiếu học tập hoạt động theo nhóm bàn.
- Nội dung: Điền vào phiếu học tập
- Phân công: Bàn...)
- + Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.
- + Bước 3: Trao đổi thảo luận.
- + Bước 4: Đánh giá chốt kiến thức.
- ? Viết đoạn văn theo cách diễn dịch, sau đó đổi thành đoạn văn qui nạp.
- Câu chủ đề:
Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta.
- Hoạt động cá nhân (cách viết theo nhóm)
 - Nhóm 1 + 2 viết đoạn văn theo cách qui nạp
 - Nhóm 3 + 4 Viết đoạn văn theo cách diễn dịch.

Về nhà làm ngược lại.

Thu 10 phiếu, chấm và trả sau.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

? Có mấy cách trình bày nội dung trong đoạn văn?

? Tác dụng của việc dùng câu chủ đề, từ ngữ chủ đề trong việc trình bày đoạn văn?

Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:chuẩn bị bài: Viết bài tập làm văn số 1 (Văn tự sự)

+ Ôn tập lại văn tự sự, miêu tả, biểu cảm ở lớp 6,7

+ Mang giấy viết TLV.

* Chuẩn bị bài mới: Soạn bài Lão Hạc.

+ Đọc diễn cảm, tóm tắt văn bản.

+ Nhân vật Lão Hạc, Ông giáo, Binh Tư; sự kiện cốt truyện trong tác phẩm truyện viết theo khuynh hướng hiện thực.

+ Nắm được sự thể hiện tinh thần nhân đạo của nhà văn.

+ Thấy được tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao trong việc xây dựng tình huống truyện, miêu tả, kể chuyện, khắc họa hình tượng nhân vật.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 7, 8

Văn bản:

TỨC NƯỚC VỠ BỜ

(Trích Tắt đèn)

(tiết 1)

- Ngô Tất Tố -

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong đoạn trích Tức nước vỡ bờ.
- Thấy được giá trị hiện thực và nhân đạo qua một đoạn trích trong tác phẩm Tắt đèn.
- Hiểu được thành công của nhà văn chính là việc tạo tình huống truyện, miêu tả, kể chuyện và xây dựng nhân vật.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp, thưởng thức văn học.

3. Phẩm chất:- Giáo dục sự cảm thông, chia sẻ với cuộc đời những người nông dân Việt Nam trước

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu), chân dung nhà văn Ngô Tất Tố.
- + Trích đoạn clip Làng Vũ Đại ngày ấy.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.
- + Sưu tầm tư liệu về tác giả Ngô Tất Tố, các bài viết về tác giả, tác phẩm.
- + Soạn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập

b) Nội dung: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) Sản phẩm: HS trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

Giáo viên cho học sinh xem video về hiện tượng đê vỡ

Tại sao đê lại vỡ?

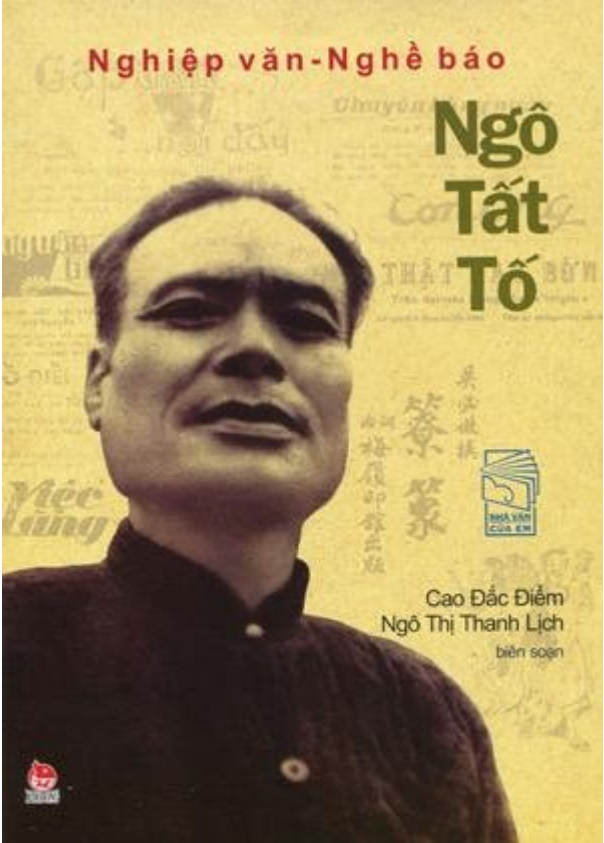
Nước dâng cao quá...

Đúng vậy, đây là một hiện tượng tự nhiên đã được khái quát thành quy luật thông qua câu tục ngữ: Tức nước vỡ bờ. Nhà văn Ngô Tất Tố đã mượn hiện tượng tự nhiên này để nói về một quy luật xã hội là: ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh. Vậy thì sự áp bức và đấu tranh đó diễn ra như thế nào, phần thắng phần thua sẽ thuộc về bên nào? Để rõ hơn điều này, cô và các con sẽ tìm hiểu đoạn trích Tức nước vỡ bờ của Ngô Tất Tố

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: GV giới thiệu cho HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

- a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm
b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
c) **Sản phẩm:** HS nắm rõ thông tin về tác giả và tác phẩm.
d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Hãy giới thiệu những nét tiêu biểu về tác giả?</p>  <p>? Nêu hiểu biết của em về tác phẩm và đoạn trích? ? Nêu xuất xứ của văn bản ? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời + Giáo viên: hướng dẫn đọc, đọc mẫu. - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. * Bổ sung: - Ngô Tất Tố xuất thân là nhà nho gốc nông dân; học giả có nhiều công trình nghiên cứu về triết học, văn học cổ có giá trị; một nhà báo nổi tiếng với nhiều bài báo mang khuynh hướng dân chủ tiến bộ và giàu tính chiến đấu. - Tác phẩm nổi tiếng: Tiểu thuyết Tắt</p>	<p>1. Tác giả - Ngô Tất Tố (1893 – 1954). - Là một trong những nhà văn xuất sắc của trào lưu văn học hiện thực trước cách mạng tháng Tám. - Nhà văn chuyên viết về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.</p> <p>2. Tác phẩm - Tắt đèn là tác phẩm tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố đăng trên báo Việt Nữ năm 1937, in thành sách, xuất bản 1939. - Đoạn trích trích trong chương XVIII của tác phẩm.</p>

<p>đền (1939), phóng sự tiểu thuyết Lều chõng (1940), phóng sự Việt làng (1941)....</p> <p>* Bổ sung: Lấy đề tài từ một vụ thuế ở một làng quê đồng bằng Bắc Bộ, ở đây là thứ thuế thân, thứ thuế đã man đánh vào đầu người dân đình, một di tích còn sót lại từ thời trung cổ. Qua đó phản ánh xã hội nông thôn đương thời một cách tập trung điển hình nhất. Chính trong vụ thuế, bộ mặt tàn ác bất nhân của xã hội thực dân phong kiến và tình trạng khốn khổ của người dân đã bộc lộ đầy đủ hơn lúc nào hết. Có thể nói: “Tắt đèn” là bức tranh thu nhỏ của nông thôn Việt Nam trước cách mạng đồng thời cũng là bản án đánh thép đối với trật tự xã hội tàn bạo, ăn thịt người ấy.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
---	--

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản

a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu văn bản

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ

c) **Sản phẩm:** Đáp án của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Theo em, truyện cần đọc với giọng đọc như thế nào cho phù hợp ?</p> <p>? Em hiểu như thế nào về “sưu thuế” ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thực hiện các yêu cầu của GV</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>HS khác nhận xét, cho điểm.</p> <p>*Đọc chậm, rõ ràng, chú ý ngữ điệu khi đọc lời thoại.</p> <p>Phân vai cho H đọc:</p> <p>+ Vai dẫn chuyện</p> <p>+ Vai bà lão hàng xóm</p> <p>+ Vai chi Dậu</p> <p>+ Vai cai lệ và người nhà lí trưởng</p> <p>*Thuế : Thể hiện bộ mặt tàn ác bất nhân của giai cấp thực dân nửa phong kiến và phản</p>	<p>II. Đọc - hiểu văn bản</p> <p>1. Đọc - chú thích</p>

<p>ánh tình trạng thống khổ của người nông dân bị áp bức đã bộc lộ đầy đủ nhất.</p> <p>* Bổ sung: Thuế đánh vào thân thể, mạng sống của con người (đàn ông từ 18 tuổi -> 60 tuổi: gọi là dân đinh). Vì vậy còn có một tên gọi khác là: Thuế thân, thuế đinh... (khác thuế ruộng) => đây là thứ thuế vô nhân đạo nhất thuế đánh vào con người, chỉ coi con người như súc vật, hàng hoá.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá</p>	
<p>NV2:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>? Nhân vật trung tâm trong đoạn trích là ai?</p> <p>? VB có thể tóm tắt thành 2 phần nhỏ, em hãy chia phần và tóm tắt ?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*- Phần 1: Từ đầu đến... ngon miệng hay không: Cảnh chị Dậu chăm sóc chồng.</p> <p>- Phần 2: Đoạn còn lại.</p> <p>Chị Dậu đương đầu với bọn cai lệ và người nhà lý trưởng.</p> <p>Tóm tắt cốt truyện, nội dung chính của văn bản: “Tác phẩm là bức tranh thu nhỏ của nông thôn Việt Nam trước cách mạng đồng thời cũng là bản án đánh thép đối với trật tự xã hội tàn bạo, ăn thịt người.” -> Tác phẩm lấy đề tài từ một vụ thuế ở làng quê Bắc Bộ qua đó phản ánh xã hội nông thôn đương thời một cách tập trung điển hình nhất.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>Từ bố cục trên cần làm rõ 3 nội dung:</p> <p>- Tình thế của gia đình chị Dậu trước khi bọn cai lệ xông vào</p> <p>- Nhân vật cai lệ (đại diện cho nhân vật phản diện)</p> <p>- Nhân vật chị Dậu (đại diện cho nhân vật chính diện).</p>	<p>2. Kết cấu, bố cục</p> <p>- Thể loại: tiểu thuyết</p> <p>- Phương thức: tự sự</p> <p>- Bố cục: 2 phần</p>

Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích

a) Mục tiêu: HS phân tích văn bản

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Dựa vào phần tóm tắt và phần đầu của đoạn trích, hãy cho biết: Khi bọn tay sai xông vào nhà, tình thế gia đình chị Dậu như thế nào? ? Hãy nhận xét về tình thế gia đình chị Dậu lúc đó?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Thảo luận trả lời câu hỏi của GV</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận + HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*- Nhà nghèo nhất nhì ở làng Đông Xá - Không đủ tiền đóng sưu -> chị phải dứt ruột bán con, bán chó cho nhà địa chủ mà vẫn chưa nộp đủ sưu cho chồng và người em chồng đã mất. - Con đói, chồng bị đánh trói, hành hạ giữa lúc ốm nặng, khi vừa được cứu chữa tỉnh lại -> chưa kịp húp bát cháo thì cai lệ và người nhà Lý trưởng xông vào. - Mạng sống của chồng bị đe dọa, bản thân chị Dậu phải làm gì để bảo vệ chồng trong lúc nguy cấp ấy.</p> <p>*Trình bày.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + Giáo viên nhận xét, đánh giá</p>	<p>3.1. Tình thế của gia đình chị Dậu</p> <p>- Vụ thuế đang gay gắt - Chị đã bán chó, bán con để lấy tiền nộp sưu. - Phải nộp cả suất sưu cho em chồng đã chết. - Anh Dậu bị đánh tởm chết mới tỉnh -> Tình cảnh thê thảm, đáng thương và nguy cấp. Tai họa chồng chết, bản thân chị Dậu ở vào tình thế tuyệt vọng, đơn độc đối phó với lũ bất nhân. => Đó là người đàn bà vô cảm, lạnh lùng, độc ác thâm hiểm, hiện thân cho thành kiến cổ hủ lạc hậu, phi nhân đạo của xã hội thực dân nửa phong kiến lúc bấy giờ.</p>

? Dựa vào kiến thức Lịch sử, nêu những hiểu biết của em về tình cảnh người nông dân nước ta trước năm 1945 dưới ách cai trị của Pháp?

Yêu cầu:

- Nông dân 1 cô 2 chồng
- Giai cấp địa chủ phong kiến và thực dân Pháp ra sức vơ vét bóc lột nhân dân

Đời sống nhân dân, đặc biệt là người nông dân vô cùng khổ nhục...

? Nhắc lại những kiến thức đã học trong tiết học?

Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:

- Học bài theo nội dung
- Hoàn chỉnh các bài tập

* Đối với bài mới: Chuẩn bị “Tức nước vỡ bờ” (T2)

- Đọc kĩ văn bản.
- Phân tích diễn biến tâm lí của chị Dậu trong đoạn trích. Theo em, sự thay đổi thái độ của chị Dậu có được miêu tả chân thực, hợp lí không? Qua đoạn trích này, em có nhận xét gì về tính cách của chị?
- Em hiểu như thế nào về nhan đề Tức nước vỡ bờ đặt cho đoạn trích? Theo em, đặt tên như vậy có thỏa đáng không? Vì sao?

TIẾT 2

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a) **Mục tiêu:** GV kiểm tra bài cũ, đặt vấn đề tiếp cận bài học.
- b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.
- c) **Sản phẩm:** Trình bày miệng
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Chiếu clip Làng Vũ Đại ngày ấy (hình ảnh chị Dậu).

? Chia sẻ cảm nhận của em về nhân vật khi được xem trích đoạn trên?

Chia sẻ.

Chị Dậu là một nhân vật điển hình cho người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. Trước những kẻ hung ác, bất nhân như tên cai lệ và người nhà lí trưởng đại diện cho quyền lực của xã hội thực dân phong kiến đến để áp đảo người dân nghèo thì chị Dậu đã xử sự và đối phó ra sao...

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: GV phân tích văn bản.

- a) **Mục tiêu:** tìm hiểu nhân vật chị Dậu
- b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ giáo viên yêu cầu
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1: Theo dõi đoạn đầu văn bản -> đây từng (T29)</p> <p>Khi tên cai lệ và người nhà lí trưởng sầm sập tiến vào nhà, tính mạng chồng chị bị đe dọa thì chị Dậu đã ứng xử và đối phó ra sao? Hãy phân tích diễn biến tâm lý của chị Dậu trong đoạn trích này</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Trước khi bọn sai nha tiến vào nhà, mối quan tâm lớn nhất của chị Dậu là gì?</p> <p>? Tìm những từ ngữ nói về việc chăm sóc chồng của chị Dậu?</p> <p>? Qua những chi tiết đó, em có nhận xét gì về phẩm chất của chị Dậu?</p> <p>? Khi bọn tay sai đến, Lúc đầu chị Dậu đã có thái độ cư xử ra sao? Vì sao chị làm như vậy?</p> <p>? Nhận xét về thái độ của chị Dậu?</p> <p>? Nhưng đến khi cai lệ đáp lại chị bằng</p>	<p>II. Đọc – hiểu văn bản</p> <p>3.3. Nhân vật chị Dậu</p> <p>* Chị Dậu chăm sóc chồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cháo chín, múc ra bát, quạt cho chóng nguội. - Rón rén bưng một bát đến chỗ chồng. - Ngồi chờ xem chồng ăn có ngon miệng không. <p>-> Là người phụ nữ hiền dịu, yêu thương chồng con.</p> <p>* Khi đối phó với bọn tay sai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúc đầu: <ul style="list-style-type: none"> + run run, thiết tha + xưng hô: cháu - ông -> Nhấn nhục, van xin, lễ phép, cố khơi gợi từ tâm và lương tri của "ông cai".

những quả "bịch" vào người chị rồi sẵn đến để trối anh Dậu thì thái độ cư xử của chị đã thay đổi ra sao?

? Khi cai lệ tát vào mặt chị rồi nhảy vào cạnh anh Dậu thì chị đã có hành động gì?

? Ở đoạn này, chi tiết và cảnh tượng nào gây được sự hào hứng nhất đối với em? Vì sao? Hãy tìm các từ ngữ miêu tả cảnh hào hứng đó (Phiếu học tập)

? Em nhận xét gì về cảnh tượng diễn ra ở cuối văn bản?

? Em có nhận xét gì về cách miêu tả của tác giả ở trong đoạn văn này?

? Chị Dậu đã chiến thắng bọn tay sai. Theo em do đâu mà chị có sức mạnh lạ lùng khi quật ngã hai tên tay sai như vậy?

? Qua đoạn trích, em hãy nêu rõ tính cách của nhân vật chị Dậu?

? Em có suy nghĩ gì về lời can ngăn của anh Dậu và câu trả lời dứt khoát của chị Dậu ở cuối văn bản "Thà ngồi tù... tôi không chịu được"?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

*Lo chăm sóc cho người chồng vừa tỉnh dậy.

*Lo cho chồng, rón rén bưng bát cháo, động viên chồng cố ăn, chờ xem chồng ăn có ngon miệng hay không.

*Ban đầu chị Dậu vẫn cố "thiết tha" van xin bởi chị hiểu rằng bọn tay sai hung hãn đang nhân danh "người nhà nước" đi thi hành công vụ, còn chồng chị chỉ là kẻ cùng đinh và đang có tội cho nên chị chỉ van xin. Chị nhận rõ được thân phận người nông dân thấp cổ bé họng quen nhẫn nhục.

*Trình bày.

*Cách xưng hô đánh đả tỏ ý coi thường khi đối mặt. Thể hiện thái độ căm giận ngàn ngút. Hơn thế nữa, tình thế xoay chuyển hoàn toàn khi bọn tay sai là tên cai lệ đã không còn chút lương tâm và tính người nữa.

*Hoàn thành phiếu học tập, trình bày.

- Khi bọn tay sai ác độc và tàn nhẫn:

+ Không thể chịu được -> liều mình cự lại

+ Vị thế ngang hàng: tôi - ông

+ Dùng lý lẽ: chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.

- Khi bọn tay tiếp tục hành động ác độc và tàn nhẫn.

+ Nghiến hai hàm răng.

+ Xưng hô: mày- bà -> Tư thế đứng trên đầu kẻ thù.

-> Chuyển từ đầu lý -> đầu lực.

- Cảnh tượng "Tức nước vỡ bờ":

+ Chị Dậu chiến thắng, tên cai lệ ngã chổng quèo, tên người nhà lý trưởng bị túm tóc lẳng ngã nhào.

- Hình ảnh đối lập, miêu tả với sắc thái hài hước, chân thực, hợp lý, sống động.

-> Làm nổi bật sức mạnh ghê gớm và tư thế ngang tàng của chị Dậu.

-> Những tên tay sai hung hãn thành kẻ thảm bại xấu xí, tội tã.

=> Là người phụ nữ dịu dàng mà cứng cỏi, đầy vị tha nhưng không yếu đuối; có một sức sống mạnh mẽ, một tinh thần phản kháng tiềm tàng, quyết liệt

<p><u>Chi Dậu</u> > <</p> <ul style="list-style-type: none"> - túm, ần, xô, đẩy - nhanh như cắt nắm, túm tóc lẳng 	<p><u>Cai lệ, người nhà lý trưởng</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Cai lệ: lẻo khoẻo, không kịp, ngã, miệng nhem nhem thét trối + Người nhà lý trưởng : sần sỏ, giờ gây chục đánh + Yếu hơn, ngã nhào ra 	
<p>Trình bày.</p> <p>* Bình: Sau khi chị Dậu càng lùi, càng nhịn thì tên cai lệ càng lấn tới. Tình huống truyện cứ căng thẳng mãi lên, bản chất tàn bạo của tên cai lệ phơi bày trắng trợn. Nước đã tức ! Sau cái tát giáng xuống chị Dậu-> con giun xéo mãi cũng phải quặn-> chị Dậu không thể chịu nổi phải vùng lên. Vừa ra tay, chị đã nhanh chóng biến ... - ></p> <p>... lúc mới xông vào, chúng hùng hổ dữ tợn bao nhiêu thì giờ đây chúng hài hước thảm hại bấy nhiêu => Còn gì hả hê hơn khi thấy cái ác bị chặn đứng, kẻ gây ác bị trừng trị.</p> <p>*- Sức mạnh lạ lùng của chị Dậu bắt nguồn từ sức mạnh của lòng yêu thương và lòng căm hờn.</p> <p>- Xã hội bất công, tàn bạo đã đẩy người nông dân vào tình cảnh vô cùng cực khổ, khiến họ phải liều mạng chống lại</p> <p>*- Chị Dậu mộc mạc, hiền dịu, đầy vị tha, sống khiêm nhường, biết nhẫn nhục chịu đựng nhưng hoàn toàn không yếu đuối mà trái lại chị vẫn có sức sống mạnh mẽ và tinh thần phản kháng tiềm tàng.</p> <p>*- Ý chí kiên cường tiềm ẩn trong con người chị, chị không còn phải chịu cảnh cứ phải sống cúi đầu mặc cho kẻ ác chà đạp.</p> <p>Hành động của chị Dậu tuy chỉ là bột phát về căn bản chưa giải quyết được gì (chỉ một lúc sau cả nhà chị bị giải ra đình trình quan) tức là chị vẫn bế tắc, nhưng có thể tin rằng khi có ánh sáng cách mạng rọi tới, chị sẽ là một</p>		

<p>người đi hàng đầu trong cuộc đấu tranh. Bước 4: Kết luận, nhận định: + Giáo viên nhận xét, đánh giá</p>	
<p>NV2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Em hiểu gì về nhan đề " Tức nước vỡ bờ " ? Tác giả biên soạn sách đặt tên như vậy có thoả đáng không? Vì sao Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. *- Tức nước vỡ bờ là kinh nghiệm dân gian được đúc kết ở đó. - Ngòi bút hiện thực Ngô Tất Tố đã phản ánh đúng hiện thực xã hội: có áp bức có đấu tranh và sức mạnh to lớn của những người nông dân. - Cảnh tức nước vỡ bờ trong đoạn trích đã dự báo cơn bão táp cách mạng của quần chúng nông dân nổi dậy sau này. Bước 4: Kết luận, nhận định: + Giáo viên nhận xét, đánh giá</p>	<p>3.4. Ý nghĩa nhan đề: Tức nước vỡ bờ - Chân lí dân gian: Có áp bức, có đấu tranh - Chân lí cuộc sống: Con đường của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh tự giải phóng, không có con đường nào khác -> Dự báo cơn bão táp mạng của quần chúng nhân dân sau này.</p>

Hoạt động 3: Hướng dẫn tổng kết

a) Mục tiêu: Học sinh biết cách tổng kết văn bản

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Với hai nhân vật tiêu biểu: Tên cai lệ và hình ảnh chị Dậu, em có nhận xét gì về nghệ thuật khắc hoạ nhân vật của tác giả Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. * Bằng ngòi bút hiện thực sinh động, khắc hoạ nhân vật rõ nét. + Nhân vật tên cai lệ được miêu tả nổi bật từ giọng quát thét hống hách đến những lời xỏ</p>	<p>4. Tổng kết 4.1. Nghệ thuật - Tạo tình huống truyện có tính kịch tức nước vỡ bờ. - Kể chuyện, miêu tả nhân vật chân thực, bình dị, sinh động (ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, tâm lí...)</p>

<p>xiên đều cẳng, hành động hung hãn, "giọng khàn khàn vì hút nhiều xài cũ", thân hình "lẻo khẻo" vì nghiện ngập đến tư thế "ngã chổng quèo" mà miệng vẫn còn "nham nhảm thét trối" -> Tất cả đều làm nổi bật hình ảnh đầy ấn tượng về một tên tay sai trắng trợn, tàn ác, đều giả, đê tiện.</p> <p>+ Nhân vật chị Dậu: Mọi hành động, lời lẽ, cử chỉ đều thể hiện sự nhất quán khá đa dạng: vừa van xin thiết tha lễ phép, vừa ngỗ nghịch "đanh đá" quyết liệt, vừa chan chứa tình yêu thương vừa ngùn ngụt căm thù...</p> <p>* Sử dụng lời ăn tiếng nói bình dị, sinh động của đời sống hàng ngày. Mỗi nhân vật đều có "ngôn ngữ riêng" để bộc lộ tính cách.</p> <p>+ Tên cai lệ: thô lỗ, đều cẳng</p> <p>+ Chị Dậu: thiết tha, mềm mỏng khi van xin trình bày và đanh thép quyết liệt khi liều mình cự lại; lời lẽ bà hàng xóm thì thật thà, hiền hậu.</p>	
<p>NV2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Em hiểu gì về cái tên “tức nước vỡ bờ” của văn bản?</p> <p>Thể hiện quy luật của cuộc sống: có áp bức, có đấu tranh.</p> <p>? Nêu ý nghĩa của văn bản?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>4.2. Nội dung – ý nghĩa</p> <p>* Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vạch trần bộ mặt tàn ác bất nhân của xã hội thực dân phong kiến đã đẩy người nông dân vào tình cảnh vô cùng cực khổ. - Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ nông dân, vừa giàu tình yêu thương vừa có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ. <p>* Ý nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm phản ánh thực về sức phản kháng mãnh liệt chống lại áp bức của những người nông dân hiền lành chất phác. <p>4.3. Ghi nhớ</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** củng cố kiến thức, rèn kỹ năng đọc diễn cảm văn bản.
- Nội dung:** Đọc diễn cảm 4 phân vai: Chị Dậu, anh Dậu, Cai lệ, người nhà lý trưởng.
- Sản phẩm:** HS đọc đoạn văn
- Tổ chức thực hiện:**

Đọc diễn cảm 4 phân vai: Chị Dậu, anh Dậu, Cai lệ, người nhà lý trưởng.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

b) Nội dung: thảo luận nhóm

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

d) Tổ chức thực hiện:

? Có nhà phê bình nhận xét: “ Tên cai lệ giống như 1 Rôbốt, một công cụ bằng sắt tàn bạo...” Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao ?

Thảo luận nhóm bàn: 2p- trình bày.

=> Mặc cho chị Dậu phân bua giải bày, van xin. Mặc cho anh Dậu rũ rượi như 1 xác chết, Hãn cũng không hề bận tâm hay động lòng, hãn cứ nhảy vào hung hãn thô tục, đánh đập... hãn không có tình người. Không có tính người..., là cái máy của chế độ thực dân phong kiến.

Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:

- Học kĩ nội dung bài học
- Đọc diễn cảm đoạn trích (chú ý giọng điệu, ngữ điệu của nhân vật, nhất là sự thay đổi trong ngôn ngữ đối thoại của nhân vật chị Dậu).

* Đối với bài mới: Chuẩn bị bài: Lão Hạc

- Đọc ví dụ tìm hiểu các đoạn văn xét về hình thức và nội dung.
- Bố cục của văn bản, tác dụng của việc xây dựng bố cục.
- Sắp xếp các đoạn văn trong bài theo một bố cục nhất định.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 9, 10

Văn bản:

LÃO HẠC (Tiết 1)

- Nam Cao -

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được nhân vật, sự kiện cốt truyện trong tác phẩm truyện viết theo khuynh hướng hiện thực.
- Nắm được sự thể hiện tinh thần nhân đạo của nhà văn.
- Thấy được tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao trong việc xây dựng tình huống truyện, miêu tả, kể chuyện, khắc họa hình tượng nhân vật.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp, thưởng thức văn học.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục sự cảm thông, chia sẻ với cuộc đời những người nông dân nghèo trước Cách Mạng.
- Trân trọng tình cảm gia đình, tình mẫu tử.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu), chân dung nhà văn Nam Cao.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.
- + Sưu tầm tư liệu về tác giả Nam Cao, các bài viết về tác giả, tác phẩm.
- + Soạn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

a) **Mục tiêu:** GV đặt vấn đề tiếp cận bài học.

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** Trình bày miệng

d) **Tổ chức thực hiện:**

? Trong cuộc sống hàng ngày em yêu quý con vật nào? Vì sao?

? Em yêu quý chúng, vậy em đã chăm sóc chúng ra sao?

- Tự bộc lộ.

* Dẫn: Ở đời, rất nhiều người nuôi chó, quý chó như người, như con. Nhưng quý chó đến mức như lão Hạc thì thật hiếm. Quý chó là thế, tại sao lão vẫn bán nó đi để rồi dẫn vật, đau đớn và tìm đến cái chết thê thảm? Nam Cao - một nhà văn hiện thực xuất sắc muốn gửi gắm điều gì qua thiên truyện đau thương và vô cùng xúc động mà chúng ta cùng tìm hiểu...

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: GV giới thiệu cho HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** HS nắm rõ thông tin về tác giả và tác phẩm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
<p>NV1: Cho HS quan sát chân dung Nam Cao...</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Hãy giới thiệu những nét tiêu biểu về tác giả?</p>  <p>? Nêu những hiểu biết về tác phẩm "Lão Hạc"</p>	<p>I. Giới thiệu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nam Cao (1915- 1951) - Là nhà văn đã có đóng góp cho nền văn học dân tộc các tác phẩm hiện thực xuất sắc về đề tài người nông dân nghèo bị áp bức và người trí thức nghèo sống mòn mỏi trong xã hội cũ. <p>2. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là tác phẩm tiêu biểu của nhà văn Nam Cao. - Đăng báo lần đầu năm 1943.

<p>Hạc”?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*Bổ sung:</p> <p>- Nam Cao (1915-1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri quê làng Đại Hoàng, phủ Lí Nhân, tỉnh Hà Nam. Ông là nhà văn hiện thực xuất sắc trước cách mạng tháng Tám với những tác phẩm văn xuôi viết về người nông dân nghèo đói và người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ, thể hiện một tình cảm sâu sắc. Sau cách mạng, Nam Cao chân thành tận tụy sáng tác phục vụ kháng chiến chống Pháp. Ông đã hi sinh trong một chuyên công tác vùng địch hậu, để lại một tấm gương cao đẹp của nhà văn - chiến sĩ.</p> <p>- Nam Cao được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt 1 năm 1996.</p> <p>Giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu của Nam Cao.</p> <p>*- Là một trong những truyện ngắn của Nam Cao viết về người nông dân nghèo.</p> <p>- Đăng báo lần đầu năm 1943.</p> <p>- Đoạn trích nằm cuối truyện</p> <p>-Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>Giáo viên nhận xét, đánh giá</p>	<p>- Đoạn trích nằm cuối truyện.</p>
<p>NV2</p> <p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Nhận xét về thể loại, phương thức biểu đạt của VB?</p> <p>? Câu chuyện được kể theo ngôi nào? Lời kể của ai? Nhận xét cách chọn ngôi kể?</p> <p>? Ai là nhân vật trung tâm của tác phẩm?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*- Thể loại: Truyện ngắn</p> <p>- P.thức biểu đạt: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm</p> <p>*Cách chọn ngôi kể có tính chân thực.</p>	<p>2. Kết cấu, bố cục</p> <p>- Thể loại: Truyện ngắn</p> <p>- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.</p> <p>- Ngôi kể thứ nhất - lời ông giáo.</p> <p>- Nhân vật trung tâm: Lão Hạc.</p>

*- Lão Hạc là nhân vật trung tâm của truyện và nhan đề truyện cũng được lấy tên của lão và câu chuyện chủ yếu xoay quanh quãng đời khốn khổ, cuộc sống bi thảm của lão Hạc.

-Bước 4: Kết luận, nhận định:

Giáo viên nhận xét, đánh giá

Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích

a) Mục tiêu: HS phân tích văn bản

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Nhân vật lão Hạc được đặt trong mối quan hệ với những ai? Những mối quan hệ ấy có tác dụng nghệ thuật gì?</p> <p>? Phần đầu truyện nói về điều gì?</p> <p>? Tại sao con chó được gọi là “cậu Vàng”?</p> <p>? Theo em, vì sao đó là việc khiến lão quan tâm?</p> <p>? Vậy lý do gì khiến lão Hạc phải ngậm ngùi bán đi cậu Vàng?</p> <p>? Vậy quyết định bán chó của lão bắt nguồn từ lý do sâu xa nào?</p> <p>? Để đi đến quyết định bán chó, lão Hạc phải trải qua những tâm trạng như thế nào ?</p> <p>? Hãy chỉ ra các từ ngữ, hình ảnh miêu tả bộ dạng của lão Hạc khi lão kể lại sự việc bán cậu Vàng?</p> <p>? Em hiểu thế nào về từ "ép", từ "àng ặc”</p> <p>? Chỉ ra cái hay trong cách miêu tả của tác giả?</p> <p>? Em có nhận xét gì về tâm trạng của lão Hạc lúc này?</p> <p>? Chú ý các lời kể, phân trần, than vãn với ông giáo còn cho ta thấy rõ hơn về lão Hạc như thế nào?</p> <p>? Hãy tìm một vài câu nói của lão để chứng minh?</p> <p>? Tóm lại, qua diễn biến tâm trạng của lão Hạc xung quanh việc bán con chó Vàng, em thấy lão Hạc là người như thế nào?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Thảo luận trả lời câu hỏi của GV</p>	<p>3.1. Nhân vật lão Hạc</p> <p>* Tâm trạng của lão Hạc khi bán”cậu Vàng”</p> <p>- Trước khi bán con chó Vàng</p> <p>+ Nói với ông giáo về ý định bán chó</p> <p>+ Lão phải suy tính, đắn đo nhiều lần, coi đó là việc rất hệ trọng.</p> <p>- Lí do bán “cậu Vàng”</p> <p>+ Từ tình yêu thương sâu sắc của người cha dành cho con.</p> <p>+ Từ tình thương yêu của một con người đối với loài vật.</p> <p>- Sau khi bán con Vàng:</p> <p>+ Cố làm ra vui vẻ, cười như mếu, mắt ầng ậc nước, mặt co rúm lại, vết nhăn xô lại, ép nước mắt chảy ra, đầu ngoẹo về một bên, mếu như con nít, hu hu khóc.</p> <p>-> Sử dụng các từ tượng hình, tượng thanh, động từ có sức gợi tả cao, biểu hiện chân thực, cụ thể, chính xác, đặc tả ngoại hình đầy ấn tượng.</p> <p>-> Thể hiện một sự ngậm ngùi, chua chát, nỗi đau đớn, hối hận, xót xa, sự thương tiếc, nỗi buồn và sự bất lực trước cảnh sống hiện tại cùng cực.</p>

Bước 3: Báo cáo thảo luận

+ HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

*- Mỗi quan hệ với ông giáo, anh con trai, con chó Vàng, Binh Tư. Qua mỗi quan hệ đó, tác giả muốn làm nổi bật nhân cách cao quý, số phận đáng thương và đặc biệt là vẻ đẹp tâm hồn đáng trọng của lão Hạc -> Tìm hiểu văn bản theo đặc điểm các nhân vật...

*- Nói về con chó - Cậu Vàng của lão Hạc

*- Lão Hạc nghèo, sống cô độc, chỉ có con chó làm bạn.

- Con chó còn là kỉ vật của đứa con trai lão.

- Câu chuyện về lão Hạc được bắt đầu từ việc lão nói với ông giáo về ý định bán cậu Vàng.

*Vì đó là kỷ vật duy nhất của người con trai, vì lão sống cô đơn chỉ có mỗi chó Vàng là người bạn thân thiết nhất.

Bởi những lý do ấy mà lão yêu quý, trân trọng gọi nó bằng cái tên rất thân mật: Cậu Vàng. Con chó ấy có vai trò quan trọng giống như một người bạn tri âm tri kỷ trong đời sống tinh thần của lão Hạc.

Vì sự túng quẫn ngày càng đe dọa lão, nhất là từ sau trận ốm, số tiền lão đã dành dụm cho con phải chi tiêu gần hết.

- Đối với lão, số tiền và mảnh vườn giành cho con thiêng liêng như một báu vật. Do đó, nếu để con chó lại thì lão phải chi phí nhiều hơn và ắt là phải tiêu lạm vào số tiền đó.

- Lão không muốn nhìn cảnh con chó bị thiếu ăn mà bị đói, gầy đi -> điều đó thì lão không nỡ và chỉ còn cách là bán nó đi.

*- Từ tình yêu thương sâu sắc của người cha dành cho con.

- Từ tình thương yêu của một con người đối với loài vật.

*Vậy sau khi bán chó, tâm trạng của lão Hạc ra sao. Theo dõi phần đầu chữ in to T41 -> "thế là sướng" T42.

*Cố làm ra vui vẻ, cười như mếu, mắt ầng ậc nước, mặt co rúm lại, vết nhăn xô lại, ép nước mắt chảy ra, đầu ngoẹo về một bên, mếu như con nít, hu hu khóc

=> Là con người sống tình nghĩa, thủy chung, một người cha yêu thương con sâu sắc muốn dành dụm tất cả những gì có thể cho con để con có một cuộc sống hạnh phúc, một con người có nhân cách cao quý.

*- ép: nhắm chặt mắt lại, cố cho nước mắt trào ra để voi phàm nào nổi đau khổ đang giằng xé trong lòng
 - ằng ặc: từ láy, chỉ nước mắt đầy trong khoé mắt.
 *Trình bày.
 Trình bày.
 *Cách miêu tả rất phù hợp với tâm lý, hình dáng và cách biểu hiện của những người già, đó là những câu văn đặc tả ngoại hình đầy ấn tượng,
 *- Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hoá kiếp cho nó để nó làm kiếp người may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn !
 - Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng?
 -> Những câu nói trên đượm màu triết lý dân gian và dung dị của người nông dân nghèo khổ sau những năm tháng trải nghiệm và suy ngẫm về số phận của con người và bản thân.
 *Mặc dù rất yêu quý con chó nhưng lão Hạc vẫn phải bán con chó Vàng vì không nuôi nổi nó và sợ tiêu lạm vào số tiền mà lão dành dụm cho con. Nỗi đau đớn của lão Hạc là ở đó. Lão luôn thương con và thương cả con chó. Vì vậy mà ta thấy lão ăn năn, day dứt, lão tự trách mình phũ phàng, nhẫn tâm và thấy mình có lỗi với nó. Với người con trai thì lão Hạc luôn mang tâm trạng "mắc tội" bởi không lo nổi hạnh phúc cho con. Tấm lòng của lão nông ấy thật sâu nặng và bao la.
 Tiết học sau, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu những nét đẹp trong tính cách của lão Hạc...
- Bước 4: Kết luận, nhận định:
 + Giáo viên nhận xét, đánh giá

Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:

- Học bài theo nội dung.
- Hoàn chỉnh các bài tập.

* Chuẩn bị bài mới

Soạn tiếp bài (chú ý đến cái chết của lão Hạc và nhân vật ông giáo).

? Có tác giả cho rằng: Cái chết của lão Hạc là cái chết có chủ đích đã được sắp đặt, chuẩn bị trước. Điều đó có đúng không (đúng).

? Hãy chỉ ra những việc làm của lão để thấy được lão chuẩn bị cho cái chết của mình?

? Qua đoạn văn nói về cái chết của lão Hạc, em có nhận xét gì về cái chết của lão?

? Em hãy chỉ ra nguyên nhân sâu xa đã dẫn đến cái chết của lão Hạc?

? Em có đánh giá gì thêm về phẩm chất của lão Hạc?

? Nhân vật ông giáo trong truyện ngắn này là người như thế nào? Có quan hệ như thế nào với lão Hạc?

? Em hãy tìm một số dẫn chứng về hành động, về cách cư xử chứng tỏ sự đồng cảm, xót xa yêu thương của ông giáo đối với lão Hạc?

TIẾT 2

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: GV kiểm tra bài cũ, đặt vấn đề tiếp cận bài học.

b) Nội dung: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS trình bày miệng

d) Tổ chức thực hiện:

Trình chiếu hoặc in những hình ảnh sau cho học sinh xem:



Hình ảnh thiếu úy công an Đậu Thị Huyền Trâm bị ung thư nhưng quyết không xạ trị, chịu đau đớn để sinh con

Em có cảm nhận như thế nào về hình ảnh người mẹ này?

HS: Xúc động, khâm phục, ngưỡng mộ sự hi sinh của người mẹ

GV chuyển ý: Các em ạ, trong cuộc đời này, có lẽ người mẹ luôn là người hi sinh cho con cái nhiều nhất, hi sinh đến quên bản thân mình. Nhưng nói như thế không có nghĩa là chỉ có mẹ mới hi sinh cho con, còn cha thì không. Có một người cha mà mỗi khi nhắc đến, khiến ta không thôi xót xa, thương cảm, đau đớn vì những hi sinh ông dành cho cậu con trai đang đi phu đồn điền. Tiết 2 của bài Lão Hạc sẽ giúp các em cảm nhận được điều này

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS phân tích

a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu về cái chết của lão Hạc

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Học sinh thực hiện nhiệm vụ giáo viên yêu cầu

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1: Theo dõi đoạn “và lão kể...”(T43) -> hết văn bản</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Ở đoạn này, theo em thì mạch câu chuyện kể của ông giáo đã có sự thay đổi ra sao?</p> <p>? Có tác giả cho rằng: Cái chết của lão Hạc là cái chết có chủ đích đã được sắp đặt, chuẩn bị trước. Điều đó có đúng không (đúng)?</p> <p>? Căn cứ vào đâu khiến em có nhận xét vậy?</p> <p>? Hãy chỉ ra những việc làm của lão để thấy được lão chuẩn bị cho cái chết của mình?</p> <p>? Theo em, việc bán cậu Vàng trước đó có thể coi là một sự chuẩn bị không?</p> <p>? Qua những việc lão Hạc đã thu xếp và nhờ cậy ông giáo, em hiểu thêm những nét đẹp nào nữa về nhân vật này?</p> <p>? Một vẻ đẹp trong nét tính cách của lão là lòng tự trọng, điều đó đã được thể hiện rõ hơn trong những ngày sống cuối đời của lão,</p>	<p>* Cái chết của lão Hạc</p> <p>- Lão Hạc chuẩn bị cho cái chết của mình:</p> <p>+ Làm văn tự, nhờ ông giáo trông nom hộ 3 sào vườn để khi con về sẽ có đất ở, có vườn làm... văn tự để tên ông giáo, về sau này nhờ ông giáo trông nom cho con ông.</p> <p>+ Gửi ông giáo 30 đồng bạc để khi lão chết nhờ hàng xóm chi tiêu lo hộ việc ma chay.</p> <p>- Chuẩn bị âm thầm, chu đáo.</p> <p>-> Lão Hạc chủ động và tự nguyện tìm đến cái chết.</p> <p>=> Là một người cha hết lòng vì con. Là người sống chu đáo, giàu lòng tự trọng.</p> <p>- Cách xây dựng tình huống truyện đầy bất ngờ, có tác dụng “đánh lừa”...</p> <p>- Lão Hạc vật vờ, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc, tru tréo, bọt mép sùi ra...</p> <p>-> Một loạt các từ tượng hình và tượng thanh liên tiếp gợi tả về một cái chết dữ dội và thê thảm...</p> <p>- Tình huống truyện được đẩy lên đến</p>

<p>em thấy những ngày sau đó lão Hạc sống ra sao?</p> <p>? Cái chết của lão bất ngờ đối với những ai? Tại sao?</p> <p>? Song tình huống về cái chết của lão Hạc là hoàn toàn bất ngờ, em có nhận xét gì về cách xây dựng chi tiết, tình huống truyện như thế này? Tác dụng của nó đối với tác phẩm ra sao?</p> <p>? Cái chết của lão Hạc đã được Nam Cao đặc tả bằng những chi tiết nào?</p> <p>? Nhận xét về các từ ngữ dùng để đặc tả về cái chết của lão Hạc và chỉ rõ tác dụng của cách miêu tả đó?</p> <p>? Theo em, vì sao lão Hạc không chọn lấy cái chết nhẹ nhàng hơn mà lại tìm đến cái chết thô thảm như vậy?</p> <p>? Em có đánh giá gì thêm về phẩm chất của lão Hạc?</p> <p>? Em hãy chỉ ra nguyên nhân sâu xa đã dẫn đến cái chết của lão Hạc?</p> <p>? Theo em, lão Hạc là người ham sống thì lão có thể tiếp tục sống bằng cách nào?</p> <p>? Nhưng vì sao lão không làm như vậy mà vẫn chọn cái chết? Liệu lão có phải là người gàn dở hay là người có tiền mà chịu khổ như lời vợ ông giáo nói ?</p> <p>? Vậy cái chết tự nguyện của lão được xuất phát từ nguyên nhân chính nào ?</p> <p>? Hãy nêu ý nghĩa của tác phẩm qua sự việc về cái chết của lão Hạc ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS đứng tại chỗ trình bày</p>	<p>đỉnh điểm.</p> <p>-> Lão tự giải thoát bằng cách tự trừng phạt mình.</p> <p>* Nguyên nhân về cái chết của lão Hạc</p> <p>- Do tình cảnh đói khổ, túng quẫn.</p> <p>- Xuất phát từ tình yêu thương, trách nhiệm với con, từ lòng tự trọng đáng kính.</p> <p>- Thực trạng xã hội thực dân phong kiến đương thời</p> <p>=> Phản ánh số phận đau thương và phẩm chất cao quý tiềm tàng của người nông dân nghèo trước cách mạng tháng Tám.</p> <p>=> Lão Hạc là một nhân vật lương thiện, bị bản cùng hoá nên phải chọn cái chết thảm thương, đau đớn. Đó là một người cha giàu lòng yêu thương con, một người tình nghĩa thủy chung, trung thực, là một tâm hồn, một tính cách cao thượng, một nhân cách cao cả.</p>
--	--

miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

*- Chuyển từ chuyện lão Hạc bán chó -> chuyện chính: đó là lão Hạc chuẩn bị tìm đến cái chết.

*- Dựa trên tình tiết của truyện nói về những việc làm của lão để chuẩn bị cho cái chết.

*+ Làm văn tự, nhờ ông giáo trông nom hộ 3 sào vườn để khi con về sẽ có đất ở, có vườn làm... văn tự để tên ông giáo, về sau này nhờ ông giáo trông nom cho con ông.

+ Gửi ông giáo 30 đồng bạc để khi lão chết nhờ hàng xóm chi tiêu lo hộ việc ma chay.

*- Cậu Vàng là người thân thiết của lão vì vậy mà lão đã định liệu cho nó trước, tìm một giải thoát: hoá kiếp cho nó để sau này nó làm kiếp người...

*- Lão chỉ ăn khoai, khoai hết, chế được món gì ăn món ấy rồi ăn củ chuối, sung luộc, rau má, củ ráy, trai, ốc... và từ chối tất cả. Từ chối một cách gần như hách dịch sự giúp đỡ của ông giáo đối với lão.

-> Và đến lúc cùng đường sống vì đói khát không thể làm gì để sống được lão đã tự kết liễu đời mình.

Theo dõi đoạn: “Không ! Cuộc đời chưa hẳn...” -> “chỉ có tôi với Binh Tư hiểu” T45

*- Bất ngờ với ông giáo, với Binh Tư và với tất cả mọi người. Vì trước đó ông giáo lẫn Binh Tư đều nghĩ rằng lão Hạc vì túng quẫn đã trở thành người xấu, cũng có hành động như Binh Tư là dùng bả chó để ăn trộm chó.

*- Phần đầu truyện ta thấy lão Hạc là người nhân hậu, thủy chung, sống nghĩa tình và có tình thương yêu lo lắng đối với con là

vô cùng sâu sắc và chu đáo -> Qua sự việc xin bả chó của Binh Tư khiến mọi người đánh giá hoàn toàn khác về lão Hạc khi nghe Binh Tư kể chuyện lão Hạc xin bả chó của hắn...

+ Lão Hạc vật vã, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc, tru tréo, bọt mép sùi ra, lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết...

*- Miêu tả cái chết cụ thể, chi tiết cận cảnh sử dụng liên tiếp từ tượng thanh, tượng hình: Vật vã, rũ rượi, xộc xệch, long sòng sọc, tru tréo -> Hình ảnh cụ thể sinh động về cái chết thê thảm, dữ dội.

-> phản ánh chân thực, sâu sắc về bi kịch cuộc đời, số phận nghèo của người nông dân. Đồng thời phê phán một xã hội vô nhân tính tàn ác đối với con người. Ca ngợi khẳng định phẩm giá cao đẹp lương thiện của người nông dân.

Với cái chết dữ dội mà lão đã chọn, Lão Hạc đã trở thành một vị thánh, một lão nông cùng khổ nhưng có khí tiết thanh cao có ý thức nhân phẩm còn cao hơn có sự sống. Cái chết của lão có sức tố cáo mạnh mẽ hiện thực xã hội phong kiến thực dân đã đẩy người nông dân vào hoàn cảnh khốn cùng.

- Lão Hạc đã kết liễu đời mình trong sự đau khổ, giày vò và cảnh cùng cực đói khổ bằng cách xin bả chó của Binh Tư để tự tử -> điều đó khiến ông giáo và Binh Tư đều không ngờ tới.

- Lão đã chọn cái chết dữ dội phải chăng là để tự trừng phạt mình vì nỡ lừa 1 con chó -> cái chết đó như là cách lão tạ tội với cậu Vàng: Lão đã lừa cậu Vàng thì giờ đây lão cũng phải chết

theo kiểu 1 con chó bị lừa.

* - Sự trung thực, thủy chung là một phẩm chất cao quý, tiềm tàng trong con người lão Hạc, nó luôn tiềm ẩn và khiến cho chúng ta vô cùng ngưỡng mộ...

+ Bước 4: Đánh giá chốt kiến thức.

*- Chính là xuất phát từ thực trạng xã hội TDPK đương thời: Tình cảnh đói khổ với những cổ tục lạc hậu (VD: nguyên nhân dẫn đến hành động con lão bỏ đi phu vì không đủ tiền cưới vợ), cảnh túng quẫn cùng đường đã đẩy lão Hạc tìm đến với cái chết, song lão đã chọn cái chết “Chết trong còn hơn sống đục”.

- Đây cũng là số phận cơ cực đáng thương, là số phận chung của người nông dân nghèo trước cách mạng Tháng Tám.

*- Lão có thể sống được, thậm chí còn sống lâu nữa vì lão còn số tiền 30 đồng bạc (số tiền đó không phải là nhỏ) và 3 sào vườn. Lão có thể sống bằng số tiền đó cộng với số tiền bán hoa lợi sau này hoặc bằng cách bán mảnh vườn đi.

*- Lão không thuộc vào những hạng người đó.

+ Để bảo toàn căn nhà, mảnh vườn, vì tương lai của con trai lão sau này, để khỏi phải phiền lụy đến hàng xóm.

*- Tóm lại: Cái chết của lão Hạc có một ý nghĩa vô cùng sâu sắc, đã bộc lộ rõ số phận và tính cách của lão Hạc - của người nông dân trước cách mạng Tháng Tám.

+ Họ nghèo khổ, bết tắc cùng đường nhưng giàu tình yêu thương và sống có lòng tự trọng.

+ Tố cáo XH TDPK đã đẩy người nông dân nghèo đến chỗ cùng

<p>đường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sống trong xã hội ấy, buộc con người như lão Hạc phải có hai sự lựa chọn: hoặc bị sa đoạ và tha hoá như Chí Phèo, Binh Tư hoặc là tìm đến với cái chết để giữ trọn nhân phẩm như lão Hạc để chứng minh sự trong sạch, lương thiện của mình. - Cái chết của lão là sự tạ lỗi với cậu Vàng. - Thể hiện tình yêu thương mãnh liệt và trọn vẹn với con người. - Cái chết của lão khiến ta cảm thấy yêu thương, kính trọng lão hơn. <p>Chuyển ý: Bên cạnh nhân vật lão Hạc còn có 1 nhân vật nữa đó là ông giáo, tuy không phải là nhân vật chính song đã xuất hiện từ đầu đến cuối truyện... nhân vật ông giáo, người kể chuyện xưng "Tôi".</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ Giáo viên nhận xét, đánh giá</p>	
<p>NV2:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>? Nhân vật ông giáo trong truyện ngắn này là người như thế nào? Có quan hệ như thế nào với lão Hạc?</p> <p>? Khi nghe lão Hạc kể chuyện, thái độ của ông giáo (nhân vật tôi) như thế nào?</p> <p>? Em hãy tìm một số dẫn chứng về hành động, về cách cư xử chứng tỏ sự đồng cảm, xót xa yêu thương của ông giáo đối với lão Hạc ?</p> <p>? Suy nghĩ của em về ý nghĩa câu nói đó của ông giáo?</p> <p>? Có ý kiến cho rằng: Những ý nghĩ của ông giáo về lão Hạc thấm đậm triết lý nhân sinh thâm trầm, sâu sắc. Em có đánh giá gì về lời nhận xét ấy?</p> <p>? Em hiểu như thế nào về ý nghĩ</p>	<p>3.2. Nhân vật ông giáo</p> <p>* Thái độ, tình cảm đối với lão Hạc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Muốn ôm choàng lấy lão oà lên khóc, ái ngại, an ủi, bùi ngùi... - Giấu giếm vợ giúp lão Hạc. - Tôn trọng, cảm thông, xót thương tình cảnh của lão Hạc. <p>* Những ý nghĩ của ông giáo về lão Hạc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thấm đậm triết lý nhân sinh. - Thâm trầm, sâu sắc. <p>=> Tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân.</p>

của nhân vật "tôi" qua đoạn văn T44: "Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố mà tìm hiểu... ích kỷ che lấp mắt" ?

? Đọc truyện Lão Hạc, em cảm nhận được gì về số phận và phẩm chất của người nông dân trong xã hội cũ?

? Thông qua văn bản đã thể hiện tấm lòng của nhà văn trước số phận đáng thương của con người đặc biệt là những người nông dân trong xã hội cũ như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

*- Ông giáo trong truyện ngắn này là một tri thức nghèo sống ở làng quê, hàng xóm với lão Hạc.

- Được chứng kiến mọi hành động và luôn lắng nghe lời tâm sự của lão Hạc, luôn được lão tin tưởng.

*Gợi ý: Chú ý đoạn văn:

+ T40 - "Lão Hạc ơi! Bây giờ thì..." và đoạn cuối T41 trở đi trong cuộc trò chuyện của lão Hạc với ông giáo sau khi lão bán con chó Vàng.

+ T40 - Khi nghe lão Hạc kể về ý định bán con chó Vàng, hiểu vì sao lão không muốn bán con chó vàng vì đó là nguồn an ủi tinh thần và là người bầu bạn với lão lúc cô đơn tuổi già...

- T41, 42 - Khi nghe lão Hạc tâm sự về việc bán chó: "Tôi muốn ôm choàng lấy lão mà oà lên khóc, ái ngại cho lão, an ủi lão, cúi người nhìn lão".

- T44 - giấu giếm vợ, thỉnh thoảng

giúp ngấm ngấm lão Hạc -> Tìm cách xoa dịu bớt nỗi đau trong lòng lão Hạc.

Chú ý sự việc khi nghe Binh Tư kể về lão Hạc xin bả chó để bắt một con chó hàng xóm thì ông giáo đã có thái độ và suy nghĩ ra sao? (T44):

+ Trố đời mắt, ngạc nhiên.

+ Ngỡ ngàng nghĩ: "đến lúc cùng lão có thể làm liều... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...". Nhưng khi chứng kiến cái chết đau đớn của lão Hạc, ông giáo lại nghĩ: Không! cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác.

*- Nói: "Cuộc đời ngày một thêm đáng buồn"

-> nghĩa là nó đã đẩy những con người đáng kính như lão Hạc đến bước đường cùng khiến họ xưa nay vốn nhân hậu, giàu lòng tự trọng-> đến chỗ bị tha hoá nhân phẩm.

- Khi nói: "Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác".

-> Khẳng định nhân phẩm cao quý của người nông dân như lão Hạc mặc dù bị đẩy đến bước đường cùng vì đói nghèo nhưng vẫn giữ được phẩm chất tốt đẹp, song đáng buồn thay là người tốt như lão Hạc lại phải chịu một cái chết vật vã và dữ dội đau đớn và thê thảm như vậy.

*- Đó là ý kiến đúng đắn, sắc sảo nói về quan điểm của ông giáo và cách nhìn nhận đánh giá đúng đắn của ông giáo trước cuộc đời và số phận của người nông dân trước Cách mạng Tháng Tám.

<p>*- Đây là lời triết lý lẫn cảm xúc trữ tình xót xa của Nam Cao. Với triết lý trữ tình này Nam Cao khẳng định một thái độ sống, một cách ứng xử mang tinh thần nhân đạo: Cần phải quan sát, suy nghĩ đầy đủ về những con người hàng ngày sống quanh mình, cần phải nhìn nhận họ bằng tấm lòng đồng cảm, bằng đôi mắt của tình yêu thương.</p> <p>- Nam Cao đã nêu lên một phương pháp đúng đắn, sâu sắc khi đánh giá con người: ta cần biết tự đặt mình vào cảnh ngộ cụ thể của họ thì mới có thể hiểu đúng, cảm thông đúng về thân phận con người.</p> <p>*- Số phận đau thương, phẩm chất cao ý tiềm tàng của người nông dân trong xã hội cũ.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
<p>NV3: Thảo luận: Nhóm bàn thách thức:</p> <p>+ Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thời gian: 5 phút • Học sinh: cá nhân sử dụng phiếu học tập hoạt động theo nhóm bàn. • Nội dung: Điền vào phiếu học tập • Phân công: Bàn... <p>+ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>+ Bước 3: Trao đổi thảo luận.</p> <p>-HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>- Cảm thông với tấm lòng của người cha rất mực thương yêu con muốn vun đắp dành dụm tất cả cho con để con có một cuộc sống hạnh phúc.</p> <p>- Trân trọng ca ngợi vẻ đẹp tiềm</p>	<p>3.3. Thái độ của tác giả</p> <p>- Cảm thông với tấm lòng của người cha rất mực thương yêu con muốn vun đắp dành dụm tất cả cho con để con có một cuộc sống hạnh phúc.</p> <p>- Trân trọng ca ngợi vẻ đẹp tiềm ẩn của người nông dân trong cảnh khốn cùng mà vẫn giàu lòng tự trọng, khí khái.</p>

ản của người nông dân trong cảnh khốn cùng mà vẫn giàu lòng tự trọng. + Bước 4: Đánh giá chốt kiến thức. -Giáo viên nhận xét, đánh giá	
---	--

Hoạt động 3: Hướng dẫn tổng kết

a) **Mục tiêu:** Học sinh biết cách tổng kết văn bản

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

c) **Sản phẩm:** Đáp án của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
NV1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Theo em cái hay của truyện thể hiện rõ nhất ở những điểm gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. *Truyện được kể bằng ngôi thứ nhất, qua nhân vật tôi, người chứng kiến tình cảnh thương tâm của Lão Hạc khiến câu chuyện trở nên xúc động. Nhờ cách kể này, câu chuyện này trở nên chân thực gần gũi. Câu chuyện được dẫn dắt tự nhiên, linh hoạt có thể kết hợp giữa kể + tả, với hồi tưởng bộc lộ trữ tình, đặc biệt có những khi hoà lẫn triết lí sâu sắc -> Tác phẩm kết hợp nhuần nhuyễn giữa hiện thực và trữ tình. - Tác giả xây dựng nhân vật Lão Hạc sinh động thể hiện qua diễn biến tâm trạng qua ngoại hình, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ. Vì vậy tính cách nhân vật thống nhất có chiều sâu tâm lí, bản chất được bộc lộ rõ. - Truyện có kịch tính hay bất ngờ (Đoạn Binh tư... lão Hạc xin bả chó). Nhưng câu chuyện vẫn phân tích một cách lô gích, biện chứng với sự thống nhất tính cách của nhân vật. - Ngôn ngữ truyện giản dị, tự nhiên mà đậm đà, nông thôn rất thuần nhĩ. Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc	4. Tổng kết 4.1. Nghệ thuật - Lời kể ngôi thứ nhất, người kể là nhân vật hiểu, chứng kiến toàn bộ câu chuyện và cảm thông với lão Hạc. - Kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự, trữ tình, lập luận, thể hiện được chiều sâu tâm lí nhân vật với diễn biến tâm trạng phức tạp, sinh động. - Sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, tạo được lối kể khách quan, xây dựng được hình tượng nhân vật có tính cá thể hoá cao.

của HS, chuẩn đáp án.	
NV2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Cảm nhận những điều sâu sắc nào về nội dung của tác phẩm? ? Nêu ý nghĩa của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.	4.2. Nội dung- Ý nghĩa văn bản - Nội dung: Tác phẩm phản ánh hiện thực số phận của người nông dân trước CM tháng Tám qua tình cảnh của lão Hạc và thể hiện tấm lòng của nhà văn trước số phận đáng thương của một con người. - Ý nghĩa: Văn bản thể hiện phẩm giá của người nông dân không bị hoen ố cho dù phải sống trong hoàn cảnh khốn cùng.

Hướng dẫn về nhà

- * Đối với bài cũ
- Học bài theo nội dung.
- Hoàn chỉnh các bài tập.
- Tìm đọc: Tuyển tập truyện ngắn của Nam Cao.
- * Đối với bài mới: Chuẩn bị bài: Từ tượng hình, từ tượng thanh.
- Đọc kĩ bài
- Chuẩn bị theo nội dung SGK.
- Nắm được đặc điểm của từ tượng hình, từ tượng thanh.
- Hiểu công dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 11

Tiếng Việt:

TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận diện được từ tượng hình, từ tượng thanh.
- Hiểu đặc điểm, nắm được công dụng của từ tượng hình, tượng thanh.
- Có ý thức sử dụng hai loại từ này để tăng thêm tính hình tượng, tính biểu cảm trong giao tiếp.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ngôn ngữ.
- Năng lực viết sáng tạo, năng lực cảm thụ văn chương.
- Năng lực tìm kiếm và xử lí thông tin.

3. Phẩm chất

- Tự lập, tự tin, tự chủ trong việc thực hiện nhiệm vụ của bản thân và các công việc được giao.
- Tình yêu tiếng Việt, giữ gìn, phát huy vẻ đẹp của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu).

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan.
- + Soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

a) Mục tiêu: GV đặt vấn đề tiếp cận bài học.

b) Nội dung: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) Tổ chức thực hiện:

Tạo trò chơi với tên gọi “**Ai nhanh**” có thể cho các em thi tìm từ lấy bằng cách chia lớp thành hai nhóm lên bảng nghỉ trong một thời gian nhất định. Bên nào ghi được nhiều hơn sẽ thắng cuộc. Sau đó GV chỉ ra một từ và hỏi HS từ đó tạo ra cho em ấn tượng gì? Các từ có tên gọi là từ tượng hình, tượng thanh. Đó cũng là tên bài mà các em học hôm nay

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm, công dụng của từ tượng thanh, tượng hình

a) Mục tiêu: HS tìm hiểu về đặc điểm, công dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh.

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: HS nắm rõ thông tin về từ tượng hình, tượng thanh

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1: Thảo luận: Nhóm bàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 3 phút - Hết thời gian đại diện nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, GV nhận xét và chốt kiến thức. - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: <p>Liệt kê các từ in đậm và cho biết từ nào gọi tả hình ảnh, dáng vẻ trạng thái sự vật? Những từ ấy gọi ra dáng vẻ, trạng thái sự vật như thế nào?</p> <p>? Tất cả những từ này có phải là từ láy không?</p> <p>? Các từ Hu hu, ư ử có gọi tả như các từ “Móm mém, xồng xộc” không? hay đây là các từ mô phỏng âm thanh của con người con vật trong tự nhiên?</p> <p>? Từ Hu hu gọi tả âm thanh như thế nào?</p> <p>? Từ “móm mém, hu hu” gọi tả hình ảnh về lão Hạc như thế nào?</p> <p>? Ta thường gặp các từ tượng hình, tượng</p>	<p>I. Đặc điểm, công dụng của từ tượng hình, tượng thanh 1. Phân tích ngữ liệu: SGK -49</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những từ móm mém, xồng xộc, vật vã, rữ rươi, sòng sọc: gọi tả h/ả, dáng vẻ, hoạt động của sự vật -> từ tượng hình. - Các từ hu hu, ư ử: mô phỏng âm thanh của con người, con vật. -> từ tượng thanh. - Từ tượng hình-> gọi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái. - Từ tượng thanh-> mô phỏng âm thanh tự nhiên

<p>thanh trong các loại văn bản nào?</p> <p>? Hãy nêu nhận xét đầy đủ về công dụng của từ tượng hình, tượng thanh?</p> <p>? Các từ đó được sử dụng trong đoạn văn có tác dụng gì?</p> <p>? Em hãy tìm những VD tương tự trong văn bản "Tức nước vỡ bờ".</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*- Móm mém, xông xộc, vật vã, rũ rượi, sòng sọc</p> <p>- Móm mém: Gọi ra khuôn mặt khốn khổ của Lão Hạc với cái miệng rưng hết răng, nói thì hóp lại, cảm hơi nhô</p> <p>- Xông xộc: Gọi hành động chạy thẳng vào một cách nhanh chóng, đột ngột</p> <p>- Vật vã, sòng sọc, rũ rượi -> Gọi tả h/a đau đớn quằn quại dữ dội trong cái chết bằng bả chó của LH.</p> <p>*- Là từ láy gọi hình ảnh đáng vẽ, trạng thái của người, sự vật -> từ tượng hình.</p> <p>Trả lời.</p> <p>*Từ huhu: Gọi ra tiếng khóc to và liên tiếp ngoài ra còn biểu thị trạng thái đau đớn xót xa của Lão Hạc sau khi phải buộc lòng bán cậu Vàng.</p> <p>GV: Ta tiếp tục tìm hiểu về công dụng của hai loại từ tượng hình và tượng thanh.</p> <p>(Nhóm bàn)</p> <p>Câu hỏi b) T49</p> <p>- Để tìm hiểu tác dụng của từ tượng hình và tượng thanh trên, ta cần đặt vào đoạn trích, đồng thời có thể so sánh các từ gần nghĩa với các từ mà ta cần tìm hiểu.</p> <p>VD: chạy xông xộc</p> <p>- chạy: nói về hoạt động nhanh và đột ngột-> không gọi tả đáng điệu</p> <p>- chạy xông xộc: nói về hoạt động nhanh và đột ngột-> có gọi tả đáng điệu vội vàng và hấp tấp. Có giá trị biểu cảm (gắn với văn bản, thể hiện thái độ lo lắng, quan tâm của ông giáo với lão Hạc)</p> <p>*"móm mém: Gọi hình dáng khuôn mặt khốn</p>	<p>của con người.</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Gọi tả hình ảnh âm thanh cụ thể</p> <p>-> sinh động, có giá trị biểu cảm cao.</p> <p>+ Thường sử dụng trong văn miêu tả tự sự.</p> <p>2. Ghi nhớ (SGK - 49)</p>
---	---

<p>khổ của lão Hạc với cái miệng rưng hết răng, còn má thì hõm vào, cằm thì nhô ra... Hu hu: đọc lên thì âm thanh của nó gọi ra tiếng khóc to và liên tiếp -> biểu thị trạng thái tâm lý đau đớn, xót xa của lão Hạc sau khi buộc lòng phải bán con chó Vàng - một kỷ vật của con trai lão để lại và cũng là con vật gắn bó với lão như một người bạn tri kỷ.</p> <p>*Văn tự sự và miêu tả.</p> <p>*Gợi được hình ảnh cụ thể, sinh động về hình ảnh Lão Hạc. sự đau đớn, ân hận của Lão khi bán chó. Sự đau đớn của Lão Hạc trong cái chết → mô tả cụ thể, rõ nét cái chết đau đớn, thê thảm của Lão Hạc.</p> <p>*Vd: lật đật, rón rén, om sòm, sầm sập, run rẩy,...</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức, rèn kỹ năng làm các dạng bài tập liên quan đến từ tượng hình, từ tượng thanh.

b) Nội dung: Tổ chức hoạt động theo nhóm

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

? Nêu yêu cầu bài 1

? Xác định từ tượng hình, từ tượng thanh?

Làm việc cá nhân.

Bài tập 2: Hoạt động theo nhóm Cách thức:

+ **Bước 1: Giao nhiệm vụ**

? Tìm 5 từ tượng hình gợi tả đáng đi - Đặt câu (Thời gian: 2 phút)

Học sinh: cá nhân sử dụng phiếu học tập hoạt động theo nhóm bàn.

Nội dung: Điền vào phiếu học tập

Phân công: Bàn...)

+ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

+ **Bước 3: Trao đổi thảo luận.**

+ **Bước 4: Đánh giá chốt kiến thức.**

VD: Đứng đĩnh, khệnh khạng, lằm chằm, lừng lững, lững thững, thướt tha

- Nó đi lò dò bây giờ mới tới nơi.

? Bài tập 3 yêu cầu như thế nào?

? Phân biệt nghĩa của 1 số từ tượng thanh tả tiếng cười? (hoạt động nhóm bàn)

Trả lời.

? Đặt câu với từ tượng hình, từ tượng thanh?

GV Giải nghĩa sau đó gọi 6 HS lên bảng đặt câu

- Lã chã: nước mắt rơi, chảy thành giọt nhiều và không dứt

- Lạch bạch: mô phỏng những tiếng giống như tiếng bàn chân bước đi nặng nề, chậm chạp trên đất mềm
- Lầm tầm: ở trạng thái nhiều hạt, nhiều điểm nhỏ và đều
- Lắc rắc: Gợi tả tiếng mưa rơi thưa thớt, mô phỏng tiếng động nhẹ, giòn, thưa và liên tiếp
- Khúc khuỷu: Có nhiều đoạn gấp khúc ngắn nối nhau liên tiếp
- Ồm ồm: Gợi tả giọng nói to, trầm, nghe không rành rọt.

? Đọc bài thơ có từ tượng hình, từ tượng thanh?

HS có thể tìm trong các bài: Lượm, Qua đèo Ngang, mưa...

- HS đọc diễn cảm và chỉ ra các từ tượng hình, từ tượng thanh trong bài thơ vừa đọc.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để vận dụng viết đoạn văn.

b) Nội dung: ? Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng từ tượng hình, tượng thanh (5-7 câu)?

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

? Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng từ tượng hình, tượng thanh (5-7 câu) ?

H hoàn thành phiếu.

G thu 10 phiếu, chấm và trả sau.

Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:

- Học ghi nhớ, hoàn thành các bài tập trong văn bản.
- Viết 1 đoạn văn tự sự có sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh với đề tài tự chọn?

* Đối với bài mới: Chuẩn bị bài: Liên kết các đoạn văn trong văn bản:

- + Đoạn văn, liên kết trong văn bản.
- + Các cách trình bày nội dung đoạn văn.
- + Tác dụng của việc liên kết đoạn văn trong văn bản
- + Cách liên kết các đoạn văn trong văn bản.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 12

Tập làm văn:

LIÊN KẾT CÁC ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được sự liên kết giữa các đoạn, các phương tiện liên kết đoạn (từ liên kết và câu nối)
- Hiểu tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong quá trình tạo lập văn bản.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp, thưởng thức văn học.

3. Phẩm chất:

Giáo dục ý thức liên kết các đoạn trong một văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (bảng phụ, phiếu ht).

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.
- + Soạn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** GV đặt vấn đề tiếp cận bài học.

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** HS trả lời câu hỏi của GV

d) **Tổ chức thực hiện:**

Cho học sinh chơi trò chơi. “Liên kết”

Liên kết, liên kết

Kết mấy kết mấy

GV: (kết mấy tùy theo yêu cầu của giáo viên) Kết 3. thì 3 học sinh sẽ chụm vào nhau. Nếu bạn nào thừa mà không tìm được chỗ liên kết sẽ bị phạt hát một bài.

Trong trò chơi thì không có liên kết bị phạt, còn trong văn bản mà không có liên kết thì nội dung của câu văn, đoạn văn, bài văn có ảnh hưởng không chúng ta sẽ chú ý vào bài học. “Liên kết đoạn văn”.

*Dẫn dắt: Trong quá trình tạo lập văn bản, khi chuyển từ đoạn văn này sang đoạn văn khác, ta cần phải thể hiện các phương tiện liên kết. Ngoài thể hiện quan hệ ý nghĩa của chúng có tác dụng gì? Tiết học hôm nay...

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong văn bản.

a) **Mục tiêu :**HS tìm hiểu về tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong văn bản.

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** HS nắm rõ thông tin về nội dung bài học.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
NV1: 2 HS đọc 2 VD (50) - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Hai đoạn văn ở VB1 có mối liên hệ gì không? Tại sao? ? Xét VB2 và cho biết cụm từ”trước đó mấy hôm”viết thêm vào đầu đoạn văn 2 có tác dụng gì? ? Hai đoạn văn liên kết với nhau như	I. Tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong văn bản: 1. Phân tích ngữ liệu: 2 đoạn văn (T50) - VB1: + Đ1: tả cảnh sân trường Mĩ Lý ngày tựu trường->Tả ngôi trường thời hiện tại.

<p>thế nào?</p> <p>? Cụm từ này là phương tiện liên kết của 2 đoạn văn. Vậy tác dụng của nó trong văn bản ntn ?</p> <p>? Khi văn bản có nhiều đoạn văn, để tạo tính mạch lạc cho văn bản, chúng ta phải làm gì?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*- Đ1: Tả cảnh sân trường Mĩ Lý trong ngày tựu trường.</p> <p>- Đ2: Cảm giác của "tôi" 1 lần ghé thăm trường trước đây.</p> <p>=> Cùng nói về ngôi trường nhưng việc tả Đ1 (hiện tại) và cảm nhận Đ2 (Quá khứ) không cùng thời điểm (Theo lô gíc thông thường phải có sự móc nối về thời gian để tạo sự gắn bó) -> Liên kết giữa 2 đoạn lỏng lẻo, mạch văn gãy => người đọc hụt hẫng.</p> <p>*- Tạo sự liên kết về ý (ND): Từ hiện tại nhớ về quá khứ -> Sự liên tưởng này tạo nên sự gắn kết chặt chẽ giữa 2 đoạn văn với nhau -> liên ý, liên mạch.</p> <p>- Tạo sự liên kết về hình thức: Nói ý 2 đoạn.</p> <p>*Dùng để chuyển đoạn trong văn bản, tạo sự liên kết giữa các đoạn văn trong văn bản.</p> <p>Bổ sung: Khi chuyển từ đoạn văn này sang đoạn văn khác, người ta thường sử dụng các từ ngữ thể hiện qhệ ý nghĩa giữa các đoạn văn -> các từ đó được coi là những phương tiện liên kết.</p> <p>Đọc ghi nhớ (SGK- T52)</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>+ Đ2: cảm giác của "tôi" 1 lần ghé thăm trường -> cảm giác về ngôi trường trong quá khứ.</p> <p>-> Liên kết giữa 2 đoạn lỏng lẻo, mạch văn gãy -> không có sự liên kết.</p> <p>- VB2:</p> <p>Cụm từ "trước đó mấy hôm" làm cho 2 đoạn văn liên ý, liên mạch.</p> <p>- Cụm từ "trước đó mấy hôm"</p> <p>-> Dùng để nối 2 đoạn văn, nhờ đó 2 đoạn trở nên liên mạch, làm cho 2 đoạn văn gắn bó với nhau, tạo tính hoàn chỉnh cho văn bản.</p> <p>-> là phương tiện liên kết</p> <p>2. Ghi nhớ 1 (SGK trang 52)</p>
<p>NV2: Cách liên kết các đoạn văn trong văn bản.</p> <p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Hai khâu của quá trình lĩnh hội và</p>	<p>II. Cách liên kết các đoạn văn trong văn bản.</p> <p>1. Dùng từ ngữ để liên kết các đoạn văn</p>

<p>cảm thụ tác phẩm văn học, đó là khâu nào? Tìm từ ngữ (phương tiện liên kết) trong 2 đoạn văn trên?</p> <p>? Đó là những từ ngữ có tác dụng liệt kê. Hãy kể một số phương tiện liên kết có tác dụng liệt kê khác?</p> <p>Đọc VD b</p> <p>? Tìm quan hệ ý nghĩa giữa 2 đoạn văn trên?</p> <p>? Tìm từ có chức năng liên kết ý đối lập ở 2 đoạn?</p> <p>? Tìm những từ ngữ (phương tiện liên kết) có quan hệ đối lập?</p> <p>HS: Đọc VD c</p> <p>? Từ "đó" thuộc từ loại nào? "Trước đó" chỉ thời gian nào?</p> <p>? Tìm những chỉ từ khác có tính liên kết (Làm phương tiện liên kết)</p> <p>HS đọc thầm VD d</p> <p>? Tìm từ ngữ liên kết hai đoạn văn?</p> <p>? Tìm các từ mang ý khái quát, tổng kết ý trình bày trước?</p> <p>HS đọc VD 2 (53)</p> <p>? Xác định câu nối dùng để liên kết 2 đoạn văn? Vì sao nói câu đó có tác dụng liên kết?</p> <p>? Qua phân tích các VD, em thấy các đoạn văn trong văn bản có cần liên kết không? Có mấy cách liên kết?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*a) Bắt đầu... Liệt kê ý trình bày...</p> <p>Sau khâu tìm hiểu</p> <p>*Trước hết, đầu tiên, sau nữa, cuối cùng, một là, hai là.</p> <p>*Cùng nói về ngôi trường Mỹ lý ở 2 thời điểm khác nhau, cảm nhận khác nhau.</p> <p>*Trái lại, tuy vậy, ngược lại...</p> <p>Theo dõi 2 đoạn văn BT2(T50-51)</p> <p>*- Từ "đó" là chỉ từ -> Chỉ thời gian hiện tại khi "sân trường Mỹ Lý dày đặc cả người".</p>	<p>- Phân tích ngữ liệu:</p> <p>a) Bắt đầu</p> <p>Sau khâu tìm hiểu Liệt kê.</p> <p>b)</p> <p>Đ1: Cảm nhận thời hiện tại.</p> <p>Đ2: cảm nhận thời quá khứ.</p> <p>Nhưng: gợi sự đối lập cảm nhận.</p> <p>c) Từ "đó" là chỉ từ chỉ thời gian hiện tại</p> <p>Từ Trước đó -> chỉ thời gian quá khứ.</p> <p>-> có tác dụng liên kết 2 đoạn văn.</p> <p>d) Từ "Nói tóm lại"</p> <p>Lkết 2 đoạn bằng cách chuyển ý.</p> <p>2. Dùng câu nối để liên kết đoạn văn</p> <p>- Phân tích ngữ liệu: SGK T53</p> <p>Câu nối ái dà, lại còn chuyện đi học nữa cơ đấy?</p> <p>-> nối tiếp, phân tích ý đoạn văn trước.</p> <p>3. Ghi nhớ: SGK (53)</p>
--	---

<p>- Từ Trước đó là thời gian xảy ra trước khi”sân trường Mỹ Lý dày đặc cả người”(Thời gian quá khứ) -> có tác dụng liên kết 2 đoạn văn.</p> <p>* Đây, kia, ấy, nọ</p> <p>*Đ1: ý cụ thể.</p> <p>Đ2: Tổng kết ý trình bày ở trước.</p> <p>Từ ‘Nói tóm lại’có tính Lkết 2 đoạn bằng cách chuyển ý.</p> <p>* Nhìn chung, tổng kết lại, nói một cách khái quát...</p> <p>*-> nối tiếp, phát triển ý ở cụm từ”bổ đóng sách cho mà đi học”ở đoạn văn trên.</p> <p>*2 HS phát biểu.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p> <p>Trong văn bản, cần sử dụng từ ngữ có tác dụng liên kết hoặc dùng câu nối (câu liên kết) để tạo tính hoàn chỉnh, liền mạch cho văn bản. Người ta gọi chung là những phương tiện liên kết - >1 HS đọc ghi nhớ.</p>	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, rèn kĩ năng viết đoạn văn.

b) Nội dung: HS làm bài tập nhóm

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

Chiếu bài tập (Bảng phụ)

? Tìm từ có tác dụng liên kết đoạn ?

H làm bài tập nhóm bàn-> trình bày.

? Tìm từ ngữ liên kết ? Xác định mối quan hệ ý nghĩa?

- Nhóm 1: đoạn a.

- Nhóm 2: đoạn b.

- Nhóm 3: đoạn c.

Đại diện nhóm trình bày bài tập.

Chốt, nhận xét

? Bài tập 2 yêu cầu chúng ta phải làm gì? Hãy chỉ ra những phương tiện liên kết mà em đã sử dụng ?

Gợi ý:

Chọn phương tiện liên kết phù hợp để điền vào chỗ trống thích hợp.

- Dùng SGK làm bài tập.

- Thực hiện theo cá nhân.

? Bài tập 3 yêu cầu gì?

? Em trình bày ý kiến như thế nào?

?Nên sử dụng phương tiện liên kết đoạn nào ?

- Có thể chọn: Tóm tắt ý đoạn trước, phát triển ý đoạn sau.
- Viết đoạn văn có sử dụng phương tiện liên kết -> phân tích phương tiện liên kết.
- Tùy thời lượng, thời gian, hướng dẫn học sinh làm bài tập.
- Thực hiện nhóm.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống thực tiễn.

b) Nội dung: ? Trình bày đoạn văn em đã chuẩn bị ở nhà và nêu phép liên kết mà em đã sử dụng trong đó? Lí giải?

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

? Trình bày đoạn văn em đã chuẩn bị ở nhà và nêu phép liên kết mà em đã sử dụng trong đó? Lí giải?

H trình bày phần chuẩn bị

. Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:

- Học bài theo nội dung
- Tìm và chỉ ra tác dụng của các từ ngữ và câu văn được dùng để liên kết các đoạn văn trong một văn bản theo yêu cầu.
- Bài tập thêm:

1. Tìm một số ví dụ về phương tiện liên kết đóng vai trò liên kết đoạn văn trong các văn bản học: tôi đi học, trong lòng mẹ, lão Hạc.

2. Viết hai đoạn văn tự sự (hoặc biểu cảm) sử dụng hình thức liên kết đoạn chỉ quan hệ nhân quả.

* Đối với bài mới: Chuẩn bị Viết bài tập làm văn số 1

- + Thế nào là từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội?
- + Cách sử dụng chúng cho phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp
- + Tìm các từ ngữ địa phương nơi em ở.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 13-14

Tập làm văn:

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1 – VĂN TỰ SỰ

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Kiểm tra việc nắm lí thuyết và kiểu bài văn tự sự của học sinh.
- củng cố kiến thức về văn học kiến thức văn tự sự (tập làm văn).

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, tự quản bản thân.
- Năng lực tìm kiếm và xử lí thông tin, quản lí thời gian...

3. Phẩm chất:

Giáo dục ý thức tự giác trong học tập và tình cảm qua cảm nhận của người viết.

II. Hình thức ra đề

- Hình thức: tự luận.
- Cách tổ chức kiểm tra: HS làm bài kiểm tra tại lớp.
- Thời gian: làm ở nhà.

III. Thiết lập ma trận đề (Có tệp đính kèm)

- Liệt kê chuẩn kiến thức, kỹ năng của kiểu bài biểu cảm.
- Thiết lập ma trận đề.
- Xác định khung ma trận. (Trường nhóm ra)

IV. Tiến trình bài dạy

1. Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số.

Ngày giảng	Lớp	Sĩ số

2. Phát đề cho học sinh

(Đề+ đáp án+ biểu điểm nộp lưu tổ chuyên môn)

3. Kỹ năng làm bài

- GV: Yêu cầu HS thực hiện làm bài đúng về nội dung đẹp, khoa học về hình thức

- * Trả lời tốt phần lý thuyết
- * Viết đúng quy trình một bài văn
 - Đọc kĩ đề làm bài đúng yêu cầu 4 bước:
 - Tìm hiểu đề, tìm ý (định hướng văn bản)
 - Lập dàn ý.
 - Viết văn bản tự sự.
 - Đọc lại bài viết và sửa chữa

4. Củng cố

- Nhận xét giờ kiểm tra.
- Nhắc lại các bước làm bài văn tự sự.

. Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ

- GV thu bài, nhận xét ý thức viết bài của HS trong giờ.
- Nhắc lại cách viết bài văn tự sự.

* Đối với bài mới

Chuẩn bị: **Lão Hạc.**

- Tìm hiểu về Nam Cao và truyện ngắn của ông.
- Đọc kĩ tác phẩm và chú thích.
- Soạn bài theo nội dung câu hỏi SGK.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết:15

Tập làm văn:

TỪ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BIỆT NGỮ XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu rõ khái niệm từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội.
- Nắm được tác dụng của việc sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội trong văn bản.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp, thưởng thức văn học.

3. Phẩm chất

Giáo dục ý thức liên kết các đoạn trong một văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- + Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu, bảng phụ).

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.
- + Soạn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

a) Mục tiêu: GV hỏi bài cũ. đặt vấn đề tiếp cận bài học.

b) Nội dung: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) Tổ chức thực hiện:

Có thể mang một số món đồ/ trình chiếu/ in tranh ảnh: hạt ngô, cái bát ăn cơm, cái túi bóng, cái muôi, cái bì, xe máy, xe khách...và yêu cầu học sinh gọi tên các đồ vật đó. Gv tiếp tục hỏi học sinh là ngoài những những tên mà bạn vừa kể thì các em có biết những vật này có tên nào khác không?

ngô là bắp, bát là chén, túi bóng là bọc mủ, cái bì là cái bao, xe máy là xe honda, xe khách là xe đò (theo cách nói của người miền Nam)

Dẫn dắt: Trong ngôn ngữ tiếng Việt, bên cạnh những từ ngữ toàn dân còn có những từ ngữ chỉ dùng trong một địa phương, một vùng nhất định như những từ ta vừa giải nghĩa ở trên. Và một số từ ngữ chỉ có trong hoàn cảnh giao tiếp của một vài đối tượng. Hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về những từ ngữ đó.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Tìm hiểu từ ngữ địa phương**

a) Mục tiêu: Giúp học sinh tìm hiểu từ ngữ địa phương

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: HS nắm rõ nội dung bài học

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
NV1: Treo bảng phụ yêu cầu HS chú ý những từ in đậm. - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Trong ba từ bắp, bẹ, ngô từ nào là từ được sử dụng phổ biến trong toàn dân? ? Từ bẹ, bắp thường được sử dụng ở địa	I. Tìm hiểu từ ngữ địa phương 1. Phân tích ngữ liệu (SGK/T56). - Bắp, bẹ đều có nghĩa là ngô + bẹ: vùng núi phía Bắc + bắp: vùng nông thôn

<p>phương nào?</p> <p>? Vậy em hiểu thế nào là từ toàn dân?</p> <p>? Thế nào là từ ngữ địa phương?</p> <p>? Đọc to, rõ mục ghi nhớ SGK/ T56.</p> <p>? Lấy thêm các ví dụ về từ ngữ địa phương? Do đâu có từ địa phương</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*từ ngô.</p> <p>*Trình bày.</p> <p>*Đó là lớp từ ngữ văn hoá, chuẩn mực, được sử dụng rộng rãi.</p> <p>*Là từ ngữ chỉ sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định.</p> <p>*Lấy VD.</p> <p>Có một số từ ngữ địa phương không có từ toàn dân tương ứng.</p> <p>VD: từ nhút (nghệ Tĩnh) -> món ăn được muối từ xơ mít.</p> <p>- Sầu riêng, chôm chôm, măng cụt (Nam Bộ)</p> <p>-> Do sự giao lưu kinh tế văn hoá -> từ toàn dân.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>-> từ địa phương.</p> <p>+ ngô: từ ngữ văn hoá, chuẩn mực, được sử dụng rộng rãi</p> <p>-> từ toàn dân.</p> <p>- Từ ngữ địa phương: Chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.</p> <p>2. Ghi nhớ: SGK/T56.</p>
---	---

Hoạt động 2: Tìm hiểu biệt ngữ xã hội.

a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu về biệt ngữ xã hội

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** HS nắm rõ thông tin về nội dung bài học

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Đọc ngữ liệu a mục II – SGK/ T57.</p> <p>? Mẹ và mợ trong đoạn văn chỉ chung một đối tượng, tại sao tác giả lại dùng như vậy</p> <p>? Trước cách mạng tháng Tám, tầng lớp xã hội nào thường gọi bố mẹ là cậu, mợ</p> <p>? Ở thôn quê gọi như thế nào</p> <p>? Đọc to ngữ liệu b mục II/ SGK.</p> <p>? Em hiểu từ ngỗng và trứng có nghĩa</p>	<p>1. Phân tích ngữ liệu: SGK/ T57.</p> <p>a/ Mẹ, mợ-> Từ đồng nghĩa</p> <p>- Mẹ -> từ toàn dân</p> <p>- Mợ -> lời của bé Hồng khi nói với bà cô.</p> <p>-> Mợ: từ ngữ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định (tầng lớp trung lưu, thượng lưu trước cách mạng tháng Tám).</p>

<p>ntn?</p> <p>? Đối tượng nào thường dùng những từ ngữ trên?</p> <p>? Em hiểu thế nào là biệt ngữ xã hội?</p> <p>So sánh biệt ngữ xã hội với từ địa phương?</p> <p>*Mẹ: tác giả dựng trong lời kể mà đối tượng là độc giả (dùng từ toàn dân).</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>Mẹ: câu đáp của bé Hồng khi nói với bà cô, hai người cùng tầng lớp xã hội.</p> <p>* Tầng lớp trung lưu, thượng lưu.</p> <p>* Thầy, U.</p> <p>*ngỗng: điếm 2; trúng tử: học kĩ, thuộc nhất.</p> <p>*Học sinh, sinh viên.</p> <p>*Trình bày.</p> <p>*- Từ địa phương: Dùng cho một vài địa phương. (mọi tầng lớp)</p> <p>- Biệt ngữ xã hội: Chỉ dùng cho một tầng lớp nhất định. (ở nhiều địa phương)</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>b)</p> <p>- ngỗng: điếm 2;</p> <p>- trúng tử: Trúng sự chuẩn bị (học kĩ, thuộc nhất).</p> <p>-> Học sinh, sinh viên thường dùng.</p> <p>=> Mẹ, ngỗng, trúng tử là biệt ngữ xã hội (chỉ dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định).</p> <p>2. Ghi nhớ: SGK/ 57</p>
---	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu cách sử dụng từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội

a) Mục tiêu: Giúp học sinh biết sử dụng từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: HS nắm rõ về cách sử dụng từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1</p> <p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Những điều cần lưu ý khi sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội?</p> <p>? Tại sao trong các đoạn văn, thơ này tác giả lại sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội?</p>	<p>III. Sử dụng từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội</p> <p>1. Phân tích ngữ liệu SGK/58</p> <p>* VD: SGK/58</p> <p>- mô, bày, tui, ví, nó hiện chừ</p> <p>- cá, dầm thượng, mỗi.</p> <p>=> Tô đậm màu sắc địa phương,</p>

<p>? Từ việc tìm hiểu bài tập em hãy nêu kết luận về việc sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội ? (H giỏi) Muốn tránh lạm dụng từ ngữ địa phương và Biệt ngữ xã hội em cần làm gì?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*- Không nên lạm dụng -> hiệu quả giao tiếp sẽ không cao vì không phải ai cũng hiểu nghĩa của từ đó.</p> <p>- Phù hợp với tình huống giao tiếp (Đọc thầm ví dụ b)</p> <p>*(Chú ý phân chú giải)</p> <p>- Tô đậm màu sắc địa phương - Tô đậm màu sắc tầng lớp xã hội</p> <p>*- Khi sử dụng phải phù hợp với tình huống giao tiếp.</p> <p>- Không nên lạm dụng sẽ gây khó hiểu - Trong văn thơ sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội > Tô đậm màu sắc địa phương, màu sắc tầng lớp xã hội.</p> <p>*- Tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết.</p> <p>Đọc ghi nhớ.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>màu sắc tầng lớp xã hội.</p> <p>2. Ghi nhớ : SGK/58</p>
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức, rèn kỹ năng làm bài tập liên quan đến từ ngữ địa phương.

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

Bài tập 1: Hoạt động nhóm (4 nhóm)

? Tìm một số từ ngữ địa phương nơi em ở hoặc ở vùng khác mà em biết.
Nêu từ ngữ toàn dân tương ứng?

* Trò chơi ai nhanh hơn

Đại diện nhóm trình bày bài tập.

Chốt, nhận xét.

Bài tập 2: Hoạt động cá nhân.

? Tìm một số từ ngữ của tầng lớp học sinh hoặc tầng lớp xã hội khác mà em biết và giải thích nghĩa của các từ ngữ trên (cho ví dụ minh họa)?

Lên bảng làm, HS nhận xét

Nhận xét, bổ sung.

Bài tập 3: Hoạt động cá nhân.

? Trong những trường hợp sau trường hợp nào nên dùng từ ngữ địa phương, trường hợp nào không nên dùng từ ngữ địa phương

Yêu cầu: Nên dùng trong trường hợp a, từ ngữ địa phương chỉ thích hợp dùng trong giao tiếp khẩu ngữ với người cùng địa phương.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

? Em hãy tìm những từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội có trong văn bản: “Trong lòng mẹ” – trích: Những ngày thơ ấu của nhà văn Nguyên Hồng? Phân tích tác dụng của những từ ngữ ấy?

- Từ ngữ địa phương: đánh giầy; bán xới.

- Biệt ngữ xã hội: thầy; mợ.

=> Tác dụng: Người đọc biết được nhân vật thuộc tầng lớp xã hội nào để hiểu rõ hơn nội dung ý nghĩa của tác phẩm; tô đậm màu sắc địa phương

*** Hướng dẫn về nhà**

*** Đối với bài cũ:**

- Suu tầm một số câu ca dao, hò, vè, thơ, văn có sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội.

- Đọc và sửa các lỗi lạm dụng từ ngữ địa phương trong một số bài tập làm văn của bản thân và bạn.

*** Đối với bài mới:** Chuẩn bị “Tóm tắt văn bản tự sự”

- Hiểu thế nào là cách tóm tắt văn bản tự sự.

- Cách tóm tắt văn bản tự sự.

- Đọc, hiểu, nắm bắt được toàn bộ cốt truyện của các văn bản tự sự đã học.

- Biết phân biệt sự khác nhau giữa tóm tắt khái quát và tóm tắt chi tiết.

- Biết cách tóm tắt một văn bản tự sự phù hợp với yêu cầu sử dụng.

- Mỗi nhóm chuẩn bị tóm tắt một văn bản đã học theo sự phân công.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 16

Tập làm văn:

TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được các yêu cầu đối với việc tóm tắt văn bản tự sự

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.

- Năng lực giao tiếp, thưởng thức văn học

3, Phẩm chất:

HS có ý thức tập trung, nắm vững nội dung các văn bản tự sự

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- + Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.
- + Soạn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

a) **Mục tiêu:** GV đặt vấn đề tiếp cận bài học.

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Chúng ta đang sống trong một thời đại bùng nổ thông tin, hằng ngày có rất nhiều lượng thông tin được cập nhập trên các kênh khác nhau như: (sách báo, truyền thanh, truyền hình, mạng internet..) đặc biệt là qua sách ngữ văn,.. để kịp thời cập nhật những thông tin đó ta phải biết tóm tắt những nội dung chính, kĩ năng đó như thế nào? Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu thế nào là tóm tắt văn bản tự sự.

a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu về tóm tắt văn bản tự sự.

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** HS nắm rõ thông tin về tóm tắt văn bản tự sự.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
NV1 - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Thế nào là văn bản tự sự? ? Lấy ví dụ qua các văn bản đã học? ? Trong trường hợp nào chúng ta phải tóm tắt văn bản tự sự? ? Vậy thế nào là tóm tắt văn bản tự sự? ? Đọc bài 2 – mục I/ SGK. ? Chọn phương án đúng nhất trong những câu đã cho ? Tại sao em lại chọn phương án đó - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.	I. Thế nào là tóm tắt văn bản tự sự. - Là dùng lời văn của mình trình bày một cách ngắn gọn nội dung chính của văn bản đó.

<p>*Thường là văn bản có cốt truyện, có nhân vật, sự kiện, chi tiết tiêu biểu (Trình bày diễn biến sự việc).</p> <p>Khi viết nhà văn thường thêm vào nhiều chi tiết phụ cho truyện thêm sinh động, hấp dẫn, có hồn.</p> <p>*Trong cuộc sống hằng ngày, có những văn bản tự sự đã đọc nhưng nếu muốn ghi lại nội dung chính của nó để sử dụng hoặc kể cho người khác nghe.</p> <p>Trình bày.</p> <p>*Kết luận: Là ghi lại một cách ngắn gọn, trung thành những nội dung chính của văn bản tự sự vì ghi lại đầy đủ và chi tiết thì không phải là tóm tắt nữa.</p> <p>*Đáp án b.</p> <p>*Căn cứ vào khái niệm: tóm tắt văn bản tự sự.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
--	--

Hoạt động2: Cách tóm tắt văn bản tự sự.

- a) **Mục tiêu:** Giúp học sinh biết được cách tóm tắt văn bản tự sự.
- b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** HS nắm rõ thông tin về cách tóm tắt văn bản tự sự.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV Đọc văn bản tóm tắt SGK/ T60.</p> <p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Đọc văn bản tóm tắt SGK/ T60.</p> <p>? Văn bản tóm tắt đó kể lại nội dung của văn bản nào</p> <p>? Dựa vào đâu mà em nhận ra được nó</p> <p>? Như vậy theo em, văn bản tóm tắt trên có nêu được nội dung chính của văn bản “Sơn Tinh, Thủy Tinh” mà em đã học không?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>* Sơn Tinh, Thủy Tinh.</p> <p>Trình bày:</p> <p>*- Dựa vào nhân vật: Vua Hùng thứ 18,</p>	<p>II. Cách tóm tắt văn bản tự sự</p> <p>1. Những yêu cầu đối với văn bản tóm tắt.</p> <p>a. Phân tích ngữ liệu:</p> <p>SGK/T60.</p> <p>- Tóm tắt nội dung VB “Sơn Tinh, Thủy Tinh”.</p> <p>- Nêu ngắn gọn, đầy đủ nội dung chính của văn bản.</p> <p>- So với văn bản gốc:</p> <p>+ Ngắn hơn</p> <p>+ Số lượng nhân vật và sự việc ít hơn.</p> <p>- Phản ánh trung thành nội dung của văn bản được tóm tắt.</p> <p>1. Những yêu cầu đối với văn bản tóm tắt.</p> <p>a. Phân tích ngữ liệu:</p>

Sơn Tinh, Thủy Tinh, Mị Nương.

- Sự việc: Vua Hùng Kén rể.

+ Sơn Tinh, Thủy Tinh cùng đến cầu hôn.

+ Sơn Tinh thắng, cưới được Mị Nương

+ Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh

+ Hằng năm Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh.

*Nêu đầy đủ nội dung chính.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

NV2

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Văn bản tóm tắt trên có gì khác so với bản gốc

? Từ những nhận xét trên, em hãy cho biết yêu cầu đối với một văn bản tóm tắt

? Từ văn bản tóm tắt em vừa tìm hiểu, theo em muốn viết được một văn bản tóm tắt, em cần phải làm những việc gì? Trình tự thực hiện?

Bài tập nhanh (Bảng phụ)

? Trong các văn bản sau, văn bản nào không thể tóm tắt theo cách tóm tắt một văn bản tự sự?

A. Thánh Gióng

B. Ý nghĩa văn chương

C. Lão Hạc

D. Thạch Sanh

Đưa ra lựa chọn.

(Nhóm)

? Hãy sắp xếp lại các bước tóm tắt văn bản tự sự sau đây theo một trình tự hợp lý?

A. Xác định nội dung chính cần tóm tắt: lựa chọn những sự việc tiêu biểu và nhân vật quan trọng.

B. Sắp xếp nội dung chính theo một trình tự hợp lý.

C. Đọc kỹ toàn bộ tác phẩm cần được tóm tắt để nắm chắc nội dung của nó

D. Viết văn bản tóm tắt bằng lời văn của mình.

SGK/T60.

- Tóm tắt nội dung VB “Sơn Tinh, Thủy Tinh”.

- Nêu ngắn gọn, đầy đủ nội dung chính của văn bản.

- So với văn bản gốc:

+ Ngắn hơn

+ Số lượng nhân vật và sự việc ít hơn.

- Phản ánh trung thành nội dung của văn bản được tóm tắt.

b. Các bước tóm tắt văn bản

- Đọc kỹ văn bản.

- Xác định nội dung chính.

- Sắp xếp các nội dung chính theo một trình tự hợp lý.

- Viết bản tóm tắt bằng lời văn của mình.

2. Ghi nhớ: SGK/ T61

? Từ đó, em hãy nêu các bước tóm tắt văn bản tự sự?

? Em hãy nêu các bước tóm tắt văn bản?

? Cần lưu ý điều gì khi tóm tắt văn bản?

? Nêu kết luận chung về tóm tắt văn bản?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

*+ Độ dài: ngắn hơn.

+ Lời văn: là lời của người tóm tắt.

+ Số lượng nhân vật: ít hơn (chỉ có nv chính).

+ Sự việc: ít hơn (SV chính).

*Phản ánh trung thành nội dung của văn bản được tóm tắt.

*- Đọc kĩ tác phẩm được tóm tắt để nắm chắc nội dung chính của nó, cụ thể là:

+ Sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc cao trào, sự việc kết thúc.

+ Nhân vật.

- Hiểu đúng chủ đề văn bản, xác định nội dung chính cần tóm tắt.

- Sắp xếp các nội dung chính theo một trật tự hợp lí.

- Viết bản tóm tắt bằng lời văn của mình.

*Lưu ý : Khi tóm tắt cần đảm bảo tính khách quan, không thêm bớt các chi tiết, sự việc có trong tác phẩm, không chen vào trong các văn bản tóm tắt ý kiến bình luận, khen chê của người tóm tắt. Ngoài ra văn bản tóm tắt còn phải: Đảm bảo tính hoàn chỉnh, bản tóm tắt phải giúp người đọc hình dung được toàn bộ câu chuyện (mở đầu, phát triển, kết thúc) và đảm bảo tính cân đối về bố cục một cách hợp lý.

* Chuyển ý: Muốn viết được một văn bản tóm tắt, theo em phải làm những việc gì? Những việc ấy phải thực hiện theo những trình tự nào....

*Y/c: Sắp xếp theo trình tự C-A- B- D

*Trình bày.

*Trình bày:

*+ Không đưa vào những nhận xét, đánh

giá chủ quan của người tóm tắt.
 + Tước bỏ đi những chi tiết, nhân vật, yếu tố phụ không quan trọng.
 + Chú ý tính khách quan (trung thành với văn bản được tóm tắt) tính hoàn cảnh, giúp người đọc hình dung được toàn bộ câu chuyện mở đầu, phát triển, kết thúc, tính cân đối: số dòng, số câu... phù hợp.

Đọc phần ghi nhớ (SGK)

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, rèn kỹ năng làm tóm tắt văn bản.

b) Nội dung: HS tóm tắt đoạn trích

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

? Thực hành tóm tắt đoạn trích “Trong lòng mẹ”?

HS thực hiện -> HS nhận xét.

Nhận xét.

? Tóm tắt đoạn trích " Tức nước vỡ bờ" Trích trong " tắt đèn" của Ngô tất Tố?

a, Nhân vật chính: Chị Dậu

b, Sự việc tiêu biểu:

- Chị Dậu chăm sóc chồng bị ốm

- Chị Dậu đối phó với bọn cai lệ...

- Chị Dậu đánh lại tên cai lệ và người nhà lí trưởng để bảo vệ chồng.

c, Viết đoạn văn tóm tắt

Làm bài ra phiếu học tập.

Thu bài, đọc, nhận xét, rút kinh nghiệm (5- 7 bài).

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để lí giải thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Theo em, nếu không biết cách tóm tắt văn bản tự sự thì chúng ta sẽ gặp khó khăn gì? Các bước tóm tắt văn bản tự sự? Trong 4 bước tóm tắt văn bản tự sự bước nào là quan trọng nhất? Vì sao?

- Bốn bước đều quan trọng, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

- Bước 1 là quan trọng nhất vì nếu không đọc kĩ tác phẩm để nắm được chủ đề, nhân vật, sự kiện thì không thể làm các bước tiếp theo.

? Về tìm đọc bài báo viết về việc em bé Hải An hiến tạng sau khi mất và tóm tắt bài báo đó

Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:

Đọc phần tóm tắt một số tác phẩm tự sự đã học trong từ điển văn học.

* Đối với bài mới: Chuẩn bị “Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự”

- Đọc kĩ văn bản “Tức nước vỡ bờ” và “Lão Hạc”.

- Chuẩn bị bài theo nội dung SGK

? Nhận xét việc liệt kê những sự việc tiêu biểu và các nhân vật quan trọng của văn bản "Lão Hạc"?

? Nếu để nguyên trình tự sắp xếp các ý đó, em có thể tóm tắt được văn bản "Lão Hạc" không? Vì sao?

? Nêu những sự việc tiêu biểu, nhân vật quan trọng trong "Tức nước vỡ bờ"?

? Viết văn bản tóm tắt (10 dòng)?

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 17

Tập làm văn:

LUYỆN TẬP TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được các yêu cầu đối với việc tóm tắt văn bản tự sự.
- Học sinh biết luyện tập kĩ năng tóm tắt văn bản tự sự qua sự việc, nắm được mục đích và cách thức tóm tắt một văn bản tự sự.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp, thưởng thức văn học.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục ý thức tự giác, nghiêm túc trong học tập, có trách nhiệm với bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.
- + Soạn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** GV hỏi bài cũ, đặt vấn đề tiếp cận bài học.

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu 2-3 bạn tóm tắt lại câu chuyện về bé Hải An đã dặn ở tiết trước
Hd trình bày

Gv gọi một 2 bạn nhận xét

Nhìn chung, các em đã biết xác định được nhân vật chính, tuy nhiên, chi tiết còn rườm rà và cốt truyện còn dài dòng. Vậy thì làm thế nào để có thể

tóm tắt được một văn bản tự sự đáp ứng được yêu cầu? Tiết Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự hôm nay sẽ giúp các em giải quyết vấn đề này

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, rèn kỹ năng tóm tắt văn bản tự sự.

b) **Nội dung:** HS ôn tập lại kiến thức và làm bài tập

c) **Sản phẩm:** HS trả lời câu hỏi của GV

d) **Tổ chức thực hiện:**

Nhắc lại lí thuyết đã học về tóm tắt văn bản tự sự.

Nhắc lại những kiến thức cơ bản về tóm tắt văn bản tự sự, cách tóm tắt văn bản tự sự.

Gọi HS đọc yêu cầu BT1

Thảo luận theo nhóm (bàn)

? Nhận xét về bản tóm tắt trong sgk?

? Tóm tắt như vậy đã nêu được những sự việc tiêu biểu và các nhân vật quan trọng của tác phẩm chưa? Nếu phải bổ sung thì bổ sung những gì?

- Đã nêu tương đối đầy đủ nhưng lộn xộn, thiếu mạch lạc

? Theo em sắp xếp các sự việc như thế nào là hợp lý?

- Theo mạch phát triển của sự việc (Trước, sau), sự việc sau tiếp nối sự việc trước..

? (H giỏi) Từ sự sắp xếp các ý trên em hãy viết văn bản tóm tắt truyện “Lão Hạc” khoảng 10 dòng ?

Thực hiện trong 10’.

Gợi ý, HS viết -> HS đọc.

-> Nhận xét, sửa.

Nêu yêu cầu bài tập 2?

- Nêu sv tiêu biểu, nv quan trọng trong “Tức nước vỡ bờ” ?

? Hãy xác định nhân vật chính? sự việc tiêu biểu?

Tóm tắt -> trình bày.

Sửa chữa.

? Ở sự việc (1): Chị Dậu chăm sóc chồng có những chi tiết nào?

- Cháo chín: Chị Dậu múc la liệt -> quạt cho chóng nguội

- Rón rén bê bát cháo tới mời chồng, đón cái Tiú ngồi bên xem chồng ăn có ngon miệng không.

? Tương tự ở sự việc (2) có những chi tiết nào?

- Cai lệ và người nhà lí trưởng xuất hiện -> anh Dậu ngã lăn đùng -> chị Dậu van xin cai lệ cho vợ chồng chị khát tiền sưu -> cai lệ không nghe, cứ sai người nhà lí trưởng chực xông vào định trói anh Dậu -> chị liều mạng cự lại. Lúc đầu bằng lí lẽ, sau là bằng vũ lực => tên người nhà lí trưởng và cai lệ bị chị đánh cho ngã nhào.

Viết văn bản tóm tắt 10 dòng. (10 phút)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống thực tiễn.

b) **Nội dung:** GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) **Sản phẩm:** Đáp án của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

? Tại sao văn bản “Tôi đi học” và “Trong lòng mẹ” rất khó tóm tắt?

? Nếu muốn tóm tắt thì ta phải làm gì?

Gợi ý:

- Hai văn bản khó tóm tắt vì: là 2 tác phẩm tự sự nhưng giàu chất thơ, ít sự việc (truyện ngắn trữ tình) chủ yếu miêu tả những cảm giác và nội tâm nhân vật.

- Muốn tóm tắt văn bản này ta phải đọc để cảm nhận cảm xúc nhân vật, phải có vốn sống cần thiết để khái quát đời sống nội tâm nhân vật.

***Hướng dẫn về nhà**

* Đối với bài cũ:

- Hoàn chỉnh bài tập 1, 2, 3

- Tìm đọc phần tóm tắt một số tác phẩm

* Đối với bài mới: Chuẩn bị “Trả bài tập làm văn số 1”

- Xem lại dàn ý bài văn viết số 1 bổ sung và sửa lỗi của mình.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 18

Tập làm văn:

TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- củng cố lại các bước của quá trình tạo lập văn bản.

- củng cố kiến thức về phương pháp làm bài văn tự sự kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm, về cách dùng từ đặt câu.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy ngôn ngữ.

- Suy nghĩ, phê phán, phân tích và đưa ra ý kiến cá nhân đánh giá chất lượng bài làm của mình so với yêu cầu của đề bài, về quá trình tạo lập văn bản.

- Ra quyết định: Lựa chọn cách lập luận khi tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất: - Có ý thức vận dụng thực hành tạo lập văn bản đạt hiệu quả, nâng cao ý thức học tập, tích hợp trong bộ môn Ngữ văn.

- Giáo dục học sinh ý thức tự giác tích cực trong việc chữa lỗi, đánh giá chất lượng bài làm của mình so với yêu cầu của đề bài -> có kinh nghiệm và quyết tâm cần thiết để làm tốt hơn những bài sau.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ Chấm bài.

+ Liệt kê những lỗi của học sinh.

2. Chuẩn bị của học sinh:

+ Xem lại kiến thức đã học, phương pháp làm bài tự sự.

+ Lập dàn ý các đề bài theo hướng dẫn của giáo viên.

+ Đọc lại bài của mình và tự sửa lỗi.văn bản.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1. Ổn định tổ chức (1')

- Kiểm tra vệ sinh, nề nếp:.....
- Kiểm tra sĩ số học sinh:

Bước 2. Kiểm tra bài cũ (4'):

Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

Bước 3. Bài mới (36')

Trong giờ trả bài hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu xem bài viết của mình tại sao làm tốt, tại sao chưa tốt để rút kinh nghiệm cho các bài viết sau.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	Nội dung
HS nhắc lại đề bài - GV treo bảng phụ đề lên.	I. Đề kiểm tra 1. Đề bài: có tệp đính kèm 2. Nội dung đề: có tệp đính kèm
Nhận xét chung Nhận xét bài viết *Ưu điểm + Chữ viết rõ ràng, sạch sẽ, tách đoạn phần Thân bài tương đối thành thạo. + Hầu hết HS đều nắm được phương pháp viết kiểu bài tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm + Một số bài viết khá sâu sắc, diễn đạt tốt. + Biết trình bày lời đối thoại giữa các nhân vật + Một số học sinh biết viết cả cách miêu tả nội tâm nhân vật Những bài viết tốt: * Nhược điểm - Nhiều HS chưa tách đoạn hợp lí. - Một số HS còn viết tắt tong bài, còn thiên về kể chuyện. - Diễn đạt lủng củng, mắc lỗi dùng từ, lỗi diễn đạt chưa lưu loát. - Sai nhiều lỗi chính tả.	II. Nhận xét chung *Ưu điểm *Nhược điểm
* Trả bài cho HS, yêu cầu học sinh xem lại bài viết của mình. Trao đổi bài cho nhau để nhận xét.	III. Trả bài cho học sinh
Chọn lỗi tiêu biểu HS hay mắc phải để sửa cho HS. *Lỗi chính tả GV yêu cầu HS tự chữa lỗi trong bài. *Lỗi dùng từ *Lỗi diễn đạt GV đọc một số bài làm tốt - Một số em còn mắc lỗi về phương pháp làm bài: => Cần rèn ý thức thực hiện tốt phương pháp	IV. Chữa lỗi 1. Lỗi chính tả - trật tự. - nghe - tri thức - nhào lặn - dong dỏng - lạnh quanh - làn da 2. Lỗi dùng từ

làm bài								- Bạn có năng khiếu âm nhạc. - Đôi tay nhỏ nhắn, đáng yêu. 3. Lỗi điển đạt - Sách là nguồn sống. - Những trang sách viết về thời kì đấu tranh chống giặc ngoại xâm. - Tôi cảm thấy mình cao hơn. 4. Phương pháp làm bài - Nội dung: Cần phải đầy đủ và chính xác. - Hình thức: Sạch đẹp, rõ ràng, khoa học.			
- Đọc bài văn, đoạn văn tiêu biểu:								V. Đọc bài văn, đoạn văn tiêu biểu:			
								VI. Thống kê điểm			
Lớp	Sĩ số	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tổng											

Hướng dẫn HS về nhà

* Học bài cũ

- Tự chữa lỗi nội dung bài cho hoàn chỉnh, rút kinh nghiệm cho bài viết của bản thân.

* Chuẩn bị bài mới: Chủ đề Truyện nước ngoài, văn bản: Cô bé bán diêm

+ Đọc tư liệu về tác giả, tác phẩm.

+ Tóm tắt văn bản, đọc thêm tài liệu về nhà văn An-đéc-xen

+ Chỉ ra những điều ước của cô bé bán diêm?

+ Chi tiết nào em ấn tượng nhất, vì sao?

+ Xác định một số đặc điểm của truyện nước ngoài

+ Chỉ ra được sự ảnh hưởng, chi phối nổi bật của hoàn cảnh sáng tác đến tác phẩm?.

+ Chỉ ra tác dụng của các nét nghệ thuật đặc sắc sử dụng trong các văn bản văn học nước ngoài?

Ngày soạn:**Ngày dạy:****Tiết: 19, 20****Văn bản :**

CHỦ ĐỀ: TRUYỆN NƯỚC NGOÀI
CÔ BÉ BÁN DIÊM

(An- đéc- xen)

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức:**

- Nắm được cốt truyện, nhân vật, tóm tắt được tác phẩm, đoạn trích.
- Nghệ thuật đặc sắc của các tác phẩm, đoạn trích.
- Các yếu tố hiện thực trong tác phẩm, đoạn trích.

2. Năng lực

* Năng lực chung:

- Năng lực tự học các tác phẩm văn tự sự nước ngoài
- Năng lực giải quyết vấn đề liên quan đến nội dung của các văn bản tự sự nước ngoài
- Năng lực sáng tạo trong nghệ thuật khi phân tích một vấn đề trong tác phẩm
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong quá trình cảm nhận một số chi tiết, hình ảnh tiêu biểu
- Thu thập kiến thức xã hội có liên quan đến các tác phẩm văn tự sự nước ngoài
- Tự lập, tự tin, có tinh thần vượt khó khi tìm tòi về các tác phẩm văn tự sự nước ngoài
- Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng, môi trường tự nhiên,...
- + Có ý thức công dân, có lối sống lành mạnh;
- + Có tinh thần đấu tranh với những quan điểm sống thiếu lành mạnh, trái đạo lý.

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực đọc hiểu tác phẩm
- Năng lực đọc diễn cảm tác phẩm
- Năng lực cảm thụ tác phẩm
- Năng lực bình một số câu văn hay hình ảnh đẹp.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục tình cảm yêu thương trân trọng con người.
- Giáo dục cho học sinh có nhận thức, hành động đúng trong cuộc sống.
- Giáo dục cho học sinh lòng yêu quê hương, trân trọng, biết ơn những người đi trước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên: Bài soạn, tư liệu tham khảo.

2. Đối với học sinh: Soạn bài theo câu hỏi SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** HS trình bày miệng

d) **Tổ chức thực hiện:**

Cho học sinh nghe bài Đưa bé của nhạc sĩ Minh Khang

Có lẽ, có một số phận có nhiều nét tương đồng với đứa bé trong nhạc phẩm của Minh Khang đó chính là cô bé bán diêm. Tiết 2 của bài sẽ cho chúng ta thấy được số phận bất hạnh của đứa bé này

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: GV giới thiệu cho HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

a) Mục tiêu: Trang bị cho học sinh những kiến thức mới liên quan đến tình huống/ vấn đề nêu ra ở hoạt động khởi động

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV Hướng dẫn HS tìm hiểu tiếp về phần nội dung kiến thức</p> <p>Hoạt động nhóm</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>(Thời gian: 10 phút)</p> <p>Học sinh: cá nhân sử dụng phiếu học tập hoạt động theo nhóm bàn.</p> <p>Nội dung: điền vào phiếu học tập (Có câu hỏi đính kèm)</p> <p>Phân công:</p> <p>Nhóm 1,3,5,7: Hoàn cảnh của cô bé bán diêm.</p> <p>Nhóm 2,4,6,8: Cuộc sống thực tế và mộng tưởng của cô bé bán diêm qua các lần quẹt diêm</p> <p>Nhóm 9,10,11,12: Cái chết của cô bé bán diêm</p> <p>+ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>+ Bước 3: Trao đổi thảo luận</p> <p>- Báo cáo: cá nhân trả lời tại chỗ theo phiếu học tập.</p> <p>- Giáo viên chuẩn hóa kiến thức, nhận xét, đánh giá</p> <p>GV: Ở các nước Bắc Âu như Đan Mạch vào dịp mùa đông, thời tiết rất lạnh, có khi xuống tới âm vài chục độ C. Nước từ trên trời tuôn xuống gặp không khí lạnh đến tê người, đóng thành tuyết. Tuyết rơi dày đặc.. Đêm 30 Tết là ngày cuối cùng của năm. Giây phút gần đến giao thừa là thời điểm cuối cùng của ngày đặc biệt cuối năm. Em bé đã đói rét suốt một năm trời. Vào thời điểm ấy, cái đói, cái rét dường như tích tụ lại, nhu cầu về vật chất, tình cảm lên đến cao độ, dường như đã vượt quá xa sức chịu đựng</p>	<p>3. Phân tích</p> <p>3.1. Hoàn cảnh của cô bé bán diêm</p> <p>*Gia cảnh</p> <p>- Mồ côi mẹ, bà nội hiền hậu cũng đã mất, gia sản tiêu tán.</p> <p>- Sống với cha trong một xó tối tăm.</p> <p>- Luôn bị mắng nhiếc chửi rủa.</p> <p>- Phải đi bán diêm để kiếm sống.</p> <p>-> Thật tội nghiệp, đáng thương, thiếu vắng tình thương yêu, sự chia sẻ.</p> <p>*Trong đêm giao thừa</p> <p>- Đêm khuya, gần giao thừa.</p> <p>- Trời rét mướt</p> <p>-> Thời gian, không gian rất đặc biệt.</p> <p>-> Sử dụng các hình ảnh tương phản (đối lập) đặt gần nhau.</p> <p>+ Tương phản giữa:</p> <p>Cảnh sum họp đầm ấm, sung túc trong các nhà > < Cảnh đơn độc, đói rét, thiếu thốn về vật chất và tinh thần của em bé.</p> <p>=> Tình cảnh thật khổ cực tội nghiệp, đáng thương: Cô độc, đói rét, bị đẩy ải mà không được ai đoái hoài.</p> <p>3.2. Cuộc sống thực tế và mộng tưởng của cô bé bán diêm qua các lần quẹt diêm.</p> <p>Quẹt 5 lần: - 4 lần đầu: mỗi lần 1 que</p> <p>- Lần cuối: cả bao.</p> <p>- Lần 1:</p> <p>Ngồi trước lò sưởi lửa cháy vui mắt toả hơi nóng dịu dàng</p>

mỏng manh của em bé tội nghiệp. Thời tiết ấy, thời điểm ấy gọi cho ta nghĩ tới cảnh sum họp ấm cúng, vui vẻ hạnh phúc trong gia đình. Song thân phận của em bé bán diêm không được sống trong niềm vui, hạnh phúc ấy...

Bước 4: Kết luận, nhận định:

-Giáo viên nhận xét, đánh giá

=> Vì em đang rét, muốn được sưởi ấm.

- **Lần 2:** Bàn ăn, đồ quý giá, ngỗng quay ...

Vì em đang đói, muốn ăn (gần 12 giờ đêm rồi)

- **Lần 3:** Cây thông Nô en, ngọn nến sáng rực, lấp lánh..

Em bé muốn được đón niềm vui, hi vọng vào năm mới.

- **Lần 4:** Thấy Bà nội hiện về đang mỉm cười với em

-> Vì vậy lời cầu xin của em vang lên thống thiết sâu sâu

- **Lần 5:** Em quệt tất cả những que diêm còn lại trong bao

-> **Mộng tưởng đẹp** thể hiện khát khao cháy bỏng của cô bé về 1 cuộc sống tốt đẹp hạnh phúc.

Các mộng tưởng diễn ra theo trình tự hợp lý sau mỗi lần quệt diêm.

-> Khi diêm tắt, em bé trở về với **thực tế phũ phàng**

- Tương phản, đối lập, mộng tưởng đan xen thực tế...

- Ý nghĩa: Cuộc sống trên trần gian chỉ là buồn đau, đói rét với người nghèo

3.3. Cái chết của cô bé bán diêm:

=> Là cái chết đẹp, chết về thể xác nhưng linh hồn, khát vọng của bé vẫn sống **“đôi má hồng, đôi môi đang mỉm cười”**

- Cái chết thể hiện bi kịch lạc quan của tác phẩm.

- Biện pháp NT Tương phản, Đối lập

=> Kết thúc truyện thể hiện nỗi day dứt, xót xa của nhà văn đối với em bé bất hạnh.

Hoạt động 3: Hướng dẫn tổng kết

a) Mục tiêu: Học sinh biết cách tổng kết văn bản

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ?Chỉ ra những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ? Nội dung, ý nghĩa bài thơ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.	4. Tổng kết 4.1. Nghệ thuật: - Miêu tả rõ nét cảnh ngộ và nỗi khổ cực của em bé bằng những chi tiết, hình ảnh đối lập. - Sắp xếp trình tự sự việc nhằm khắc học tâm lí em bé trong cảnh ngộ bất hạnh. - Sáng tạo trong cách kể chuyện. 4.2. Nội dung - ý nghĩa văn bản: *Ý nghĩa: Truyện thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh. 4.3. Ghi nhớ: SGK (68)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức, rèn kĩ năng kỹ năng viết đoạn văn, bồi dưỡng tình cảm yêu thương con người, thầy cô, bè bạn, mái trường.

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

Hiện nay còn rất nhiều những hoàn cảnh éo le như em bé bán diêm trong truyện. Hãy lấy ví dụ và cho biết xã hội ta đã có những tổ chức, hành động nào giúp đỡ cho các em có hoàn cảnh khó khăn? Bản thân em đã tham gia hoạt động nhân đạo nào chưa?

Liên hệ: XH ngày nay nhiều em bé gặp h/c éo le bất hạnh lang thang phải tự kiếm sống (nhặt rác, đánh giày...) Có những bàn tay nhân ái, những tổ chức từ thiện nhận bảo trợ nuôi dưỡng tạo cho các em học tập văn hoá, học nghề để các em có c/s hp (Các làng trẻ em: làng SOS, hoa phượng, các mẹ nhận nuôi dưỡng các con...)

?Thông qua câu chuyện nhà văn đã gửi đến mọi người bức thông điệp gì?

- Hãy yêu thương con trẻ! Hãy dành cho trẻ em một cuộc sống bình yên và hạnh phúc! Hc của tác phẩm.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

GV cho HS làm các bài tập trắc nghiệm để củng cố và mở rộng kiến thức cho HS.

***Hướng dẫn về nhà ()**

1. Hướng dẫn học sinh học bài cũ:

- Đọc diễn cảm đoạn trích.
- Ghi lại những cảm nhận của em về một hoặc vài chi tiết nghệ thuật tương phản trong đoạn trích.
- Tóm tắt truyện bằng lời văn của mình
- Tìm đọc các truyện cổ tích của An-đéc-xen.
- Tiếp tục phát biểu cảm nghĩ về câu chuyện.
- Hãy dựng lại cô bé bán diêm, kể lại những điều kì diệu mà em nhìn thấy trong đêm giao thừa. Tại sao tác giả gọi đó là những điều kì diệu

2. Hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài tiếp theo trong chủ đề truyện nước ngoài

Soạn bài **Trợ từ, thán từ**

Ngày soạn:

Ngày dạy

Tiết: 21

Tiếng việt: TRỢ TỪ, THÁN TỪ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được thế nào là trợ từ và thán từ.
- Nắm được tác dụng của trợ từ, thán từ trong văn bản.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân, ra quyết định: sử dụng trợ từ, thán từ phù hợp với tình huống giao tiếp.
- Năng lực giao tiếp, sử dụng tiếng Việt: trình bày suy nghĩ, ý tưởng, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm cá nhân về cách sử dụng trợ từ, thán từ Tiếng Việt

3. Phẩm chất:

Có ý thức dùng chính xác trợ từ, thán từ.

Giáo dục cho HS lòng yêu mến tiếng mẹ đẻ, ý thức bảo vệ sự giàu đẹp và trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu)

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.
- + Soạn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: GV đặt vấn đề tiếp cận bài học.

b) Nội dung: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) Tổ chức thực hiện:

- **GV:** sau khi kiểm tra bài cũ, biết điểm miệng của hHS, GV sẽ yêu cầu học sinh đặt câu có chứa số điểm đó

- **HS** thực hiện

Hôm nay, Lan được 8 điểm môn văn

Hôm nay, Lan được những 8 điểm môn văn

Hôm nay, Lan được có 8 điểm môn văn

- **GV:** so sánh 3 câu trên?

Hs trả lời. GV nhận xét:

Giống: đều chỉ điểm số môn văn của Lan

Khác: câu 1 là trung tính, câu 2 là điểm cao, câu 3 điểm thấp

GV: Sự khác biệt ấy từ đâu mà có?

Từ các từ: Những, có

- GV dẫn dắt: Để hiểu rõ hơn về những từ ngữ này, chúng ta tìm hiểu bài học hôm nay

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động: Tìm hiểu về trợ từ**

a) Mục tiêu: Tìm hiểu về các khái niệm

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: HS nắm rõ về trợ từ.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1: GV treo bảng phụ (3 VD sgk) + Các VD sau:</p> <p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Đọc VD SGK 69. H cả lớp quan sát chỉ ra điểm giống và khác nhau về ý nghĩa giữa 3 câu trên?</p> <p>? Từ “những, có” đi kèm với từ nào trong câu biểu thị thái độ gì của người nói với sự việc được nói đến ?</p> <p>? Vậy hãy so sánh ý nghĩa câu 1,2,3 có gì khác nhau?</p> <p>? Các từ gạch chân đi kèm với từ ngữ nào trong câu và biểu thị thái độ gì của người nói đối với sự việc?</p> <p>? Những từ dùng như trên gọi là trợ từ. Vậy em hiểu như thế nào là trợ từ?</p> <p>? Từ những nào trong 2 câu sau đây là trợ từ ? Vì sao?</p> <p>? Từ đó em cần chú ý điều gì để phân biệt hiện tượng đồng âm khác nghĩa này?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p>	<p>I. Trợ từ</p> <p>1. Phân tích ngữ liệu : SG/69</p> <p>* Giống nhau:</p> <p>Cả 3 câu trên đều thông báo một sự việc. Nó ăn 2 bát cơm.</p> <p>* Khác nhau:</p> <p>- Câu 1: Thông báo một sự việc khách quan.</p> <p>- Câu 2: Thêm “những” -> nhấn mạnh , đánh giá việc ăn hai bát là nhiều.</p> <p>- Câu 3: “có” -> nhấn mạnh đánh giá việc ăn 2 bát là ít.</p> <p>- Các từ " những, có" đi kèm " 2 bát cơm" để nhấn mạnh ý và biểu thị thái độ đánh giá của người nói đối với sự việc được nói ở trong câu -> trợ từ.</p> <p>- Thường là những từ:</p>

+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

* Giống nhau:

Cả 3 câu trên đều thông báo một sự việc:
Nó ăn 2 bát cơm

Khác nhau:

+ Câu: "Nó ăn 2 bát cơm" Chỉ thông báo sự việc đã diễn ra 1 cách khách quan không có ý nghĩa nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đối với sự việc như 2 câu còn lại.

+ Câu: "Nó ăn những 2 bát cơm" do có từ "những" đi kèm "2 bát cơm" biểu thị ý nhấn mạnh, đánh giá của người nói về việc "ăn 2 bát cơm" là nhiều so với bình thường.

+ Câu "Nó ăn có 2 bát cơm" Bởi từ "có" đi kèm "2 bát cơm" có ý nghĩa nhấn mạnh b. thị thái độ đối với việc ăn 2 bát cơm là ít so với mức bình thường.

*- Từ "những, có" đi kèm với các từ "2 bát cơm" biểu thị thái độ đánh giá s/việc "ăn" của nó: nhiều hơn mức bình thường hoặc ít hơn mức bình thường.

*- C1: Thông báo một sự việc khách quan.

- C2,3: Thông báo chủ quan kèm theo thái độ đánh giá sự việc "ăn" của nó: nhiều hơn mức bình thường hoặc ít hơn mức bình thường.

*- Thái độ nhấn mạnh hoặc đánh giá sự vật, sự việc (chỉ chính xác đối tượng được nói đến)

*- 3 HS phát biểu -> 1 HS đọc ghi nhớ

GV nêu VD lưu ý: Hiện tượng chuyển loại

- chính (nhân vật chính) -> Trợ từ

- Những (những chiếc bàn) -> Lượng từ

- Có (có vở) -> Đại từ.

-> **Những, có, chính, ngay cả, thì** biểu thị thái độ, đánh giá sự vật, sự việc => là trợ từ.

*Câu 1 : Tôi nhớ mãi những kỉ niệm thời niên thiếu

Câu 2 : Tôi nhắc anh những ba bốn lần mà anh vẫn quên.

- Câu 1 : Tôi nhớ mãi những kỉ niệm thời niên thiếu. (Lượng từ + DT)

- Câu 2 : Tôi nhắc anh những ba bốn lần mà anh vẫn quên. (Trợ từ + số từ)

những, có, chính, đích, ngay,

...

2. Ghi nhớ: SGK (69)

- Trợ từ là những từ chuyên đi kèm 1 từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.

* **Lưu ý:**

- Trợ từ thường do các từ loại khác chuyển thành.

<p>*-> Lưu ý: Cần phân biệt trợ từ khi gặp trường hợp đồng âm khác loại như ví dụ trên. Ta phải dựa vào tác dụng của từ đó trong câu:</p> <p>+ Nó đi với từ, ngữ nào?</p> <p>+ Có nhấn mạnh, hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự việc, sự vật của người nói không?</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
---	--

Hoạt động2: Tìm hiểu thán từ

a) Mục tiêu: Giúp học sinh biết được thế nào là thán từ?

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: HS nắm rõ thông tin về thán từ.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV:1 GV treo bảng phụ -> HS đọc VD. Sgk trang 69.</p> <p>Thảo luận: Nhóm bàn, mỗi nhóm tìm hiểu 1 từ</p> <p>- Thời gian: 3 phút</p> <p>Hết thời gian đại diện nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, GV nhận xét và chốt kiến thức.</p> <p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Các từ gạch chân(in đậm) có tác dụng gì ? Biểu thị ý gì?</p> <p>? Nhận xét cách dùng từ “ này”, “a”, “vâng”</p> <p>(BT2-69) ?</p> <p>? Nhận xét gì về vị trí trước các từ đó?</p> <p>? Em hiểu thế nào là thán từ?</p> <p>? Từ khái niệm trên, hãy phân loại thán từ? VD?</p> <p>Chiếu bài tập nhanh:</p> <p>? So sánh sự khác nhau giữa trợ từ và thán từ?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*N 1 - này -> Gây sự chú ý của người đối thoại (gọi)</p> <p>N 2 - a -> Thái độ tức giận, nhận ra 1 điều</p>	<p>II. Thán từ</p> <p>1. Phân tích ngữ liệu: SGK 69</p> <p>- này -> gây chú ý</p> <p>- a! -> thái độ tức giận</p> <p>- vâng -> thái độ lễ phép.</p> <p>-> Bộc lộ tình cảm, cảm xúc.</p> <p>Dùng để gọi đáp</p> <p>- Đứng đầu câu hoặc được tách ra thành câu đặc biệt.</p> <p>* Có 2 loại thán từ:</p> <p>- bộc lộ tình cảm, cảm xúc: a, ái, ơ, ôi...</p> <p>- gọi đáp : này, ời, vâng, dạ...</p> <p>2. Ghi nhớ: SGK (70)</p>

gì đó không biết. (có khi biểu thị sự vui sướng, cần phân biệt ngữ điệu)
N 3 - vâng -> Đáp lời người khác, thái độ lễ phép, tỏ ý nghe theo.

=> Bộc lộ thái độ, tình cảm...

Lựa chọn câu trả lời đúng -> (a,d)

*-> ở VD (b): có thể làm thành phần biệt lập của câu (không có quan hệ ngữ pháp với các thành phần khác)

*- HS đọc ghi nhớ

- Đặt câu

+ Chao ôi, biển đẹp quá!

+ Này, cậu đi chơi với tớ đi!

+ Dạ, trường của cháu đây rồi!

*

Thán từ	Trợ từ
- Có thể được tách ra thành một câu đặc biệt.	- Không tách riêng ra thành một câu mà luôn phải đi kèm với từ, ngữ khác.
- Thán từ bộc lộ tình cảm, cảm xúc: a, ái, ơ, ôi, ô hay, than ôi, trời ơi...	- Nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc.
- Thán từ gọi đáp: này, oi, vâng, dạ, ừ	
...	

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, rèn kỹ năng kỹ năng viết đoạn văn, bồi dưỡng tình cảm yêu thương con người, thầy cô, bè bạn, mái trường.

b) Nội dung: HS làm các bài tập mà GV đưa ra

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

? Trong các từ in đậm, từ nào là trợ từ, từ nào không phải?

-> Từ không phải là trợ từ:

chính (Trung tâm, quan trọng).

ngay (Liên sau đó).

là (nhận định, khái niệm).

những (số lượng khái quát).

? Xác định yêu cầu BT2?

Giải thích nghĩa của trợ từ in đậm?

- HS thảo luận nhóm (6 nhóm)-> trình bày

? Xác định yêu cầu BT 3?

- HS làm miệng (hoặc lên bảng)

- 2 HS lên bảng.
- ? Đọc yêu cầu BT 4 (Phần a)?
- Cho H trả lời miệng.
- Phần b về nhà.

Bài tập 5 (70) Đặt 5 câu với năm thán từ. - Mẫu:

Trâu ơi! Ta bảo trâu này (Ca dao)

-> Thán từ gọi đáp

Than ôi! Mong nhớ! Ôi mong nhớ

Một cánh chim bay lạc cuối ngàn

(Chế Lan Viên)

-> Thán từ bộc lộ cảm xúc

Bài tập 6: Hoạt động cá nhân

? Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ: Gọi dạ, bảo vâng?

- Khuyến bảo chúng ta cách dùng thán từ gọi đáp, biểu thị sự lễ phép.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống thực tiễn.

b) Nội dung: ? Đọc bài ca dao sau, dựa vào cách sử dụng các thán từ em hãy đưa ra cảm nhận của em về bài ca dao đó?

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

? Đọc bài ca dao sau, dựa vào cách sử dụng các thán từ em hãy đưa ra cảm nhận của em về bài ca dao đó?

Trâu ơi ! Ta bảo trâu này,

Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.

? Đọc và dựa vào các thán từ cảm nhận câu thơ sau:

Việt Nam đất nước ta ơi,

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn...

(Nguyễn Đình Thi)

GV hệ thống hoá kiến thức của bài

Là những từ chuyên đi kèm một số từ ngữ để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc.

Trợ từ

Thán từ

Là những từ bộc lộ cảm xúc, tình cảm hoặc dùng để gọi đáp.

Hai loại chính: Bộc lộ cảm xúc và gọi đáp

trợ từ thán từ

?Em rất ngạc nhiên và sung sướng đến nỗi reo lên khi đi học về bố mẹ đã mua cho em chiếc xe đạp mới. Hãy chép lại câu nói đó và chỉ ra tác dụng của thán từ mà em đã dùng?

?Sưu tầm các đoạn văn, bài thơ có sử dụng trợ từ, thán từ.

Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:

- Học thuộc phần ghi nhớ, hoàn thành bài tập còn lại.
- * Đối với bài mới: Miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.
- Đọc kĩ bài
- Chuẩn bị theo nội dung SGK
- ? Đọc đoạn văn SGK/ T72-73.
- ? Đoạn văn nằm trong văn bản nào?
- ? Đoạn văn trên kể chuyện gì?
- ? Nguyên Hồng đã diễn tả cảm xúc ấy qua phương thức biểu đạt nào?
- ? Chỉ ra các yếu tố kể miêu tả và biểu cảm trong đoạn văn?
- ? Các yếu tố trên được trình bày như thế nào?
- ? Nếu bỏ các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong đoạn văn trên thì sự việc kể chuyện sẽ ntn?
- ? Như vậy yếu tố miêu tả và biểu cảm có vai trò như thế nào trong bài văn tự sự?
- ? Vì sao cần phải có yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự?

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 23

Tập làm văn

MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận diện được vai trò của yếu tố trong văn bản tự sự.
- Hiểu được vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự.
- Nắm được cách kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu lộ tình cảm trong văn bản tự sự.

2. Năng lực

Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân, ra quyết định: sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.

- Năng lực giao tiếp: trình bày suy nghĩ, ý tưởng, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm cá nhân về cách sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.

3. Phẩm chất: Giáo dục tính nhanh nhẹn, linh hoạt, biểu cảm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.
- + Soạn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.

Kiểm tra bài cũ

? Thế nào là tóm tắt văn bản tự sự ? Làm BT3 (62).

Đáp án (sơ lược)

- Tóm tắt văn bản tự sự là ghi lại ngắn gọn, trung thành nội dung chính của văn bản.

- HS làm đúng BT3.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** GV đặt vấn đề tiếp cận bài học.

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**

GV trình chiếu hoặc đọc cho học trò những câu thơ sau:

Trong chữ NHE vẫn có dấu NẶNG

Trong chữ VỮNG vẫn còn dấu NGÃ

Trong chữ HIẾU vẫn có dấu HỎI

Trong chữ XẤU vẫn còn nguyên dấu SẮC

Chữ THĂNG vẫn có nét CONG

- GV yêu cầu HS nêu cảm nhận

- GV nhận xét: tưởng chừng mọi thứ tách bạch, riêng biệt với nhau, nhưng ở phương diện nào đó, nó lại có sự kết nối với nhau

Trong văn bản như tự sự cũng vậy, tưởng chừng không có yếu tố miêu tả, biểu cảm nhưng chúng vẫn xuất hiện và không bao giờ tách bạch rõ ràng, tuyệt đối. Các yếu tố này luôn đan xen, hỗ trợ nhau làm nổi bật chủ đề của văn bản. Vậy làm thế nào để phân biệt được kiểu văn bản tự sự với văn bản miêu tả, văn bản biểu cảm? Các yếu tố này có vai trò như thế nào trong văn bản tự sự.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu sự kết hợp các yếu tố kể, tả và bộc lộ tình cảm trong văn bản tự sự

a) **Mục tiêu:** Giúp học sinh biết được sự kết hợp các yếu tố kể, tả và bộc lộ tình cảm trong văn bản tự sự

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** HS nắm rõ nội dung bài học

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
NV1: - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc 2 VD => GV nêu: Kể, tả, biểu cảm là gì? ? Tìm các từ ngữ, câu văn, hình ảnh, chi tiết thể hiện yếu tố miêu tả trong đoạn văn? ? Đoạn trích kể lại những việc gì? ? Đoạn văn có chỉ ra mức độ sự việc, tính chất sự việc, tính chất hành động của nhân vật không? ? Xác định các yếu tố miêu tả (mức độ, tính chất, màu sắc của sự việc, hành động, nhân vật), biểu cảm trong đoạn	I. Sự kết hợp các yếu tố kể, tả và bộc lộ tình cảm trong văn bản tự sự 1. Phân tích ngữ liệu: SGK/72 - Sự việc lớn: kể lại cuộc gặp gỡ đầy cảm động của “tôi” với người mẹ lâu ngày xa cách -> sự việc bao trùm trong đoạn trích. - Sự việc nhỏ: 6 sự việc -> Yếu tố tự sự: sự việc lớn, nhỏ -> Yếu tố miêu tả: tả “tôi”, tả mẹ. -> Yếu tố biểu cảm: suy nghĩ, cảm nhận, cảm tưởng của “tôi”

văn?

? Các yếu tố này đứng riêng hay đan xen vào nhau?

? Nếu bỏ các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong đoạn văn đi thì đoạn văn sẽ như thế nào?

? Vậy miêu tả, biểu cảm trong tự sự có tác dụng gì?

? HS khá: Nếu bỏ yếu tố tự sự đi thì đoạn văn sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

? Vậy các yếu tố miêu tả, biểu cảm có tác dụng gì trong văn tự sự ?

? Bài học cần ghi nhớ gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

- Sự việc nhỏ:

*+ Mẹ vắng tôi

+ Tôi chạy theo xe chở mẹ

+ Mẹ kéo tôi lên xe, xoa đầu tôi..

+ Tôi oà khóc

+ Mẹ tôi sụt sùi theo

+ Mẹ thấm nước mắt, bế tôi lên xe, Tôi ngồi bên mẹ, trong lòng mẹ..

*-> Có. Đó là những yếu tố miêu tả thường chỉ mức độ, tính chất, màu sắc của Sự việc, hành động, nhân vật.

*Yếu tố miêu tả

- Tôi thở... trán đầm mồ hôi, rức cả chân

- Mẹ tôi không còm cõi, gương mặt... gò má

Yếu tố biểu cảm

+ Hay tại sự sung sướng ...sung túc -> suy nghĩ

+ Tôi thấy những ... lạ thường -> cảm nhận

+ Phải bé ... vô cùng -> phát biểu cảm tưởng

*=> các yếu tố không tách riêng mà đan xen vào nhau.

*=> Đoạn văn khô khan, không gây xúc động lòng người

*- Đoạn văn trở lên hấp dẫn, sinh động buộc người đọc phải suy nghĩ, liên tưởng,

- Các yếu tố đan xen vào nhau.

=> Miêu tả, biểu cảm làm cho việc kể chuyện sinh động, sâu sắc.

2. Ghi nhớ: SGK (74)

rút ra bài học về tình mẫu tử thiêng liêng
*- Đoạn văn sẽ không có sự việc, nhân vật -> không có “chuyện” -> các yếu tố miêu tả, biểu cảm phải bám vào sự việc và nhân vật mới phát triển.

*- 2 HS phát biểu.

* Trong văn bản tự sự, rất ít khi tác giả chỉ thuần kể người, kể việc (kể chuyện). Mà khi kể thường đan xen các yếu tố miêu tả và biểu cảm.

- 1 HS đọc ghi nhớ.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ Giáo viên nhận xét, đánh giá

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, rèn kỹ năng kỹ năng viết đoạn văn, bồi dưỡng tình cảm yêu thương con người, thầy cô, bè bạn, mái trường.

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

Bài 1: HS đọc và xác định yêu cầu BT1 (74)

H thảo luận nhóm bàn

-> trình bày

HS đọc và xác định yêu cầu BT1 (74)

- GV Gợi ý -> HS viết ra phiếu học tập

- Kể giây phút đầu tiên gặp người thân

- Tả: hình dáng, mái tóc (từ xa) -> gần

Bài 2: (74) HS hướng dẫn về nhà

Dàn ý:

- Từ xa nhìn thấy người thân ntn? (Tả)

- Đến gần: + Kể và tả: tả chi tiết hơn, kể hành động với người thân: ôm, cầm tay...

+ Cảm thấy vui mừng, xúc động qua cử chỉ, nét mặt.

Làm vào phiếu học tập, 2 em đọc trước lớp để chữa. Thu 5 bài chấm điểm.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống thực tiễn.

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

? Tác dụng của yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự? Cách đưa các yếu tố đó vào văn bản như thế nào?

Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:

- Vận dụng kiến thức trong bài học để đọc-hiểu, cảm thụ tác phẩm tự sự kết hợp các yếu tố kể, tả, biểu cảm.

- Học bài, hoàn thành BT2 (74)

* Đối với bài mới: Chuẩn bị: Đọc và tìm hiểu văn bản “Đánh nhau với cối xay gió”.

+ Chuẩn bị sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về tác giả - tác phẩm.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 25

Tiếng việt:

TÌNH THÁI TỪ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu khái niệm và các loại tình thái từ.
- Nắm được cách sử dụng tình thái từ.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân ra quyết định dùng tình thái từ phù hợp với tình huống giao tiếp.
- Năng lực giao tiếp tiếp: trình bày suy nghĩ, ý tưởng thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm cá nhân về cách sử dụng tình thái từ.
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục tính nhanh nhẹn, linh hoạt, biểu cảm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu, bảng phụ)

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.
- + Soạn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập

b) Nội dung: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) Tổ chức thực hiện:

Giáo viên tạo lập một đoạn hội thoại với học sinh một cách bất ngờ, không nói trước ý đồ với học sinh để cuộc hội thoại diễn ra tự nhiên

Ví dụ:

Cô: Sao hôm nay con không học bài? Con có chỗ nào không hiểu à?

An: Dạ, tại tối qua con phải phụ mẹ trông em bé ạ.

Cô: Vậy con cho cô số điện thoại mẹ để cô điện nói với mẹ rằng : mẹ có một người con trai thật chịu khó và thương mẹ.

An: Dạ thôi không cần đâu cô ạ! Con biết lỗi của con rồi ạ. Con xin lỗi cô ạ!

Cô: Thôi con ngồi xuống đi. Lần sau cố gắng hơn nhé!

Cuộc hội thoại kết thúc, gv sẽ nói: Cô và An vừa tạo lập một đoạn hội thoại, đó cũng là một ví dụ mà cô muốn các con sẽ phân tích

Trong đoạn hội thoại các con sẽ thấy có rất nhiều từ như : ả. Ờ, đi, nhé...

Vậy những từ này thuộc từ loại nào cô và các con sẽ cùng nhau tìm hiểu trong tiết học hôm nay

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động: Tìm hiểu chức năng của tình thái từ

a) Mục tiêu: HS hiểu được khái niệm, nắm được đặc điểm và cách sử dụng tình thái từ.

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: HS nắm rõ về nội dung bài học

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV 1 Máy chiếu 3VD - SGK trang 80. - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Nhóm 1 - Tổ 1: ? Dựa vào kiến thức đã học về câu phân loại theo mục đích nói, em hãy cho biết các câu a, b, c, là câu gì ? ? Ở ví dụ d từ “ạ” đc sử dụng với mục đích gì? Nhóm 2 - Tổ 2,3: ? Nếu bỏ các từ “ờ, đi, thay, ạ” trong các câu trên thì nội dung của câu có gì thay đổi ? ? Các từ “ờ, đi, thay, ạ” có phải là thành phần chính của câu không? - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. Nhóm 1 - Tổ 1: H: a) Câu nghi vấn b) Câu cầu khiến c) Câu cảm thán. - Ở ví dụ d từ “ạ” đc sử dụng với mục đích: bộc lộ thái độ kính trọng, lễ phép của người nói đối với người nghe. Bảng phụ có 2 cột: cột A các câu trong ví dụ, cột B các câu bị lược bỏ “ờ, đi, thay, ạ” Nhóm 2 - Tổ 2,3: - Nếu bỏ từ “ờ” thì câu (a) không còn là câu</p>	<p>I. Chức năng của tình thái từ 1. Phân tích ngữ liệu: SGK T80 a. ờ -> tạo lập câu nghi vấn. b. đi -> tạo lập câu cầu khiến. c. thay -> tạo lập câu cầu khiến. -> Nếu bỏ các từ đó đi thì thông tin, sự kiện không thay đổi nhưng mục đích nói sẽ thay đổi -> các từ “ờ, đi, thay”: Là những từ được thêm vào câu để tạo nên ý nghĩa nghi vấn, cảm thán, cầu khiến. Từ biểu thị sắc thái tình cảm: ạ! => là tình thái từ. 2. Ghi nhớ 1: SGK (81) Lưu ý: Cần phân biệt tình thái từ với các từ đồng âm khác nghĩa, khác từ loại.</p>

<p>ngghi vẫn nữa mà trở thành câu trần thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu bỏ từ “đi” thì câu (b) không còn là câu cầu khiến nữa. - Nếu bỏ từ “thay” thì câu (c) không còn là câu cảm thán nữa. - Nếu bỏ từ “ạ” thì câu (d) không thể hiện rõ thái độ lễ phép của người nói với người nghe. <p>Nếu lược bỏ các từ “à, đi, thay, ạ” thì thông tin sự kiện ko thay đổi, nhưng quan hệ giao tiếp thì thay đổi, kiểu câu thay đổi, mục đích nói thay đổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các từ “à, đi, thay, ạ”: Không phải thành phần chính của câu, không có khả năng độc lập tạo thành câu, không có ý nghĩa từ vựng, chỉ có ý nghĩa sắc thái. <p>? Vậy các từ này được thêm vào câu để làm gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các từ “à, đi, thay, ạ” được thêm vào câu để cấu tạo nên các câu nghi vấn, cầu khiến, câu cảm thán và biểu thị sắc thái tình cảm của người nói. <p>G: Các từ “à, đi, thay, ạ” → tình thái từ</p> <p>? Vậy em hiểu thế nào là tình thái từ? Có mấy loại tình thái từ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS nêu -> GV chốt -> 1 HS đọc ghi nhớ 1 <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
---	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu việc sử dụng tình thái từ:

a) Mục tiêu: Giúp học sinh biết được cách sử dụng tình thái từ

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: HS nắm rõ thông tin về tình thái từ

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1:Máy chiếu: Ngữ liệu SGK trang 81.</p> <p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Các tình thái từ ở các VD trên dùng trong những hoàn cảnh giao tiếp khác nhau như thế nào?</p> <p>? HSK: Những tình thái trên được dùng có phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp không ?</p> <p>? HSG: Từ đó em thấy khi dùng tình thái từ cần phải chú ý gì ?</p> <p>? Qua các VD trên, hãy nêu cách dùng tình thái từ?</p>	<p>II. Sử dụng tình thái từ</p> <p>1. Phân tích ngữ liệu: SGK/T81</p> <ul style="list-style-type: none"> - à? -> hỏi, thân mật – ngang hàng. - ạ? -> hỏi, kính trọng – trên hàng. - nhé! -> cầu khiến, thân mật – ngang hàng. - ạ! -> cầu khiến, kính trọng – trên hàng.

<p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*a) hỏi, thân mật Ko thay đổi cách b) hỏi, kính trọng dùng tình thái từ trong c) cầu khiến, thân mật các trường hợp này cho d) cầu khiến, kính trọng nhau.</p> <p>*(Quan hệ XH, thứ bậc, tình cảm tuổi tác...) -> Phù hợp.</p> <p>*-> Khi nào thì sử dụng tình thái từ biểu thị sắc thái kính trọng? Thân mật?</p> <p>- Kính trọng: với bề trên, người lớn tuổi. - Thân mật: với bề dưới, ngang hàng. - 3 HS nêu -> GV chốt -> 1 HS đọc ghi nhớ.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p> <p>Tình thái từ ít được sử dụng trong các văn bản hành chính, văn bản khoa học sinh đọc ví dụ a, nhiều chi tiết ảo trong Việt Nam vì có nhiều chi tiết ảo lung củng ước mơ thiện thắng ác, chính nghĩa thắng.</p>	<p>-> Phù hợp với quan hệ xã hội, thứ bậc, tình cảm tuổi tác... (hoàn cảnh giao tiếp).</p> <p>2. Ghi nhớ: SGK - Tr. 81</p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Giúp học sinh thực hành làm các bài tập, rèn kĩ năng.

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

? Đọc bài tập 2

? Bài tập yêu cầu chúng ta phải làm gì?

? Giải thích ý nghĩa của các tình thái từ?

Hoạt động cá nhân.

Bài 3: Làm vào phiếu học tập. Thu 10 bài chấm điểm, đọc trước lớp 1 bài chữa.

Đặt câu.

- Bạn ấy đang khoẻ đấy!

- Tôi phải giải bằng được bài toán ấy chứ lý!

- Con đành ăn cơm cho xong vậy!

* Đặt câu: Chú ý phân biệt tình thái từ với quan hệ từ, chỉ từ, đại từ.

? Đọc bài tập 4 và nêu yêu cầu của bài tập?

? Đặt câu hỏi có dùng các tình thái từ nghi vấn phù hợp với những quan hệ xã hội sau?

Trò chơi Ai nhanh hơn.

Mỗi tổ đặt 1 câu, bạn nào đặt câu nhanh và đúng sẽ chiến thắng trong tổ.

Gợi ý: Trong câu hỏi, cần xác định 2 thành phần ý nghĩa: nội dung điều muốn hỏi; ý hỏi và sự thể hiện quan hệ giữa người hỏi và người được hỏi.

? Đọc bài tập 5 và nêu yêu cầu của bài tập.

? Tìm tình thái từ trong tiếng địa phương em hoặc tiếng địa phương khác?

Gợi ý: Dùng phương pháp đối chiếu, so sánh tình thái từ toàn dân với tình thái từ địa phương để tìm.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

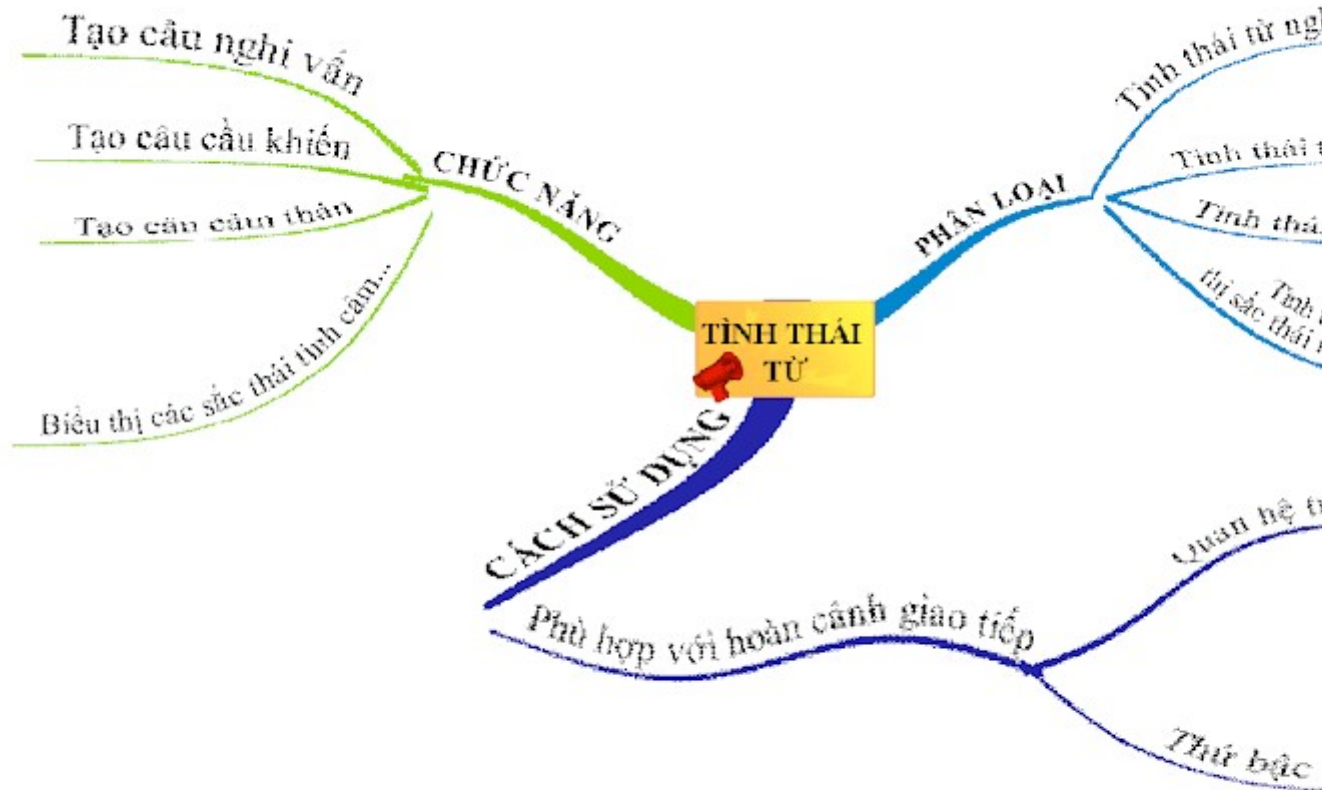
a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: ?Vẽ sơ đồ tư duy bài học:

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

?Vẽ sơ đồ tư duy bài học?



. Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:

- Học thuộc các ghi nhớ.
- Hoàn thành các bài tập.

- Giải thích ý nghĩa của tình thái từ trong văn bản “Đánh nhau với cối xay gió”.
- Tìm thêm một số ví dụ và tình huống giao tiếp có sử dụng tình thái từ.
- Vận dụng kiến thức đã học để nhận biết trợ từ, thán từ trong văn bản tự chọn.
- Viết 1 đoạn văn có sử dụng trợ từ, thán từ và tình thái từ.
- * Đối với bài mới: Soạn bài Luyện tập viết đoạn văn tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.
- Những yếu tố cần thiết để xây dựng đoạn văn tự sự là gì?
- Vai trò của các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong đoạn văn tự sự?
- Quy trình xây dựng đoạn văn tự sự gồm mấy bước? Nhiệm vụ của mỗi bước là gì?
- Thực hiện các nội dung câu hỏi trong sách giáo khoa.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết:26

Tập làm văn:

LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận diện được các yếu tố kể, tả và biểu lộ tình cảm trong văn bản tự sự.
- Vận dụng kiến thức về các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự, thực hành viết đoạn văn tự sự có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm.

2. năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân, ra quyết định: sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.
- Năng lực giao tiếp: trình bày suy nghĩ, ý tưởng, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm cá nhân về cách sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.

3. phẩm chất: Giáo dục lòng yêu thích các văn bản tự sự.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu).

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.
- + Soạn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập

b) Nội dung: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) Tổ chức thực hiện:

Ở lớp 6, 7, văn miêu tả, biểu cảm, tự sự được giới thiệu tách rời như những phương thức biểu đạt độc lập nhằm giúp các em nắm chắc từng phương thức. Tuy nhiên, trong thực tế, một văn bản thường là sự kết hợp nhiều phương thức khác nhau để làm cho văn bản thêm sinh động. Vì vậy, trong văn tự sự, ngoài yếu tố kể là chính còn cần phải kết hợp với yếu tố miêu tả và biểu cảm thì câu chuyện mới hay và đi vào lòng người.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu từ sự việc và nhân vật đến đoạn văn tự sự có yếu tố miêu tả và biểu cảm.

a) Mục tiêu: Trang bị cho học sinh những kiến thức mới liên quan đến tình huống/ vấn đề nêu ra ở hoạt động khởi động

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>NV 1:HS quan sát 3 đề bài.</p> <p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Những yếu tố cần thiết để xây dựng đoạn văn tự sự là gì?</p> <p>? Vai trò của yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự?</p> <p>? Quy trình xây dựng đoạn văn tự sự gồm mấy bước? Nhiệm vụ của mỗi bước là gì?</p> <p>? Tìm hiểu quy trình xây dựng đoạn văn (đề 1).</p> <p>*Lựa chọn sự việc chính b: Giúp một bà cụ qua đường vào lúc đông người và nhiều xe cộ đi lại.</p> <p>? Em sẽ lựa chọn ngôi kể như thế nào?</p> <p>? Chọn ngôi thứ nhất có tác dụng gì khi kể?</p> <p>? HSTB: Theo em, câu chuyện bắt đầu kể từ đâu?</p> <p>? HSTB: Sau đó, câu chuyện diễn ra như thế nào?</p> <p>? Kết thúc câu chuyện như thế nào?</p> <p>? HSK,G: Khi làm bài, em dự định đan xen yếu tố miêu tả như thế nào?</p> <p>? Khi thấy cụ già như thế, tình cảm thái độ của em như thế nào?</p> <p>? Sau khi đủ các bước trên, em sẽ làm gì?</p> <p>? Em hãy chốt lại các bước viết ĐV tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p>	<p>I. Từ sự việc và nhân vật đến đoạn văn tự sự có yếu tố miêu tả và biểu cảm.</p> <p>1. Phân tích ngữ liệu: sgk- 83</p> <p>*Những yếu tố cần thiết để xây dựng đoạn văn tự sự:</p> <p>Sự việc: lớn - nhỏ, rành mạch rõ ràng, có đầu, có cuối...</p> <p>Nhân vật chính: Chủ thể của hành động, chứng kiến mọi sự việc diễn ra..</p> <p>*Yếu tố miêu tả, biểu cảm hỗ trợ cho sự việc, nhân vật thêm nổi bật.</p> <p>*Quy trình viết đoạn văn tự sự: 5 bước:</p> <p>- B1: Lựa chọn sự việc chính.</p> <p>Có đối tượng là con người (b)</p> <p>Có đối tượng là đồ vật (a)</p> <p>Sự việc mà con người là chủ thể tiếp nhận: Nhận món quà (c)</p> <p>- B2: Lựa chọn ngôi kể.</p> <p>- B3: xây dựng thứ tự kể.</p> <p>- khởi đầu</p>

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

*- Sự việc: sự vật lớn - nhỏ. Cần kể rành mạch rõ ràng, có đầu, có cuối...

- Nhân vật chính: Chủ thể của hành động, chứng kiến mọi sự việc diễn ra...; ngoài ra còn có những nhân vật phụ...

*- Hình dung sự việc, làm cho sự việc trở nên dễ hiểu hấp dẫn, nhân vật chính gần gũi, sinh động hơn -> hỗ trợ cho sự việc, nhân vật thêm nổi bật.

* 5 bước:

=> HS trình bày một đoạn văn -> GV nhận xét bổ sung.

*- B1: Lựa chọn sự việc chính: đối tượng là đồ vật (lọ hoa).

- B2: Lựa chọn ngôi kể: thứ nhất, số ít (Em).

- B3: Xác định thứ tự kể:

+ Khởi đầu: cảm tưởng, nhận xét, hành động.

+ Diễn biến: kể sự việc một cách chi tiết (xen kẽ miêu tả, biểu cảm).

+ Kết thúc: suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- B4: Xác định các yếu tố miêu tả, biểu cảm (Dự định miêu tả phần nào? Bộc lộ cảm xúc chi tiết nào?...)

+ Lọ hoa đẹp như thế nào ? (miêu tả)

+ Khi làm vỡ thái độ, tình cảm của em ra sao? (biểu cảm, suy nghĩ)

- B5: Viết thành đoạn văn.

- Cấu trúc đoạn văn: Diễn dịch hay qui nạp ? cần tiến hành như thế nào?

*- Tôi - ngôi thứ nhất.

*- Sự việc chân thực, dễ bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ.

*- Một bà cụ đứng sát mép đường, đang muốn qua đường nhưng xe cô đi lại nhiều nên lo lắng, sợ hãi chưa sang được.

*- Em chạy lại dắt bà cụ qua đường:

+ Chào hỏi cụ.

+ Đưa cụ qua đường cẩn thận như thế nào.

*- Bà cụ sang đường được, cảm ơn, tâm trạng vui sướng, cảm động.

- diễn biến

- kết thúc

- **B4:** xây dựng liều lượng các yếu tố miêu tả, biểu cảm sẽ viết trong đoạn văn.

- **B5:** Viết thành đoạn văn.

<ul style="list-style-type: none"> - Tâm trạng của em. *- Gợi ý yếu tố tả: (Đó là bà cụ như thế nào?) Tả bà cụ: <ul style="list-style-type: none"> + Tóc, lưng, dáng vóc, đi lại... + Cụ lúng túng, sợ sệt, vẻ mặt. + Tả đường phố đông xe cộ đi lại. *- Thấy bà cụ: ái ngại. - Giúp bà cụ: sung sướng. - Bà cụ sau khi được giúp: sung sướng, khen. *- Viết thành đoạn văn kết hợp yếu tố kể, tả, biểu cảm. *- 5 bước. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án. 	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, rèn kỹ năng kỹ năng

b) **Nội dung:** HS sử dụng khả năng của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) **Sản phẩm:** HS trả lời câu hỏi của GV

d) **Tổ chức thực hiện:**

? Đọc và xác định yêu cầu BT1 ?

- HS thảo luận -> trình bày.

- HS viết ra phiếu học tập.

-> 2 HS đọc, HS khác nhận xét.

? Xác định yếu tố tự sự trong đoạn em vừa đọc.

? Yếu tố miêu tả, biểu cảm?

Bảng phụ (đoạn văn mẫu):

Tôi là một ông giáo nên được lão Hạc rất tin tưởng và tôn trọng. Có bất cứ chuyện gì, lão cũng sang tâm sự với tôi. Ngay cả việc bán con chó lão cũng bàn bạc với tôi mấy lần. Một hôm, lão sang nhà tôi và cho tôi biết lão đã bán con Vàng rồi. Lão cố làm ra vui vẻ nhưng tôi trông lão khổ sở lắm. Tôi ái ngại hỏi “Thế nó cũng cho bắt à?”. Vậy mà lão đã khóc và kể lại cho tôi nghe việc con chó bị bắt như thế nào. Dường như lão ân hận lắm!

Hướng dẫn làm BT2:

? Đoạn văn trên đã kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm ở chỗ nào? Các yếu tố miêu tả và biểu cảm giúp Nam Cao thể hiện được điều gì?

Học sinh thảo luận nhóm bàn trong 2p.

* Xác định:

- Yếu tố miêu tả: miêu tả tâm trạng, hình dáng của lão Hạc khi kể về việc bán chó.

(cố làm ra vui vẻ, cười như mếu, đôi mắt ầng ậc nước, co rúm lại, những vết nhăn xô lại với nhau...)

- Yếu tố biểu cảm: Tình cảm, thái độ của “tôi” khi nghe lão Hạc kể - tình cảm của lão Hạc đối với con Vàng (không xót xa 5 quyển sách, ái ngại cho lão, hỏi cho có chuyện).

*Tác dụng:

- Giúp tác giả khắc sâu vào lòng người đọc một lão Hạc khốn khổ về hình dáng, đau đớn, quẩn quại về tinh thần của nhân vật lão Hạc trong giây phút ân hận xót xa vì bằng này tuổi đầu rồi mà còn đánh lừa con chó → khắc sâu tâm trí người đọc về hình ảnh lão Hạc.

- Thể hiện sự cảm thông, thương xót của tác giả với nhân vật.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

b) **Nội dung:** GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) **Sản phẩm:** Đáp án của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

Nhắc lại hệ thống: Các bước viết văn tự sự, đan xen yếu tố miêu tả, biểu cảm...

Đoạn văn, bài văn tự sự của em đã kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm chưa?

Hướng dẫn về nhà

* **Đối với bài cũ:**

+ Rút ra được bài học trong việc viết đoạn văn tự sự có kết hợp các yếu tố kể, tả, biểu cảm: Đoạn văn được sắp xếp nhằm mục đích tự sự, các yếu tố miêu tả và biểu cảm được đưa vào bài chỉ khi cần thiết và không làm tới việc kể chuyện.

+ Viết đoạn văn tự sự kể lại một sự việc trong một câu chuyện đã học, trong đoạn văn có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm.

* **Đối với bài mới:** Văn bản: Chiếc lá cuối cùng (tiếp theo chủ đề Văn học nước ngoài)

+ Suu tầm tranh ảnh về tác giả - tác phẩm.

+ Đọc nhiều lần, tóm tắt văn bản.

+ Tìm hiểu bố cục, PTBĐ.

+ Trả lời các câu hỏi phần Đọc - hiểu văn bản.

- Lập bảng thống kê các từ ngữ địa phương tương đương với các từ ngữ toàn dân.

- Suu tầm và chép lại những bài thơ, bài văn, đoạn văn hay có sử dụng từ ngữ địa phương chỉ quan hệ thân thích, phân tích để thấy được tác dụng của những từ này trong tác phẩm.

* **Chuẩn bị bài mới:**

- Chuẩn bị bài: Lập dàn ý cho bài văn tự sự.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: TRUYỆN NƯỚC NGOÀI CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG

(Tiết 1)

(O. Hen-ri)

I. MỤC TIÊU.

1. Kiến thức

- Biết nội dung, nghệ thuật của đoạn trích.
- Hiểu được tấm lòng yêu thương những người nghèo khổ của nhà văn được thể hiện trong đoạn trích.
- Vận dụng tình cảm nhân văn trong cuộc sống; khả năng sáng tạo nghệ thuật của bản thân.

2. Năng lực.

Năng lực chung

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng CNTT; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực chuyên biệt

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất:

- Rung động trước cái hay cái đẹp và lòng cảm thông của tác giả đối với những nỗi bất hạnh của người nghèo
- Bồi đắp cho HS lòng yêu thương, sẵn sàng giúp đỡ con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- SGK, SGV, chuẩn kiến thức - kỹ năng, giáo án, bài dạy điện tử.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc và soạn bài theo các câu hỏi ở SGK và hướng dẫn của GV ở tiết trước.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**



GV: Em nhận ra điều gì ở những hình ảnh trên?

- **HS:** Mọi người chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống (hiến máu, dẫn qua đường, hỗ trợ khi người khác gặp sự cố, khó khăn...) cho dù đó là những người xa lạ

- **GV:** Rõ ràng trong cuộc sống này, không phải chỉ có người thân ruột thịt mới yêu thương, chia sẻ, nâng đỡ cho nhau mà đây là nét đẹp có ở mọi lúc, mọi nơi trên trái đất này, không phân biệt quốc gia, biên giới..

Đọc truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng” của nhà văn O Hen-ri chúng ta biết thêm một câu chuyện về tình người cao quý ấy.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

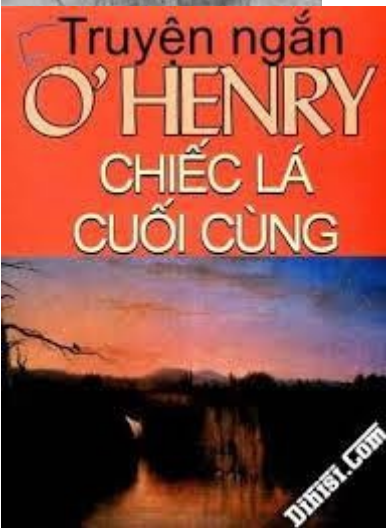
Hoạt động 1: Hướng dẫn tìm hiểu chung

a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Nắm rõ thông tin về tác giả và tác phẩm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG BÀI HỌC
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: *Cá nhân học sinh báo cáo phần chuẩn bị ở nhà. *Giáo viên định hướng, chốt kiến thức.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>- Trình chiếu chân dung nhà văn</p>   <p>GV bổ sung thêm: O Hen- ri (1862- 1910) là nhà văn Mỹ chuyên viết truyện ngắn. Trong vòng 10 năm, ông viết gần 300 truyện lấy bối cảnh xã hội Mỹ đầu thế kỉ XX.</p>	<p>I. Hướng dẫn tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - O. Hen-ri (1862-1910) - Là nhà văn nổi tiếng của Mỹ, chuyên viết truyện ngắn. - Tinh thần nhân đạo cao cả được thể hiện một cách cảm động là điểm nổi bật trong tác phẩm của ông. <p>2. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản này là phần cuối của truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng”.

<p>- Cha ông là thầy thuốc, mẹ ông qua đời khi ông mới lên 3. Thuở nhỏ ông không được học hành gì nhiều; năm 15 tuổi đã phải thôi học đến làm tại một hiệu thuốc của chú ruột; sau đó còn phải làm nhiều nghề khác để kiếm sống như nhân viên kế toán, vẽ tranh, thủ quỹ ngân hàng. Truyện của ông phong phú đa dạng về đề tài, nhưng phần lớn hướng về cuộc sống nghèo khổ của những người dân Mĩ. Một số truyện mang ý nghĩa phê phán xã hội rõ rệt .</p> <p>- Về nghệ thuật, truyện ngắn của ông thường được tổ chức xoay quanh một cốt truyện chu đáo với tình tiết được sắp xếp khéo léo, lời cuốn sự hứng thú đối với bạn đọc. Ông thường sử dụng kiểu đảo ngược tình huống hai lần một cách đột ngột bất ngờ. Nhiều nhân vật của ông vừa rất thực mà cũng vừa mơ hồ phảng phất như trong mơ.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
--	--

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản

a) Mục tiêu: HS tìm hiểu văn bản

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

<p>NV1:</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: *Yêu cầu cán sự bộ môn lên điều hành hoạt động học, giáo viên theo dõi và điều chỉnh, hỗ trợ:</p> <p>- Đọc, tìm hiểu chú thích</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp. + Giáo viên: hướng dẫn đọc, hỗ trợ nếu HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Đưa ra cách đọc: Nhẹ nhàng, cảm động, nghẹn ngào, chú ý phân biệt lời kể, tả của tác giả, chú ý đọc các lời đối thoại.</p> <p>- Thê loại, phương thức biểu đạt.</p> <p>-Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</p> <p>NV2</p> <p>-Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Xác định bố cục của văn bản.</p> <p>-Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>II.</p> <p>Định hướng hình thành kiến thức đọc hiểu văn bản:</p> <p>1.</p> <p>Đọc, tìm hiểu chú</p>
---	--

<p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*GV chiếu</p> <p>- Bố cục: 3 phần:</p> <p>+ Phần 1: “Khi hai ngườitảng đá”: Cụ Bơ-men và Xiu lên gác thăm Giôn – xi.</p> <p>+ Phần 2: ”Sáng hôm sau....thế thôi”: Chiếc lá cuối cùng không rụng và Giôn - xi đã qua cơn nguy hiểm.</p> <p>+ Phần 3: Còn lại : Xiu kể cho Giôn - xi đang bình phục về cái chết bất ngờ của cụ Bơ – men.</p> <p>GV chiếu phần tóm tắt</p>	<p>thức h:</p> <p>2.</p> <p>Bố cục:</p> <p>-</p> <p>Thể loại:</p> <p>Truyện ngắn</p> <p>-</p> <p>Phương thức:</p> <p>Tự sự</p> <p>kết hợp với miêu tả và biểu cảm.</p> <p>-</p> <p>Bố cục:</p> <p>3 phần</p>
<div style="text-align: center;"> <p>Tóm tắt</p> <p>Cụ Bơ – men, Xiu và Giôn – xi là n sống ở trong một khu phố tồi tàn phía Tơn. Mùa Đông lạnh giá Giôn- xi mắc cô tin chắc rằng khi chiếc lá thường xu xuống cô sẽ lìa đời. Xiu nói điều này và hai người rất lo lắng. Mặc cho Xiu sốc, Giôn – xi vẫn bưng bình giữ ý n Nhưng lạ thay, sau một đêm mưa gió n nửa chiếc lá vẫn còn đó. Điều này khiến khỏi ý nghĩ về cái chết.Xiu cho Giôn- x cùng là bức tranh do cụ Bơ- men đã b đêm mưa gió để cứu Giôn- xi, trong k chết vì bị bệnh viêm phổi.</p> </div>	
<p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
<p>Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích</p> <p>a) Mục tiêu: HS phân tích nhân vật Giôn - xi</p> <p>b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>c) Sản phẩm: Nắm rõ kiến thức bài học</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p style="text-align: center;">HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS</p>	<p style="text-align: center;">SẢN PHẨM DỰ KIẾN</p>
<p>NV1</p> <p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p>	<p>3. Phân tích</p>

(Thời gian: 10 phút

Học sinh: cá nhân sử dụng phiếu học tập hoạt động theo nhóm bàn.

Nội dung: điền vào bảng hai cột

Phân công: Bàn ...)

1. Diễn biến tâm trạng Giôn - xi lúc đầu.

2. Diễn biến tâm trạng Giôn - xi sau đó.

Giáo viên hướng dẫn học sinh bổ sung và hoàn thiện nội dung kiến thức trong phiếu học tập (Phiếu học tập đính kèm trong vở ghi)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

Bước 3: Trao đổi thảo luận

- Báo cáo: cá nhân trả lời tại chỗ theo phiếu học tập.

GV chiếu hình ảnh:



Bước 4: Đánh giá chốt kiến thức

- Giáo viên chuẩn hóa kiến thức, nhận xét, đánh giá.

(Giáo viên chuẩn hóa kiến thức theo nội dung sau)

3.1.Nhân vật * Hoàn cảnh sống

- Là một nữ họa sĩ trẻ, nghèo.

- Bị bệnh sung phổi nặng.

-> Nghèo túng, bệnh tật.

*** Diễn biến tâm trạng:**

- Lúc đầu:
+ Có ý nghĩ: chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng thì cô sẽ lìa đời.

	<p>-> Ngó ngân, đáng thương. + Tâm trạng: chán nản, tuyệt vọng, buông xuôi, thờ ơ với sự sống của chính bản thân mình. - Sau đó: + Ngạc nhiên nằm nhìn chiếc lá hồi lâu. + Tự thấy mình là một con bé hư, muốn chết là một tội. + Đòi ăn uống, soi gương, muốn vẽ vịnh Na – plơ.</p>
--	--

	<p>-> Nhu cầu sống đã trở lại, yêu bạn, yêu nghề, vượt qua được cái chết.</p> <p>+ Chiếc lá cuối cùng đã đem lại sự hồi sinh cho Giôn - xi, cô đã chiến thắng bệnh tật, vượt qua được cái chết.</p> <p>->NT: Đảo ngược tình huống lần thứ nhất.</p> <p>-> Nghị lực và tình yêu cuộc sống sẽ giúp</p>
--	---

	con người chiến thắng được bệnh tật, khó khăn.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

Thảo luận nhóm bàn: 2p

? Hãy tóm tắt văn bản bằng một đoạn văn ngắn?

Giôn xi ốm nặng và cô chờ đợi chiếc lá thường xuân rụng cũng là lúc cô lìa đời. Nhưng qua một đêm mưa tuyết dữ dội chiếc lá vẫn còn đó khiến cô thoát khỏi ý nghĩ đó và dần dần bình phục. Xiu người bạn gái đã cho cô biết sự thật về chiếc lá ... chính là bức tranh của họa sĩ già Bơ men đã được vẽ một cách bí mật trong một đêm mưa gió để cứu Giôn - xi và cụ đã chết vì bệnh sung phổi.

GV: Chiếc lá cuối cùng mỏng manh chứa đựng một sức sống bền bỉ, mãnh liệt đã giúp Giôn - xi vượt qua cái chết. Vì sao chiếc lá không rụng, tiết sau ta sẽ tiếp tục tìm hiểu.

GV chiếu slide4

? Vì sao khi nhìn thấy chiếc lá cuối cùng không rụng, Giôn - xi thay đổi tâm trạng

Hướng dẫn về nhà

*** Đối với bài cũ:**

- Đọc lại văn bản, kể tóm tắt văn bản.
- Nắm được những nét chính về tác giả, tác phẩm.
- Học và nắm được hoàn cảnh sống và diễn biến tâm trạng của Giôn - xi.

*** Đối với bài mới: Chuẩn bị: Chiếc lá cuối cùng (tiếp theo)**

- Tình cảm của Xiu đối với Giôn - xi.
- Nhân vật Bơ - men và kiệt tác chiếc lá cuối cùng.
- Nghệ thuật đảo ngược tình huống hai lần.

TIẾT 2

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) Nội dung: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) Sản phẩm: hoàn thành nhiệm vụ.

d) Tổ chức thực hiện:

GV: Các em đã đọc bài ở nhà và học tiết 1 của văn bản Chiếc lá cuối cùng, hãy tưởng tượng và vẽ lại hình ảnh chiếc lá ấy vào tập

HS: thực hiện

GV: Nhận xét và dẫn dắt vào bài

Để xem chiếc lá cuối cùng có ý nghĩa như thế nào đối với nhân vật Giôn-xi, cô và các con sẽ tìm hiểu phần cuối của truyện

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn tìm hiểu chung

a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu về tác phẩm.

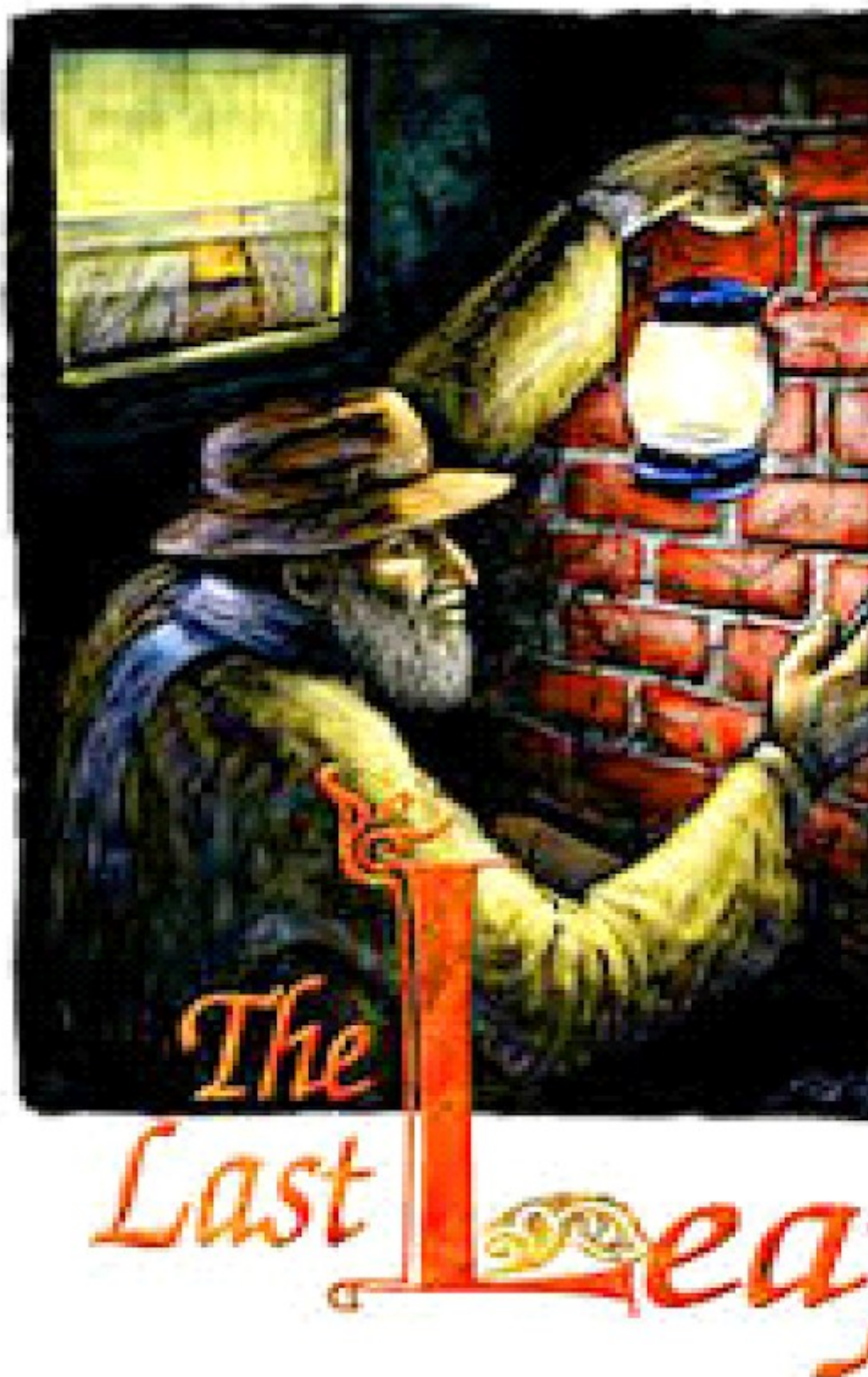
b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Nắm rõ thông tin về tác phẩm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS			SẢN PHẨM DỰ KIẾN					
Hướng dẫn tìm hiểu chung * Cá nhân học sinh báo cáo phần chuẩn bị ở nhà. * Giáo viên định hướng, chốt kiến thức.			I. Hướng dẫn tìm hiểu chung II. Định hướng hình thành kiến thức đọc hiểu văn bản:					
+ Bước 1: Giao nhiệm vụ (Thời gian: 10 phút Học sinh: cá nhân sử dụng phiếu học tập hoạt động theo nhóm bàn. Nội dung: điền vào bảng hai cột Phân công: Bàn ...) Nhóm 1, 2, 3, 4 - Tình thương của Xiu <table><tr><td>Tâm trạng</td><td>Hành động</td></tr></table> Nhóm 5, 6, 7, 8 - Cụ Bơ-men và kiệt tác cuối cùng <table><tr><td>Cuộc đời cụ Bơ-men</td><td>Cụ Bơ-men vẽ chiếc lá</td><td>Chiếc lá cuối cùng là một kiệt</td></tr></table>			Tâm trạng	Hành động	Cuộc đời cụ Bơ-men	Cụ Bơ-men vẽ chiếc lá	Chiếc lá cuối cùng là một kiệt	3. Phân tích (Giáo viên chuẩn hóa kiến thức theo nội dung sau) 3.1. Nhân vật
Tâm trạng	Hành động							
Cuộc đời cụ Bơ-men	Cụ Bơ-men vẽ chiếc lá	Chiếc lá cuối cùng là một kiệt						

		tác	
<p>Giáo viên hướng dẫn học sinh bổ sung và hoàn thiện nội dung kiến thức trong phiếu học tập (Phiếu học tập đính kèm trong vở ghi)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Trao đổi thảo luận</p> <p>- Báo cáo: cá nhân trả lời tại chỗ theo phiếu học tập.</p> <p>Bước 4: Đánh giá chốt kiến thức</p> <p>- Giáo viên chuẩn hóa kiến thức, nhận xét, đánh giá.</p>			<p>Giôn - xi</p> <p>3.2. Tình thương yêu của Xiu</p> <p>* Tâm trạng:</p> <p>- Xiu lo sợ khi nhìn vài chiếc lá thường xuân còn bám lại trên tường.</p> <p>- Lo sợ mất</p> <p>Giôn - xi.</p> <p>* Hành động:</p> <p>- Nấu cháo, pha sữa, mời bác sĩ.</p> <p>- An ủi, động viên chăm sóc</p> <p>Giôn xi tận tình.</p> <p>-> Xiu là hiện thân của tình yêu thương, đức hi sinh,</p>



nhân
hậu,
tình bạn
đẹp,
gắn bó,
thủy
chung.
->Tình
yêu
thương
của Xiu
làm đẹp
thêm
bức
tranh
tình
người
bao la
kì diệu
của câu
chuyện.

3.3. Cụ Bơ men và kiệt tác cuối cùng * Cuộc đời:

- Là
một họa
sĩ già,
nghèo.
- Kiếm
sống
bằng
nghề
ngồi
làm
mẫu vẽ.
- Cụ
mơ ước
vẽ một
kiệt tác
nhưng
chưa

*** Chiếc lá cuối cùng mà cụ vẽ trên bức tranh kiệt tác:**

- Chiếc lá vẽ y như thật, thổi vào t
- Giôn-xi hơi ấm của niềm tin và nghị
- trở về với sự sống.
- Chiếc lá đã cứu sống được Giôn-xi.
- Chiếc lá được vẽ bằng tình thương b
- sự hi sinh cao thượng của cụ Bơ-men.
- Chiếc lá được vẽ trong hoàn cảnh đặ

thực
hiện
được.
* **Cụ Bơ-men vẽ chiếc lá.**
- NT:
Thủ
pháp
giấu kín
sự việc.
-> tạo
sự bất
ngờ cho
Giôn-xi và
gây
hứng
thú, bất
ngờ cho
người
đọc.
- Vẽ
chiếc lá
âm
thầm bí
mật
trong
đêm
mưa
gió dữ
đội để
cứu
Giôn-xi.
- Cụ đã
chết vì
bệnh
sưng
phổi.
- Đảo
ngược
tình
huống

	<p>lần thứ hai.</p> <p>-> Cụ là người nhân hậu, có tình thương yêu bao la và sự hi sinh cao cả.</p> <p>* Chiếc lá cuối cùng là một kiệt tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh động, giống như thật. - Tạo ra sức mạnh, khơi dậy sự sống trong tâm hồn con người. - Được vẽ bằng cả tấm lòng nhân hậu, bằng trái tim yêu thương và sự hi sinh
--	--

Hoạt động 3: Hướng dẫn tổng kết

a) Mục tiêu: HS tổng kết về nội dung-ý nghĩa và nghệ thuật trong tác phẩm.

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Nắm rõ thông tin về tác phẩm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS thảo luận nhóm bàn để rút ra nghệ thuật đặc sắc của văn bản. ? Nhận xét về biện pháp nghệ thuật sử dụng trong văn bản?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. * NT: - Nghệ thuật khắc hoạ nhân vật - Xây dựng tình tiết hấp dẫn, sắp xếp chặt chẽ khéo léo. - Kết cấu đảo ngược tình huống hai lần. * ND –YN : - Nội dung: + Ca ngợi tình yêu thương cao cả giữa con người nhất là của những con người nghèo khổ. - Khẳng định giá trị của nghệ thuật chân chính là nghệ thuật vì sự sống của con người. - Ý nghĩa: Chiết lá cuối cùng là câu chuyện cảm động về tình yêu thương giữa những người nghệ sĩ nghèo. Qua đó tác giả thể hiện quan niệm của mình về mục đích của sáng tạo nghệ thuật. - HS đọc ghi nhớ SGK/95.</p> <p>-Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</p>	<p>4. Tổng kết 4.1. Nghệ thuật 4.2. Nội dung - Ý nghĩa 4.3. Ghi nhớ SGK/95</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục tiêu:** HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức
- b) **Nội dung:** HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.
- c) **Sản phẩm:** trả lời câu hỏi của GV
- d) **Tổ chức thực hiện:**

<p>Hướng dẫn luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 5 phút. <p>? Hãy tưởng tượng ra sự phản ứng của Giôn - xi khi nghe Xiu kể về chiếc lá cuối cùng và cái chết của cụ Bơ - men rồi viết lại phần kết thúc của câu chuyện?</p> <p>Gợi ý:</p> <p>1. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể hình dung ra sự phản ứng của Giôn - xi. - Bất ngờ, xúc động, vì việc làm cao cả của cụ Bơ – men. - Cũng có thể là niềm ân hận, day dứt <p>2. Hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn văn có thể ngắn, rất ngắn - Câu kể: Thái độ của Giôn - xi - Câu cảm thán: Giôn - xi thốt lên - Câu miêu tả: Cảnh Giôn - xi nhìn qua cửa sổ, hướng về chiếc lá trên cây dây leo... 	<p>III. Luyện tập</p> <p>Hãy tưởng tượng ra sự phản ứng của Giôn - xi khi nghe Xiu kể về chiếc lá cuối cùng và cái chết của cụ Bơ - men rồi viết lại phần kết thúc của câu chuyện.</p>
---	---

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn
- b) **Nội dung:** GV tổ chức cho HS làm các bài tập
- c) **Sản phẩm:** Đáp án của HS
- d) **Tổ chức thực hiện:**

?Giả sử em rơi vào hoàn cảnh như Giôn-xi em sẽ xử sự như thế nào?

? Em có suy nghĩ gì về sức mạnh của nghệ thuật chân chính?

Hướng dẫn về nhà ()

1. Hướng dẫn học sinh học bài cũ:

- Học thuộc ghi nhớ
- Học kĩ nội dung bài học
- Tóm tắt các sự việc chính của văn bản
- Qua lời kể của Xiu, em hãy kể lại việc cụ Bơ-men đã vẽ chiếc lá cuối cùng trong đêm mưa tuyết dữ dội ấy (có kết hợp yếu tố tả và biểu cảm)
- Liên hệ tình yêu thương con người trong cuộc sống hiện tại.

2. Chuẩn bị bài mới:

***Hướng dẫn chuẩn bị cho bài sau:** Chương trình địa phương (Phần tiếng Việt): Suu tầm thơ ca có từ ngữ địa phương chỉ quan hệ ruột thịt.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 24

**CHỦ ĐỀ: TRUYỆN NƯỚC NGOÀI
ĐÁNH NHAU VỚI CỐI XAY GIÓ
(Trích: Đôn Ki - hô - tê)**

(Xéc-van-tét)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết nội dung, nghệ thuật của đoạn trích.
- Hiểu được tấm lòng yêu thương những người nghèo khổ của nhà văn được thể hiện trong đoạn trích.
- Vận dụng tình cảm nhân văn trong cuộc sống; khả năng sáng tạo nghệ thuật của bản thân.

2. Năng lực

Năng lực chung

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng CNTT; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực chuyên biệt

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực thẩm mỹ.

3. Phẩm chất:

- Rung động trước cái hay cái đẹp và lòng cảm thông của tác giả đối với những nỗi bất hạnh của người nghèo
- Bồi đắp cho HS lòng yêu thương, sẵn sàng giúp đỡ con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ SGK, SGV, chuẩn kiến thức - kỹ năng, giáo án, bài dạy điện tử.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc và soạn bài theo các câu hỏi ở SGK và hướng dẫn của GV ở tiết trước.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Cho học sinh xem các hình ảnh



- **Gv** đặt câu hỏi: Những hình ảnh sau gợi em nhớ đến đất nước nào? Em biết gì về những hình ảnh này?

HS trả lời. GV bổ sung: Đất nước TBN, với lễ hội ném cà chua, điệu nhảy flamenco, đấu bò tót, quê hương của chiếc đàn ghi ta, và đặc biệt, đất nước này là thiên đường của những chiếc cối xay gió.

Gv: Nhắc đến Tây Ban Nha là nhắc đến một đất nước có nền văn hóa đặc sắc bậc nhất thế giới. Trong lĩnh vực văn học, nhà văn Xéc-van-téc đã làm rạng danh xứ sở bò tót bằng tác phẩm kinh điển Đôn-ki-hô-tê. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu đoạn trích đánh nhau với cối xay gió trích trong tác phẩm này.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn tìm hiểu chung

a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu tác phẩm, tác giả.

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Nắm rõ thông tin về tác phẩm, tác giả.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi: Tác giả của văn bản này là ai?	I. Hướng dẫn tìm hiểu chung 1. Tác giả: Xéc – van –

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

*Cá nhân học sinh báo cáo phần chuẩn bị ở nhà.

GV chiếu tranh chân dung tác giả

Xéc-van-tét (1547-1616).

- Xéc - van - tét là nhà văn xuất sắc của Tây Ban Nha thời Phục Hưng. Văn phong giàu chất hiện thực, ngợi ca phần trong trời tốt lành, phẩm hạnh của lớp bình dân.

Sáng tác văn học của ông thuộc nhiều thể loại: tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, kịch. Tác phẩm đầu tay là tập thơ Xonnê tặng hoàng hậu Idaben năm 1559. Tiểu thuyết Pecxilex và Xêdixmunda là tác phẩm cuối cùng khép lại sự nghiệp sáng tạo văn chương của nhà văn năm 1616.

- Nhà văn có cuộc đời cực nhọc, nghèo khổ, không may mắn (Bị đi lính, bị thương, bị cướp biển bắt giam, bị tù đầy...)

- Đôn Ki - hô - tê là một kiệt tác gồm 2 phần, 126 chương.

tét (1547 - 1616) - là nhà văn Tây Ban Nha.

2. Tác phẩm

- Tác phẩm gồm 2 phần, 126 chương.

- Đoạn trích: chương 8 của tác phẩm.

<p>+ P1: 52 chương - xuất bản 1605</p> <p>+ P2: 74 chương - xuất bản 1615</p> <p>G: Khi viết tiểu thuyết Đôn Ki - hô - tê, tác giả đã nói rõ mục đích của mình ở đầu bài tựa tập tiểu thuyết bất hủ đó là: Viết một tập truyện hài hước để chế giễu thứ văn học kị sĩ và đánh tan cái tín nhiệm của một số người khá đông đối với loại sách ấy.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
--	--

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản

a) **Mục tiêu:** Học sinh tìm hiểu văn bản

b) **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

c) **Sản phẩm:** Đáp án của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

<p>NV1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Đọc, tìm hiểu chú thích.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh đọc chú thích</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>- HS khác nhận xét đánh giá, gv chuẩn kiến thức</p> <p>- Giáo viên: hướng dẫn đọc, hỗ trợ nếu HS cần.</p> <p>+ Đưa ra cách đọc: chú ý các câu đối thoại giọng Đôn Ki - hô - tê nói với cối xay gió: ngây thơ, tự tin xen lẫn hài hước.</p> <p>-Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>NV2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Thẻ loại, phương thức biểu đạt.</p> <p>- Xác định bố cục của văn bản.</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*GV chiếu</p> <p>- Bố cục: 3 phần:</p> <p>+ P1: Từ đầu -> “không cân sức”: Thầy trò Đôn Ki hô- tê trước khi đánh nhau</p>	<p>II. Định hướng hình thành kiến thức đọc hiểu văn bản:</p> <p>1. Đọc, tìm hiểu chú thích</p> <p>2. Bố cục</p> <p>- PTBD: tự sự + miêu tả.</p> <p>- Bố cục: 3 phần.</p>
--	---

<p>với cối xay gió (những chiếc cối xay gió hay là những tên khổng lồ ghê gớm).</p> <p>+ P2: Tiếp -> “bị toạc nửa vai”: Đánh nhau với cối xay gió (một trận giao chiến không cân sức).</p> <p>+ P3: Còn lại: 2 thầy trò tiếp tục cuộc phiêu lưu.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>-GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
--	--

Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích

a) **Mục tiêu:** HS phân tích nhân vật lão Hạc

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Nắm rõ thông tin về tác phẩm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>+ Bước 1: Giao nhiệm vụ (Thời gian: 10 phút) Học sinh: cá nhân sử dụng phiếu học tập hoạt động theo nhóm bàn. Nội dung: điền vào bảng hai cột Phân công: Bàn...)</p> <p>1. Nguồn gốc xuất thân 2. Hành động đánh nhau với cối xay gió (mục đích, kết quả)</p> <p>Giáo viên hướng dẫn học sinh bổ sung và hoàn thiện nội dung kiến thức trong phiếu học tập (Phiếu học tập đính kèm trong vở ghi)</p> <p>+ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ Bước 3: Trao đổi thảo luận</p> <p>- Báo cáo: cá nhân trả lời tại chỗ theo phiếu học tập.</p> <p>+ Bước 4: Đánh giá chốt kiến thức</p> <p>- Giáo viên chuẩn hóa kiến thức, nhận xét, đánh giá.</p>	<p>3. Phân tích (Giáo viên chuẩn hóa kiến thức theo nội dung sau)</p> <p>3.1. Hiệp sĩ Đôn Ki - hô - tê</p> <p>*Nguồn gốc xuất thân</p> <p>- Tên: Ki - ha - đa (ghép họ quý tộc: Đôn...).</p> <p>- Xuất thân: quý tộc nghèo.</p> <p>- Say mê sách kiếm hiệp.</p> <p>-> Bệnh hoang tưởng, gàn dở, muốn thành hiệp sĩ giang hồ.</p> <p>*Đánh nhau với cối xay gió:</p> <p>- Mục đích:</p> <p>+ Chiến đấu cao cả, tiêu diệt lũ tàn ác, trừ hại cho dân.</p> <p>- Dũng cảm như một anh hùng, hiên ngang, dũng mãnh, quyết tâm chiến đấu.</p> <p>-> đáng kính phục.</p> <p>- hoang tưởng, hão huyền.</p> <p>-> Gây cười.</p> <p>- Kết quả: thất bại một cách đau đớn.</p> <p>=> Đôn Ki - hô - tê là người hoang tưởng, gàn dở, điên rồ nhưng dũng cảm và cao thượng.</p> <p>-> Đôn Ki - hô - tê vừa đáng trân trọng vừa nực cười, vừa đáng thương vừa đáng trách.</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) Mục tiêu:** HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức
- b) Nội dung:** HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.
- c) Sản phẩm:** trả lời câu hỏi của GV
- d) Tổ chức thực hiện:**

Thảo luận nhóm bàn: 2p

1. Em nhận xét gì về tài dựng cảnh và miêu tả của tác giả?

=> Tác giả đã tái hiện trận đánh thời trung cổ: Dàn trận, đấu khẩu trước lúc giao tranh, đánh nhau quyết tử dữ dội, bãi chiến trường sau trận đấu.

Ngôn ngữ nhân vật phong phú: cũng khoác lác, đại ngôn, trống rỗng, hét vang trước khi xung trận.

Cử chỉ điệu bộ tự tin, dũng mãnh, oai phong.

-> Thể hiện tài dựng cảnh của tác giả.

*GV: Đôn Ki - hô - tê luôn là một con người cao thượng, trong sạch, hết mình vì lý tưởng hiệp sĩ thời trung cổ. Chỉ tiếc là thời đại hiệp sĩ đã qua từ lâu nên Đôn Ki - hô - tê chơ vơ, lạc lõng trong thời đại của mình, thành trò cười cho thiên hạ...

1. Từ nhân vật Đôn - ki - hô - tê, em rút ra bài học gì cho mình?

- Tránh xa truyện kiếm hiệp, trang mạng ảo....

*GV: Đôn Ki - hô - tê gần gũi, nhưng biết yêu thương nhân loại, yêu tự do, bình đẳng, ghét thói xa hoa, ăn bám, quý trọng danh dự, đạo làm người. Đôn Ki - hô - tê chết là vì lý tưởng hiệp sĩ chết.

Vậy thời đại mới (Tư bản chủ nghĩa) đem lại cái gì cho Đôn Ki - hô - tê? Đó là câu hỏi phản ánh sự khủng hoảng của lý tưởng nhân văn chủ nghĩa Tây Ban Nha thế kỉ XVI.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn
- b) Nội dung:** GV tổ chức cho HS làm các bài tập
- c) Sản phẩm:** Đáp án của HS
- d) Tổ chức thực hiện:**

*Hướng dẫn về nhà

1. Hướng dẫn học sinh học bài cũ:

+ Nắm chắc tác giả, tác phẩm.

+ Tóm tắt văn bản.

+ Phân tích nhân vật Đôn Ki - hô - tê.

2. Hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài tiếp theo trong chủ đề truyện nước ngoài “Đánh nhau với cối xay gió”.

- Chuẩn bị: Đọc và tìm hiểu văn bản “Đánh nhau với cối xay gió” (Tiết 2)

- Soạn tiếp phần còn lại:

+ Tìm hiểu nhân vật Xan - chô Pan – xa.

+ Nghệ thuật xây dựng cặp nhân vật của tác giả.

? Giới thiệu đôi nét về Xan - chô Pan - xa?

- ? Khi thấy Đôn Ki – hô – tê đánh nhau với cối xay gió Xan - chô Pan - xa có những biểu hiện gì?
- ? Vì sao Xan - chô Pan - xa có những lời can ngăn ấy?
- ? Qua chi tiết đó cho thấy bác là người như thế nào?
- ? Ngăn không được bác đành bỏ mặc chủ, sau đó lại chăm sóc rất chu đáo. Qua đó chứng tỏ điều gì ở nhân vật này?
- ? Qua những lời tâm sự của Xan - chô Pan - xa với chủ, em nhận ra điều gì ở con người này?
- ? Qua đoạn trích trên, nhà văn đã giúp em hình dung như thế nào về hai nhân vật Đôn Ki - hô - tê và Xan - chô Pan – xa?

Tiết 2:

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài
- b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.
- c) **Sản phẩm:** hoàn thành nhiệm vụ.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

GV: Tiết trước, chúng ta đã tìm hiểu về nhân vật Đôn-ki-hô-tê, tiết 2 chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu nhân vật **Giám mã Xan - chô Pan – xa**

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS phân tích

- a) **Mục tiêu:** HS phân tích nhân vật Hiệp sĩ Đôn Ki - hô – tê và Giám mã Xan - chô Pan - xa
- b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Nắm rõ kiến thức bài học

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>+ Bước 1: Giao nhiệm vụ. (Thời gian: 10 phút Học sinh: cá nhân sử dụng phiếu học tập hoạt động theo nhóm bàn. Nội dung: điền vào bảng hai cột Phân công: Bàn...)</p> <p>1. Nguồn gốc xuất thân. 2. Hành động của Xan - chô Pan - xa (mục đích, kết quả). Giáo viên hướng dẫn học sinh bổ sung và hoàn thiện nội dung kiến thức trong phiếu học tập (Phiếu học tập đính kèm trong vở ghi). ? Nhà văn đã xây dựng được một cặp nhân vật đối lập, tương phản bất hủ trong văn học. Hãy chứng minh?</p> <p>+ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>+ Bước 3: Trao đổi thảo luận. - Báo cáo: cá nhân trả lời tại chỗ theo phiếu học tập.</p>	<p>I. Hướng dẫn tìm hiểu chung II. Định hướng hình thành kiến thức đọc hiểu văn bản: 3. Phân tích (Giáo viên chuẩn hóa kiến thức theo nội dung sau) 3.1. Hiệp sĩ Đôn Ki - hô - tê 3.2. Giám mã Xan - chô Pan - xa - Nguồn gốc xuất thân: + Là nông dân. + Hình dáng: béo lùn. - Hành động:</p>

*GV: Xan - chô cũng là một nông dân thích danh vọng hảo huyền, vừa thực dụng vừa không tưởng, có nét tính cách hoang tưởng như Đôn Ki - hô - tê.

	Đôn-Ki -hô -Tê	Xan- chô Pan-xa
-Nguồn gốc - Dung mạo - Mục đích sống	- Dòng dõi quý tộc - Gầy gò, cao lênh khênh, cười trên con ngựa gầy. - Có khát vọng cao cả. - Muốn giúp ích cho đời, không quản ngại hi sinh. - Mê muội, hoang tưởng vì đọc quá nhiều sách kiếm hiệp.	- Nguồn gốc nông dân - Béo lùn, cười lừa. - Mong ước tầm thường. - Chỉ lo cho bản thân, hèn nhát. - Tinh táo, thực dụng.
	Hoang tưởng và cao thượng	Tinh táo và tầm thường

+ Có tham vọng thực tế: giàu sang phú quý -> thích danh vọng hảo huyền.

+ MĐ rõ ràng, ước muốn tầm thường.

-> Xan - chô là người tinh táo, tận tụy, trung thành nhưng hèn nhát.

+ Thực dụng đến tầm thường.

+ **Bước 4: Đánh giá chốt kiến thức.**

- Giáo viên chuẩn hóa kiến thức, nhận xét, đánh giá.

Hoạt động 2: Hướng dẫn tổng kết

a) Mục tiêu: HS tổng kết về nội dung-ý nghĩa và nghệ thuật trong tác phẩm.

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Nắm rõ thông tin về tác phẩm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS thảo luận nhóm bàn để rút ra nghệ thuật đặc sắc của văn bản. ? Nhận xét về biện pháp nghệ thuật sử dụng trong văn bản?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>* Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp nghệ thuật và tương phản giữa 2 hình tượng nhân vật. - Giọng điệu phê phán hài hước. - Sử dụng tiếng cười để giễu cợt cái 	<p>4. Tổng kết</p> <p>4.1. Nghệ thuật</p> <p>4.2. Nội dung - Ý nghĩa</p> <p>4.3. Ghi nhớ SGK/80</p>

<p>hoang tưởng và tâm thường; đề cao cái thực tế và cao thượng.</p> <p>*Nội dung – ý nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Mỗi quan hệ đối lập, bổ sung cho nhau giữa hai hình tượng Đôn - Ki - hô - tê và Xan - chô Pan - xa. - Ý nghĩa: <p>Kể câu chuyện về sự thất bại của Đôn Ki - hô - tê đánh nhau với cối xay gió, nhà văn chế giễu lí tưởng hiệp sĩ phiêu lưu, hão huyền, phê phán thói thực dụng thiển cận của con người trong đời sống xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc ghi nhớ SGK/80. - Bước 4: Kết luận, nhận định: <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

<p>Hướng dẫn luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: 5 phút. <p>? Đọc diễn cảm một đoạn em thích nhất? Vì sao em thích nhất đoạn đó?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lựa chọn và giải thích được lí do. <p>? Thành công của tác giả trong việc xây dựng nhân vật là gì ? Em đánh giá như thế nào về mỗi nhân vật?</p> <p>*GV: Câu chuyện phiêu lưu của 2 thầy trò Đôn Ki - hô - tê có ý nghĩa phản ánh bước chuyển mình vĩ đại của đất nước Tây Ban Nha từ xã hội phong kiến lạc hậu -> Xã hội tư bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày miệng. 	<p>III. Luyện tập</p> <p>Bài 1</p> <p>Bài 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật: + Tương phản đối lập. + Giọng điệu phê phán, hài hước - Nhân vật: + Đôn - ki: Mê muội, hão huyền, dũng cảm + Xan - cho: Tỉnh táo, thiết thực, hèn nhát. <p>? Phát biểu cảm nghĩ sau khi học xong văn bản?</p>
--	--

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học văn bản?

Liên hệ bản thân

Hướng dẫn về nhà*1. Hướng dẫn học sinh học bài cũ:**

- Học thuộc ghi nhớ.
- Học kĩ nội dung bài học.
- Tóm tắt các sự việc chính của văn bản.

? Phát biểu cảm nghĩ của em về 2 nhân vật Đôn Ki - hô- tê và Xan - chô Pan - xa?

? Hãy chỉ ra các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong đoạn “Đêm hôm đó...đủ no rồi”?

2. Hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài tiếp theo trong chủ đề truyện nước ngoài “Chiếc lá cuối cùng”.

+ Soạn bài theo hệ thống đọc hiểu trong sách giáo khoa.

+ Trả lời các câu hỏi:

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 29

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (PHẦN TIẾNG VIỆT)**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức**

- Nắm được các từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt, thân thích.
- Nắm được các từ ngữ địa phương ở tỉnh GV: Các em đã đọc bài ở nhà và học tiết 1 của văn bản Chiếc lá cuối cùng, hãy tưởng tượng và vẽ lại hình ảnh chiếc lá ấy vào tập

HS: thực hiện

GV: Nhận xét và dẫn dắt vào bài

Để xem chiếc lá cuối cùng có ý nghĩa như thế nào đối với nhân vật Giôn-xi, cô và các con sẽ tìm hiểu phần cuối của truyện

2. năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân ra quyết định dùng tình thái từ phù hợp với tình huống giao tiếp.
- Năng lực giao tiếp tiếp: trình bày suy nghĩ, ý tưởng thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm cá nhân về cách sử dụng từ ngữ địa phương.
- Rèn năng lực sử dụng ngôn ngữ.

3. Phẩm chất: Yêu thích và sử dụng đúng vốn từ địa phương kết hợp từ ngữ toàn dân. Nâng cao ý thức tìm hiểu truyền thống văn hoá của quê hương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- + Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.
- + Soạn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

- a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài
b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.
c) **Sản phẩm:** hoàn thành nhiệm vụ.
d) **Tổ chức thực hiện:**
GV kiểm tra phân giao bài tập ở nhà của HS
- Suu tầm thơ ca có sử dụng từ ngữ địa phương chỉ quan hệ ruột thịt.

VD1:

Ai về thăm mẹ quê ta
Chiều nay có đưa con xa nhớ thăm
Bầm ơi có rét không bầm

VD2:

Tôi lớn lên đã thấy dứa trước ngõ.
Dừa ru tôi giấc ngủ tuổi thơ
Cứ mỗi chiều nghe dừa reo trước gió
Tôi hỏi nội tôi dừa có tự bao giờ.

VD3:

Một mình mình, một nồi to
Cơm vừa chín tới vui tro má cười

VD4:

Bà bủ nằm ổ chuối khô
Bà bủ không ngủ bà lo bồi bồi.
Ngoài từ ngữ toàn dân dùng phổ biến, rộng rãi trong giao tiếp, mỗi địa phương, vùng miền lại có những đặc trưng riêng về ngôn ngữ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhắc lại những kiến thức cơ bản về từ ngữ địa phương:

- a) **Mục tiêu:** HS biết được thế nào là từ ngữ địa phương.
b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
c) **Sản phẩm:** Nắm rõ về nội dung bài học
d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Thế nào là từ ngữ địa phương? ? Hãy chỉ ra một vài sự khác biệt cơ bản về mặt ngữ âm giữa các địa phương? ? Chỉ ra sự khác biệt về từ vựng?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: -HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. *GV: Từ ngữ địa phương thường được dùng ở một vùng, miền nào đó trên lãnh thổ Việt Nam. Nó có một số khác</p>	<p>I. Từ ngữ địa phương 1. Sự khác biệt về ngữ âm Phụ âm đầu, thanh điệu a, Bắc bộ: - Lẫn các cặp phụ âm l/n; d/r/gi; s/x; tr/ch. b, Nam Bộ: - Lẫn các cặp phụ âm v/d ; n/ng ; c/t. c, Nam Trung Bộ, Nghệ Tĩnh: - Lẫn các thanh điệu: hỏi/ngã, sắc/hỏi, ngã/huyền. 2. Sự khác biệt về từ vựng. - Từ ngữ địa phương có những đơn vị mà từ ngữ toàn dân không</p>

biệt với từ ngữ toàn dân nhưng vẫn có thể hiểu được trên cơ sở đối chiếu với từ ngữ toàn dân. -Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, đánh giá	có. VD: Sầu riêng, măng cụt, măng cầu, chôm chôm... - Từ ngữ địa phương có các đơn vị song song tồn tại với từ ngữ toàn dân. VD: Vô - vào, ba - bố, ghe - thuyền, ngái - xa, ...
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

1.? Nêu yêu cầu bài tập ?

- HS làm việc cá nhân.

Ví dụ: Cha - thầy; bác - bá; mẹ - bu, má

(GV cho HS sưu tầm theo nhóm - lên bảng trình bày)

- HS làm việc cá nhân hoặc trao đổi nhóm bàn.

- H trả lời, nhận xét.

2. Sưu tầm 1 số từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt, thân thích được dùng ở địa phương khác.

3. Thơ ca có từ ngữ chỉ quan hệ ruột thịt (Từ ngữ địa phương nếu có)

* Ca dao, tục ngữ, thành ngữ:

- Sẩy cha theo chú, sẩy mẹ bú dì

- Con dại cái mang

- Con chị nó đi, con dì nó lớn

- Mấy đời bánh đúc Chồng

Thật thà như thể lái trâu

Thương nhau như thể nàng dâu mẹ chồng

* Thơ ca:

- Bầm ơi (Tố Hữu)

- Bà bủ (Tố Hữu) : Bà bủ không ngủ bà nằm.

Càng lo càng nghĩ, càng căm càng thù

- Bà má Hậu Giang (Tố Hữu)

Ở đây sóng gió bất kì

Má ơi, má ở làm chi 1 mình

Tài liệu tham khảo:

1. Anh em như thể tay chân

2. Chị ngã em nâng

3. Chú cũng như cha

4. Phúc đức tại mẫu

5. Sẩy cha còn chú, sẩy mẹ bú dì

6. Quyền huynh thế phụ

7. Con chị nó đi, con dì nó lớn

8. Anh em đánh nhau đừng cán chứ không đánh nhau đừng lười.
9. Anh em như khúc ruột trên, khúc ruột dưới.
10. Dì ruột thương cháu
Chẳng may mất mẹ cháu còn cậy trông
11. Cây xanh thì lá cũng xanh
Cha mẹ hiền lành để đức cho con
12. Người dung có ngãi, ta đãi người dung
Chị em bắt ngãi, ta đừng chị em

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

? Khi dùng từ địa phương cần chú ý gì ? (Mang đặc tính vùng miền)

Hướng dẫn về nhà

*** Học bài cũ:**

- Lập bảng thông kê các từ ngữ địa phương tương đương với các từ ngữ toàn dân.
- Suu tầm và chép lại những bài thơ, bài văn, đoạn văn hay có sử dụng từ ngữ địa phương chỉ quan hệ thân thích, phân tích để thấy được tác dụng của những từ này trong tác phẩm.

*** Chuẩn bị bài mới:**

- Chuẩn bị bài: Lập dàn ý cho bài văn tự sự

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 30

Tập làm văn:

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết cách lập dàn ý cho văn bản tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân, ra quyết định: sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong dàn ý của văn bản tự sự.
- Năng lực giao tiếp: trình bày suy nghĩ, ý tưởng, thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm cá nhân về cách sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.

3. Phẩm chất: Giáo dục ý thức nghiên cứu, tìm tòi các tác phẩm văn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.
- + Soạn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài
- b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.
- c) **Sản phẩm:** hoàn thành nhiệm vụ.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Cô và các em đã tìm hiểu tác dụng khi đan xen yếu tố miêu tả và biểu cảm trong bài văn tự sự. Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu cách lập dàn ý cho bài văn có sự kết hợp các yếu tố ấy

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu dàn ý của bài văn tự sự

- a) **Mục tiêu:** Giúp học sinh biết được dàn ý của bài văn tự sự
- b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Nắm rõ kiến thức về bài học
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Xác định phần MB, TB, KB và nêu nội dung của mỗi phần?</p> <p>? Truyện kể về việc gì? (Sự việc chính)</p> <p>Ai là người kể chuyện? (Ngôi thứ mấy?)</p> <p>? Câu chuyện xảy ra ở đâu? Vào lúc nào? Trong hoàn cảnh nào?</p> <p>? Có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính? Sự việc xoay quanh nhân vật nào? Tình cảm của mỗi nhân vật?</p> <p>? Câu chuyện diễn ra ở đâu? Kết thúc chỗ nào? Điều gì đã tạo nên bất ngờ?</p> <p>? Những nội dung trên được kể theo thứ tự nào?</p> <p>? Hãy xác định yếu tố miêu tả? Biểu cảm? Tác dụng?</p> <p>? Em rút ra được điều ghi nhớ gì qua phần tìm hiểu trên?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>- HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>1- MB: từ đầu -> “la liệt trên bàn”: Kể và tả lại quang cảnh vui chung của buổi</p>	<p>I. Dàn ý của bài văn tự sự:</p> <p>1. Tìm hiểu dàn ý của bài văn tự sự</p> <p>a. Phân tích ngữ liệu:</p> <p>Bài văn “Món quà sinh nhật”</p> <p>Bố cục: 3 phần</p> <p>- MB: Kể và tả lại quang cảnh vui chung của buổi sinh nhật.</p> <p>- TB: Kể về món quà độc đáo.</p> <p>- KB: Cảm nghĩ về món quà của bạn.</p> <p>- Sự việc chính: diễn biến của buổi sinh nhật và câu chuyện liên quan đến món quà sinh nhật.</p> <p>- Ngôi kể: thứ nhất - tôi (Trang), tự kể.</p> <p>- Sự việc xoay quanh Trang (nhân vật chính)</p> <p>- Tính cách và tình cảm: Trang, Trinh, Thanh.</p> <p>- Trình tự câu chuyện:</p> <p>+ Mở đầu:</p> <p>+ Diễn biến:</p> <p>+ Kết thúc:</p> <p>- Tình huống truyện: bất ngờ,</p>

sinh nhật.

- TB: Tiếp -> “không nói”: kể về món quà độc đáo.

- KB:-> Còn lại: Cảm nghĩ về món quà của bạn.

2- Sự việc chính: diễn biến của buổi sinh nhật và câu chuyện liên quan đến món quà sinh nhật.

- Ngôi kể: thứ nhất: tôi (Trang), tự kể.

3- Thời gian: vào buổi sáng.

- Không gian: trong nhà Trang.

- Hoàn cảnh: ngày sinh của Trang có các bạn đến chúc mừng.

4- Sự việc xoay quanh Trang (nhân vật chính).

- Các nhân vật khác: Trinh, Thanh, các bạn

- Tình cảm và tính cách:

+ Trang: hồn nhiên, vui mừng, sốt ruột.

+ Trinh: kín đáo, dầm dẫm, chân thành.

+ Thanh: hồn nhiên, nhanh nhẹn, tinh ý...

5- Mở đầu: Buổi sinh nhật vui vẻ sắp kết thúc. Trang sốt ruột vì người bạn thân nhất chưa đến

- Diễn biến: Trinh đến - đỉnh điểm là món quà độc đáo.

- Kết thúc: Cảm nghĩ của Trang về món quà

- Điều bất ngờ: tình huống truyện: tâm trạng chờ đợi, có ý chê trách về sự chậm trễ của bạn thân

-> vỡ lẽ về sự chậm trễ đầy cảm thông... Món quà đơn sơ nhưng đầy ý nghĩa về tình bạn chân thành.

6-Hình ảnh:

7-Miêu tả: Suốt cả buổi sáng, cả nhà tập nập, kể ra người vào, các bạn ngồi chật cả nhà...Trinh đang tươi cười...Trinh dẫn tôi ra vườn...Trinh lom khom...Trinh vẫn lặng lẽ cười...

Biểu cảm: Tôi vẫn cứ bồn chồn không yên...bất đầu lo...tủi thân và giận Trinh...giận mình quá...Tôi run run...cảm ơn Trinh quá....quí giá làm

đầy ý nghĩa về tình bạn.

Theo trình tự trước sau (nhưng có chỗ từ hiện tại nhớ về quá khứ: “Tôi oà lên... bất ngờ.”)

- Yếu tố miêu tả: Giúp hình dung không khí buổi sinh nhật, tình cảm tâm trạng...

Yếu tố biểu cảm: Bộc lộ tình cảm bạn bè chân thành sâu sắc, kín đáo...

b. Ghi nhớ:

Đan xen yếu tố miêu tả, yếu tố biểu cảm giúp người đọc hình dung cụ thể sự việc và làm nổi bật tư tưởng chủ đề chuyện.

2. Dàn ý của một bài văn tự sự

a. Phân tích ngữ liệu:

+ MB: Giới thiệu sự việc, nhân vật và tình huống xảy ra câu chuyện

+ TB: Kể lại diễn biến câu chuyện theo một trình tự nhất định kết hợp miêu tả người, sự việc, tình cảm của mình

+ KB: Kết cục và cảm nghĩ người trong cuộc.

=> Dàn ý của bài văn tự sự kết hợp yếu tố miêu tả biểu cảm có bố cục 3 phần...

- Trong từng phần cần đưa vào các nội dung miêu tả và biểu cảm cho phù hợp.

b. Ghi nhớ: sgk 95

<p>sao...</p> <p>GV treo bảng phụ (gạch chân các yếu tố miêu tả và biểu cảm)</p> <p>- 4 HS xác định -> GV chốt.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>-Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>NV2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>? Qua câu chuyện trên, hãy cho biết bố cục và dàn ý bài văn tự sự kết hợp với miêu tả, biểu cảm?</p> <p>? So sánh và nhận xét: dàn ý bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm giống và khác nhau thế nào với dàn ý bài văn tự sự?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>1- (bố cục gồm mấy phần? Nhiệm vụ của từng phần ra sao?)</p> <p>GV chốt -> Ghi.</p> <p>2-Yêu cầu học sinh đọc ghi nhớ SGK Tr 95</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Hs nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

<p>Hướng dẫn học sinh luyện tập: 20p</p> <p>- Đọc yêu cầu BT 1.</p> <p>? MB giới thiệu ai? Hoàn cảnh ntn?</p> <p>? Có những sự việc chính nào?</p> <p>Trình tự ra sao? Lúc đầu...sau đó.. (có mấy lần quẹt diêm, diễn ra ntn? ..kết quả ?)</p> <p>* Lần 1: ... như đang ngồi trước một lò sưởi -> dễ chịu -> diêm tắt -> trở lại với hiện tại đang tê cóng.</p> <p>* Lần 2: mơ thấy bàn ăn thịnh soạn -></p>	<p>II. Luyện tập</p> <p>1. Bài tập 1(95)</p> <p>Lập dàn ý từ văn bản Cô bé bán diêm:</p> <p>a. MB: Giới thiệu quang cảnh đêm giao thừa và gia cảnh của em bé bán diêm (nhân vật chính)</p> <p>b. TB:</p> <p>- Lúc đầu: Không bán được diêm -> không dám về nhà, sợ bố</p>
--	--

<p>diêm tắt -> đối diện với cảnh nghèo khổ.</p> <p>* Lần 3: một cây thông Nô-en lộng lẫy. -> diêm tắt -> những ngọn nến bay về trời</p> <p>* Lần 4: Thấy bà đang mỉm cười. -> bật hết số que diêm còn lại.</p> <p>Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm bàn: 2p</p> <p>? Các yếu tố miêu tả, biểu cảm thể hiện ở chỗ nào?</p> <p>* Miêu tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh ngọn lửa : sáng chói. - Diêm cháy và sáng lên ... quý giá. - Diêm nối nhau...sáng... ban ngày. <p>* Biểu cảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chà! Giá quẹt ... chút nhĩ... trông đến vui mắt. - Chà! ánh sáng... dịu dàng - Thật là dễ chịu ...khoái biết bao - Em bản thân ... - Chưa bao giờ em thấy bà to lớn và đẹp lão như thế này. <p>GV dùng bảng phụ để chốt lại.</p> <p>? Qua bài tập, hãy cho biết lập dàn bài cho 1 bài văn tự sự hoàn chỉnh có yếu tố miêu tả và biểu cảm cần chú ý gì ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôi kể, người kể. - Sự việc, hoàn cảnh xảy ra sự việc. - Nhân vật, vai trò của mỗi nhân vật với sự phát triển của cốt truyện. - Diễn biến cốt truyện. - Mức độ sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm. - GV hướng dẫn HS làm bài tập 2. - HS làm việc cá nhân. <p>Lập dàn ý cho đề bài: Hãy kể về 1 kỉ niệm với người bạn tuổi thơ khiến em xúc động và nhớ mãi?</p> <ul style="list-style-type: none"> - H. Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét. - G. Chữa bài. 	<p>đánh -> tìm 1 góc tường ngồi tránh rét nhưng “đôi tay vẫn cứng đờ ra”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau đó: Liền đánh những que diêm để sưởi . Mỗi lần quẹt diêm lại hiện lên một viễn cảnh đẹp đẽ và ấm cúng. <p>- Các yếu tố miêu tả, biểu cảm: đan xen khi kể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tả mộng tưởng và cảnh thực + Suy nghĩ và tâm trạng của nhân vật <p>c) KB:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết cục: cô bé bán diêm chết - Mọi người không ai biết điều kì diệu mà em bé trông thấy... <p>Bài tập 2 (95)</p> <p>Lập dàn ý cho đề bài : Hãy kể về một kỉ niệm với người bạn tuổi thơ khiến em xúc động và nhớ mãi.</p> <ul style="list-style-type: none"> a. MB: Giới thiệu người bạn thân của mình là ai? Kỉ niệm khiến mình khó quên nhất là gì? (nêu 1 cách khái quát) b. TB: Tập trung kể về sự việc xúc động ấy. - Xảy ra ở đâu? Lúc nào? Với ai? - Chuyện xảy ra như thế nào? <p>(MĐ - DB - KQ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều gì khiến em xúc động? Xúc động như thế nào? (Miêu tả các biểu hiện của sự xúc động) c. KB: Em có suy nghĩ gì về kỉ niệm đó.
--	---

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

? Cho đề văn: Kể một lỗi lầm khiến em ân hận mãi"

Hãy lập dàn ý cho đề văn trên

Hướng dẫn về nhà

*** Học bài cũ:**

- Xác định thứ tự các sự việc được kể trong một văn bản tự sự để học theo yêu cầu của giáo viên.

- Lập dàn ý cho một bài văn tự sự. Ở mỗi phần lựa chọn ý/tổ miêu tả, biểu cảm có thể kết hợp.

*** Chuẩn bị bài mới:**

- Chuẩn bị bài: Văn bản **Hai cây phong**.

+ Đọc, tìm hiểu tác giả, tác phẩm, bố cục.

+ Tìm những chi tiết giới thiệu về làng Ku - ku - rêu

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 31, 32

CHỦ ĐỀ: TRUYỆN NƯỚC NGOÀI

HAI CÂY PHONG

(Trích: Người thầy đầu tiên)

(Ai- ma- tốp)

I. MỤC TIÊU.

1. Kiến thức

- Biết được nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.

- Hiểu và cảm nhận được tình yêu quê hương và lòng biết ơn người thầy đã vun trồng ước mơ và hy vọng cho những tâm hồn trẻ thơ.

- Vận dụng tình cảm nhân văn trong cuộc sống; khả năng sáng tạo nghệ thuật của bản thân.

2. Năng lực

Các năng lực chung:

- Năng lực quyết vấn đề.

- Năng lực tự học.

Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ-

3. Phẩm chất: Trân trọng quá khứ, yêu mến thầy cô giáo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

-SGK, SGV, chuẩn kiến thức - kỹ năng, giáo án.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc và soạn bài theo các câu hỏi ở SGK và hướng dẫn của GV ở tiết trước.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Cách 1: GV in phiếu học tập cho học sinh, yêu cầu hs: Chia sẻ của em về quê hương mình?

Phiếu học tập số 1

Họ tên: _____
lớp _____

Phong cảnh.....

.....

.....

.....

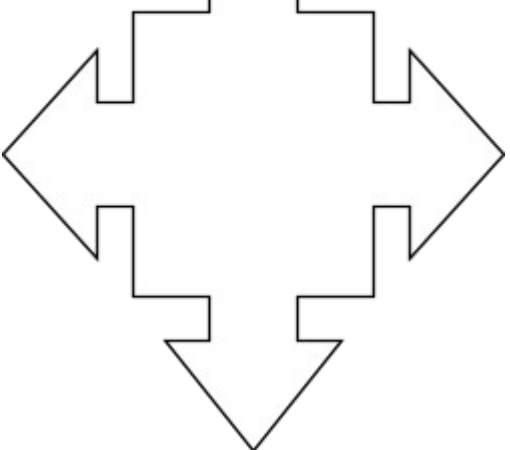
Món ăn.....

.....

.....

.....

Quê hương trong em?



Kỉ niệm.....

.....

.....

.....

Điều khác.....

.....

.....

.....

Hs hoàn thành phiếu, gv nhận xét và chuyển ý vào bài: Quê hương trong trái tim, tiềm thức, trí nhớ của mỗi người là khác nhau, có người yêu giọt sương trên cánh đồng, có người nhớ về cánh diều trên triền đê, có người lại thương nhớ bát canh cua, quả cà muối của nội.... Vậy quê hương trong trí nhớ của nhà văn Ai- ma - tập một người con của làng Ku - ku -rêu của đất nước Cu- rơ- gư- xtan bên kia bán cầu có gì đặc biệt, cô và các con sẽ cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: GV giới thiệu cho HS tìm hiểu về tác phẩm

a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu về tác phẩm.

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Nắm rõ thông tin về và tác phẩm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS		NỘI DUNG BÀI HỌC									
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ (Thời gian: 5 phút) Học sinh: cá nhân sử dụng phần nội dung đã chuẩn bị ở nhà để hình thành kiến thức theo yêu cầu giáo viên. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none">• Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, cách đọc.• Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản (dùng phiếu học tập). <p>Phân công: 2 nhóm lớn: - Nhóm 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, bố cục, cách đọc “Hai cây phong”.</p> <table><tr><th>Tác giả</th><th>Tác phẩm</th><th>Bố cục</th><th>Cách đọc</th></tr></table> <p>- Nhóm 2: Hình thành kiến thức của văn bản “Hai cây phong”.</p> <p>Hai mạch kể chuyện xen lồng vào nhau:</p> <table><tr><th>Mạch kể thứ nhất</th><th>Mạch kể thứ hai</th></tr></table> <p>- Nhóm 3: Tìm hiểu kiến thức của văn bản “Hai cây phong”</p> <table><tr><th>Giới thiệu làng Ku-ku-rêu</th><th>Hai cây phong và kí ức tuổi thơ</th><th>Hai cây phong và thầy Đuy-sen</th></tr></table> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. - Tổ chức luyện tập (Hoạt động cá nhân). Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - Trao đổi và nhận xét. GV chiếu các hình ảnh</p> <p>1. Nước cộng hoà Cư- rơ- gơ- xtan:</p>		Tác giả	Tác phẩm	Bố cục	Cách đọc	Mạch kể thứ nhất	Mạch kể thứ hai	Giới thiệu làng Ku-ku-rêu	Hai cây phong và kí ức tuổi thơ	Hai cây phong và thầy Đuy-sen	<p>I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả:</p>  <p>Ai-ma-tốp (1929-2008) là nhà văn nước Cư-rơ-gư-xtan.</p> <p>- Tác phẩm: Cây phong non trùn khăn đỏ, Người thầy đầu tiên.</p> <p>- 2004: Ông được nhận danh hiệu “Giáo sư danh dự” của trường Đại học tổng hợp quốc gia Mat-xcơ-va.</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>- Trích phần đầu truyện vừa “Người thầy đầu tiên”.</p>
Tác giả	Tác phẩm	Bố cục	Cách đọc								
Mạch kể thứ nhất	Mạch kể thứ hai										
Giới thiệu làng Ku-ku-rêu	Hai cây phong và kí ức tuổi thơ	Hai cây phong và thầy Đuy-sen									



2. Hai cây phong



Bước 4: Giáo viên đánh giá chốt kiến thức

-Giáo viên nhận xét, đánh giá

- Cây phong là loại cây to, thân cao, mọc ở vùng ôn đới, bắc bán cầu.

3. Kết cấu

- **bố cục:**

- PTBD: Tự sự kết hợp với miêu tả, biểu cảm.

- Bố cục: 4 phần.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Hai mạch kể chuyện xen lồng vào nhau:

- Mạch kể thứ nhất: xưng **tôi** - là họa sĩ.

→ Bộc lộ cảm xúc riêng về hai cây phong.

- Mạch kể thứ hai: xưng **chúng tôi** - lũ trẻ ngày trước.

→ Cảm xúc chung về hai cây phong.

→ Hai mạch kể

	<p>xen lồng vào nhau. Mạch kể của nhân vật xưng tôi quan trọng hơn.</p> <p>-> “tôi” nhiều hơn, quan trọng hơn, sử dụng nhiều hơn cảm xúc suy nghĩ của nhân vật.</p> <p>=> Việc thay đổi ngôi kể làm cho câu chuyện sinh động thân mật đáng tin cậy hơn, Không những là câu chuyện của riêng tôi mà còn là câu chuyện của nhiều người.</p> <p>2. Giới thiệu làng Ku-ku-rêu</p> <p>- Trên một cao nguyên, một thảo nguyên rộng lớn và thơ mộng....</p>
--	--

	<p>với những cảnh sắc nên thơ và hình ảnh ấn tượng về 2 cây phong....</p> <p>- Giới thiệu trực tiếp qua cảm nhận của nhân vật “tôi” bằng nét vẽ vừa cứng cỏi, vừa mềm mại, thơ mộng, bằng cả niềm tự hào của tôi đối với quê hương.</p> <p>- Hình ảnh: Như những ngọn hải đăng.</p> <p>-> NT so sánh:</p> <p>Khắc định giá trị và niềm tự hào của dân làng Ku-ku-rêu về hai cây phong.</p> <p>3. Hai cây phong và kí ức tuổi thơ</p> <p>* Hai cây phong: Có ý nghĩa đặc biệt đối với nhân vật</p>
--	--

	<p>tôi. ...như những ngọn hải đăng đặt trên núi. -> So sánh có ý nghĩa khắc định. -> Thể hiện niềm tự hào kiêu hãnh của tôi và dân làng về 2 cây phong. -> Thấu hiểu 2 cây phong với suy nghĩ - tình cảm đặc biệt. - Sử dụng các yếu tố miêu tả. - BP nghệ thuật nhân hoá, hình ảnh so sánh. -> hình ảnh 2 cây phong sống động: vừa dịu dàng thân thương, vừa dẻo dai, dũng mãnh. => Thể hiện tố chất hội hoạ và âm nhạc, tâm</p>
--	--

	<p>hồn nghệ sĩ của tác giả. -> là biểu tượng của quê hương, luôn gắn với tình yêu quê tha thiết.</p> <p>*Hai cây phong gắn liền với những kỉ niệm thời thơ ấu</p> <p>- Tác giả bồi hồi nhớ về kỉ niệm xưa với bạn bè và thầy giáo Đuy-sen.</p> <p>- Kỉ niệm của những lần phá tổ chim.</p> <p>-> Bọn trẻ như những chú chim non ngây thơ ngộ nghĩnh và nghịch ngợm</p> <p>- NT nhân hoá.</p> <p>-> Tình cảm yêu quý, gần gũi, thân thuộc như người thân.</p> <p>Quả đồi có 2 cây phong là nơi hội tụ</p>
--	--

	<p>niềm vui của trẻ thơ. “... vụt mở ra trước mắt chúng tôi 1 thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng..”.</p> <p>-> tất cả tạo nên 1 bức tranh thiên nhiên đầy quyền rũ, bí ẩn vì nó gọi lên những vùng đất, con sông bí ẩn, mà lũ trẻ chưa từng biết đến...</p> <p>“Hai cây phong không chỉ mở rộng tầm mắt mà còn nâng cánh ước mơ cho những em bé làng Ku-ku-rêu hướng tới chân trời xa xôi, tươi sáng.”</p> <p>4. Hai cây phong và thầy Duy-sen</p> <p>- Thầy đã</p>
--	---

	<p>đem 2 cây phong về trồng cùng bé An-tư-nai</p> <p>- Gửi gắm ở 2 cây phong ước mơ, hi vọng.</p> <p>-> những đứa trẻ nghèo khổ...thành người có ích.</p> <p>- Hai cây phong là nhân chứng cho 1 câu chuyện cảm động về tình cảm thầy trò.</p>
--	---

Hoạt động 4 : Hướng dẫn tổng kết

a) Mục tiêu: Học sinh biết cách tổng kết văn bản

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Khái quát lại những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản ? Nêu nội dung và ý nghĩa văn bản?

Nghệ thuật	Nội dung- Ý nghĩa
------------	-------------------

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

-HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

-Giáo viên nhận xét, đánh giá
- HS đọc ghi nhớ trong SGK/151.

4. Tổng kết**4.1. Nghệ thuật****4.2. Nội dung - Ý nghĩa****4.3. Ghi nhớ: SGK- 151****C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu: Hs nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: Đọc diễn cảm thể hiện đúng tâm trạng của nhân vật .

d) Tổ chức thực hiện:

Nhóm 1, 2: Văn bản hai cây phong bồi đắp cho em những tình cảm nào?

Nhóm 3, 4: Nếu nhân vật người họa sĩ mang hình bóng của tác giả Ai- ma –tốp thì em hiểu gì về nhà văn?

Nhóm 5, 6: Từ đoạn trích hai cây phong bức thông điệp mà tác giả muốn gửi tới bạn đọc điều gì?

- Hai cây phong nhắc nhở ta đừng quên quá khứ tuổi thơ, đừng bao giờ quên công ơn và tình cảm về người thầy giáo đầu tiên của cuộc đời.

- Đọc diễn cảm 1 đoạn văn theo ngôi kể nhân vật **Tôi**.

* Tích hợp kiến thức liên môn Âm nhạc.

Yêu cầu cả lớp hát tập thể bài “Người thầy”.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

? Tìm những biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản “Hai cây phong”, nêu tác dụng của chúng?

- Các phép tu từ chủ yếu là so sánh và nhân hóa được sử dụng rất nhiều trong bài.
- Đây là bài văn kể chuyện xen lẫn miêu tả và biểu cảm, do vậy tác dụng của các phép tu từ ở đây giúp mạch văn trôi chảy, sự vật, sự việc được tái hiện một cách sinh động, hấp dẫn. (Từ gợi ý này HS phân tích một số VD cụ thể)

?Viết đoạn văn trình bày cảm nhận về một chi tiết đặc sắc trong văn bản

***Hướng dẫn về nhà ()**

*** Đối với bài cũ**

- Đọc lại toàn bộ truyện Người thầy đầu tiên
- Thuộc ghi nhớ - hoàn thành bài tập
- Cảm nhận của em sau khi học văn bản "Hai cây phong"

*** Đối với bài mới**

- + Chuẩn bị cho bài viết số 2 (Văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm)
- + Nghiên cứu và chuẩn bị các đề bài SGK/Tr.103.

***Chuẩn bị bài: Nói quá**

- Hiểu được khái niệm nói quá.
- Nắm được phạm vi sử dụng của biện pháp tu từ nói quá
- Nắm được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 33

NÓI QUÁ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Hiểu thế nào là nói quá, nói giảm nói tránh.
- Biết cách sử dụng biện pháp nói quá trong những tình huống nói và viết cụ thể.

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự học: học sinh soạn bài, tìm hiểu qua tư liệu tham khảo để khám phá kiến thức trước khi lên lớp và theo yêu cầu chuẩn bị của giáo viên, tự hoàn thành các bài tập hoặc các nhiệm vụ của nhóm và giáo viên.

- Năng lực giải quyết vấn đề: có suy nghĩ và tìm ra các phương án giải quyết vấn đề khi vận dụng các kiến thức về từ vựng vào làm bài tập.

- Năng lực sáng tạo: được trau dồi trong quá trình tự học, hoạt động nhóm, khi giải quyết các tình huống và đưa ra các phương án mới, hiệu quả.

- Năng lực giao tiếp: năng lực giao tiếp trong chủ đề “các biện pháp tu từ” cần được chú trọng vì đây là cơ hội để các em hoàn thiện vốn hiểu biết của bản thân về các biện pháp tu từ. Năng lực này được vận dụng linh hoạt khi các em trao đổi tích cực với giáo viên, với bạn học.

- Năng lực hợp tác: Năng lực này thể hiện chủ yếu trong bước chuyển giao nhiệm vụ học tập của giáo viên.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Việc sử dụng vốn từ vựng trong giao tiếp cũng như trong viết bài, đoạn văn, câu văn giúp cho năng lực này phát triển. Thường thì năng lực này được thể hiện trong khi sử dụng kỹ thuật trình bày một phút, hoạt động nhóm.

- Sử dụng công nghệ thông tin: thu thập kiến thức xã hội có liên quan;

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực viết, phân tích, đánh giá, làm việc độc lập, chủ động.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục đạo đức: Biết yêu tiếng Việt, trân trọng và giữ gìn tiếng mẹ đẻ, phê phán những lời nói khoác, nói sai sự thật.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (phiếu học tập....)

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan.
- + Soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu:

- + Huy động các kiến thức đã có về các biện pháp tu từ đã học
- + HS tiếp cận nội dung bài học, tạo hứng thú cho HS.

b) Nội dung: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) Sản phẩm: hoàn thành nhiệm vụ.

d) Tổ chức thực hiện:

? Bằng sự ghi nhớ của mình hãy nhắc lại các biện pháp tu từ mà em đã học.

- So sánh; nhân hoá; ẩn dụ ; hoán dụ; điệp ngữ; chơi chữ; liệt kê.

*GV cho h/s nghe lời hát ngọt ngào, êm ái trong bài: Trên quê hương quan họ của nhạc sĩ Phó Đức Phương.

? Trên quê hương quan họ, một làn nắng cũng mang điệu dân ca. Qua lời hát ấy, ta cảm nhận được chất quan họ đã thấm đẫm cả vào sự vật nơi đây...đó là bởi nhạc sĩ đã sử dụng thành công phép tu từ NT nào?

- nói quá...=> chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về phương pháp và tác dụng nói quá

a) Mục tiêu: HS tham gia phân tích ngữ liệu để hiểu thế nào là nói quá, nói giảm nói tránh tác dụng và phạm vi sử dụng của 2 biện pháp tu từ trên.

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Nắm rõ kiến thức về nói quá

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 1: HS tìm hiểu nói quá và tác dụng của nói quá

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ?Mức độ cách nói trong các ví dụ trên như thế nào so với sự thật? ? Dựa vào hiểu biết của em về quy luật của tự nhiên và thực tế cuộc sống em hãy giải thích các sự việc trên? ?Thực chất của cách nói trên muốn nhấn mạnh điều gì? (S4) ?Cách nói như trên nhằm mục đích gì? ?Như vậy nói quá có tác dụng gì? ?Hãy so sánh 2 cách diễn đạt trên, cách nào hay hơn và gây ấn tượng với người đọc hơn? (S6) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. 1. Nói quá sự thật 4. => tăng sức biểu cảm, khơi gợi cảm xúc nơi người đọc. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án. - Đọc ghi nhớ SGK/102 NV2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: *Cho HS làm bài tập nhanh (S7) Chỉ ra biện pháp nói quá nêu tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong các câu sau: - Bàn tay ta làm nên tất Có sức người sỏi đá cũng thành cơm. (Hoàng Trung Thông – Bài ca vỡ đất) *Lấy 1 vài ví dụ có sử dụng nói quá * ?Nói quá còn có những tên gọi nào khác? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. 1. ->Nhấn mạnh vai trò, niềm tin vào sức lao động của con người.</p>	<p>I. Nói quá và tác dụng của nói quá 1. Phân tích ngữ liệu: SGK/101 *Ví dụ: - chưa nằm đã sáng - chưa cười đã tối -> Phóng đại về tính chất của hiện tượng thời tiết -> Nhấn mạnh tính chất của thời tiết: đêm tháng năm và ngày tháng mười rất ngắn. - thánh thót như mưa -> Phóng đại về mức độ của sự việc -> Nhấn mạnh sự lao động vất vả cực nhọc của người nông dân => Nói quá *Tác dụng: Nhằm nhấn mạnh, gây ấn tượng tăng sức biểu cảm. 2.Ghi nhớ: SGK/102 *Lưu ý: - Sử dụng nói quá</p>

<p>- Anh cứ yên tâm, vết thương chỉ sưng da thôi. Từ giờ đến sáng mai em có thể lên đến tận trời được.</p> <p>(Nguyễn Minh Châu – Mảnh trăng cuối rừng)</p> <p>-> Vết thương nhẹ không đáng lo, có thể làm bất cứ việc gì.</p> <p>- Cái cù bá thét ra lửa ấy lại xử nhữn mời hấn vào nhà xoi nước. (Nam Cao – Chí Phèo)</p> <p>-> Cù bá hung dữ, nhiều quyền lực.</p> <p>2. Làm trai cho đáng lên trai</p> <p>Khom lưng, chống gỏi gánh hai hạt vừng.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Con đi trăm núi ngàn khe <p>Không bằng muôn nổi tái tê lòng bầm.</p> <p>Thuận vợ, thuận chồng tát biển Đông cũng cạn...</p> <p>- GV: Nhận xét chốt kiến thức: Nói quá còn có tên gọi khác là khoa trương, ngoa dụ, thậm xưng, phóng đại, cường điệu. Để nhận ra biện pháp nói quá cần đối chiếu nội dung lời nói với thực tế. Phải nắm được cái ý nghĩa hàm ẩn của lời nói (tức là hiểu theo nghĩa bóng chứ không hiểu theo nghĩa đen).</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p> <p>NV3</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Lưu ý HS sử dụng phép nói quá</p> <p>* Các trường hợp dùng nói quá</p> <p>? Các trường hợp nào sử dụng nói quá?</p> <p>* Các trường hợp không sử dụng nói quá</p> <p>* Có ý kiến cho rằng hai nhân vật trong câu chuyện trên đã sử dụng biện pháp nói quá? Theo em ý kiến đó có đúng không? Vì sao?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>1. HS nêu</p> <p>GV: Vì nói quá nhằm nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm nên trong khẩu ngữ, trong thành ngữ, tục ngữ, ca dao, thơ văn người ta hay sử dụng nói quá.</p> <p>- Trong khẩu ngữ: buồn nẫu ruột, mệt đứt hơi,</p>	
--	--

đổi rã hòng, lo sốt vó, nở từng khúc ruột.
 + Lời khen của cô giáo làm nó nở từng khúc ruột (muốn nói là rất vui, phần khởi)
 + Con đi trăm núi ngàn khe
 Không bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm.

- Trong thơ văn
 + Trên quê hương quan họ, một làn nắn cũng mang điệu dân ca (ý muốn nói thiên nhiên, cảnh vật cũng ảnh hưởng, mang đậm bản sắc, đặc trưng của vùng Kinh Bắc).

- Trong thành ngữ: ăn như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa...

2. Cho HS đọc truyện ‘Quả bí khổng lồ’

3. - HS tự do bày tỏ quan điểm, nhận xét ý kiến của nhau.

- GV đưa đáp án: Không đúng. Tạo ra tiếng cười hoặc sự chê bai những kẻ khoác lác làm gì có quả bí to bằng cái nhà.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

NV4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Qua việc tìm hiểu các ví dụ ở mục I và câu chuyện “Quả bí khổng lồ”, em hãy cho biết điểm giống và khác nhau giữa nói quá và nói khoác? (S14)

Thời gian: 5 phút

Học sinh: cá nhân sử dụng phiếu học tập hoạt động theo nhóm bàn.

Nội dung: điền vào bảng hai cột

Phân công: Bàn ...)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá, GV chuẩn kiến thức .

	Nói quá	Nói khoác
Giống nhau	Cùng là nói phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của sự vật, hiện tượng.	
Khác nhau	nhằm nhấn mạnh và tăng sức biểu cảm, tạo độ tin	làm cho người nghe tin vào điều không có thực, tạo ra sự khôi hài hoặc chế nhạo

	cây cao. (tác động tích cực)	(tác động tiêu cực)	
- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.			

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

Đọc và xác định yêu cầu của bài tập 2

Hoạt động cá nhân: HS trả lời miệng yêu cầu bài tập

Đọc và xác định yêu cầu của bài tập 3

- Đặt câu với các thành ngữ nói quá.

Thi đua giữa các nhóm, đặt câu vào bảng nhóm

Tổ chức cho HS chơi trò chơi nhìn hình đoán chữ (thành ngữ so sánh dùng biện pháp nói quá) (18, 19, 20, 21, 22, 23)

- 1 trọng tài

- 3 tổ cử 3 đại diện chơi

- đội nào giơ tay trước được trả lời

- HS nhìn hình trả lời

- tìm ra người thắng cuộc

- bốc thăm lấy thưởng

Viết một đoạn văn (từ 5 đến 7 câu) về chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói quá.

- Hoạt động cá nhân viết đoạn văn vào giấy nháp.

- GV chiếu cho HS xem hướng dẫn chấm:

+ Đúng mô hình đoạn văn, đúng chính tả, đủ số câu.(2đ)

+ Đúng nội dung chủ đề, diễn đạt trôi chảy.(6đ)

+ Có sử dụng biện pháp tu từ nói quá, gạch chân câu văn có sử dụng biện pháp nói quá.(2đ.)

- Trong bàn trao đổi bài cho nhau dựa vào hướng dẫn chấm để nhận xét, đánh giá cho điểm bài làm của bạn.

- GV: Vấn đáp kiểm tra bài làm của HS

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

?Diễn đạt lại các từ ngữ gạch chân trong các câu dưới đây bằng các từ ngữ dùng lối nói quá.

a/ Trời rét thế này mà cậu mặc áo cộc tay. Cậu đúng là khỏe thật đấy.

Rét cắt da cắt thịt
b/ Ông ấy rất ki bo, không bao giờ cho ai cái gì đâu.
vắt cổ chày ra nước

khỏe như voi

?Viết đoạn văn hoặc làm bài thơ có dùng biện pháp nói quá.

***Hướng dẫn về nhà ()**

*** Hướng dẫn học bài cũ:**

- Học thuộc phần ghi nhớ.
- Suy tầm các đoạn văn, bài thơ có sử dụng biện pháp nói quá.
- Hoàn thành các bài tập.

*** Hướng dẫn chuẩn bị cho tiết 2 của chủ đề:**

- Chuẩn bị tiết 2 của chủ đề Các biện pháp tu từ:
 - + Trả lời các câu hỏi phần I.
 - + Bảng phụ, phiếu học tập.
 - + Xem trước các bài tập SGK bài “Nói giảm nói tránh”, tổng kết chủ đề bằng sơ đồ tư duy.
 - + Mỗi tổ chuẩn bị một tình huống có sử dụng nói quá hoặc nói giảm nói tránh.

Tiết: 34,35

Tập làm văn:

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2

TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Kiểm tra việc nắm lí thuyết và kiểu bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm của học sinh.
- củng cố kiến thức về văn học kiến thức văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm (tập làm văn).

2.Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, tự quản bản thân.
- Năng lực tìm kiếm và xử lí thông tin, quản lí thời gian...

3. Phẩm chất:

- Giáo dục ý thức tự giác trong học tập và tình cảm qua cảm nhận của người viết.

II. Hình thức ra đề

- Hình thức: tự luận.
- Cách tổ chức kiểm tra: HS làm bài kiểm tra tại lớp.
- Thời gian: làm ở nhà.

III. Thiết lập ma trận đề (Có tệp đính kèm)

- Liệt kê chuẩn kiến thức, kỹ năng của kiểu bài biểu cảm.
- Thiết lập ma trận đề.
- Xác định khung ma trận. (Trưởng nhóm ra)

IV. Tiến trình bài dạy

1. Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số.

2. Phát đề cho học sinh

(Đề+ đáp án+ biểu điểm nộp lưu tổ chuyên môn)

3. Kỹ năng làm bài

- GV: Yêu cầu HS thực hiện làm bài đúng về nội dung đẹp, khoa học về hình thức

- * Trả lời tốt phần lý thuyết
- * Viết đúng quy trình một bài văn
 - Đọc kĩ đề làm bài đúng yêu cầu 4 bước:
 - Tìm hiểu đề, tìm ý (định hướng văn bản)
 - Lập dàn ý.
 - Viết văn bản tự sự.
 - Đọc lại bài viết và sửa chữa

4. Củng cố (3')

- Nhận xét giờ kiểm tra.
- Nhắc lại các bước làm bài văn tự sự.

5. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài mới (1')

* Đối với bài cũ

- GV thu bài, nhận xét ý thức viết bài của HS trong giờ.
- Nhắc lại cách viết bài văn tự sự.

* Đối với bài mới

Chuẩn bị: **Nói quá.**

- + Đọc các phần nội dung bài học.
- + Các bài tập trong vở, trong SGK.

CHỦ ĐỀ: CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ

A. Xác định vấn đề cần giải quyết trong bài học

Kĩ năng sử dụng các biện pháp tu từ: Nói quá, nói giảm nói tránh.

B. Xây dựng nội dung chủ đề bài học

Tiết theo chủ đề	Tiết theo PPCT	Nội dung	Ghi chú
1	37	Hình thành kiến thức về Nói quá.	Tiết 37 theo PPCT năm 2011.
2	38	HD HS tìm hiểu Nói giảm, nói tránh - Luyện tập tổng kết chủ đề	Tiết 40 theo PPCT năm 2011.

C. Xác định mục tiêu bài học

1. Kiến thức:

- Hiểu thế nào là nói quá, nói giảm nói tránh.
- Nhận biết và bước đầu phân tích được giá trị của các biện pháp tu từ nói giảm nói tránh, nói quá.
- Biết cách sử dụng các biện pháp tu từ nói trên trong những tình huống nói và viết cụ thể

2. Năng lực: * Năng lực chung:

- Năng lực tự học: học sinh soạn bài, tìm hiểu qua tư liệu tham khảo để khám phá kiến thức trước khi lên lớp và theo yêu cầu chuẩn bị của giáo viên, tự hoàn thành các bài tập hoặc các nhiệm vụ của nhóm và giáo viên.
- Năng lực giải quyết vấn đề: có suy nghĩ và tìm ra các phương án giải quyết vấn đề khi vận dụng các kiến thức về từ vựng vào làm bài tập.

- Năng lực sáng tạo: được trau dồi trong quá trình tự học, hoạt động nhóm, khi giải quyết các tình huống và đưa ra các phương án mới, hiệu quả.

- Năng lực giao tiếp: năng lực giao tiếp trong chủ đề “các biện pháp tu từ” cần được chú trọng vì đây là cơ hội để các em hoàn thiện vốn hiểu biết của bản thân về các biện pháp tu từ. Năng lực này được vận dụng linh hoạt khi các em trao đổi tích cực với giáo viên, với bạn học.

- Năng lực hợp tác: Năng lực này thể hiện chủ yếu trong bước chuyển giao nhiệm vụ học tập của giáo viên.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Việc sử dụng vốn từ vựng trong giao tiếp cũng như trong viết bài, đoạn văn, câu văn giúp cho năng lực này phát triển. Thường thì năng lực này được thể hiện trong khi sử dụng kỹ thuật trình bày một phút, hoạt động nhóm.

- Sử dụng công nghệ thông tin: thu thập kiến thức xã hội có liên quan;

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực viết, phân tích, đánh giá, làm việc độc lập, chủ động.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục đạo đức: Biết yêu tiếng Việt, trân trọng và giữ gìn tiếng mẹ đẻ, phê phán những lời nói khoác, nói sai sự thật.

D. Xác định và mô tả mức độ yêu cầu

Nội dung	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC (Sử dụng các động từ hành động để mô tả)			Các năng lực hướng tới của chủ đề
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
Nội dung 1 Nói quá	- Nhớ được khái niệm nói quá.	- Tìm và giải thích nghĩa của biện pháp nói quá trong một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao. - Phân biệt được nói quá và nói khoác.	- Suy nghĩ về việc sử dụng biện pháp nói quá trong khi viết văn và trong giao tiếp hàng ngày. - Đưa ra được những bình luận, nhận xét, đánh giá thể hiện quan điểm riêng của bản thân về việc sử dụng biện pháp tu từ nói quá trong văn bản mới. - Viết đoạn văn có sử dụng nói quá. - Phân vai một tình huống có sử dụng nói quá.	* Năng lực chung: - Năng lực tự học - Năng lực giải quyết vấn đề - Năng lực sáng tạo. - Năng lực giao tiếp. - Năng lực hợp tác. - Năng lực sử dụng ngôn ngữ. - Năng lực sử dụng công nghệ thông tin:
Nội dung 2. Nói giảm, nói tránh	- Nhớ được khái niệm nói	- Biết cách sử dụng nói giảm nói tránh để nâng	- Vận dụng kiến thức về nói giảm nói tránh để phân tích những trường hợp không nên	thu thập kiến thức

	giảm nói tránh.	cao hiệu quả giao tiếp.	<p>sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Suy nghĩ về việc sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh trong khi viết văn và giao tiếp hàng ngày. - Đưa ra được những bình luận, nhận xét, đánh giá thể hiện quan điểm riêng của bản thân về việc sử dụng biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh trong văn bản mới. - Viết đoạn văn có sử dụng nói giảm nói tránh. - Vận vai một tình huống có sử dụng nói giảm nói tránh. 	<p>xã hội có liên quan.</p> <p>* Năng lực chuyên biệt: Năng lực viết, phân tích, đánh giá, làm việc độc lập, chủ động.</p>
--	-----------------	-------------------------	--	--

E. Biên soạn câu hỏi/bài tập cụ thể theo các mức độ yêu cầu đã mô tả

1. Dạng bài tập nhận biết, thông hiểu

- Nhắc lại khái niệm, tác dụng của nói quá, nói giảm nói tránh.
- Phân biệt nói quá với nói khoác.
- So sánh nói quá và nói giảm nói tránh.
- Tìm nói quá và nói giảm nói tránh trong các ví dụ cụ thể.
- Tìm các thành ngữ có sử dụng nói quá và nói giảm nói tránh.

2. Dạng bài tập vận dụng

- Viết đoạn văn có sử dụng nói quá, nói giảm nói tránh.
- Phân vai tình huống có sử dụng nói quá, nói giảm nói tránh.
- Vận dụng trong cuộc sống hàng ngày.

F. Thiết kế tiến trình dạy học

Hoạt động	Nội dung	Tiết theo chủ đề	Tiết theo PPCT
1. Khởi động	Nói quá	1	37
2. Hình thành kiến thức			
3. Luyện tập	Nói giảm nói tránh Luyện tập, tổng kết chủ đề	2	38
4. Vận dụng			
5. Mở rộng, sáng tạo			

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 36

ÔN TẬP TRUYỆN KÍ VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm, hiểu và so sánh được sự giống và khác nhau cơ bản của các truyện kí đã học về các phương diện thể loại, phương thức biểu đạt, nội dung, nghệ thuật.
- Cảm nhận những nét độc đáo về nghệ thuật của từng văn bản.
- Nắm, phân tích được những đặc điểm của nhân vật trong các tác phẩm truyện.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân, ra quyết định.
- Năng lực giao tiếp, cảm thụ văn học

3. Phẩm chất: Giáo dục lòng yêu thích văn học nước nhà...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu).

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.
- + Soạn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài
- Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.
- Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức thực hiện:**
 - GV yêu cầu các tổ báo cáo kết quả chuẩn bị bài.
 - GV nhận xét thái độ chuẩn bị của học sinh, đánh giá cao học sinh.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1. Thống kê những văn bản truyện ký VN đã học từ đầu năm học.

- Mục tiêu:** Học sinh thống kê những văn bản truyện ký VN đã học từ đầu năm học
- Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
- Sản phẩm:** Nắm rõ những kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ được giao

TÊN VB	T. GIẢ	T.LOẠI	NỘI DUNG	NGHỆ THUẬT
Tôi đi học 1941	Thanh Tịnh (1911-1988)	Truyện ngắn	- Những kỉ niệm trong sáng về ngày đầu tiên đi học.	- Tự sự kết hợp trữ tình, kể chuyện + miêu tả, biểu cảm - Nghệ thuật so sánh.
Trong	Nguyễn	Hồi	- Nỗi đắng cay,	- Tự sự + miêu tả, biểu

lòng mẹ (Nhữn g ngày thơ ấu) 1940	Hồng (1918- 1982)	kí	tủi cực và tình yêu mẹ mãnh liệt của bé Hồng khi xa mẹ và trong lòng mẹ.	cảm - Diễn biến tâm lí nhân vật: cảm xúc nồng nàn, mãnh liệt - Hình ảnh so sánh, liên tưởng táo bạo.
Tức nước vỡ bờ (Tắt đèn) 1939	Ngô Tất Tố (1893- 1954)	Tiểu thuyết	- Vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của chế độ phong kiến. - Tố cáo chính sách thuế khoá vô nhân đạo. - Ca ngợi phẩm chất cao quý, sức mạnh tiềm tàng, phản kháng mạnh mẽ của chị Dậu - người PN nông dân trước CMT8.	- Xây dựng tình huống truyện bất ngờ, cao trào và giải quyết hợp lí. Xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ, hành động trong thế tương phản của các nhân vật - Ngôi bút hiện thực khoẻ khoắn, lạc quan.
Lão Hạc (Lão Hạc) 1943	Nam Cao (1915- 1951)	Truyện ngắn	- Số phận đau thương và phẩm chất cao đẹp của nông dân trước cách mạng - Thái độ trân trọng của tác giả với họ.	- Tự sự + miêu tả, biểu cảm - Cách miêu tả, khắc hoạ t/c nhân vật qua miêu tả, phân tích diễn biến tâm lí nhân vật - Ngôn ngữ kể chuyện chân thực, giản dị, tự nhiên, đậm đà chất nông thôn...

d) Tổ chức thực hiện:

- GV đánh giá, ghi điểm.

Hoạt động 2: Tìm hiểu điểm giống nhau và khác nhau của các đoạn trích: Trong lòng mẹ, Tức nước vỡ bờ, Lão Hạc.

a) Mục tiêu: Giúp học sinh ôn lại iến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: HS nắm rõ kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Hãy nêu những điểm giống nhau về thể loại, phương thức biểu đạt, nội dung, nghệ thuật? (Thảo luận nhóm 3 phút) ? Lấy VD minh họa?	II. Điểm giống nhau và khác nhau của các đoạn trích: Trong lòng mẹ, Tức nước vỡ bờ, Lão Hạc. 1. Giống nhau: - Thể loại: Đều là văn tự sự, truyện kí hiện đại giai đoạn 1930 – 1945.

<p>? Căn cứ vào bảng hệ thống, em hãy đối chiếu và chỉ ra những điểm khác nhau về nghệ thuật của các văn bản?</p> <p>Tìm hiểu các nhân vật chính và các đoạn văn đặc sắc.</p> <p>? Trong các văn bản trên, em thích nhất nhân vật nào? Vì sao?</p> <p>? Trong các VB đó, em thấy đoạn văn nào là đặc sắc? Vì sao?</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>2. - Số phận người phụ nữ bị trói buộc bởi lễ giáo phong kiến cổ hủ: mẹ bé Hồng.</p> <p>- Số phận khổ cực, bế tắc của người nông dân: chị Dậu, lão Hạc.</p> <p>VD:</p> <p>- Yêu thương, trân trọng những tình cảm, phẩm chất đẹp đẽ của con người: chị Dậu, lão Hạc.</p> <p>- Tố cáo những gì xấu xa, tàn ác: bộ mặt của giai cấp thống trị trong xã hội cũ.</p> <p>3. - HS tự rút ra những nét riêng của mỗi VB.</p> <p>* Giá trị tư tưởng, nội dung:</p> <p>+ Giá trị hiện thực: Phản ánh hiện thực xã hội Việt Nam trước năm 1945: bộ mặt xấu xa của tầng lớp thống trị: địa chủ phong kiến cấu kết với thực dân Pháp. Chúng không chỉ bỏ ngoài tai tất cả những lời van xin thống thiết của nhân dân lao động đói rách mà còn đàn áp nhân dân bằng những dụng cụ đánh, bắt, trói và giết người.</p> <p>Đời sống nhân dân trong tình trạng một cổ hai tròng, túng quẫn, bế tắc, đường cùng, không lối thoát.</p> <p>+ Đề cập chứa tinh thần nhân đạo: Thể hiện sự đồng cảm, yêu</p>	<p>- Đề tài: Đề cập về con người và cuộc sống xã hội đương thời của tác giả.</p> <p>+ Số phận của những con người cực khổ bị xã hội thực dân nửa phong kiến vùi dập.</p> <p>* Giá trị tư tưởng, nội dung:</p> <p>+ Giá trị hiện thực: Phản ánh hiện thực xã hội Việt Nam trước năm 1945:</p> <p>+ Đề cập chứa tinh thần nhân đạo</p> <p>2. Khác nhau</p> <p>- Về thể loại: Trong lòng mẹ (hồi kí), Tức nước vỡ bờ (tiểu thuyết), Lão Hạc (Truyện ngắn).</p> <p>- Nội dung:</p> <p>a. Trong lòng mẹ:</p> <p>- Chủ đề - đề tài: Tình cảnh khốn khổ của chú bé mồ côi, mẹ đi lấy chồng xa</p> <p>- ND: Nỗi đau và tình yêu thương mẹ của chú bé Hồng, cảm xúc hạnh phúc khi được ở trong lòng mẹ....</p> <p>- NT: Giọng văn chân thành tha thiết, cảm xúc tuôn trào, liên tưởng tưởng tượng mới mẻ...</p> <p>b. Tức nước vỡ bờ:</p> <p>- Chủ đề - đề tài: Người nông dân cùng khổ bị áp bức đè nén vùng lên.</p> <p>- ND: Phê phán chế độ bất nhân, ca ngợi phẩm chất và sức sống tiềm tàng của người PN nông thôn trước CMT8.</p> <p>- NT: XD nhân vật qua cử chỉ hành động trong thế đối lập, tương phản... Kể chuyện và miêu tả sinh động.</p> <p>c. Lão Hạc:</p> <p>* Đặc điểm chung của văn xuôi hiện thực trước CM:</p> <p>- Ra đời vào thời kì 1900-1945 (Truyện trung đại TK 10 - 19).</p> <p>- Đối mới sâu sắc theo hướng hiện đại hóa (từ 1930).</p> <p>- Viết bằng chữ quốc ngữ (Truyện TD viết bằng chữ Hán).</p> <p>- Nội dung phản ánh trung thực c/s</p>
---	--

<p>thương, sự trân trọng, ngợi ca phẩm chất tốt đẹp của tác giả đối với những người nghèo khổ, bất hạnh.</p> <p>* Giá trị nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những sáng tạo độc đáo trong nghệ thuật tự sự: tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm, lựa chọn ngôi kể, xây dựng nhân vật. - Điều có lỗi viết chân thực, gần đời sống, sinh động (bút pháp hiện thực). <p>c. Lão Hạc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề - đề tài: Ông già giàu lòng tự trọng dẫn vật đau khổ vì trót lừa 1 con chó.... tự tử để giữ mảnh vườn cho con. - ND: Số phận bi thảm và nhân phẩm cao đẹp của người nông dân. - NT: Miêu tả nhân vật qua diễn biến tâm lý sâu sắc, giọng văn trầm buồn, chi tiết chân thực kết hợp với trữ tình và triết lý. <p>GV Kết luận: Rút ra đặc điểm của dòng văn xuôi hiện thực trước CM tháng Tám (so với truyện trung đại).</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>XH đương thời, tố cáo, phê phán XH (Truyện TĐ có yếu tố hư cấu và mang tính giáo huấn).</p>
---	--

Hoạt động 3: Tìm hiểu các nhân vật chính và các đoạn văn đặc sắc.

a) Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu các nhân vật chính và các đoạn văn đặc sắc.

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Nắm rõ thông tin về tác giả và tác phẩm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Trong các văn bản trên, em thích nhất nhân vật nào? Vì sao?</p> <p>? Trong các VB đó, em thấy đoạn văn nào là đặc sắc? Vì sao?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p>	<p>III. Các nhân vật chính và các đoạn văn đặc sắc:</p> <p>1. Nhân vật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật bé Hồng: Lòng thương mẹ vô bờ. - Nhân vật chị Dậu: Là hình ảnh đẹp về người

<p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>phụ nữ VN.</p> <p>- Nhân vật lão Hạc: Hình ảnh người cha thương con hết mực và nhân cách cao thượng.</p> <p>2. Đoạn văn đặc sắc:</p> <p>- Đoạn bé Hồng ở trong lòng mẹ.</p> <p>- Đoạn chị Dậu đánh tên cai lệ.</p> <p>- Đoạn tâm trạng của lão Hạc khi bán chó.</p> <p>- Đoạn cái chết dữ dội của lão Hạc.</p>
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức HS luyện tập.

Phân nhóm: Mỗi tổ thực hiện một yêu cầu.

- Tổ 1 - câu 1
- Tổ 2 - câu 2
- Tổ 3 - câu 3.

Trao đổi - viết bài. Mỗi tổ chọn một bài tốt nhất nộp.

* Yêu cầu: Viết theo mẫu sau:

- Đó là đoạn văn... nhân vật nào?... trong văn bản nào?
- Lí do em thích
 - a) Về nội dung?
 - b) Về nghệ thuật?
 - c) Lí do khác?

* Lưu ý: Không viết chung chung, lựa chọn tự do, tùy tiện, không có căn cứ. **1.** Chỉ ra các chi tiết tiêu biểu của thể loại truyện kí trong một tác phẩm đã học.

2. Phát hiện các chi tiết góp phần khắc họa vẻ đẹp của các nhân vật bé Hồng, lão Hạc, chị Dậu.

3. Phân tích lời văn tự sự giàu cảm xúc ở một văn bản truyện kí đã học.

Trong văn bản 2, 3, 4 em thích nhất nhân vật nào? Đoạn văn nào? Vì sao?

***Hướng dẫn về nhà**

*** Học bài cũ:**

- Học bài ôn tập, học thuộc những đoạn văn hay trong các văn bản.

*** Chuẩn bị bài mới:** Văn bản “**Thông tin về Ngày Trái Đất năm 2000**”

+ Học sinh phân công đóng tiểu phẩm “Tiếng kêu cứu”.

+ Đọc, tìm bố cục.

+ Thể loại, PTBĐ.

- + Suu tầm tranh ảnh, tài liệu, vẽ tranh về đề tài bảo vệ môi trường.
- + Thảo luận, trao đổi, phân tích tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông và những việc cần làm ngay để bảo vệ môi trường.
- + Chuẩn bị băng hình, ảnh minh họa về nguy cơ sử dụng bao bì ni lông.
- + Viết sáng tạo về việc sử dụng bao bì ni lông và ý thức bảo vệ môi trường.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 37

THÔNG TIN VỀ NGÀY TRÁI ĐẤT NĂM 2000

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm, biết, hiểu được mối nguy hại đến môi trường sống và sức khỏe con người của thói quen dùng túi ni lông.
- Thấy được tính khả thi trong những đề xuất được tác giả trình bày.
- Cảm nhận việc sử dụng từ ngữ dễ hiểu, sự giải thích đơn giản mà sáng tỏ và bố cục chặt chẽ, hợp lí đã tạo nên tính thuyết phục của văn bản.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân, ra quyết định.
- Năng lực giao tiếp, cảm thụ văn học.

3. Phẩm chất:

- HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, sách giáo viên, hướng dẫn chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học.
- + Tranh ảnh về môi trường: Sử dụng bao bì ni lông, rác thải, bảo vệ môi trường.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kĩ sách giáo khoa, sách bài tập, những tài liệu liên quan.
- + Soạn bài và chuẩn bị đầy đủ theo hướng dẫn về nhà của giáo viên.
- + Tranh ảnh, túi xách làm từ giấy.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài
- b) Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.
- c) Sản phẩm:** hoàn thành nhiệm vụ.
- d) Tổ chức thực hiện:**
GV cho HS xem ảnh và trả lời câu hỏi: 3 hình ảnh trên nói về vấn đề gì?



GV dẫn dắt: Vấn đề rất nan giải hiện nay đó chính là ô nhiễm môi trường, ÔN nguồn nước, ô nhiễm không khí...đặc biệt mỗi năm đến ngày khai giảng, hàng triệu học sinh trên cả nước- lẽ ra đây sẽ là những sứ giả bảo vệ môi trường lại góp phần làm ô nhiễm môi trường thêm bằng cách thả hàng trăm ngàn quả bóng bay lên bầu trời. Đương nhiên, khi bóng bay bay cao, sẽ tượng trưng cho ước mơ của các em bay cao, bay xa nhưng nó đã giết chết ước mơ của biết bao chú chim và rùa biển. Đó cũng là thông điệp mà bạn học sinh Nhật Linh đã gửi gắm đến chúng ta trong ngày khai giảng vừa qua? Vậy làm thế nào để có thể giảm thiểu ô nhiễm môi trường, chúng ta cùng tìm hiểu bài Thông tin về ngày trái đất năm 2000.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu những nét chung nhất về chủ đề văn bản:

a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Nắm rõ thông tin về tác giả và tác phẩm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Đối chiếu với khái niệm văn bản nhật dụng, theo em văn bản này có phải là văn bản nhật dụng không? Vì sao? GV: Nêu xuất xứ của văn bản?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>1.- Là văn bản nhật dụng. Vì nội dung đề cập đến vấn đề môi trường, vấn đề bức thiết của cuộc sống đang được cả thế giới quan tâm. => Vấn đề mang tính cập nhật, thời sự, cần giải quyết...</p> <p>2. - Văn bản được soạn thảo nhân ngày 22/4/2000, lần đầu tiên VN</p>	<p>I. Giới thiệu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là văn bản nhật dụng - Là văn bản được soạn thảo từ bức thông điệp của 13 cơ quan nhà nước và tổ chức chính phủ. - Xuất xứ: 22/4/2000, lần đầu tiên Việt Nam tham gia Ngày Trái Đất.

tham gia Ngày Trái Đất. Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.	
Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản a) Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu văn bản b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp. c) Sản phẩm: Đáp án của HS d) Tổ chức thực hiện:	
NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ * GV yêu cầu đọc: to, rõ ràng, làm nổi bật tính chất nguy hiểm của bao bì ni lông đối với môi trường và sức khỏe con người; nhấn mạnh những việc cần làm ngay...thể hiện rõ lời kêu gọi Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh đọc chú thích Bước 3: Báo cáo, thảo luận: -Giáo viên: hướng dẫn đọc, hỗ trợ nếu HS cần. GV đọc mẫu. => 2 HS đọc. -Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, đánh giá NV2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Em hiểu ntn về từ “ô nhiễm”, “khởi xướng”? ? Nếu văn bản thuyết minh nhằm trình bày tri thức về các hiện tượng và sự vật trong thiên nhiên, xã hội thì văn bản trên có thuộc kiểu thuyết minh không? Vì sao? ? Văn bản chia làm mấy phần? Nội dung mỗi phần? ? Em có nhận xét gì về bố cục của bài văn thuyết minh này ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: -HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.	II. Đọc - hiểu văn bản: 1. Đọc - chú thích: 2. Kết cấu - Bố cục: - PTBD: thuyết minh một vấn đề xã hội. Vấn đề bảo vệ sự trong sạch của môi trường trái đất -> Bảo vệ môi trường. - Bố cục: 3 phần.

<p>1. - Có, vì cung cấp cho mọi người những căn cứ rõ ràng về tác hại của việc dùng bao bì ni lông...</p> <p>2. - Đ1: Từ đầu -> “Bao bì ni lông”: Giới thiệu về “Ngày trái đất” và chủ đề ngày trái đất năm 2000.</p> <p>- Đ2: Tiếp -> “Môi trường” Phân tích tác hại của bao bì ni lông và nêu ra một số giải pháp hạn chế sử dụng bao bì ni lông.</p> <p>- Đ3: Còn lại: Lời kêu gọi quan tâm đến ngày trái đất bằng hành động cụ thể thiết thực.</p> <p>3. - Bố cục rõ ràng, chặt chẽ, hợp lí theo 3 phần: nêu vấn đề; Phân tích, thuyết minh làm cho vấn đề sáng tỏ; kêu gọi mọi người làm theo vấn đề đã nêu (Trong phần TB: nêu tác hại trước rồi mới đề xuất giải pháp là hợp lí và khoa học). Slide 4</p> <p>G: Văn bản này chính là một bức thông điệp về môi trường. Vậy nội dung bức thông điệp là gì? Chúng ta sẽ chuyển sang phần 3.</p> <p>-Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</p>	
---	--

Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích

a) Mục tiêu: HS phân tích lí do ra đời bản thông điệp và tác hại của việc dùng bao bì ni lông

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Nắm chắc kiến thức được học

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Theo dõi phần mở bài và cho biết: những sự kiện nào được thông báo?</p> <p>-GV sử dụng quả địa cầu: Yêu cầu về nhà hs tìm vị trí của nước Mỹ.</p> <p>-GV: Ngày Trái Đất được tổ chức hàng năm để bàn về vấn đề gì?</p> <p>? Thông tin 141 nước tham gia cho em thấy điều gì?</p> <p>? Văn bản này chủ yếu thuyết minh</p>	<p>3. Phân tích</p> <p>3.1. Lí do ra đời bản thông điệp:</p> <p>- Thông tin: 3 sự kiện.</p> <p>+ Ngày 22- 4 hàng năm là ngày Trái Đất.</p> <p>+ Có 141 nước tham gia.</p> <p>+ Năm 2000 Việt Nam tham gia với chủ đề: Một ngày không sử dụng bao bì ni lông.</p> <p>→ Thuyết minh bằng các số liệu,</p>

cho sự kiện nào?

? Tại sao lần đầu tiên tham gia Ngày Trái Đất, Việt Nam lại lấy chủ đề đó?

? Em có nhận xét gì về cách giới thiệu vấn đề của văn bản?

Chuyển ý:

? Hàng ngày gia đình em có sử dụng bao ni lông trong sinh hoạt của mình không? Theo em, sử dụng bao bì ni lông có tiện lợi không?

Những hình ảnh về việc sử dụng bao bì nilông trong một ngày của người dân Việt Nam?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

-HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

1.+ Ngày 22 - 4 hàng năm là ngày Trái Đất. Tổ chức bảo vệ môi trường ở Mỹ khởi xướng năm 1970.

+ Có 141 nước tham gia.

+ Năm 2000 Việt Nam tham gia với chủ đề: Một ngày không sử dụng bao bì ni lông.

2.HS quan sát văn bản suy nghĩ trả lời: Bàn về những chủ đề có liên quan đến những vấn đề môi trường nóng bỏng nhất của từng nước và từng khu vực -> mục đích cùng bảo vệ môi trường sống.

3.Nhiều quốc gia trên thế giới cùng quan tâm về vấn đề môi trường - vấn đề nóng của nhân loại.

4.- Việt Nam tham gia năm 2000 lần đầu tiên với chủ đề: Một ngày không dùng bao bì ni lông.

5.- Là chủ đề thiết thực phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam, gần gũi với mọi người mà có ý nghĩa to lớn: “Một ngày không sử dụng...”

=> Đó là nguyên nhân ra đời của bản thông điệp này.

6.-> thuyết minh bằng các số liệu cụ thể, dẫn dắt từ thông tin khái quát (Ngày Trái Đất của thế giới).

giới thiệu từ khái quát đến cụ thể, ngắn gọn, dễ hiểu.

=> Thế giới rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường Trái Đất, trong đó có VN.

<p>-> thông tin cụ thể (ngày Trái Đất của Việt Nam).</p> <p>=> Giới thiệu vấn đề ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ.</p> <p>GV: Qua lời giới thiệu ta thấy rằng cả thế giới đang rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường trái đất. Và VN cùng hành động “Một ngày không sử dụng bao bì ni lông” để tỏ rõ sự quan tâm này.</p> <p>GV đưa ra túi ni lông cho học sinh trực quan.</p> <p>7.- Sử dụng nhiều: đựng thức ăn sáng; đựng đồ khi đến trường; đựng thức ăn khi đi chợ.</p> <p>→ Rất tiện lợi, nhẹ, rẻ.</p> <p>8.- Sử dụng túi ni lông tiện lợi. Tuy nhiên, lợi bất cập hại, sử dụng bao bì ni lông gây ra nhiều tác hại.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>-Giáo viên nhận xét, đánh giá</p>	
<p>NV2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>-Yêu cầu học sinh theo dõi tiếp phần 2 SGK:</p> <p>Câu hỏi thảo luận: 5’ (Kỹ thuật “khăn trải bàn”)</p> <p>Câu 1: Hãy cho biết bao bì ni lông có tác hại như thế nào đến môi trường. (Dãy bàn 1)</p> <p>Câu 2: Nêu tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông đối với con người. (Dãy bàn 2)</p> <p>Câu 3: Vứt bao bì ni lông bừa bãi, ảnh hưởng gì đến quang cảnh, đô thị, ... (Dãy bàn 3)</p> <p>? Hãy chỉ rõ việc dùng bao bì ni lông gây nguy hại lớn ở những phương diện nào ? (ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người).</p> <p>? Nguyên nhân cơ bản khiến bao bì nilong có thể gây nguy hại cho môi trường gì?</p> <p>? Em hiểu phân hủy là hiện tượng như thế nào?</p> <p>? Em hiểu plastic là gì?</p>	<p>3.2. Tác hại của việc dùng bao bì nilông và biện pháp hạn chế sử dụng chúng.</p> <p>a. Tác hại</p> <p>* Với môi trường: bởi đặc tính không phân hủy của plastic (nguyên nhân cơ bản).</p> <p>+ Lấn vào đất -> cản trở thực vật phát triển -> gây xói mòn.</p> <p>+ Vứt xuống cống -> tắc cống -> ngập lụt.</p> <p>+ Trôi ra biển -> chết sinh vật.</p> <p>=> ảnh hưởng nghiêm trọng tới thực vật, động vật, ô nhiễm môi trường sống.</p> <p>* Với con người:</p> <p>+ cống tắc -> muỗi -> dịch bệnh.</p> <p>+ ni lông màu -> ô nhiễm thực phẩm.</p> <p>-> hại cho não, ung thư phổi.</p> <p>+ Đốt ni lông -> ngộ độc, khó thở, giảm miễn dịch, dị tật,...</p> <p>=> Gây nguy hiểm nghiêm trọng tới sức khỏe con người.</p> <p>- NT:</p>

<p>? Em hãy làm một bài toán nhanh: 1 ngày, 1 gia đình ở VN chỉ sử dụng một bao ni lông thì cả nước sẽ có bao nhiêu túi ni lông vứt vào môi trường trong một ngày? 1 năm?</p> <p>Chúng ta cùng tìm hiểu khi bao bì ni lông biến thành rác thải gây hại gì cho môi trường.</p> <p>? Chúng gây ảnh hưởng gì cho thực vật?</p> <p>? Dựa vào kiến thức Sinh học, em hãy phân tích cụ thể những tác hại của túi nilông đối với thực vật? (vì sao nói nó cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật, cản trở sự phát triển của cỏ?)</p> <p>? Túi nilong còn gây hại gì cho môi trường nữa?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đại diện lên trình bày kiến thức và tranh ảnh sưu tầm về tác hại của túi ni lông. <ol style="list-style-type: none"> 1. Tính không phân hủy của plastic. 2. Hiện tượng một chất phân thành nhiều chất khác nhau, không còn tính chất ban đầu. 3. Chất dẻo, gọi chung là nhựa. => Túi ni lông được sản xuất từ hạt nhựa và nhựa tái chế. Chúng không thể bị các côn trùng hoặc mầm sống khác phân hủy như các chất thải khác: cuống rau, vỏ quả, giấy,... 4. Theo số liệu của cục Thống kê thì có khoảng 25 triệu hộ gia đình ở Việt Nam). - 25 triệu/ 1 ngày; 9,125 tỉ / 1 năm GV: Nếu như không bị tiêu hủy (như đốt), bao ni lông có thể tồn tại 20 -> 5000 năm. 5. Cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật. - Cản trở sự phát triển của cỏ -> xói mòn. 6. Túi ni lông ngăn cản quá trình 	<ul style="list-style-type: none"> + sử dụng phép liệt kê + lí lẽ phân tích thực tế, khoa học => vấn đề khoa học sáng rõ, dễ hiểu, thuyết phục. -> túi ni lông ảnh hưởng trực tiếp, nghiêm trọng đến mọi lĩnh vực của cuộc sống. <p>b. Các biện pháp giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm tải tối đa việc dùng bao bì ni lông. - Tuyên truyền, vận động mọi người... => thuyết phục, khả thi, hữu hiệu cho việc bảo vệ môi trường. - Từ “Vì vậy” liên kết hai phần tác hại và giải pháp. -> Lập luận chặt chẽ.
---	--

quang hợp của cây, cỏ. Lá cây không tiếp xúc được với ánh sáng mặt trời, không thực hiện được quá trình quang hợp nên ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng.

7. Làm tắc đường thoát nước, tăng khả năng ngập lụt.

- Trôi ra biển, sinh vật chết vì nuốt phải (tranh ảnh)

Bước 4: Kết luận, nhận định:

-Giáo viên nhận xét, đánh giá

NV3

Yêu cầu hs đọc đoạn 4 SGK.

? Việc hàng triệu túi ni lông vứt bừa bãi khắp nơi như thế còn ảnh hưởng thế nào với môi trường?

? Em hãy khái quát về mức độ bao bì ni lông gây hại cho môi trường sống?

? Bao bì nilong gây nguy hại như thế nào đối với sức khỏe con người?

? Bao bì nilong khi bị đốt thải ra các chất gì? Slide 11

? Em hiểu gì về chất đi-ô-xin?

? Tác giả đã dùng phương pháp nào sau đây để nêu tác hại của bao bì ni lông?

? Tác dụng của các thuyết minh đó?

? Sau khi tìm hiểu những thông tin này, em đánh giá chung gì về hiểm họa của việc dùng bao bì ni lông?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

-HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

1. Mất mỹ quan môi trường.

2. Chuyển ý: Không chỉ gây tác hại cho môi trường mà túi ni lông còn trực tiếp gây ảnh hưởng đến con người.

3. Tác hại tới sức khỏe con người:

+ Cống bị tắc nghẽn → muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh.

Kiến thức về Y học:

GV: Muỗi khiến 40% dân số thế giới có nguy cơ bị sốt xuất huyết. Muỗi

truyền các bệnh tử vong cho trẻ em (đặc biệt là căn bệnh viêm não Nhật Bản.) Vì thế, muỗi là một trong những loài nguy hiểm nhất trên Trái đất.

+ Nếu đựng thực phẩm vào bao ni lông màu → làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại chì, ca-di-mi **gây tác hại cho não và gây ung thư phổi** (vì khi sản xuất người ta đưa vào một số phụ gia rất độc hại).

Tích hợp kiến thức Hóa học:

GV: Mở rộng: Rác đựng trong các túi ni lông buộc kín sẽ khó phân hủy và sinh ra các chất NH_3 , CH_4 , H_2S là những chất độc hại.

NH_3 : Amoniac, là chất khí độc, có mùi khai.

CH_4 : Khí Metan, có nhiều trong các hầm lò.

H_2S : Hidro Sunfua, có mùi trứng thối độc.

4. Thải ra khí rất độc, đặc biệt là chất đi-ô-xin.

5. đi-ô-xin: chất rắn, không màu, rất độc, chỉ cần một lượng nhỏ cũng đủ nguy hiểm.

GV: Đi-ô-xin gồm 419 chất hóa học trong đó có 29 chất đặc biệt nguy hiểm.

6. Gây ngộ độc, ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, rối loạn chức năng, gây dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.

7. Slide 12

Liệt kê + phân tích => kết hợp liệt kê các tác hại của việc dùng bao bì nilông; phân tích cơ sở thực tế và khoa học của những tác hại đó.

8. Vừa mang tính khoa học, vừa mang tính thực tiễn, sáng rõ, ngắn gọn nên dễ hiểu, dễ nhớ.

9. Dùng bao bì ni lông bừa bãi sẽ gây ra những tác hại trực tiếp cho cuộc sống của động vật, thực vật, gây ra ô

nhiễm môi trường phát sinh nhiều bệnh hiểm nghèo có thể làm chết người.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

-Giáo viên nhận xét, đánh giá

* **GV bình:** Việc phát minh ra chất dẻo hoá học trên là một thành tựu lớn của con người, nâng cao chất lượng cuộc sống. Nhưng chính con người lại sử dụng 1 cách tùy tiện khiến bao bì ni lông trở thành mối nguy hại cho môi trường và sức khoẻ của chính con người, theo kiểu “gậy ông lại đập lưng ông”.

=> Chuyển sang phần giải pháp cho việc sử dụng bao ni lông.

NV4

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Slide 14

Em hãy liên hệ thực tế ngoài SGK:

? Theo em, có những cách nào để xử lí bao bì ni lông? Đánh giá gì về từng phương pháp đó?

? Bài viết đã đề xuất những giải pháp nào để giảm những tác hại trên?

? Các biện pháp đó có thuyết phục và khả thi không?

? Theo em, từ “vì vậy” ở phần này có tác dụng gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh thảo luận nhóm 2 phút

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

-HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

1.Có 3 cách sau:

- Chôn lấp
- Đốt
- Tái chế.

* Chôn lấp: việc này gặp phải rất nhiều bất tiện và gây nên những tác hại như đã nói ở trên (do đặc tính khó phân hủy của plastic.)

* Đốt: sẽ sinh ra những tác hại cực kì nguy hiểm như văn bản đã nêu.

* Tái chế:

- Người ta ít thu gom bao ni lông vì

chúng quá nhẹ (khoảng 1000 bao mới được 1 kg).

- Giá thành tái chế quá đắt, gấp 20 lần sản xuất một bao bì mới.

- Các con-ten-nơ đựng bao vì ni lông cũ để tái chế rất dễ bị ô nhiễm. Nếu sơ ý để bao bì ni lông cũ còn sót vài cuống rau đi tái chế là có thể làm cho tất cả một con-ten-nơ chở bao bì nilong phải hủy bỏ.

Slide 15

GV: -> Như vậy việc xử lý vấn đề này rất nan giải không riêng gì ở Việt Nam mà ở tất cả các nước. Để giải quyết triệt để bao bì nilong là việc chưa làm được mà trước mắt là hạn chế tác hại đó.

2.-> 4 giải pháp: về cơ bản là 2 ý:

- Giảm tối đa việc dùng bao ni lông: Thay đổi thói quen sử dụng, giảm thiểu chất thải bằng cách giặt phơi khô dùng lại; Không dùng khi không cần thiết.

+ Sử dụng túi giấy, lá để đựng.

- Tuyên truyền cho mọi người biết tác hại của việc dùng bao bì ni lông.

Slide 16

3.- Thuyết phục và khả thi vì nó chủ yếu tác động vào ý thức người sử dụng, dựa trên nguyên tắc phòng tránh, giảm thiểu việc sử dụng bao bì ni lông bằng nhiều cách.

4.- Đề liên kết 2 phần (2 ý): Tác hại và giải pháp.

-> làm cho lập luận chặt chẽ, hợp lí, dễ hiểu.

=> Trong khi loài người chưa loại bỏ được hoàn toàn bao bì ni lông, tức chưa có giải pháp thay thế, thì chỉ có thể đề ra các biện pháp hạn chế việc dùng bao bì ni lông. Và các biện pháp hạn chế mà văn bản đã đề xuất rất hợp tình, hợp lí và có tính khả thi.

Cho nên: Giải pháp hạn chế tối đa dùng bao bì ni lông là hữu hiệu nhất hiện nay.

<p>GV: Văn bản kết thúc bằng lời kêu gọi mọi người. Chúng ta cùng tìm hiểu lời kêu gọi đó.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>-Giáo viên nhận xét, đánh giá</p>	
<p>Nv5</p> <p>HS đọc phần cuối Slide 17.</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>?) Nhận xét giọng điệu ở 3 câu kết?</p> <p>? Phần kết, người viết đã đưa ra lời kêu gọi bằng nghệ thuật gì (kiểu câu, từ ngữ)?</p> <p>? Nếu thay từ “hãy” bằng từ “phải” thì lời kêu gọi đó có thay đổi gì không?</p> <p>? Tại sao câu cuối cùng của văn bản lại được in hoa và đặt trong dấu ngoặc kép?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>-HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>1. Mạnh mẽ, cứng cỏi, vang ngân</p> <p>2.-> Câu cầu khiến, điệp từ “hãy”.</p> <p>3. Từ “phải” mang tính mệnh lệnh khô khan, khó tiếp nhận hơn.</p> <p>+ Từ “hãy” vừa mang tính mệnh lệnh, vừa mang tính thuyết phục, động viên, kêu gọi, tạo sự cảm thông, chia sẻ của cộng đồng.</p> <p>4. Lời kêu gọi giản dị nhưng tạo được ấn tượng cho người đọc, có ý nghĩa như một khẩu hiệu, một thông điệp gửi tới tất cả mọi người để cùng nhau hành động.</p> <p>GV: Người viết không nhắc lại chủ đề 1 cách giản đơn mà đã nâng ý nghĩa của chủ đề ấy lên 1 tầm cao hơn: Hãy quan tâm tới Trái Đất, hãy bảo vệ Trái Đất. Sau 2 lần nhắc tới Trái Đất với lời kêu gọi cần được bảo vệ, kết thúc văn bản là câu văn then chốt: Một ngày không dùng bao bì ni lông khiến cho ý nghĩa của công việc không dùng bao bì ni lông-một việc</p>	<p>3.3. Lời kêu gọi mọi người:</p> <p>Câu cầu khiến, điệp từ “hãy”</p> <p>Quan tâm đến Trái Đất</p> <p>Hãy Bảo vệ Trái Đất</p> <p>Hành động: “MỘT NGÀY KHÔNG DÙNG BAO BÌ NI LÔNG”</p> <p>→Ngắn gọn, rõ ràng, thuyết phục mọi người</p> <p>- Cách trình bày: nhắc lại chủ đề 1 cách ấn tượng (cách nói trang trọng).</p>

đơn giản, bình thường trở nên trang trọng.

-Bước 4: Kết luận, nhận định:

Giáo viên nhận xét, đánh giá

Hoạt động 3: Hướng dẫn tổng kết

a) Mục tiêu: HS tổng kết về nội dung-ý nghĩa và nghệ thuật trong tác phẩm.

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Nắm rõ kiến thức bài học

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn hs tổng kết nội dung văn bản bằng Sơ đồ tư duy + Phần 1: Tóm tắt lịch sử ra đời, quá trình hoạt động của tổ chức Quốc tế bảo vệ môi trường, chủ đề Việt Nam tham gia. Phần 2: Đoạn 1 đi từ nguyên nhân cơ bản đến các hệ quả cụ thể. Đoạn 2 gắn với đoạn 1 một cách tự nhiên và hợp lí bằng quan hệ từ “vì vậy”. Phần 3: Dùng 3 từ “hãy” rất thích hợp cho 3 câu ứng với 3 ý đã nêu trong phần thứ nhất. ? Mục đích của văn bản? Từ đó nêu ý nghĩa VB? ? Đánh giá thành công về hình thức nghệ thuật của tác phẩm? Lời kêu gọi “một ngày...” được diễn đạt như thế nào? bằng cách nào ? ? Đọc ghi nhớ</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời.</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>1. - Kêu gọi mọi người “một ngày...” là để người đọc nhận thấy... - Lời kêu gọi giản dị nhưng tạo được ấn tượng cho người đọc, có ý nghĩa như một khẩu hiệu, một thông điệp gửi tới tất cả mọi người để cùng nhau hành động Một ngày không sử dụng bao bì ni lông.</p>	<p>4. Tổng kết</p> <p>4.1. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức trang trọng. - Giải thích đơn giản, khách quan, rõ ràng. - Bố cục chặt chẽ. - Ngôn ngữ: chính xác, rõ ràng, chân thành... trên cơ sở khoa học khách quan, đáng tin cậy... <p>4.2. Nội dung-ý nghĩa:</p> <p>* Ý nghĩa văn bản: Nhận thức về tác dụng của một hành động nhỏ, có tính khả thi trong việc bảo vệ môi trường Trái Đất.</p> <p>4.3. Ghi nhớ: sgk</p>

* **Ý nghĩa văn bản:** Nhận thức về tác dụng của một hành động nhỏ, có tính khả thi trong việc bảo vệ môi trường trái đất.

2.

- Hình thức trang trọng.

- Tiêu đề: ấn tượng, thu hút sự chú ý.

- Bố cục chặt chẽ, mạch lạc, logic.

- Ngôn ngữ: chính xác, rõ ràng, chân thành. Giải thích, phân tích dựa trên cơ sở khoa học, khách quan, đáng tin cậy...

-> Đây là thể loại VB thuyết minh chúng ta sẽ được học ở phần TLV.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

Tích hợp kiến thức môn Giáo dục công dân

? Sau khi học xong vb này, em rút ra bài học gì cho bản thân về vấn đề bảo vệ môi trường?

HS trả lời. GV chốt lại.

- Phải bảo vệ Trái Đất, bảo vệ môi trường bằng cách không vứt rác bừa bãi, hạn chế dùng bao ni lông.

- Tham gia tích cực và các phong trào: trồng cây gây rừng, thực hiện tốt phong trào Xanh, sạch, đẹp ở nhà trường và nơi sinh sống. (slide 19)

- Tuyên truyền vận động gia đình, hàng xóm cùng thực hiện.

Học sinh thuyết minh về việc sử dụng túi xách bằng giấy thay thế cho túi nilong.

Tích hợp kiến thức môn Mỹ thuật:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu: Tranh vẽ tuyên truyền bảo vệ môi trường.

? Em và gia đình có thường xuyên sử dụng bao bì nilon không? Bản thân em cần làm gì để góp phần bảo vệ môi trường

?Có ý kiến cho rằng thả bóng bay vào ngày khai trường thể hiện được ước mơ bay bao bay xa của các bạn học sinh cho nên vào ngày khai giảng vẫn nên thả bóng bay? Em có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao

Hướng dẫn về nhà

* Học bài cũ:

- Học bài ôn tập, học thuộc những đoạn văn hay trong các văn bản

* Chuẩn bị bài mới:

Về ôn tập để kiểm tra phần văn

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 38

NÓI GIẢM NÓI TRÁNH

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Nhận biết và bước đầu phân tích được giá trị của các biện pháp tu từ nói giảm nói tránh, nói quá.
- Biết cách sử dụng biện pháp tu từ nói trên trong những tình huống nói và viết cụ thể.

2. Năng lực:

* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: học sinh soạn bài, tìm hiểu qua tư liệu tham khảo để khám phá kiến thức trước khi lên lớp và theo yêu cầu chuẩn bị của giáo viên, tự hoàn thành các bài tập hoặc các nhiệm vụ của nhóm và giáo viên.

- Năng lực giải quyết vấn đề: có suy nghĩ và tìm ra các phương án giải quyết vấn đề khi vận dụng các kiến thức về từ vựng vào làm bài tập.

- Năng lực sáng tạo: được trau dồi trong quá trình tự học, hoạt động nhóm, khi giải quyết các tình huống và đưa ra các phương án mới, hiệu quả.

- Năng lực giao tiếp: năng lực giao tiếp trong chủ đề “các biện pháp tu từ” cần được chú trọng vì đây là cơ hội để các em hoàn thiện vốn hiểu biết của bản thân về các biện pháp tu từ. Năng lực này được vận dụng linh hoạt khi các em trao đổi tích cực với giáo viên, với bạn học.

- Năng lực hợp tác: Năng lực này thể hiện chủ yếu trong bước chuyển giao nhiệm vụ học tập của giáo viên.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ : Việc sử dụng vốn từ vựng trong giao tiếp cũng như trong viết bài, đoạn văn, câu văn giúp cho năng lực này phát triển. Thường thì năng lực này được thể hiện trong khi sử dụng kỹ thuật trình bày một phút, hoạt động nhóm.

- Sử dụng công nghệ thông tin: thu thập kiến thức xã hội có liên quan;

* Năng lực chuyên biệt:

- Năng lực viết, phân tích, đánh giá, làm việc độc lập, chủ động.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục đạo đức: Biết yêu tiếng Việt, trân trọng và giữ gìn tiếng mẹ đẻ, phê phán những lời nói khoác, nói sai sự thật

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (phiếu học tập....)

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan.
- + Soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu:

- Huy động các kiến thức đã có về các biện pháp tu từ đã học
- HS tiếp cận nội dung bài học, tạo hứng thú cho HS.

b) Nội dung: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) Tổ chức thực hiện:

GV dẫn dắt: Lời dạy của ông bà chớ có sai bao giờ bởi vì khi đánh giá con người, lời ăn tiếng nói là một trong những tiêu chí đầu tiên. Người ăn nói đàng hoàng, có duyên, có phép tắc lễ nghĩa chắc chắn sẽ nhận được thiện cảm từ người đối diện. Để có thể làm được điều đó, chúng ta cần phải nắm chắc nghệ thuật " Nói giảm, nói tránh". Đây chính là nội dung bài học hôm nay

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu hình thành kiến thức về nói giảm nói tránh.

a) Mục tiêu: HS tìm hiểu về biện pháp nói giảm nói tránh

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Nắm rõ kiến thức bài học

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>NV1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Ở ngữ liệu 1, cho biết những từ ngữ in đậm trong các đoạn trích có nghĩa gì?</p> <p>? Tại sao người viết lại dùng cách diễn đạt này?</p> <p>? Thử thay thế từ bầu sữa bằng một từ ngữ khác rồi rút ra nhận xét vì sao tác giả Nguyên Hồng lại dùng từ ngữ này?</p> <p>? Cho biết cách nói nào dưới đây nhẹ nhàng, tế nhị hơn đối với người nghe ?</p> <p>? Những cách dùng từ ngữ trong các câu trên được gọi là phép tu từ Nói giảm nói tránh, em hãy cho biết thế nào là nói giảm nói tránh và tác dụng của cách nói này ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p>	<p>I. Định hướng hình thành kiến thức về nói giảm nói tránh</p> <p>1. Phân tích ngữ liệu:</p> <p>* Ngữ liệu 1:</p> <p>- đi, chẳng còn → nói về cái chết</p> <p>-> Giảm nhẹ, tránh sự đau buồn.</p> <p>* Ngữ liệu 2:</p> <p>- Bầu sữa -> Tránh thô tục, tăng cảm giác êm dịu.</p> <p>* Ngữ liệu 3:</p> <p>- Con đạo này không được chăm chỉ lắm. -</p>

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

-HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

-Giáo viên nhận xét, đánh giá

NV2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Sử dụng cách nói giảm, nói tránh cho những câu sau và cho biết em đã dùng cách gì để nói giảm nói tránh ?

a. Ông ấy ăn cắp tài sản của nhà nước.

.....

.....

b. Cái nón của bạn xấu quá.

.....

.....

c. Ông ấy sắp chết.

.....

.....

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh thảo luận nhóm 5 phút ,suy nghĩ tìm ra câu trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

-HS đại diện nhóm trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

Công bố đáp án:

a. Ông ấy ăn cắp tài sản của nhà nước.

-> Ông ấy tham ô tài sản của nhà nước (dùng từ đồng nghĩa).

b. Cái nón của bạn xấu quá.

-> Cái nón của bạn không được đẹp (dùng cách nói phủ định trong cặp từ trái nghĩa).

c. Ông ấy sắp chết.

-> Ông ấy chỉ nay mai thôi (dùng cách nói trống).

* Gv lưu ý hs:

Những cách nói giảm, nói tránh:

- Dùng từ đồng nghĩa (đồng nghĩa, đồng nghĩa ngữ cảnh - từ Hán Việt)

- Dùng cách nói phủ định trong cặp từ trái nghĩa.

- Dùng cách nói trống.

*GV: Khi chê trách một điều gì, để người nghe dễ tiếp nhận, người ta thường nói giảm, nói tránh bằng cách phủ định đều ngược lại với nội dung đánh giá.

VD: Bài thơ của anh dở lắm → bài thơ của anh chưa được hay lắm. nói giảm nói tránh còn nhằm tránh cảm giác nặng nề, thiếu lịch sự..

> Tế nhị, nhẹ nhàng.

2. Ghi nhớ: sgk/ 108

* Lưu ý:

Bước 4: Kết luận, nhận định:

-Giáo viên nhận xét, đánh giá

NV3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Cho hs theo dõi tình huống:

1. Trong một cuộc họp lớp kiểm điểm bạn Hải hay đi học muộn, bạn Loan nói: “Từ nay cậu không được đi học muộn nữa vì như vậy không những ảnh hưởng đến việc rèn luyện đạo đức của bản thân cậu mà còn ảnh hưởng đến phong trào thi đua của lớp”. Bạn Trinh cho rằng Loan nói như vậy là quá gay gắt, chỉ nên nhắc nhở bạn Hải : “Cậu nên đi học đúng giờ”. Em đồng tình với ý kiến nào? Vì sao?

2. Trong khi nhận xét về những nhược điểm của các bạn với cô giáo chủ nhiệm, bạn lớp trưởng chỉ nêu như sau: “Tuần qua, một số bạn đi học không được đúng giờ lắm” Nói như vậy có nên không? Vì Sao?

-Từ 2 tình huống trên em hãy cho biết khi nào thì không nên nói giảm, nói tránh?

Em hãy đặt ít nhất là một câu sử dụng một trong các cách nói giảm nói tránh trên ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

-HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

* Không nói giảm nói tránh khi:

- Cần phê bình nghiêm khắc, nói thẳng, nói đúng mức độ sự thật.

- Cần thông tin chính xác, trung thực

*Hoạt động cá nhân trả lời

- Sức học của con không được như bố nghĩ.

- Bạn ấy không thông minh lắm.

- Phòng học của cậu chưa được ngăn nắp lắm

Bước 4: Kết luận, nhận định:

-Giáo viên nhận xét, đánh giá

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Hs nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

Gv hướng dẫn học sinh giải quyết các bài tập

II. Luyện tập

Đọc và xác định yêu cầu của bài tập - Hoạt động cá nhân - 3 hs lên bảng làm bài tập: mỗi hs làm 1 phần - Hs khác nhận xét - Gv nhận xét chốt đáp án đúng.	Bài tập 2
Đọc và xác định yêu cầu của bài tập Gv tổ chức cho hs chơi trò chơi tiếp sức : 3 đội chơi, mỗi đội 5 hs. Lần lượt mỗi hs viết 1 câu lên bảng, đội nào xong trước và nhiều câu đúng là chiến thắng.	Bài tập 3

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

?Viết một đoạn văn (từ 5 đến 7 câu) về chủ đề môi trường trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh.

Hoạt động cá nhân viết đoạn văn vào giấy nháp

Cho hs xem hướng dẫn chấm.

Trong bàn trao đổi bài cho nhau dựa vào hướng dẫn chấm để nhận xét, đánh giá cho điểm bài làm của bạn.

Vấn đáp kiểm tra bài làm của hs

Hướng dẫn về nhà (2 phút)

*** Đối với bài cũ**

- Học thuộc phần ghi nhớ
- Hoàn thành bài tập còn lại.
- Suy tâm các đoạn văn, bài thơ có sử dụng biện pháp nói quá, nói giảm nói tránh.
- Vẽ sơ đồ tư duy chủ đề các biện pháp tu từ gồm 2 bài: Nói quá, nói giảm nói tránh.

*** Hướng dẫn chuẩn bị cho bài sau:**

- Ôn tập các văn bản đã học từ đầu năm để tiết sau kiểm tra 45 phút.
Cụ thể: Nắm được nội dung, ý nghĩa, nghệ thuật của vb truyện kí Việt Nam trước 1945.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 39

Tập làm văn :

LUYỆN NÓI : KỂ CHUYỆN THEO NGÔI KỂ KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm chắc kiến thức về ngôi kể và tác dụng của việc thay đổi ngôi kể trong văn tự sự.

- Xác định được các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong văn tự sự.
- Nắm được những yêu cầu khi trình bày văn nói kể chuyện

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan.
- + Soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài
- b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Ông bà ta từng nói:

Lời nói chẳng mất tiền mua

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau

Tuy lời nói chẳng mất tiền mua, nhưng để làm vừa lòng, thuyết phục được người khác thì đó là cả một quá trình học tập, đúc rút và trau dồi của bản thân mỗi người. Bài học hôm nay sẽ ít nhiều sẽ cung cấp thêm cho chúng ta một vài kỹ năng khi giao tiếp. Đó chính là bài: Luyện nói kể chuyện theo ngôi kết hợp với miêu tả.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn hs ôn tập về ngôi kể.

- a) **Mục tiêu:** HS ôn tập lại kiến thức
- b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Nắm rõ kiến thức ôn tập
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Kể theo ngôi thứ nhất là kể như thế nào? Tác dụng? ? Lấy VD về cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất? ? Kể theo ngôi thứ nhất có hạn chế gì? ? Kể theo ngôi thứ 3 là kể như thế nào? Tác dụng? ? Văn bản nào đã học được kể theo ngôi thứ	I. Ôn tập ngôi kể. 1. Ngôi thứ nhất - Xưng tôi (chúng tôi...): người kể ra những gì mình trực tiếp nghe, nhìn, trải qua. - Trực tiếp bộc lộ cảm xúc, ý nghĩ của mình - Tác dụng: tính chân thực, độ tin cậy cao

3?

? Tại sao người ta phải thay đổi ngôi kể?

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

1.

- Xưng “tôi” (chúng tôi): người kể có thể kể ra những gì mình được trực tiếp nghe, nhìn, trải qua; có thể trực tiếp bộc bạch cảm xúc, ý nghĩ của mình.

- Tác dụng: mang tính chủ quan, tính chân thực.

2.

- Văn bản: “Trong lòng mẹ”, “Hai cây phong”, “Lão Hạc”.

3.

- Không thể kể những gì mình không chứng kiến.

* **GV:** Trừ một số loại tự truyện, nhật kí, hồi kí thì trong tác phẩm người kể xưng “tôi” không nhất thiết là chính tác giả.

4.

- Khi gọi các nhân vật bằng tên gọi, người kể tự giấu mình, có thể kể tất cả những gì xảy ra với nhân vật (kể cả ý nghĩ bên trong).

- Người kể dường như biết tất cả nhưng thường để sự việc khái quát nói lên, không trực tiếp bộc lộ ý nghĩ, cảm xúc mà nhờ nhân vật biểu lộ.

- Tác dụng: mang tính khách quan, dễ thuyết phục

5.

- Văn bản: “Tức nước vỡ bờ”, “Đánh nhau với cối xay gió”, “Chiếc lá cuối cùng”.

6.

- Cũng có thể trong 1 truyện người ta dùng nhiều ngôi kể khác nhau để đối chiếu sự việc, nhân vật ở nhiều điểm nhìn khác nhau.

-> Làm tăng tính sinh động phong phú khi miêu tả sự vật, sự việc, con người. Để sự việc và nhân vật hiện ra dưới nhiều góc độ, làm cho câu chuyện sinh động và sâu sắc.

VD: VB “Hai cây phong”

-> mang tính chủ quan.

2. Ngôi thứ ba

- Gọi các nhân vật bằng tên gọi. có thể kể tất cả.

- không trực tiếp bộc lộ ý nghĩ, cảm xúc mà nhờ nhân vật biểu lộ.

- Tác dụng: Người kể có thể linh hoạt thông qua nhiều mối quan hệ diễn ra với nhân vật

-> mang tính khách quan, dễ thuyết phục.

3. Thay đổi ngôi kể

- Làm thay đổi điểm nhìn đối với sự vật, nhân vật.

- Tăng tính sinh động, phong phú khi miêu tả sự vật, sự việc, con người.

=> Tùy cốt chuyện cụ thể để người ta lựa chọn ngôi kể phù hợp.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

? Chỉ rõ các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong đoạn văn? Nêu tác dụng?

+ Biểu cảm:

· Van xin, nín nhịn: Cháu van ông

· Bị ức hiếp phần nộ: Chồng tôi đau, ...

· Căm thù vùng lên: mày trói ... xem

+ Miêu tả:

Chị Dậu xám mặt; sức leo khẻo của anh chàng nghiện... người đàn bà lực điền...

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

?Luyện nói với đề bài sau: Việc sử dụng bao bì nilon gây nguy hại với môi trường nước"

Hướng dẫn HS về nhà

*** Đối với bài cũ:**

- Tập nói ở nhà đối với các đề còn lại.

*** Đối với bài mới:** Chuẩn bị bài mới: Câu ghép.

? Đặc điểm của câu ghép?

? Tìm đọc và phân tích ngữ liệu SGKTR 111?

? Tìm hiểu cách nối các vế câu?

? Tìm hiểu các bài tập phần Luyện tập SGK Tr 113?

PHỤ LỤC BIỂU ĐIỂM THI NÓI

PHIẾU CHẤM ĐIỂM THI NÓI CỦA TÔI					
Họ và tên	Điểm nội dung	Điểm hình thức			
		Lời giới thiệu (1đ)	Ngữ điệu (1đ)	Cử chỉ (1đ)	Diễn đạt (2 đ)
PHIẾU CHẤM ĐIỂM THI NÓI					
Họ và tên	Điểm nội dung	Điểm hình thức			
		Lời giới thiệu (1đ)	Ngữ điệu (1đ)	Cử chỉ (1đ)	Diễn đạt (2 đ)

Lưu ý :

- Nội dung: Chính xác , đầy đủ (5 điểm).
- Hình thức:
 - Có lời giới thiệu, lời chào. (1đ)
 - Nói chứ không phải đọc. (1đ)
 - Chú ý đến người nghe. (1 đ)
 - Các ý liên kết, mạch lạc. (1đ)
 - Diễn đạt trôi chảy. (1 đ)

Tiết: 40

Tiếng Việt:

CÂU GHÉP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được chắc chắn đặc điểm của câu ghép.
- Thành thạo cách nối các vế câu ghép.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, tự quản bản thân.
- Năng lực hợp tác: sự hợp tác giữa các cá nhân khi được giao nhiệm vụ thảo luận nhóm.
- Năng lực giao tiếp tiếng Việt; trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về cách sử dụng câu ghép.
- Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin: tìm hiểu, thu thập tư liệu... về kiểu câu ghép.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục lòng yêu thích, khám phá sự phong phú của Tiếng việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài
- b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu học sinh ôn lại kiến thức về câu đơn bình thường, câu đơn có thành phần được mở rộng. => Dẫn vào bài.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm và cách nối câu ghép:

- a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu về đặc điểm và cách nối câu ghép.
- b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Nắm rõ kiến thức về bài học.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH				SẢN PHẨM DỰ KIẾN
NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV treo(chiếu) bảng phụ				I. Đặc điểm của câu ghép 1. Phân tích ngữ liệu: Câu 1: 3 cụm C - V -> 2 cụm C-V làm phụ ngữ (Mở rộng ý cho thành phần trong câu -> câu mở rộng Câu 2: 1 cụm C - V - > Câu đơn. Câu 3: 3 cụm C - V => C3 là câu ghép: 3 Cụm C - V không bao chứa nhau tạo thành. - Mỗi cụm C-V là 1 vế câu.
Nhóm/ câu	Phân tích cụm C- V	So sánh mối quan hệ giữa các cụm chủ vị	Kiểu câu (theo cấu tạo ngữ pháp)	
N1- Câu 1		3 cụm C – V + 1 cụm lớn + 2 cụm nhỏ (nằm trong VN)	-> Câu đơn MRTP	
N2- Câu 2		1 cụm C – V	Câu đơn	
N3- Câu 3		3 cụm C – V Ngang hàng, không bao chứa nhau.	Câu ghép	
Nhóm 1- Câu 1: Tôi // quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy/ nảy nở trong lòng tôi CN VN c1 v1 như mấy cành hoa tươi / mỉm cười giữa bầu trời quang đãng. c2 v2				
Nhóm 2- Câu 2: Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi / âu yếm nắm TN TN CN VN tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp				
Nhóm 3- Câu 3: Cảnh vật chung quanh tôi / đều thay đổi, vì chính lòng tôi / đang có sự thay đổi c1 v1 c2 v2 lớn: hôm nay tôi / đi học. c3 v3				
? Trong 3 câu trên, câu nào là câu đơn? Câu nào là câu ghép? ? Em thấy câu ghép có đặc điểm gì?				
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh thảo luận nhóm ,suy nghĩ tìm ra câu trả lời				
Bước 3: Báo cáo, thảo luận: +Đại diện nhóm trình bày miệng, nhóm khác nhận xét đánh giá. 1. Câu mở rộng thành phần phụ ngữ sau trong cụm động từ (hai cụm C1-V1 và C2-V2 là phụ ngữ sau cho động từ trung tâm				

“quên” và “nảy nổ”. Giữa chúng có mối quan hệ so sánh: “như”)

2.

- Câu 1: Câu dùng cụm C -V để mở rộng câu
- Câu 2: Câu đơn
- Câu 3: Câu ghép

3.

- Câu có 1 cụm CV là câu đơn.
- Câu có cụm CV nhỏ nằm trong cụm CV lớn (Hay nói ngược lại là: câu có cụm CV lớn bao chứa 1 hoặc nhiều cụm CV nhỏ hơn) -> Là câu mở rộng thành phần.
- 2 HS phát biểu -> GV chốt -> 1 HS đọc ghi nhớ.

Kiểu cấu tạo câu		Câu cụ thể
Câu có một cụm C-V		5
Câu có hai hoặc nhiều cụm C-V	Cụm C-V nhỏ nằm trong cụm C-V lớn	2
	Các cụm C-V không bao chứa nhau	7

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

Hoạt động 2: Tìm hiểu cách nối các vế câu

a) **Mục tiêu:** Học sinh tìm hiểu cách nối các vế câu

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Nắm rõ kiến thức bài học

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>* GV treo bảng phụ với các VD sgk trang 111.</p> <p>? H giỏi Tìm các câu ghép trong đoạn văn ở bài tập 1?</p> <p>? Ba vế câu trong câu (7) được nối với nhau bằng cách nào?</p> <p>? Có thể dùng loại từ nào để nối các vế câu trong câu ghép?</p> <p>? Qua các VD trên, em thấy có mấy cách nối các vế trong câu ghép?</p> <p>? H giỏi Từ ví dụ đó em hãy nêu có mấy cách nối các vế câu trong câu ghép? Đó là những cách nào?</p> <p>? Nếu thay dấu phẩy ở câu hai bằng quan hệ từ “thì”, em rút ra nhận xét gì?</p>	

? H giỏi Ở câu ghép nếu không sử dụng từ nối giữa các vế câu thì cần phải có các loại dấu câu nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh thảo luận ,suy nghĩ tìm ra câu trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

1.(1) Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

- C1: “lá ngoài đường”

V1: “rụng nhiều”

- C2: “lòng tôi”

V2: “lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường.

-> Các vế câu nối bằng quan hệ từ “và” (Chỉ ý đồng thời)

(3) Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết.

- Trạng ngữ: “Những ý tưởng ấy”

- C1: “tôi”

V1: “chưa lần nào ghi lên giấy”

- C2: “tôi”

V2: “không biết ghi”

- C3: “tôi”

V3: “không nhớ hết”

-> Các vế câu nối bằng quan hệ từ “vì” (chỉ nguyên nhân) và quan hệ từ “và” (chỉ ý đồng thời)

(6) Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ.

- Trạng ngữ: “con đường này”

- C1: “tôi”

V1: “đã quen đi lại lắm lần”

V2: “tự nhiên thấy lạ”

-> Các vế câu nối với nhau bằng quan hệ từ “nhưng” (chỉ ý tương phản).

2.

- Vế 1 -> vế 2: Qhệ từ : vì

3.Quan hệ từ (vốn có chức năng để nối các bộ phận của câu, vế câu)

6. Khi tôi đi học thì nó chưa dậy -> cặp phó từ

7. Nước sông dâng cao bao nhiêu đồi núi cao lên bấy nhiêu

8. Người ta vừa mở miệng nói, Anh đã cắt ngang.

-> cặp đại từ

<p>9. Anh đi đâu, nó theo đấy -> cặp chỉ từ Tôi đi lối này, nó đi đường kia. - Bạn Hoa (càng) nói mọi người (càng) chú ý. -> càng... càng -> cặp phó từ - Nước dâng (bao nhiêu) núi đồi dâng cao (bấy nhiêu). -> Bao nhiêu... bao nhiêu => cặp đại từ - Nó lấy gì (ở đâu) là cất vào (ở đấy). -> cặp chỉ từ - Vế 2 -> vế 3 : Không dùng từ nối, giữa hai vế câu có dấu hai chấm (:) ngăn cách. 4. - Dùng từ nối: quan hệ từ, đại từ, phó từ, chỉ từ - Không dùng từ nối: dấu phẩy, dấu chấm phẩy, dấu hai chấm... -> GV chốt -> 1 HS đọc ghi nhớ 5. GV hướng dẫn học sinh tìm câu ghép ở phần (b) bài tập 1 và 3. 1. Nếu trời mưa thì tôi không đi học 2. Không những học giỏi toán mà nó (còn) học giỏi văn 3. Hấn...vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá 4. Hàng năm vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây...trường 5. Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi.....vàkhông nhớ hết. - Gồm hai câu ghép, giữa mỗi vế có dấu phẩy. 6. Tạo thành cặp QHT: Giá - thì, nối hai vế câu: nếu - thì; hề - thì * Lưu ý: Việc dùng quan hệ từ : SGK/116 - Các hệ quan hệ từ chỉ nguyên nhân: + Vì: Mang tính chất lí trí và trung hòa về sắc thái tình cảm (không có ý tốt cũng không có ý xấu) + Tại: Sắc thái áp đặt, quy lỗi nhiều hơn + Nhờ: Dùng với nguyên nhân tốt. - QHT chỉ điều kiện + Nếu: T/c chung hoặc đối chiếu + Hễ: ĐK lặp lại nhiều lần + Giá: Ý giả định (điều kiện chỉ ra không có trên thực tế) Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

? Đọc bài tập 1? Cho biết BT 1 yêu cầu gì?

- Tìm câu ghép
- Chỉ ra QHT nối các vế câu.

(Hoạt động nhóm - mỗi nhóm một đoạn trích)

a, Có 4 câu ghép:

a) U van Dần, u lạy Dần => nối bằng dấu phẩy

- Dần hãy để cho chị đi với u, đừng giữ...

- Chị con...chứ!

- Sáng ngày, Dần có thương không?

- Nếu Dần không..., trời nổi cả Dần đây => nối bằng dấu phẩy.

b) Cô tôi chưa ...đã ghen ứ khóc...

- Giá những...tinh (thì)...mà nhai,kì nát vụn => nối bằng dấu phẩy.

c) Tôi lại im lặng... đã cay cay => nối bằng dấu hai chấm

d) Hắn làm... bởi vì...lương thiện quá => nối bằng quan hệ từ bởi vì

? Đọc yêu cầu Bt 2?

G: Hướng dẫn H. Sau cho thời gian 1p

*Mẫu: Vì Phong bị ốm cho nên hôm nay bạn ấy phải nghỉ học.

Tổ chức chơi trò tiếp sức.

b) Hễ trời mưa to thì quê tôi lại lụt lội

c) Mặc dù nhà xa nhưng nó không bao giờ đi học muộn

d) Không những nó là con ngoan mà con là trò giỏi

? Đọc bài tập 3? Cho biết BT 3 yêu cầu gì?

Bớt quan hệ từ, đảo trật tự các vế câu.

1. Phong bị ốm cho nên hôm nay bạn ấy nghỉ học.

2. Hôm nay Phong nghỉ học vì bạn ấy bị ốm.

-> có trường hợp có thể bớt QHT, có trường hợp không thể bớt QHT.

- Khi đảo trật tự các vế câu phải kết hợp với thao tác lược bớt 1 QHT và có khi phải hoán đổi vị trí của 1 vài từ. Việc thay đổi trật tự vế câu trong câu ghép có liên quan đến ý nghĩa của câu và MĐ của người nói. Do đó có trường hợp không thể đảo trật tự các vế trong câu ghép.

Đọc bài tập 4? Cho biết BT 4 yêu cầu gì?

(Thảo luận nhóm bàn)

- Đặt câu ra phiếu học tập -> GV thu một số bài chấm.

Mẫu: Người làm sao của chiêm bao làm vậy.

- HS lên bảng làm

? Đọc bài tập 5? Cho biết BT 5 yêu cầu gì?

(Làm việc cá nhân) HS viết vào phiếu học tập -> trình bày

Lưu ý: Nội dung: kể về người thân

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

-Viết 1 đoạn văn từ 8-10 câu về một trong các vấn đề sau(trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 câu ghép)

1. Lợi ích của việc trồng cây xanh

Tác hại của việc xả rác bừa bãi ra môi trường

Hướng dẫn về nhà

- Hoàn thành bài tập 4, 5.

- Tìm và phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu ghép trong 1 đoạn văn tự chọn.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 41:

Tập làm văn:

KIỂM TRA VĂN

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

-Kiểm tra đánh giá được việc nắm kiến thức văn học của học sinh từ đầu học kì II, từ đó có hướng điều chỉnh phương pháp dạy học cho phù hợp với học sinh.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, tự quản bản thân.

- Năng lực tìm kiếm và xử lí thông tin, quản lí thời gian...

3. Phẩm chất

-Giáo dục ý thức tự giác trong học tập và tình cảm qua cảm nhận của người viết.

II. Hình thức ra đề

- Hình thức: Trắc nghiệm + tự luận.

- Cách tổ chức kiểm tra: HS làm bài kiểm tra tại lớp.

- Thời gian: làm ở lớp.

III. Thiết lập ma trận đề (Có tệp đính kèm)

- Liệt kê chuẩn kiến thức, kỹ năng của kiểu bài nghị luận.

- Thiết lập ma trận đề.

- Xác định khung ma trận. (Trưởng nhóm ra)

IV. Tiến trình bài dạy

1. Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số.

Ngày giảng	Lớp	Sĩ số

2. Phát đề cho học sinh

(Đề+ đáp án+ biểu điểm nộp lưu tổ chuyên môn)

3. Kỹ năng làm bài

- GV: Yêu cầu HS thực hiện làm bài đúng về nội dung đẹp, khoa học về hình thức

* Trả lời tốt phần lý thuyết

* Viết đúng quy trình một bài văn

- Đọc kĩ đề làm bài đúng yêu cầu 4 bước:

- Tìm hiểu đề, tìm ý (định hướng văn bản)

- Lập dàn ý.

- Viết văn bản nghị luận.

- Đọc lại bài viết và sửa chữa

4. Củng cố (3')

- Nhận xét giờ kiểm tra.

- Nhắc lại các bước làm bài văn nghị luận.

5. Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài mới (1')

* Đối với bài cũ

- GV thu bài, nhận xét ý thức viết bài của HS trong giờ.

- Nhắc lại cách viết bài văn nghị luận.

* Đối với bài mới

Chuẩn bị: **Lựa chọn trật tự từ trong câu.**

- Đọc kĩ bài

- Chuẩn bị theo nội dung SGK

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 42

Tập làm văn:

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được thế nào là văn bản thuyết minh; ý nghĩa, phạm vi sử dụng của văn bản thuyết minh.

- Nắm được yêu cầu của văn bản thuyết minh (về nội dung, ngôn ngữ...)

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.

- Năng lực giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục ý thức nghiên cứu, tìm hiểu các loại văn bản

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.

+ Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học.

2. Chuẩn bị của học sinh:

+ Đọc kĩ SGK, tài liệu liên quan.

+ Soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**

G cho H xem clip giới thiệu về khu di tích danh thắng của địa phương (Hoàng Thành Thăng Long/ Kinh Thành Huế/....

? Đoạn clip trên cung cấp cho em thông tin gì?

H: Đoạn clip cung cấp thông tin về bao gồm về vị trí địa lý, cấu trúc và giá trị về tâm linh.

G: Trong cuộc sống cũng như trong văn học, ngoài những kiểu văn bản tự sự, miêu tả và nghị luận, người ta còn dùng kiểu văn bản thuyết minh. Để hiểu hơn về văn bản thuyết minh, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu trong tiết này.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn hs tìm hiểu vai trò và đặc điểm của văn bản thuyết minh.

a) **Mục tiêu:** tìm hiểu về vai trò và đặc điểm chung của văn bản thuyết minh.

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn tất một nhiệm vụ

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: -G cho H tìm hiểu hai tình huống để làm rõ khái niệm thuyết minh.</p> <div style="text-align: center;">  <h3 style="color: red;">THẢO LUẬN NHÓM</h3> <h2 style="color: black;">Tình huống 1</h2> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; background-color: #e0f7fa; margin: 10px auto; width: 80%;"> <p>Khi các em đi mua một chiếc ti vi, các em thấy trong giấy hướng dẫn sử dụng người viết những gì?</p> </div> <h2 style="color: red;">Tình huống 2</h2> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; background-color: #e0f7fa; margin: 10px auto; width: 80%;"> <p>Khi mua một hộp bánh các em thấy trên bì thường ghi những gì?</p> </div>  </div>	<p>I. Vai trò và đặc điểm chung của văn bản thuyết minh. 1. Văn bản thuyết minh trong đời sống con người:</p>

<p>? Qua hai tình huống trên em hiểu thế nào là thuyết minh?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
<p>NV2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>* HS đọc 3 văn bản (115 – 116).</p> <p>Chia nhóm -> HS tìm hiểu</p> <p>Nhóm 1: Cây Dừa Bình Định</p> <p>Nhóm 2: Tại sao lá cây...lục</p> <p>Nhóm 3 + 4: Huế</p> <p>? Các em hãy đọc kĩ văn bản và xác định:</p> <p>- Nội dung của mỗi văn bản?</p> <p>- Đối tượng nói đến của mỗi văn bản?</p> <p>- Văn bản nói đến lĩnh vực nào?</p> <p>- Em biết gì về đối tượng được nói đến trong văn bản?</p> <p>- Mục đích của văn bản?</p> <p>- Cách thức trình bày?</p> <p>? Em, thường gặp các loại văn bản đó ở đâu? Khi nào?</p> <p>? Hãy kể thêm một số văn bản cùng loại mà em biết?</p> <p>? Các văn bản trên là văn bản thuyết minh. Vậy em hiểu như thế nào về loại văn bản này?</p> <p>G yêu cầu H đọc ghi nhớ SGK – 117.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Học sinh hoạt động nhóm 3->5'</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>-Cử đại diện lên bảng (chia 3 phần cho mỗi văn bản, điền vào những yêu cầu trên)</p> <p>-G cho H nhận xét từng nhóm, chiếu đáp án và phân tích kĩ từng văn bản.</p> <p>Nhóm 1: Cây dừa Bình Định</p> <p>- ND: Lợi ích của cây dừa trong đời sống nhân dân Nam Bộ</p> <p>- Đối tượng: Cây dừa.</p> <p>- Lĩnh vực: Khoa học tự nhiên.</p> <p>- Biết về tác dụng của cây dừa:</p> <p>+ Thân</p> <p>+ Lá, cọng, gốc, nước, cùi, sọ, vỏ.</p> <p>-> Phương pháp liệt kê dựa trên đặc điểm cấu tạo của cây dừa.</p> <p>- MĐ: Cung cấp KT ... về cây dừa (kiến thức về lĩnh vực khoa học sinh vật)</p> <p>- Cách thức: Trình bày</p> <p>Nhóm 2: Tại sao lá cây có màu xanh lục</p> <p>- ND: Giải thích nguyên nhân lá cây có màu xanh lục.</p>	<p>a. Phân tích ngữ liệu</p> <p>-</p> <p>VB1: trình bày lợi ích của cây dừa...</p> <p>- VB2: giới thiệu tác dụng của chất diệp lục...</p> <p>-</p> <p>VB3: giới thiệu Huế với tư cách là trung tâm văn hoá lớn của VN với những đặc điểm riêng độc đáo... => Đây là văn bản thuyết minh</p>

- (vì - sở dĩ -> vì -> do đó -> như vậy...)
- Lĩnh vực: KHTN.
 - Biết được nguyên nhân vì sao phát triển.
 - MĐ: Cung cấp kiến thức về tác dụng chất diệt lục (kiến thức về lĩnh vực khoa học sinh vật).
 - Cách thức: Giải thích.

Nhóm 3:Huế:

- ND: Giới thiệu về Huế – một trung tâm văn hoá nghệ thuật lớn.
 - Đối tượng: Huế (vẻ đẹp của Huế).
 - Lĩnh vực: Khoa học xã hội.
 - Biết về vẻ đẹp Huế.
 - * Một thành phố đẹp: thiên nhiên; thơ; con người sáng tạo, anh hùng
 - + Sự kết hợp hài hòa: núi – sông - biển.
 - + Đẹp – công trình kiến trúc, lăng tẩm.
 - + Sản phẩm đặc biệt, món ăn đặc sản.
 - + Thành phố đấu tranh kiên cường.
 - > Khách quan, cụ thể, gọn rõ.
 - MĐ: Cung cấp thông tin, kiến thức về Huế đầy đủ -> thu hút sự chú ý của mọi người (thường gặp trong lĩnh vực du lịch) .
 - Cách thức: Giới thiệu.
 - * Khi cần có những hiểu biết khách quan về đối tượng (sự vật, sự việc, sự kiện...)
 - * “Cầu Long Biên chứng nhân lịch sử”
 - “Thông tin về trái đất năm 2000”
 - “Ôn dịch, thuốc lá”
 - * Cung cấp tri thức khách quan về mọi lĩnh vực trong đời sống (về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân...) -> Giúp người đọc hiểu về các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích (Thuyết minh – Nói rõ, làm rõ...)
- Bước 4: Kết luận, nhận định:**
- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm chung của văn bản thuyết minh.

- a) **Mục tiêu:** giúp học sinh hiểu đặc điểm chung của văn bản thuyết minh.
- b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Nắm rõ nội dung bài học
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Các văn bản trên có phải là văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận không? Tại sao? ? Các văn bản trên có đặc điểm chung nào làm chúng trở thành một kiểu riêng? (Về	a. Phân tích ngữ liệu - Trình bày đặc điểm riêng của đối tượng: Cây Dừa Cấu tạo của lá Đặc điểm riêng của Huế

<p>ND, cách trình bày?)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>1</p> <p>- Không. Vì:</p> <p>Tự sự phải có sự việc, nhân vật, có trình tự (mở đầu, diễn biến, kết thúc..)</p> <p>Miêu tả, biểu cảm đòi hỏi phải có cảnh sắc, con người và cảm xúc</p> <p>Văn nghị luận: Phải trình bày luận điểm, luận cứ, luận chứng, trình bày nguyên lí, quy luật, cách thức...</p> <p>2</p> <p>- Trình bày: đặc điểm riêng của đối tượng</p> <p>+ Dừa: thân, lá, nước...</p> <p>+ Lá cây: tẻ bào, ánh sáng, hấp thụ...</p> <p>+ Huế: cảnh sắc, các công trình kiến trúc, món ăn..</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
<p>NV2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Vậy theo em, văn bản thuyết minh có đặc điểm gì?</p> <p>? Văn bản thuyết minh có sử dụng các biện pháp tu từ hay không? Vì sao?</p> <p>? Em nhận xét gì về ngôn ngữ, bố cục của các văn bản trên ? Em nhận xét gì về cách trình bày?</p> <p>? Em nhận xét gì về ngôn ngữ, bố cục của các văn bản trên ? Em nhận xét gì về cách trình bày?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>1. Trình bày một cách khách quan về đối tượng, sự vật -> giúp hiểu biết về sự vật một cách đúng đắn, đầy đủ -> là đặc điểm quan trọng nhất.</p> <p>2.</p>	<p>* Đặc điểm của văn bản thuyết minh:</p> <p>- Cung cấp tri thức khách quan, chân thực, hữu ích về sự vật, hiện tượng, giúp người đọc hiểu biết một cách đúng đắn, đầy đủ về sự vật hiện tượng.</p> <p>- Ngôn ngữ chính xác, rõ ràng, bố cục chặt chẽ, hấp dẫn</p> <p>- Dùng cách thức: trình bày, giải thích, giới thiệu bằng tri thức khoa học</p> <p>b. Ghi nhớ</p>

+ Không hư cấu, tưởng tượng hay suy luận, bộc lộ cảm xúc

+ Có tính chất thực dụng: cung cấp tri thức hữu ích về sự vật, hiện tượng là chính, không đòi hỏi người đọc phải thưởng thức cái hay cái đẹp như tác phẩm văn học.

3. Văn bản thuyết minh dùng phương thức trình bày cơ chế, qui luật của sự vật, cách thức sử dụng...-> Giải thích bằng tri thức khoa học (khác với nghị luận) hoặc giới thiệu...

4. Văn bản thuyết minh dùng phương thức trình bày cơ chế, qui luật của sự vật, cách thức sử dụng...-> Giải thích bằng tri thức khoa học (khác với nghị luận) hoặc giới thiệu...

G yêu cầu H đọc ghi nhớ SGK.

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

Trò chơi Ngôi sao may mắn:

Hình thức: có 4 ngôi sao tương ứng với các câu hỏi, lựa chọn ngôi sao yêu thích và thực hiện yêu cầu bài tập tương ứng.

H đưa ra câu trả lời, G gọi H khác nhận xét, bổ sung.

G phân tích kĩ từng bài tập để H khắc sâu kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

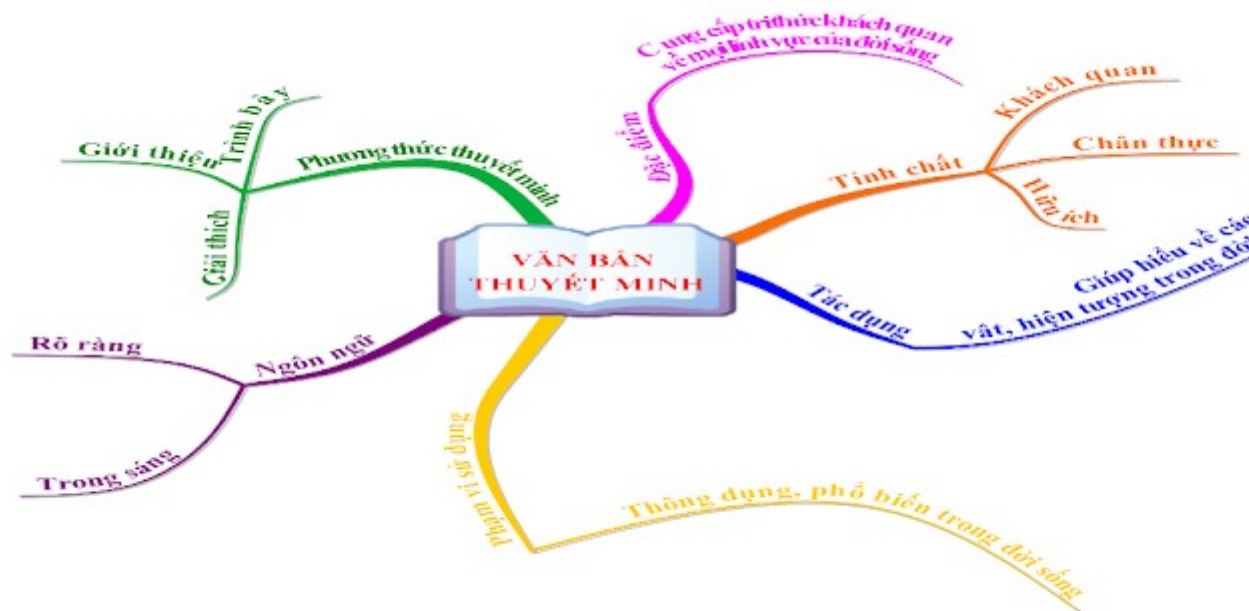
? Viết một đoạn văn ngắn (5-7 dòng) giới thiệu về một món ăn mà em yêu thích

H hoàn thành phiếu học tập (5')

G thu 10 phiếu, G chiếu đoạn văn của H, yêu cầu H khác nhận xét.

G chữa trước lớp 1-2 phiếu.

GV yêu cầu HS hoàn thiện sơ đồ tư duy bài học. GV chiếu sơ đồ tư duy để HS đối chiếu => HS sửa chữa.



* Hướng dẫn HS về nhà

-Học bài cũ

- Tự chữa lỗi nội dung bài cho hoàn chỉnh, rút kinh nghiệm cho bài viết của bản thân.

Chuẩn bị bài mới: Văn bản: “Ôn dịch, thuốc lá”

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 44

Văn bản:

ÔN DỊCH, THUỐC LÁ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu nguy hại ghê gớm toàn diện của tệ nạn thuốc lá đối với sức khỏe và đạo đức XH.
- Hiểu được tác dụng của việc kết hợp các phương thức biểu đạt lập luận và thuyết minh trong văn bản.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, tự quản bản thân.
- Năng lực hợp tác: sự hợp tác giữa các cá nhân khi được giao nhiệm vụ thảo luận nhóm.
- Năng lực giao tiếp tiếng Việt; trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về cách sử dụng câu ghép.
- Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin: tìm hiểu, thu thập tư liệu... về kiểu câu ghép.

3. Phẩm chất:

- Có thái độ quyết tâm phòng chống thuốc lá.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

+ Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.

+ Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu, tranh).

2. Chuẩn bị của học sinh:

+ Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan, tranh, usb

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** GV đặt vấn đề tiếp cận bài học.

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**

GV cho HS xem ảnh.



H quan sát, trình bày hiểu biết của mình.

Dẫn dắt: Nếu ngày 22/4 hàng năm là Ngày Trái Đất nhắc nhở chúng ta về ý thức bảo vệ môi trường thì ngày 31/5 hàng năm là ngày Quốc tế chống hút thuốc lá. Vì sao hút thuốc là trở thành đối tượng cả thế giới chống lại như vậy. Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu bài Ôn dịch thuốc lá.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.

a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Nắm rõ thông tin về tác giả và tác phẩm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Em biết gì về tác giả? ? Nêu xuất xứ văn bản?	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện

<p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. Tác giả :</p> <p>- Là người am hiểu nhiều lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, đặc biệt là y học -> ông là tấm gương tiêu biểu trong việc bảo vệ và chăm sóc cho con người.</p> <p>- Nhiều tác phẩm của ông viết về phòng bệnh và chữa bệnh, là bài học bổ ích cho mọi người.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án..</p>	<p>2. Tác phẩm - Trích trong bài: “ Từ thuốc lá đến ma túy - Bệnh nghiện” NXB GD Hà nội năm 1992.</p>
--	--

Hoạt động 2: Đọc, chú thích, tìm hiểu kết cấu bố cục, phân tích văn bản.

a) Mục tiêu: HS tìm hiểu nội dung tác phẩm.

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Nắm rõ nội dung về tác phẩm.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: -Hướng dẫn học sinh đọc.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: -Học sinh đọc bài và tìm hiểu chú thích</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: -Giáo viên: hướng dẫn đọc, hỗ trợ nếu HS cần. - Đọc rõ ràng, rành mạch, chú ý những từ in nghiêng. -G đọc: Từ đầu-> còn nặng hơn cả HIV -H đóng chuyên gia giải thích một số từ khó. - Niêm mạc. - Nang phổi. - Vi khuẩn. - Hắc ín - Ni- cô- tin.</p> <p>-Bước 4: Kết luận, nhận định:</p>	<p>II. Đọc-hiểu văn bản 1. Đọc, chú thích</p>

Giáo viên nhận xét, đánh giá	
<p>NV2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? VB viết theo kiểu VB nào? Tại sao em biết? ? Phương thức trình bày? Trình bày vấn đề gì? ? Xác định bố cục của văn bản?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. * Đề cập đến vấn đề bức thiết đang diễn ra trong cuộc sống thực tại, cần quan tâm giải quyết ngay.. *Cung cấp tri thức hữu ích cho con người: Tác hại của thuốc lá giúp người đọc biết và đề phòng.. * 3 đoạn: - Đ1: Từ đầu -> còn nặng hơn cả AIDS : Thông báo về nạn dịch thuốc lá -> Dẫn vào vấn đề. - Đ2: Tiếp -> con đường phạm pháp: Trình bày tác hại của thuốc lá đối với cá nhân và cộng đồng - Đ3: Còn lại: Kiến nghị , kêu gọi cả thế giới chống thuốc lá.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>2. Kết cấu-Bố cục :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu VB: Nhật dụng. - Phương thức trình bày: Thuyết minh. (Trình bày 1 vấn đề KHXH) - Bố cục: 3 đoạn

Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích

a) **Mục tiêu:** HS phân tích tác hại của thuốc lá

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Nắm rõ kiến thức bài học

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Hãy chỉ ra tác dụng của việc dùng dấu phẩy trong câu trên? ? Có thể sửa thành “Ôn dịch thuốc lá” hay “Thuốc lá là một loại ôn dịch” được không? Vì sao?</p>	<p>3. Phân tích</p> <p>3.1. Thông báo về nạn dịch thuốc lá</p> <p>- Ôn dịch,... -> thái độ vừa căm tức, vừa ghê tởm, nguyên rủa, gây chú ý cho người đọc.</p>

<p>? Tác giả đã so sánh ôn dịch, thuốc lá với các đại dịch nào? So sánh như vậy có tác dụng gì? ? Nhận xét về đặc điểm lời văn thuyết minh trong phần này?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh đọc văn bản và suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>* Đặt dấu phẩy ngăn cách 2 từ là một biện pháp tu từ nhấn mạnh sắc thái biểu cảm: vừa căm tức, vừa ghê tởm.</p> <p>* Không, vì tính chất biểu cảm không rõ ràng, không thể hiện được thái độ nguyên rủa, gây chú ý cho người đọc.</p> <p>* So sánh với sáu đại dịch: => Nêu tầm quan trọng và tính nghiêm trọng của vấn đề: Ôn dịch thuốc lá...</p> <p>* Sử dụng các từ thông dụng của ngành y tế (thuật ngữ)</p> <p>- Dùng phép so sánh: ôn dịch... còn rộng hơn cả AIDS</p> <p>- Tác dụng: thông báo ngăn gọn, chính xác nạn dịch thuốc lá -> nhấn mạnh hiểm họa to lớn của dịch này.</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>- Ôn dịch thuốc lá đang đe dọa sức khỏe, tính mạng loài người -> Lời thông báo ngăn gọn, chính xác về dịch thuốc lá để nhấn mạnh hiểm họa to lớn của dịch này</p>
<p>NV2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Vì sao tác giả lại dẫn lời Trần Hưng Đạo về việc đánh giặc trước khi phân tích tác hại của thuốc lá? Em hiểu như thế nào về hình ảnh “dâu và tằm” ở đây? ? Người thân của em có ai hút thuốc lá không? Em cảm thấy như thế nào khi ngồi cạnh hút thuốc lá? Đề thuyết phục người thân không hút thuốc lá, em sẽ làm gì? ? Tác hại của thuốc lá được thuyết minh trên những phương diện nào?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p>	<p>3.2. Tác hại của thuốc lá</p>

*Tác giả mượn lối so sánh rất hay của nhà quân sự thiên tài Trần Hưng Đạo để thuyết minh một cách thuyết phục một vấn đề y học.

Bình:

Dâu được ví với sk con người

- Tầm ví với thuốc lá, cụ thể là khói thuốc lá.

Vậy mà có ng k thấy tác hại của nó mà còn thấy sáng khoái khi nhả khói mà còn coi là một biểu tượng quý

=> Cách vào đề là cách so sánh bất ngờ, lí thú.

*Chia sẻ => phải phân tích tác hại của thuốc lá để người thân mình hiểu.

*Sức khỏe cá nhân và cộng đồng.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

NV3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Nêu tác hại của thuốc lá đối với người hút và với cộng đồng xã hội?

TÁC HẠI CỦA THUỐC LÁ ĐỐI VỚI NGƯỜI HÚT VÀ CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Tác hại đối với bản thân người hút	Tác hại với cộng đồng xã hội
Chất ni- cô- tin.....	
Chất hắc – ín.....	
.....	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh trao đổi nhóm 5 phút

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Đại diện nhóm trình bày miệng, HS nhóm khác nhận xét đánh giá.

Đáp án:

TÁC HẠI CỦA THUỐC LÁ ĐỐI VỚI NGƯỜI HÚT VÀ CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Tác hại đối với bản thân người hút	Tác hại với cộng đồng xã hội
Chất ni- cô- tin gây tắc động mạch,	Tự làm hại sức khỏe bao nhiêu người

nhồi máu cơ tim, huyết áp cao		
Chất hắc -in gây ung thư vòm họng và ung thư	Nêu gương xấu về đạo đức	
Ngăn cản phổi thực hiện chức năng cung cấp ô-xi	Hút thuốc trước phụ nữ có thai là tội ác	
Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án. Tích hợp GDCC Bài phòng chống các tệ nạn xã hội lớp 9. - Tỷ lệ thanh thiếu niên hút thuốc lớn -> sinh ra trộm cắp, có thể nghiện ma túy. -> Có hại đến nền kinh tế, xã hội, là con đường dẫn đến phạm pháp, hủy hoại đạo đức, lối sống, nhân cách tuổi trẻ Việt Nam.		
NV4 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Em hiểu thế nào là chiến dịch và chiến dịch chống thuốc lá? ? Khi thuyết minh, tác giả đưa ra ý kiến gì? Ý kiến đó đúng hay sai? Vì sao? ? Để nhấn mạnh tác hại của thuốc lá đến đặc điểm con người, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Theo dõi đoạn 3, Ở phần này, tác giả thuyết minh điều gì? Bằng cách nào? Có tác dụng gì? ? Lời kêu gọi của tác giả có gì đặc biệt? ? Qua đây em thấy thái độ của tác giả như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. 1. Đưa ra các ví dụ dẫn chứng, số liệu thống kê, so sánh -> thuyết phục người đọc tin ở tính khách quan của chiến dịch.. như 1 lời kêu gọi. GV: Năm 1990, ở châu Âu thực hiện KH “ 1 Châu Âu không còn thuốc lá ” với khẩu hiệu “ No Smoking ”. 2. Thể hiện bằng 1 lời bình, dấu cảm thán thể hiện sự thiết tha mong mỏi, cái tâm của người		3.3. Kiến nghị chống thuốc lá - Tham gia chiến dịch chống thuốc lá trên thế giới. -> các hoạt động thông nhất rộng khắp nhằm chống lại một cách hiệu quả ôn dịch thuốc lá.

hiểu biết thực tế. => Cũng như việc sử dụng bao bì nilông, không thể ra lệnh đóng cửa nhà máy sản xuất thuốc mà phải tuyên truyền vận động, khuyến khích người hút thuốc cai thuốc, không hút thuốc với tinh thần tự giác vì sức khỏe và môi trường. 3. Cổ vũ chiến dịch chống hút thuốc lá - Tin ở sự chiến thắng của chiến dịch này. - Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.	
--	--

Hoạt động 3: Hướng dẫn tổng kết

a) Mục tiêu: HS tổng kết về nội dung-ý nghĩa và nghệ thuật trong tác phẩm.

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Nắm rõ kiến thức bài học

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Tại sao gọi đây là văn bản thuyết minh? ? Qua VB thuyết minh, em rút ra được vấn đề gì? ? Ý nghĩa VB? ? Nghệ thuật đặc sắc trong văn bản này? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời Bước 3: Báo cáo, thảo luận: -HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. *Hút thuốc lá có hại cho sức khỏe và tính mạng con người gây tác hại nhiều mặt đối với cuộc sống gia đình và XH...rất nguy hiểm vì không dễ kịp thời nhận biết. - Cần phải có quyết tâm cao, biện pháp triệt để để chống ôn dịch thuốc lá. *Với những phân tích khoa học, tác giả đã chỉ ra tác hại của việc hút thuốc lá đối với đời sống con người, từ đó phê phán và kêu gọi mọi người	4.1. Nội dung: - Nội dung: là các tri thức làm rõ tác hại của thuốc lá -> nâng cao nhận thức -> đề phòng cho tất cả mọi người -Ý nghĩa VB: Với những phân tích khoa học, tác giả đã chỉ ra tác hại của việc hút thuốc lá đối với đời sống con người, từ đó phê phán và kêu gọi mọi người ngăn ngừa tệ nạn hút thuốc lá. 4.2. Nghệ thuật: - Kết hợp lập luận chặt chẽ, dẫn chứng sinh động với thuyết minh cụ thể, Phân tích dựa trên cơ sở khoa học. - Sử dụng thủ pháp so sánh để thuyết minh một cách thuyết phục một vấn đề y học liên quan đến vấn đề xã hội. 4.3. Ghi nhớ (122)

ngăn ngừa tệ nạn hút thuốc lá.

G tích hợp: Đặc biệt chúng ta thấy những tệ nạn xã hội bắt nguồn từ việc hút thuốc lá bởi thế hút thuốc lá là con đường ngắn nhất dẫn đến ma túy.... Vì vậy, trong cuộc sống hiện đại, các con phải biết giữ mình trước những cám dỗ của cuộc sống.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

-Giáo viên nhận xét, đánh giá

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: Đọc diễn cảm thể hiện đúng tâm trạng của nhân vật .

d) Tổ chức thực hiện:

? Viết đoạn văn ngắn (5-7 dòng) nêu suy nghĩ của em về nạn hút thuốc lá ở xung quanh em?

H trình bày phiếu học tập.

G chữa 1-2 phiếu, cho điểm.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

? Là học sinh, em sẽ làm gì để góp phần chống nạn hút thuốc lá?

? Trong trường hợp, em bắt gặp một bạn trong lớp đang bị các anh chị ngoài trường rủ rê hút thuốc lá, em sẽ làm gì? (Tích hợp giáo dục công dân)



* **Hướng dẫn về nhà**

* **Đối với bài cũ:**

- Hoàn thành bài tập 4, 5.
- Tìm và phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu ghép trong 1 đoạn văn tự chọn.

* **Đối với bài mới:**

Chuẩn bị bài mới: Câu ghép (tiếp):

- + Tìm hiểu quan hệ giữa các vế câu
- + Tìm hiểu bài tập phần Luyện tập SGK Tr 124,125.
- Bảng phụ: các bài tập 1, 2, 3, 4 (đoạn văn dài H sẽ dễ theo dõi).
- H tìm hiểu quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu ghép và ý nghĩa của chúng.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 45

Tiếng Việt:

CÂU GHÉP (Tiếp)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm chắc quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu của câu ghép.
- Nắm được cách thể hiện quan hệ về ý nghĩa giữa các vế câu ghép

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, tự quản bản thân.
- Năng lực hợp tác: sự hợp tác giữa các cá nhân khi được giao nhiệm vụ thảo luận nhóm.
- Năng lực giao tiếp tiếng Việt; trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về cách sử dụng câu ghép.
- Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin: tìm hiểu, thu thập tư liệu... về kiểu câu ghép.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục lòng yêu thích, khám phá sự phong phú của Tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu).

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan.
- + Soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Giáo viên tổ chức trò chơi " Ông nói gà, bà nói vịt"

Gv chia nhóm thành 4 tổ, luật chơi như sau: một tổ sẽ viết về đầu của câu, bắt đầu bằng từ "Nếu", một tổ sẽ viết về thứ 2 của câu, bắt đầu bằng từ "thì", sau đó sẽ ghép câu của 2 bạn bất kì lại với nhau

Vd: Nếu không chơi game...thì tôi sẽ bị mẹ mắng

Tương tự, 2 tổ còn lại sẽ viết về cặp từ Vì- Nên

Sau khi trò chơi kết thúc, giáo viên chuyển ý vào bài: Các bạn vừa góp sức để tạo ra rất nhiều câu ghép, song đó toàn là những câu Râu ông nọ cắm cằm bà kia. Để có thể đặt được những câu ghép hoàn chỉnh, chúng ta sẽ tìm hiểu tiết 2 của bài Từ ghép

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu:

a) **Mục tiêu:** Giúp học sinh biết được thế nào là đoạn văn

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Xác định các vế trong câu ghép sau đây?</p> <p>Quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép trên là quan hệ gì? Mỗi vế câu biểu thị ý nghĩa gì?</p> <p>? Dựa vào kiến thức đã học, Hãy nêu thêm quan hệ ý nghĩa có thể giữa các vế câu?</p> <p>? Dựa vào đâu để xác định được mối quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét</p>	<p>I. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu:</p> <p>1. Phân tích ngữ liệu: SGK T 122</p> <p>- Câu 1:</p> <p>Có lẽ TV của cta đẹp..Bởi vì tâm hồn.</p> <p>(kết quả) - (nguyên nhân) Khẳng định</p> <p>Giải thích</p> <p>- Câu 2: QH điều kiện(giả thiết) - Kquả</p> <p>- Câu 3: QH tương phản:</p>

<p>đánh giá.</p> <p>*C2/ Nếu em chăm học thì em sẽ học giỏi</p> <p>C3/ Tuy nhà xa nhưng bạn ấy không bao giờ đi học muộn</p> <p>C4/ Trời càng mưa to đường càng lộn lộn</p> <p>C5/ Nó không những học giỏi vẫn mà nó còn học giỏi Toán</p> <p>C6/ Bạn ấy học bài rồi bạn ấy xem phim</p> <p>C7/ Tôi học toán còn nó học văn</p> <p>C8/ ... chính lòng tôi có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học -> Quan hệ giải thích</p> <p>C9/ Nó học bài hay nó đi chơi ?</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>Tuy...Nhưng..</p> <p>- Câu 4: QH tăng tiến: càng ...càng..</p> <p>- Câu 5: QH bổ sung: Không những... mà còn</p> <p>- Câu 6: QH tiếp nối: ...rồi...</p> <p>- Câu 7: QH đồng thời: //còn....</p> <p>- Câu 8: QH giải thích: dấu (:)</p> <p>- Câu 9: QH lựa chọn: ..Hay(hay là)..</p> <p>=> Dựa vào quan hệ từ, cặp quan hệ từ, cặp từ hô ứng...</p> <p>- Dựa vào văn cảnh, hoàn cảnh giao tiếp</p> <p>2.Ghi nhớ : sgk (102)</p>
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

G: Yêu cầu học sinh đọc bài tập 2.

? Tìm câu ghép trong những đoạn trích trên xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong mỗi câu ghép?

? Bài tập 3 yêu cầu ta điều gì?

? Có hai câu ghép rất dài. Xét về mặt lập luận có thể tách mỗi vế thành câu đơn không? Vì sao?

? Quan hệ ý nghĩa giữa các vế của câu ghép thứ 2 là quan hệ gì? có nên tách mỗi vế thành câu đơn không? vì sao?

Thử tách thành câu đơn?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

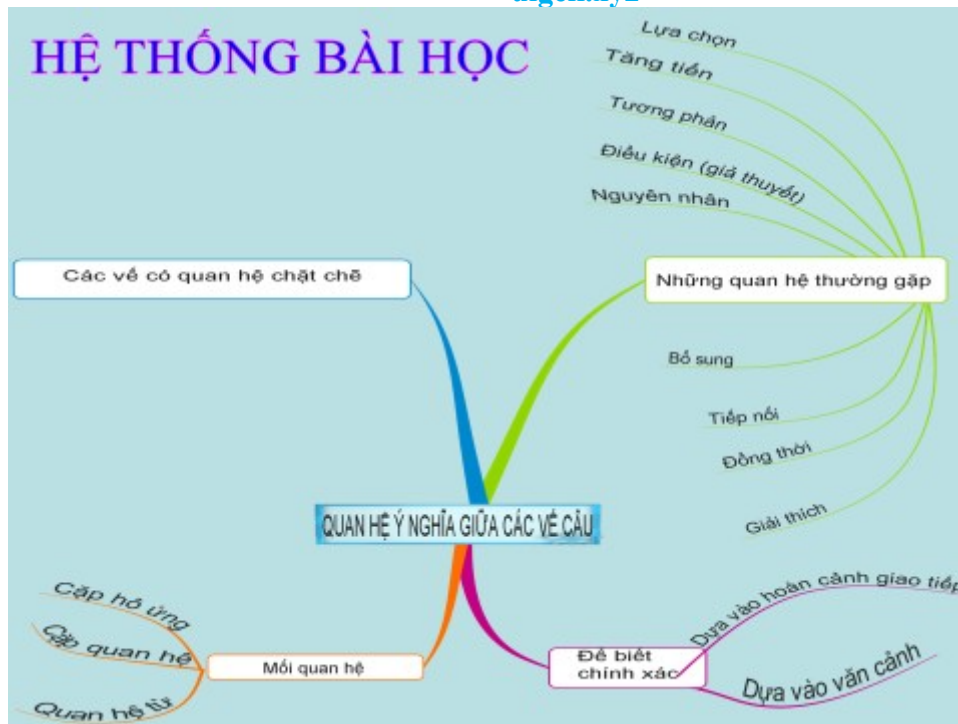
? Viết đoạn văn (5-7 câu) chủ đề dịch hút thuốc lá có sử dụng câu ghép.

Gạch chân dưới câu ghép đó ?

H viết đoạn văn vào phiếu học tập.

GV thu 3 phiếu, chấm và trả cho HS.

HS hoàn thành sơ đồ tư duy bài học.



Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:

- Tìm câu ghép và phân tích ý nghĩa giữa các vế câu của những câu ghép trong một đoạn văn cụ thể.

* Chuẩn bị bài mới: Phương pháp thuyết minh:

- + Tìm hiểu các phương pháp thuyết minh
- + Tìm hiểu phần ngữ liệu SGK Tr 126
- + Tìm hiểu phương pháp liệt kê, nêu ví dụ dùng số liệu.
- Đọc kĩ các bài tập trong bài Tìm hiểu chung về văn bản thuyết minh
- + Đọc lại các văn bản Cây dừa Bình Định. Tại sao...Huế, Khởi nghĩa Nông Văn Vân...tìm xem trong các văn bản ấy đã sử dụng các loại tri thức nào?
- + Các văn bản sử dụng các phương pháp thuyết minh nào? Các phương pháp TM ấy được sử dụng như thế nào?

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 46:

Tập làm văn :

PHƯƠNG PHÁP THUYẾT MINH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được kiến thức về văn bản thuyết minh (trong cụm các bài học về văn bản thuyết minh đã học và sẽ học)
- Biết được các đặc điểm, tác dụng của các phương pháp thuyết minh.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Giáo dục ý thức nghiên cứu, tìm hiểu các loại văn bản

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu, bảng phụ).

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan.
- + Soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

- a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài
- b) Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.
- c) Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.
- d) Tổ chức thực hiện:**
- ? Theo em, để có đoạn văn giới thiệu trên, người viết phải làm gì?

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Tìm hiểu các phương pháp thuyết minh**

- a) Mục tiêu:** HS tìm hiểu về các phương pháp thuyết minh
- b) Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
- c) Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.
- d) Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Các văn bản thuyết minh vừa học đã sử dụng các loại tri thức gì?</p> <p>? Làm thế nào để có các tri thức ấy?</p> <p>? Vai trò của quan sát, học tập, tích lũy là ntn?</p> <p>? Bằng tưởng tượng và suy luận có thể có tri thức để làm bài văn thuyết minh được không? Vì sao?</p> <p>? Nếu gọi các khâu đó là chuẩn bị cho bài thuyết minh. Hãy nêu các bước chuẩn bị cần thiết là gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*-Về sinh vật (cây dừa), khoa học sinh học (lá cây, con giun đất), lịch sử (Khởi nghĩa), văn hoá (Huế)</p> <p>-> Cung cấp tri thức cho người đọc về 1 đối tượng nào đó.</p> <p>*Quan sát, học tập, tìm hiểu, tích lũy những</p>	<p>I. Tìm hiểu các phương pháp thuyết minh:1. Quan sát, học tập, tích lũy tri thức để làm bài văn thuyết minh</p> <p>- Thuyết minh: Cung cấp tri thức...</p> <p>- Quan sát, học tập, tìm hiểu, tích lũy những tri thức về đối tượng thuyết minh.</p> <p>-> nắm bắt được bản chất, đặc trưng của đối tượng thuyết minh.</p> <p>-> Tránh sa vào trình bày các biểu hiện không tiêu biểu, không quan trọng.</p> <p>* Ghi nhớ 1 (128)</p> <p>Để viết bài thuyết minh, cần phải chuẩn bị:</p> <p>- Quan sát</p> <p>- Học tập</p> <p>- Tích lũy kiến thức về sự vật, hiện tượng (bản chất, đặc trưng của chúng)..</p>

<p>tri thức về đối tượng thuyết minh</p> <p>*Quan sát: Nhìn ra sự vật có những đặc trưng gì? Có mấy bộ phận...v..v</p> <p>-> Tìm hiểu đối tượng: Màu sắc hình dáng, kích thước, đặc điểm, quá trình phát sinh, phát triển...Giúp nắm bắt được bản chất, đặc trưng của đối tượng thuyết minh.</p> <p>- Học tập: Học ở trường, học ở nhà..Tìm hiểu qua sách báo, tài liệu, từ điển, thông tin đại chúng.Tham quan (thông qua các giác quan để ghi nhớ ấn tượng..).</p> <p>- Tích lũy: Tri thức loài người thật rộng lớn, dù học tập tích lũy suốt đời thì vốn tri thức cá nhân cũng vô cùng nhỏ bé, ít ỏi với khối tri thức chung. Không nên tự bằng lòng với việc học tập). học tập phải ghi chép số liệu cần thiết để tham khảo, để vận dụng vào thực tế cuộc sống. ghi chép cần biết chọn lọc và phân loại chi tiết (Thông tin chính-phụ).</p> <p>- Sử dụng: Mảng tri thức tương ứng với đối tượng thuyết minh, không thể đưa tất cả hiểu biết, ghi chép của mình vào bài văn mà phải chọn lọc...tri thức phải vừa đầy đủ, vừa chính xác, độ tin cậy cao..</p> <p>*Không vì tri thức được nói đến sẽ thiếu chính xác -> không thuyết phục hoặc hiểu sai về sự vật, hiện tượng.</p> <p>* GV: Muốn làm bài thuyết minh thì phải có tri thức. Muốn có tri thức thì phải biết quan sát, học tập, tích lũy.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>- Tránh sa vào trình bày các biểu hiện không tiêu biểu, không quan trọng.</p>
<p>NV2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Em, thường gặp các loại văn bản đó ở đâu? Khi nào?</p> <p>? Hãy kể thêm một số văn bản cùng loại mà em biết?</p> <p>? Các văn bản trên là văn bản thuyết minh. Vậy em hiểu như thế nào về loại văn bản này?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p>	<p>=> Đều là văn bản thuyết minh</p> <p>b. Ghi nhớ (SGK -117)</p>

<p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*Khi cần có những hiểu biết khách quan về đối tượng (sự vật, sự việc, sự kiện...)</p> <p>*- “Cầu Long Biên chứng nhân lịch sử”</p> <p>- “Thông tin về trái đất năm 2000”</p> <p>- “Ôn dịch, thuốc lá”</p> <p>*Cung cấp tri thức khách quan về mọi lĩnh vực trong đời sống (về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân...) -> Giúp người đọc hiểu về các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích (Thuyết minh – Nói rõ, làm rõ...)</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p> <p>-HS đọc ghi nhớ SGK – 117.</p>	
---	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm chung của văn bản thuyết minh.

a) Mục tiêu: Giúp học sinh biết được từ ngữ chủ đề và câu chủ đề trong đoạn văn

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: HS hiểu rõ nội dung bài học

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>- Lớp chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm thảo luận 1 vd theo câu hỏi trong sgk (gv ghi câu hỏi thảo luận vào phiếu học tập phát cho mỗi nhóm)</p> <p>Nhóm 1- vd a: Trong các câu văn trên, ta thường gặp từ gì? Sau từ ấy, người ta cung cấp một kiến thức như thế nào? Xđ kiểu câu? Các câu có vị trí, vai trò ntn trong đoạn văn? Chúng ta thường gặp kiểu câu này ở đâu? Lấy vd?</p> <p>Nhóm 2- ví dụ b: Đoạn văn trên được thuyết minh = cách nào? Cách ấy có đặc điểm gì? Tác dụng của nó đối với việc trình bày tính chất của sự vật? Tìm vd khác có cách trình bày giống như đoạn văn đó?</p> <p>Nhóm 3- vd c: Chỉ ra các ví dụ trong đoạn văn sau và nêu tác dụng của nó đối với việc trình bày cách xử phạt những người hút thuốc lá ở nơi công cộng?</p> <p>Nhóm 4- vd d: Đoạn văn cung cấp những</p>	<p>a. Phân tích ngữ liệu: sgk. 12</p> <p>- Phương pháp nêu định nghĩa, giải thích: giới thiệu tổng quát, dùng tri thức khoa học giảng giải các đặc điểm, tính năng, công dụng... của sự vật...</p> <p>- Phương pháp liệt kê: nêu các đặc điểm, tính chất của sự vật...</p> <p>- Phương pháp nêu VD: dẫn ví dụ cụ thể -> tăng độ tin cậy</p> <p>- Phương pháp dùng số liệu: khẳng định độ tin cậy của tri thức</p> <p>- Phương pháp so sánh: nổi bật tính chất, đặc điểm của đối tượng</p> <p>- Phương pháp phân loại, phân tích: Chia nhỏ đối tượng ra từng mặt, từng khía cạnh...</p>

số liệu nào? Nếu không có số liệu, có thể làm sáng tỏ được vai trò của cỏ trong TP không? Tìm thêm những vd khác có sử dụng cách dùng số liệu?

Nhóm 5- vd e: Đoạn văn thuyết minh = cách nào? Tác dụng của phương pháp TM ấy? VB nào mà em biết có sdụng ph.pháp TM này?

Nhóm 6- vd g: Trong VB Huế, người viết đã trình bày đặc điểm của thành phố Huế theo những mặt nào? Tại sao phải trình bày theo cách đó ? Phương pháp thuyết minh đó gọi là gì? Tìm những vb em đã học có s.dụng phương pháp TM = cách ấy?

? Em có nhận xét gì về cách trình bày?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

-HS các nhóm trao đổi tìm câu trả lời

Bước 3: Trao đổi thảo luận.

-Đại diện nhóm trình bày

Nhóm 1:

-Thường gặp từ “là” biểu thị sự phán đoán.
- Sau từ ấy, người ta đã quy sự vật vào loại của nó và chỉ ra đặc điểm, công dụng riêng.
- Kiểu câu định nghĩa, giải thích.
- Các câu này phần lớn có vị trí ở đầu bài, đầu đoạn văn, giữ vai trò giới thiệu cho người đọc thấy được nét chung chủ yếu của đối tượng trước khi thuyết minh cụ thể từng bộ phận.

- Kiểu câu này thường gặp trong việc định nghĩa các sv- ht. (hs tự lấy vd)

GV: KL Phương pháp nêu ĐN, giải thích

Nhóm 2:

- Thuyết minh = cách liệt kê:

- Kể, giới thiệu lần lượt các đặc điểm, tính chất của sự vật theo một trật tự nhất định:

+ Giới thiệu lợi ích của cây dừa: thân cây, cọng, lá, gốc dừa, nước dừa.

+ Giới thiệu, thuyết minh tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông bừa bãi.

- Tdụng: sv- ht được hình dung 1 cách cụ thể, dễ hiểu, dễ nắm bắt, nhấn mạnh thêm lợi ích của cây dừa cũng như tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông bừa bãi.

- Tự tìm vd.

GV: KL Phương pháp liệt kê

làm cho người đọc hiểu từng mặt của đối tượng, có tính chất hệ thống, đầy đủ, toàn diện.

b. Ghi nhớ 2 (128)

Nhóm 3:

- Ví dụ: ở Bỉ,...500 đô la.
- Giúp người đọc hình dung được cụ thể hơn vấn đề, hiểu được những tác hại của việc hút thuốc lá, chiến dịch phòng chống thuốc lá mạnh mẽ ở các nước phát triển và thấy được hình phạt rất nặng và nghiêm khắc đối với những người hút thuốc lá => Những ví dụ được nêu ra có cơ sở thực tế, đáng tin cậy, có sức thuyết phục cao.
- Hs tự tìm Vd.

GV: KL Phương pháp nêu VD

Nhóm 4:

- Đoạn văn đã cung cấp những số liệu cụ thể về dưỡng khí và thán khí, về khả năng hấp thụ thán khí và nhả ra dưỡng khí của thực vật -> Nhờ đó thấy rõ vai trò của nó trong TP với cuộc sống con người.
- Hs tự tìm vd và trình bày.

GV: KL Phương pháp nêu số liệu

Nhóm 5:

- Phương pháp so sánh: đối chiếu sv- ht này với sv- ht khác => Làm nổi bật bản chất của vấn đề được thuyết minh: Diện tích rộng lớn của Thái Bình Dương

GV: KL Phương pháp so sánh

Nhóm 6:

Trình bày:

- Huế được trình bày theo các mặt sau:
 - * Huế là sự kết hợp hài hoà giữa núi, sông và biển
 - * Huế đẹp với cảnh sắc sông núi
 - * Huế có những công trình kiến trúc nổi tiếng
 - * Huế có những sản phẩm đặc biệt
 - * Huế nổi tiếng với những món ăn
 - * Huế là th. phố đấu tranh kiên cường
- Cách trình bày như trên làm nổi bật vẻ đẹp phong phú, đa dạng của 1 trung tâm văn hoá NT lớn của VN.
- Phương pháp TM: phân tích, phân loại.
- Hs tự tìm vd.

GV: KL Phương pháp phân tích, phân loại

- * Chia nhỏ đối tượng ra từng mặt, từng khía cạnh để lần lượt phân tích, chứng minh -> Hiểu đối tượng một cách đầy đủ, toàn diện.

Gọi là PP phân loại phân tích..
 * **GV:** Trong thực tế, người viết văn bản thuyết minh thường kết hợp cả năm phương pháp trên một cách hợp lí, có hiệu quả

Bước 4: Đánh giá chốt kiến thức.

- Gv nhận xét ,chuẩn kiến thức .

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

? Tác giả của bài Ôn dịch thuốc lá đã nghiên cứu, tìm hiểu rất nhiều để nêu lên yêu cầu chống nạn hút thuốc lá?

? Em hãy chỉ ra phạm vi tìm hiểu vấn đề thể hiện trong bài viết? (Người viết đã vận dụng những kiến thức nào?)

? Bài viết đã sử dụng phương pháp thuyết minh nào để nêu bật tác hại của việc hút thuốc lá?

? Đọc văn bản thuyết minh: Ngã ba Đồng Lộc thuyết minh đòi hỏi những kiến thức ntn?

? Văn bản này đã sử dụng những phương pháp thuyết minh nào?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

? Viết một đoạn văn ngắn (8 - 10 dòng) giới thiệu về một đồ dùng học tập của em?

Hướng dẫn về nhà

* **Đối với bài cũ:**

Sưu tầm, đọc thêm các văn bản thuyết minh sử dụng phong phú các phương pháp để học tập

* **Chuẩn bị bài mới: Bài toán dân số:**

+ Đọc VB

+ Trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu văn bản

+ Đọc phần đọc thêm SGK TR 132, 133.

+ Tìm bố cục của văn bản? Nội dung từng phần? Các luận điểm trong phân thân bài

+ Vấn đề chính tác giả muốn đặt ra trong văn bản?

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 47

Văn bản:

BÀI TOÁN DÂN SỐ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được việc hạn chế gia tăng dân số là con đường tồn tại hay không tồn tại của loài người.
- Sự chặt chẽ, khả năng thuyết phục của cách lập luận bắt đầu bằng một câu chuyện nhẹ nhàng mà hấp dẫn.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, tự quản bản thân.
- Năng lực hợp tác: sự hợp tác giữa các cá nhân khi được giao nhiệm vụ thảo luận nhóm.
- Năng lực giao tiếp tiếng Việt; trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về cách sử dụng câu ghép.
- Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin: tìm hiểu, thu thập tư liệu... về kiểu câu ghép.

3. Phẩm chất:

- Học sinh ý thức được trách nhiệm của mỗi công dân với vấn đề dân số: có hứng thú học tập, tích cực tham gia các hoạt động phong phú, sinh động để tiếp thu kiến thức

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu).

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan.
- + Soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Từ giữa thế kỉ XX cho đến nay, dân số thế giới, nhất là dân số các nước kém phát triển tăng lên một cách chóng mặt. Làm thế nào để hạn chế sự bùng nổ và gia tăng dân số nhằm tránh hiểm họa và nâng cao cuộc sống con người? Đây chính là vấn đề được tác giả Thái An đề cập đến trong bài “Bài toán dân số”.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: GV giới thiệu cho HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Nắm rõ thông tin về tác giả và tác phẩm.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giới thiệu về tác giả.	I. Giới thiệu chung: 1. Tác giả

<p>? Nêu xuất xứ văn bản?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>Thái An</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>- Trích từ báo giáo dục và thời đại CN số 28 (1995)</p>
---	---

Hoạt động 2: Đọc, chú thích, tìm hiểu kết cấu bố cục, phân tích văn bản.

a) Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu văn bản

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
<p>NV1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>-Hướng dẫn học sinh đọc, chú ý những câu cảm, những con số, những từ phiên âm.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Học sinh đọc theo giáo viên hướng dẫn</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>- H đọc tiếp, H khác nhận xét, cho điểm.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>-GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.</p> <p>NV2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Bài này thuộc kiểu văn bản gì? Tại sao?</p> <p>? Cho biết phương thức biểu đạt của kiểu VB nhật dụng này?</p> <p>? Xác định bố cục của văn bản?</p> <p>? Nếu chia phần thân bài ra thành 3 luận điểm, em sẽ chia ntn?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>* Văn bản nhật dụng đề cập đến một vấn đề thời sự vừa cấp thiết, vừa lâu dài của đời sống nhân loại...đó là vấn đề gia tăng dân số, tình trạng báo động ở Việt Nam cũng như thế giới.</p> <p>* Phương thức lập luận chính là thuyết minh (bằng chứng minh, giải thích) Kết hợp tự sự.</p>	

<p>* 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MB: Từ đầu -> sáng mắt ra: Nêu vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình đặt ra từ thời cổ đại. - TB: Tiếp -> ô thứ 31 của bàn cờ: Tập trung làm rõ tốc độ gia tăng dân số thế giới vô cùng nhanh chóng. - KB: Còn lại : Kêu gọi loài người hạn chế sự bùng nổ và gia tăng dân số...đó chính là con đường tồn tại của loài người. <p>* Luận điểm 1: Bài toán 1: Đặt thóc lên bàn cờ (ô1: 1 hạt -> ô 64 tính theo cấp số nhân là 1 con số khủng khiếp.)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận điểm 2: So sánh sự gia tăng dân số như hạt thóc trên bàn cờ (bắt đầu là 2 người, -> năm 1995 là 5,63 tỉ người, đủ cho ô thứ 30 của bàn cờ. - Luận điểm 3: Thực tế phụ nữ có thể sinh rất nhiều con (>2) dẫn đến sự gia tăng dân số khắp hành tinh. <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
--	--

Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích

- a) **Mục tiêu:** HS phân tích nhân vấn đề chính trong tác phẩm
- b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Nắm rõ thông tin về tác phẩm.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

<p>NV1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Vấn đề chính mà tác giả muốn đặt ra trong văn bản là gì?</p> <p>? Em hiểu ntn về vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình?</p> <p>? Lúc đầu, dẫn ra ý kiến: Bài toán dân số đã được đặt ra từ thời cổ đại, thái độ của tác giả như thế nào? Vì sao?</p> <p>? Sáng mắt ra là thế nào? Nhận xét về cách nói ấy?</p> <p>? Em có nhận xét gì về cách nêu vấn đề của bài viết?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận</p>	<p>3. Phân tích</p> <p>3.1. Phần mở bài:</p> <p>Đây là vấn đề đang được toàn thế giới quan tâm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ câu chuyện một bài toán cổ, tác giả đã sáng mắt ra - Tác giả nêu vấn đề một cách tự nhiên, trực tiếp để thuyết phục về bài toán dân số được đặt ra từ thời cổ đại.
--	---

<p>xét đánh giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Là vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình (vấn đề sinh đẻ có kế hoạch) * - Dân số là số người sinh sống trên phạm vi một quốc gia và toàn cầu. - Kế hoạch hóa gia đình là vấn đề sinh sản của mỗi gia đình. Nó gắn liền với vấn đề dân số.→ Đây là vấn đề đang được toàn thế giới quan tâm. * - Không tin - Vì vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình là một vấn đề rất hiện đại mới đặt ra gần đây (vài chục năm nay so với dăm bảy ngàn năm về trước, cách ta rất xa, dân số còn ít) nên tác giả tỏ ý nghi ngờ. <p>Sau khi nghe xong câu chuyện bài toán cổ, thái độ của tác giả có thay đổi không? Biểu hiện?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi: sáng mắt ra * - Chợt hiểu ra bản chất của vấn đề - Cách nói bằng hình ảnh ẩn dụ -> Từ đó khẳng định tác giả đã tin, đã thấy đúng là vấn đề ấy dường như đã được đặt ra từ thời cổ đại. * - Bằng cách lập luận phản đề (từ không tin – tin), hình ảnh ẩn dụ -> Tạo sự bất ngờ, hấp dẫn, lôi cuốn người đọc. * GV: Tác giả tỏ ý nghi ngờ, không tin lại có sự chênh lệch giữa các ý kiến như vậy... và cuối cùng đã “sáng mắt ra”. Đây là cách nói bằng hình ảnh ẩn dụ tạo sự tò mò, gây hứng thú, lôi cuốn người đọc dù viết về vấn đề tưởng như rất khô khan. -> cách nêu vấn đề trực tiếp, tự nhiên, nhẹ nhàng, hấp dẫn. Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án. 	
<p>NV</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Theo dõi đoạn 2 trang 130 ? Nội dung chính của phần thân bài là gì? 	<p>3.2. Thân bài</p> <p>Nội dung đề cập:</p> <p>Tốc độ gia tăng dân số thế giới là rất nhanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Câu chuyện kén rể của nhà thông

<p>? Để làm rõ cho nội dung ấy tác giả đã kể lại câu chuyện kén rể của nhà thông thái?</p> <p>? Câu chuyện kết thúc bất ngờ ntn?</p> <p>? Kể lại câu chuyện về bài toán cổ, tác giả có dụng ý gì?</p> <p>* Theo dõi đoạn 3 trang 130-131</p> <p>? Nội dung đoạn 3 có liên quan gì đến đoạn 2 ?</p> <p>? Từ câu chuyện của kinh thánh: Trái đất ban đầu chỉ có 2 người -> số liệu dân số thế giới đến 1995 là 5,63 tỉ người đạt đến ô thứ 30 của bàn cờ, tác giả muốn lí giải điều gì? Nhận xét cách lí giải này?</p> <p>* Theo dõi đoạn 4 trang 131</p> <p>? Bước tiếp theo, tác giả đưa chúng ta đến dẫn chứng thực tế nào?</p> <p>? Qua đây, tác giả muốn nói điều gì?</p> <p>? Các nước nêu trên thuộc châu lục nào? nước nào thuộc châu á? nước nào thuộc châu phi?</p> <p>? Bằng sự hiểu biết của em về 2 châu lục đó, trước tỉ lệ sinh con đã nêu, em có nhận xét gì về sự phát triển dân số của 2 châu lục?</p> <p>? Bằng sự hiểu biết của em về 2 châu lục đó, trước tỉ lệ sinh con đã nêu, em có nhận xét gì về sự phát triển dân số của 2 châu lục?</p> <p>? Nhận xét về cách lập luận của tác giả ở đây?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*GV treo bảng phụ: bài toán về hạt thóc.</p> <p>Ô1 = 1 Ô2 = 2 Ô3 = 4 Ô4 = 16 Ô5 = 32</p> <p>Ô6 = 64 Ô7 = 128 Ô8 = 256 Ô9 = 512 Ô10 = ?</p> <p>*-> Không chàng trai nào đủ thóc để lấy được cô gái. Vì không ai có đủ số hạt thóc đặt trên bàn cờ</p>	<p>thái:</p> <p>-> Thấy được tốc độ tăng ghê gớm của số lượng hạt thóc (theo cấp số nhân)</p> <p>-> lập phép so sánh liên tưởng.</p> <p>* Bài toán dân số được tính toán từ một chuyện trong “kinh thánh”</p> <p>-> Đây là sự so sánh độc đáo, giúp người đọc hình dung một cách cụ thể sự gia tăng dân số với tốc độ chóng mặt</p> <p>* Thực tế tỉ lệ sinh con của phụ nữ rất cao</p> <p>-> Mỗi gia đình có 1-2 con là rất khó khăn.</p> <p>- Châu Á, châu Phi là những nước chậm phát triển nhưng dân số lại tăng nhanh</p> <p>- Tăng dân số là kìm hãm sự phát triển XH, là nguyên nhân dẫn đến đói nghèo lạc hậu.</p> <p>→ Quan hệ mật thiết</p> <p>-> Cảnh báo nguy cơ bùng nổ dân số.</p> <p>- Lí lẽ đơn giản, chứng cứ đầy đủ</p> <p>- Vận dụng các phương pháp thuyết minh như: thống kê, so sánh, phân tích</p>
---	---

(có 64 ô). Bởi mỗi ô bàn cờ chỉ đặt vài hạt thóc tương chừng như rất ít ỏi, nhưng cứ gấp đôi theo cấp số nhân thì số thóc cả bàn cờ đủ để phủ kín bề mặt trái đất - 1 con số kinh khủng!

***Gợi ý:**

(?) ý nghĩa câu chuyện có liên quan gì đến vấn đề mà tác giả muốn nói tới ?

(?) Mục đích tác giả kể câu chuyện là gì?

- Báo động về nguy cơ bùng nổ và gia tăng dân số của thế giới, nhất là các nước chậm phát triển.

- Thấy được tốc độ tăng ghê gớm của số lượng hạt thóc (theo cấp số nhân) -> lập phép so sánh liên tưởng đến vấn đề trọng tâm mà người viết muốn nêu lên... Kích thích sự tò mò của người đọc, làm tiền đề cho ý trình bày tiếp theo.

GV: Con số trong bài toán cổ tăng dần theo cấp số nhân tương ứng với số người được sinh ra trên trái đất (cũng nhanh như cấp số nhân) không phải là con số bình thường mà là con số khủng khiếp

-> Gây ấn tượng về sự bùng nổ dân số.

Câu chuyện bài toán cổ và sự bùng nổ dân số giống nhau ở chỗ số thóc dùng cho các ô bàn cờ và dân số TG đều tăng theo cấp số nhân.

*- Bài toán dân số được tính toán từ một chuyện trong “kinh thánh”

- Nhìn thấy từ thực tế sinh sản của con người:

Trái đất bắt đầu chỉ có 2 người..-> đến năm 1995 có 5,63 tỉ người...đạt đến ô thứ 30 của bàn cờ.

*- Dân số thế giới cũng như số thóc trong các ô trên bàn cờ đều tăng theo cấp số nhân...(với điều kiện mỗi gia đình chỉ sinh từ 1 đến 2 con)

-> Đây là sự so sánh độc đáo, giúp

người đọc hình dung một cách cụ thể sự gia tăng dân số với tốc độ chóng mặt

* Những số liệu cụ thể, khách quan về khả năng sinh nhiều con của người phụ nữ (theo thống kê của Hội nghị Cai- rô, Ai Cập ngày 5/9/1994). Cụ thể:

- Ấn Độ: 4,5 Nê- pan : 6,3

=> Châu á

- Ru-an-đa: 8,1 Tan-da-ni-a: 6,7

=> Châu phi

-Man-dagat-xca: 6,6 Toàn châu Phi: 5,8

- Việt Nam: 3,7.

*Tác giả muốn khẳng định: việc hạn chế sinh đẻ (mỗi gia đình 2 con) là rất khó -> dân số sẽ nhanh chóng vượt khỏi tầm kiểm soát của con người.

*-> Là 2 châu lục trên thế giới có tỉ lệ tăng dân số cao nhất, là nước chậm phát triển về kinh tế - XH.

*Sự phát triển dân số nhanh (bùng nổ dân số) -> nghèo nàn, lạc hậu, kinh tế kém phát triển, văn hoá giáo dục không được nâng cao

Gia tăng dân số tỉ lệ thuận với sự nghèo khổ, lạc hậu đói rách. Tỉ lệ nghịch với sự phát triển kinh tế Vhoá XH. => đó là mối quan hệ nhân quả tác động qua lại “khi kinh tế, VH, GD kém phát triển thì càng không thể khống chế được bùng nổ dân số.”
- ô nhiễm môi trường, môi trường thiếu lành mạnh...

GV: Sự phát triển dân số nhanh, mất cân đối sẽ ảnh hưởng đến tương lai của dân tộc và nhân loại.

*- Lí lẽ đơn giản, chứng cứ đầy đủ

- Vận dụng các phương pháp thuyết minh như: thống kê, so sánh, phân tích

Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

NV2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Tại sao nói ở phần cuối tác giả nêu ra đáp án của bài toán dân số? Đáp án đó là gì?

? Theo tác giả, muốn tồn tại phải làm ntn?

? Qua đây em thấy tác giả có thái độ như thế nào về dân số kế hoạch hoá gia đình?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

*Đất đai không sinh thêm, con người lại nhiều lên gấp bội -> Đó là tình trạng đáng lo ngại “Đừng để cho mỗi con người trên trái đất này chỉ còn diện tích 1 hạt thóc, ...đi đến ô 64 càng dài lâu hơn, càng tốt” -> Nếu con người cứ sinh sôi theo cấp số nhân thì sẽ không còn đất để sống -> Muốn có đất sống, muốn tồn tại phải sinh đẻ có kế hoạch.

GV: Hướng vào chủ đề của bài toán dân số, tác giả nâng cao tầm quan trọng của bài toán dân số bằng câu độc thoại của nhân vật nổi tiếng trong vở kịch của Sêch-xpia với nỗi dằn vặt của con người thời phục hưng: Tồn tại hay không tồn tại...

*-> Đi đến ô 64 càng dài lâu hơn. Tức là phải hạn chế sự bùng nổ và gia tăng dân số.

*Tác giả nhận thức rõ vấn đề gia tăng dân số và hiểm họa của nó -> có trách nhiệm với đời sống cộng đồng, trân trọng cuộc sống tốt đẹp của con người.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

3.3. Lời kêu gọi

- Con đường tồn tại và phát triển của nhân loại là phải sinh đẻ có kế hoạch.

-> Hạn chế sự bùng nổ và gia tăng dân số.

Hoạt động 3: Hướng dẫn tổng kết

a) Mục tiêu: HS tổng kết về nội dung-ý nghĩa và nghệ thuật trong tác phẩm.

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Nắm rõ thông tin về tác phẩm.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Sức thuyết phục của văn bản này là gì? ?) Văn bản đem lại cho em những hiểu biết gì về vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình? ? Ý nghĩa VB?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: -HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. * Cách lập luận hấp dẫn khiến người đọc phải suy nghĩ, liên tưởng + Tiền đề vững chắc, Số liệu cụ thể, rõ ràng + So sánh hợp lý, bất ngờ + Các luận điểm liên kết hướng về chủ đề cần nói tới => Từ câu chuyện về 1 bài toán cổ về cấp số nhân, Tác giả đưa ra những con số buộc người đọc phải liên tưởng suy ngẫm về sự gia tăng dân số đáng lo ngại trên thế giới: Đất đai không sinh thêm, con người lại nhiều lên gấp bội -> Nếu không hạn chế gia tăng dân số thì con người tự làm hại chính mình. Hạn chế gia tăng dân số là đòi hỏi sống còn của nhân loại. * Gia tăng dân số -> cuộc sống đói nghèo, lạc hậu -> hạn chế gia tăng dân số là đòi hỏi sống còn của nhân loại. * Văn bản nêu lên vấn đề thời sự của đời sống hiện đại: Dân số và tương lai của dân tộc, nhân loại.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, đánh giá</p>	<p>4.1. Nghệ thuật - Sử dụng kết hợp các phương pháp so sánh, dùng số liệu, phân tích. - Lập luận chặt chẽ. - Ngôn ngữ khoa học, giàu sức thuyết phục.</p> <p>4.2. Nội dung- Ý nghĩa VB: * Nội dung - Câu chuyện cổ về hạt thóc trên bàn cờ đã làm sáng tỏ hiện tượng tốc độ gia tăng vô cùng nhanh chóng của dân số thế giới. - Thực trạng tình hình dân số thế giới và Việt Nam; sự phát triển nhanh và mất cân đối sẽ ảnh hưởng đến tương lai của dân tộc và nhân loại. - Giải pháp: không có cách nào khác, phải hành động tự giác hạn chế sinh đẻ để làm giảm sự bùng nổ và gia tăng dân số.</p> <p>* Ý nghĩa VB: - Văn bản nêu lên vấn đề thời sự của đời sống hiện đại: Dân số và tương lai của dân tộc, nhân loại.</p> <p>4.3. Ghi nhớ (122)</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) **Nội dung:** HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ được giao

d) **Tổ chức thực hiện:**

? Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về tình hình tăng dân số hiện nay?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) **Nội dung:** GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) **Sản phẩm:** Đáp án của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

? Dân số tăng nhanh ảnh hưởng con người ở những phương diện nào?

Chỗ ở, môi trường, việc làm, giáo dục -> đói nghèo, bệnh tật, lạc hậu ->

hạn chế sự phát triển của giáo dục -> Tăng nhanh dân số -> nghèo nàn lạc hậu..

Hướng dẫn bài tập về nhà

* **Đối với bài cũ:**

- Tìm hiểu, nghiên cứu tình hình dân số của địa phương, từ đó đề xuất giải pháp cho vấn đề này.

* **Chuẩn bị bài mới:** Dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm:

+ Phân tích ngữ liệu SGK

+ Tìm hiểu bài tập phần luyện tập

+ Tìm hiểu công dụng của dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm trong các đoạn trích?

+ Ý nghĩa của các đoạn văn như thế nào khi ta bỏ dấu ngoặc đơn hoặc dấu hai chấm.

+ Viết đoạn văn về sự cần thiết phải hạn chế sự gia tăng dân số, trong đoạn văn có dùng dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.

Ngày soạn:		
Ngày dạy:		
Tiết: 49		

Tiếng Việt:

DẤU NGOẶC ĐƠN, DẤU HAI CHẤM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thấy được công dụng của dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.
- Nắm được cách dùng dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm khi viết.
- Vận dụng được kiến thức giải quyết các bài tập

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp, thưởng thức văn học.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức sử dụng dấu ngoặc đơn dấu hai chấm đúng ngữ pháp.

- Có ý thức học tập, tự giác, tích cực.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giáo viên:

+ Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.

+ Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (bảng phụ, phiếu học tập), Cuốn Từ vựng ngữ nghĩa Tiếng Việt.

- Học sinh:

+ Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan.

+ Soạn bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Gv chiếu câu sau lên bảng:

"Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học."

(Tôi đi học của tác giả Thanh Tịnh)

Chỉ ra những dấu câu đặc biệt trong câu trên

Vậy người ta sử dụng dấu :, () ở trong để làm gì? Công dụng của chúng ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu Tìm hiểu về dấu ngoặc đơn.

a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện :**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Dấu ngoặc đơn trong những ví dụ đó được dùng để làm gì?</p> <p>? Nếu bỏ phần trong dấu ngoặc đơn đi thì nghĩa cơ bản của những đoạn trích trên có thay đổi không? Vì sao?</p> <p>? Như vậy dấu ngoặc đơn có công dụng như thế nào?</p> <p>? Đọc ghi nhớ SGK/ T134.</p> <p>Bài tập nhanh: Bảng phụ</p> <p>? Phần nào sau đây có thể cho vào dấu ngoặc đơn? Tại sao ?</p> <p>a/ Nam, lớp trưởng lớp 8A, có giọng hát</p>	<p>I. Dấu ngoặc đơn</p> <p>1. Phân tích ngữ liệu: SGK/ T134</p> <p>Dấu ngoặc đơn dùng để</p> <p>a. Giải thích “Họ” là người bản xứ</p> <p>b. Thuyết minh một loài động vật mà tên nó dùng để gọi tên một con kênh.</p> <p>c. Bổ sung thông tin về năm sinh và mất của Lí Bạch và Miên Châu thuộc tỉnh Tứ Xuyên.</p>

<p>rất hay. b/ Bộ phim “Em bé Hà Nội”, do nghệ sĩ Lan Hương đóng vai chính, rất hay. c/ Mùa xuân, mùa đầu tiên của 1 năm, cây cối xanh tươi.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*HS: a. giải thích để làm rõ “họ” ngụ ý chỉ (Những người bản xứ”-> giúp người đọc hiểu rõ hơn phần được chú thích có tác dụng nhấn mạnh. b. Dùng để thuyết minh về một loài động vật mà tên của nó (ba khía) được dùng để gọi tên một con kênh-> giúp người đọc hình dung rõ hơn đặc điểm của con kênh này. c. Dùng để bổ sung thông tin về năm sinh (701), năm mất(762) của Lí Bạch và cho người đọc biết thêm Miên Châu thuộc tỉnh nào (Tứ Xuyên).</p> <p>*HS: Không, vì khi đặt một phần nào đó trong dấu ngoặc đơn thì người viết đã coi đó là phân cung cấp thông tin thêm, chứ không thuộc phần nghĩa cơ bản.</p> <p>*GV: Lưu ý thêm: Có khi dấu ngoặc đơn còn được sử dụng với dấu (?) để tỏ ý hoài nghi; dấu (!) tỏ ý mỉa mai; dấu(?)! vừa tỏ ý mỉa mai vừa tỏ ý hoài nghi.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>-> Dấu ngoặc đơn dùng để: + Giải thích + Thuyết minh + Bổ sung thêm.</p> <p>2. Ghi nhớ: SGK/ T134</p>
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu về dấu hai chấm

- a) **Mục tiêu:** Học sinh tìm hiểu về dấu hai chấm
b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
c) **Sản phẩm:** Nắm rõ kiến thức về dấu hai chấm
d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Trong VD a, dấu hai chấm được dùng để làm gì? ? Trong VD b, dấu hai chấm dùng để làm gì?</p>	<p>1. Phân tích ngữ liệu: SGK/ T135 - Dấu hai chấm a. Đánh dấu lời đối thoại b. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp</p>

<p>? Dấu hai chấm trong VD c dùng để làm gì?</p> <p>? Có thể bỏ phần trong dấu hai chấm được không?</p> <p>? Dấu hai chấm có công dụng gì?</p> <p>? Đọc ghi nhớ SGK/ T135.</p> <p>* Bài tập nhanh: Thêm dấu 2 chấm vào câu sau cho đúng ý định người viết:</p> <p>a) Người Việt Nam nói “Học thầy không tày học bạn”.</p> <p>b) Nam khoe với tôi rằng “hôm qua nó được điểm 10”.</p> <p>- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>* HS: Dùng để đánh dấu (báo trước) lời đối thoại(của Dế Mèn nói với Dế Choắt và của Dế Choắt nói với Dế Mèn)</p> <p>* HS: Dùng để giải thích lí do thay đổi tâm trạng của tác giả trong ngày đầu tiên đi học.</p> <p>* HS: Không, vì sẽ mất đi một phần nghĩa cơ bản, câu không hoàn chỉnh về nghĩa.)</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>c. Giải thích lí do thay đổi tâm trạng của tác giả.</p> <p>-> Dấu 2 chấm:</p> <p>+ Đứng trước lời đối thoại</p> <p>+ Lời dẫn trực tiếp</p> <p>+ Giải thích.</p> <p>2. Ghi nhớ: SGK/ T135</p>
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

GV: Hướng dẫn H làm bài tập

? Giải thích công dụng của dấu ngoặc đơn trong các trường hợp sau?

- HS lên bảng làm

- HS ở dưới nhận xét → nhận xét chót đúng sai...

- GV nhận xét

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

?Có thể bỏ dấu : và dấu () trong đoạn văn dưới đây được không? Vì sao?
Trong văn bản này, tác giả sử dụng nhằm mục đích gì?

Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:

- Học kĩ nội dung bài học
- Hoàn thành các bài tập còn lại.

* Đối với bài mới: “Đề văn thuyết minh...”

- Đọc kĩ bài và trả lời câu hỏi sgk.
- + Tìm hiểu các đề văn thuyết minh SGK Tr 137,138
- + Đọc văn bản “Xe đạp” và trả lời các câu hỏi TR 139.
- + Tìm hiểu đề văn thuyết minh: đề nêu lên điều gì? Đối tượng thuyết minh? Đối tượng thuyết minh có thể gồm những gì?

Ngày soạn:	
Ngày dạy:	

Tiết: 50

Tập làm văn :

ĐỀ VĂN THUYẾT MINH VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN THUYẾT MINH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh.
- Nắm được yêu cầu cần đạt khi làm một bài văn thuyết minh.
- Biết cách quan sát, tích lũy tri thức và vận dụng các phương pháp để làm bài văn thuyết minh

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức tìm hiểu đề bài trước khi làm bài văn TM

B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

- Giáo viên: + Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo. + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu, bảng phụ).	
- Học sinh: + Đọc kĩ SGK, tài liệu liên quan. + Soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK.	

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài
- b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

GV: Các em đã tìm hiểu những kiến thức cơ bản về văn thuyết minh, nắm được các phương thức thuyết minh cơ bản. Hôm nay, cô và các em cùng tìm hiểu các đề văn thuyết minh và cách làm dạng văn này.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh.

a) Mục tiêu: HS tìm hiểu về đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Nhận xét về phạm vi các đề văn nêu trên?</p> <p>Đề nêu lên điều gì?</p> <p>? Tại sao em biết đó là các đề văn thuyết minh?</p> <p>? Đối với từng đề, yêu cầu chúng ta phải làm gì?</p> <p>? Hãy xác định kiến thức, tri thức để thuyết minh về các đối tượng trên? (S4-S10)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*Nêu các đối tượng thuyết minh: Con người, đồ vật, di tích, con vật, thực vật, món ăn, đồ chơi, lễ Tết...</p> <p>*-> Không yêu cầu kể chuyện, miêu tả, biểu cảm tức là yêu cầu trình bày những hiểu biết, tri thức về đối tượng.. giới thiệu, thuyết minh, giải thích...</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p> <p>NV2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Dãy phải: đề a,</p> <p>- Dãy trái : đề c, d</p> <p>a. Giới thiệu gương mặt thể thao trẻ tuổi VN cần giới thiệu gì?</p> <p>b. Giới thiệu (TM) 1 tập truyện cần giới thiệu kiến thức nào?</p> <p>c. Giới thiệu về chiếc nón lá VN cần giới thiệu gì?</p> <p>d. Em sẽ thuyết minh gì khi giới thiệu về</p>	<p>1. Đề văn thuyết minh</p> <p>a. Phân tích ngữ liệu:</p> <p>- Đối tượng thuyết minh: con người, đồ vật, di tích, con vật, món ăn...</p> <p>- Xác định phạm vi kiến thức về đối tượng thuyết minh -> trình bày những hiểu biết, tri thức về đối tượng.</p> <p>b. Ghi nhớ 1: sgk(140)</p> <p>Khi tìm hiểu đề cần tìm hiểu đối tượng thuyết minh và xác định phạm vi kiến thức về đối tượng.</p>

danh lam thắng cảnh?

? Yêu cầu bắt buộc khi tìm hiểu đề văn thuyết minh là gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh thảo luận nhóm bàn, suy nghĩ tìm ra câu trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá

a. Họ tên, môi trường sống, biểu hiện năng khiếu, quá trình học tập phần đầu, thành tích nổi bật, ý nghĩa.

b. Tên tập truyện, năm xuất bản, nhà xuất bản, nét đặc sắc về ND-NT, dư luận chung về tập truyện. Khẳng định những đóng góp, những nổi bật về tập truyện..

c. Giới thiệu về nguồn gốc, chất liệu, hình dáng, màu sắc, vai trò của chiếc nón trong đời sống sinh hoạt của con người..

d. Giới thiệu về vị trí địa lý, đặc điểm nổi bật, các câu chuyện huyền thoại, truyền thuyết gắn liền với di tích thắng cảnh, vai trò tầm quan trọng (ý nghĩa) của di tích đối với đời sống tinh thần hiện tại - tương lai.

- HS trình bày ghi nhớ SGK trang 140

Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

Hoạt động 2: Tìm hiểu cách làm bài văn thuyết minh..

a) Mục tiêu: Giúp học sinh biết cách làm bài văn thuyết minh..

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: HS hiểu rõ nội dung bài học

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>NV1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Đề nêu lên đối tượng gì? Yêu cầu gì?</p> <p>? Đề trên khác với đề miêu tả ở chỗ nào?</p> <p>? Tìm hiểu đề thuyết minh là tìm hiểu những yêu cầu gì?</p> <p>? Bài văn trên gồm mấy phần? Nội dung mỗi phần?</p> <p>? Đoạn nào là đoạn giới thiệu?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p>	<p>2. Cách làm bài văn thuyết minh</p> <p>a. Phân tích ngữ liệu: bài văn “Xe đạp”</p>

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá

*- Đối tượng: Chiếc xe đạp -> thuyết minh.

*- Miêu tả: phải miêu tả 1 chiếc xe đạp cụ thể (của ai, loại xe, đặc điểm của xe...)

- Thuyết minh: trình bày cấu tạo, tác dụng của xe đạp - giới thiệu 1 phương tiện giao thông.

*Tìm hiểu đối tượng, phạm vi tri thức (yêu cầu đề).

*Bố cục: 3 phần

- Mở bài: Từ đầu -> nhờ sức người : giới thiệu chiếc xe đạp.

- Thân bài: Tiếp -> tay cầm : thuyết minh chi tiết về chiếc xe đạp (cấu tạo, nguyên tắc hoạt động).

- Kết bài: còn lại: Vai trò của xe đạp trong tương lai và tương lai của người Việt Nam.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

NV2**Bước 1: Giao nhiệm vụ**

- Tìm hiểu về cấu tạo của xe đạp và các phương pháp thuyết minh (gv ghi câu hỏi thảo luận vào phiếu học tập phát cho mỗi nhóm)

? Nếu chỉ dùng phương pháp liệt kê có được không?

? Nhận xét về ngôn ngữ diễn đạt?

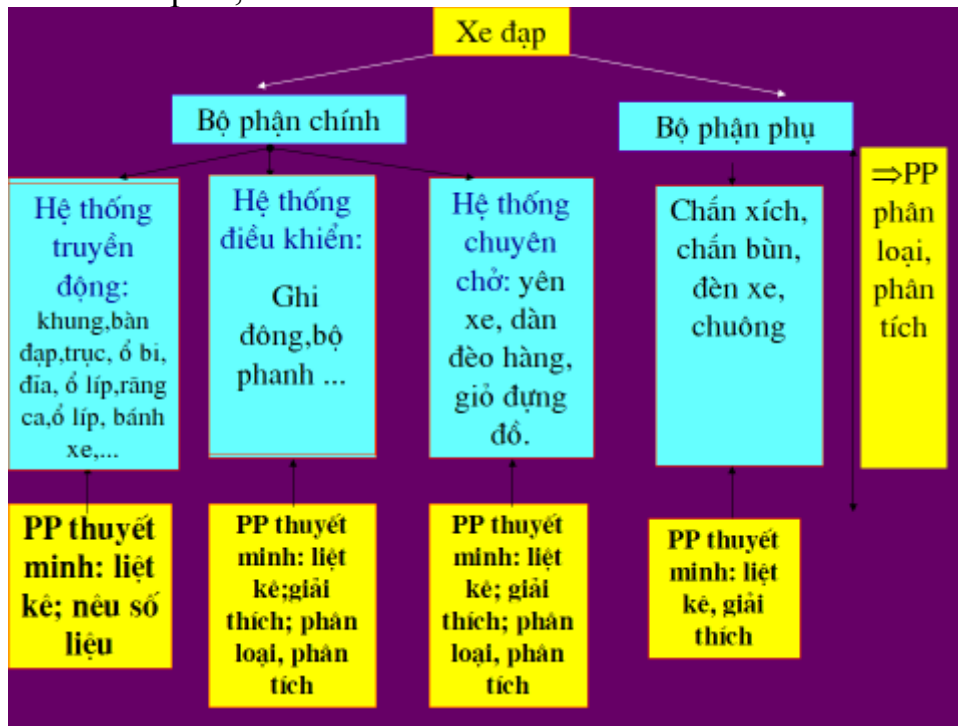
? Qua ví dụ, em hãy nêu cách làm bài thuyết minh?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

Bước 3: Trao đổi thảo luận.

G chiếu đáp án, H theo dõi chỉnh sửa.

*** Tìm hiểu đề**

+ Xác định đối tượng thuyết minh.

+ Xác định phạm vi tri thức

*** Bố cục:**

Mở bài, thân bài, kết bài.

*** Phương pháp thuyết minh:**

- Phương pháp phân tích: chia sự vật thành các bộ phận để giới thiệu.
+ Bộ phận chính:

hệ thống truyền động
hệ thống điều khiển

hệ thống chuyên chở.

+ Bộ phận phụ:

- Trình tự hợp lý
Từ cấu tạo -> nguyên tắc hoạt động -> vai trò của xe

<p>*Nếu chỉ dùng phương pháp liệt kê thì không nói được cơ chế hoạt động của xe đạp.</p> <p>*Ngôn ngữ diễn đạt: chính xác, dễ hiểu.</p> <p>*Tìm hiểu đề: xác định đối tượng, phạm vi tri thức,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng bố cục: 3 phần - Xác định phương pháp thuyết minh... <p>-> 1 HS đọc phần ghi nhớ.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>đạp.</p> <p>=> Phương pháp phân tích, liệt kê, giải thích</p> <p>- Ngôn ngữ diễn đạt: chính xác, dễ hiểu.</p> <p>b. Ghi nhớ 2, 3: sgk(140)</p>
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Hs nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

? Yêu cầu của bài tập là gì?

? Hãy xác định yêu cầu của đề?

Cho HS quan sát chiếc nón và nhận xét về đặc điểm hình dáng, công dụng...



? Đề TM được chiếc nón, em cần phải có tri thức gì?

H trình bày.

? Từng phần của bài văn em sẽ trình bày những nội dung gì?

? Phần mở bài?

? Phần thân bài?

* Thân bài

- Hình dáng chiếc nón

- Vật liệu làm nón: Mo nang làm cốt, dây móc, lá nón, khuôn nón, vòng nón bằng tre, rơm guộc.

- Quy trình làm nón:

Lá nón sau khi phơi 2 đến 3 nắng sẽ ngả từ màu xanh chuyển sang màu trắng, được rải trên nền đất cho mềm, rồi người ta sẽ cho rộng bản. Sau đó đó đặt lá lên lưới cày nung nóng để là cho phẳng. Vòng nón được chốt tròn đều đặn, chỗ nối cũng không có vết gợn. Cuối cùng là khâu khi lá đã đặt lên lớp vành khuôn. Sợi móc len theo mũi kim qua 6 lớp vòng bằng cột tre để hoàn chỉnh sản phẩm. Nón hơ song còn được hơ trên diêm sinh cho thêm trắng và tránh bị mốc

- Ở Việt Nam có các vùng nổi tiếng về nghề nón: Huế, Quảng Bình, làng Chuông (Hà Tây)...

- Chiếc nón lá rất gần gũi với đời sống sinh hoạt của người Việt Nam. Nó che mưa, che nắng. Nó làm thêm phần duyên dáng cho các thiếu nữ Việt Nam trong những dịp hội hè; nón đi vào nghệ thuật với những điệu múa nón thật đẹp; nón làm quà tặng. ...

- Chiếc nón đã trở thành biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam

GV nhận xét-bổ sung.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

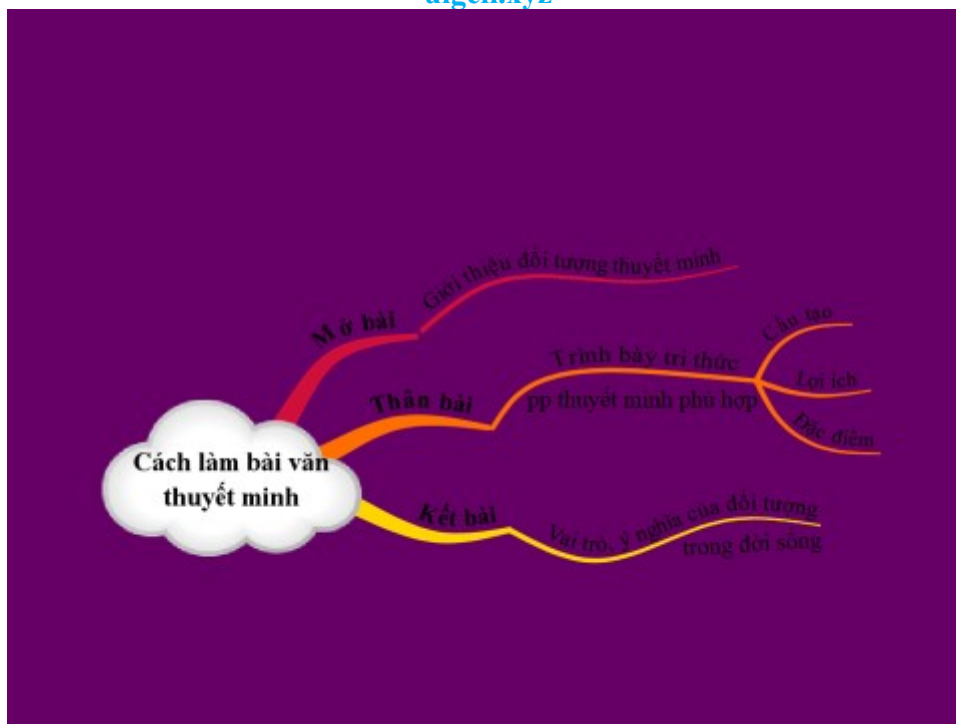
? Viết một đoạn văn ngắn (8 – 10 dòng) giới thiệu về chiếc nón lá Việt Nam?

H hoàn thành phiếu học tập (5')

G thu 10 phiếu, G chiếu đoạn văn của H, yêu cầu H khác nhận xét.

G chữa trước lớp 1-2 phiếu.

?Vẽ sơ đồ tư duy bài học



***Hướng dẫn về nhà**

*** Đối với bài cũ:**

- Tìm ý và lập dàn ý cho đề văn thuyết minh theo yêu cầu.
- Suy tầm, tìm hiểu những tri thức khách quan về các đối tượng gần gũi với đời sống.

*** Chuẩn bị bài mới: Chương trình địa phương (phần Văn)**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 52

Tập làm văn :

LUYỆN NÓI : THUYẾT MINH MỘT THỨ ĐỒ DÙNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nắm được cách tìm hiểu, quan sát và nắm được đặc điểm cấu tạo, công dụng... của những vật dụng gần gũi với bản thân.
- Biết cách xây dựng trình tự các nội dung cần trình bày bằng ngôn ngữ nói về một thứ đồ dùng trước lớp

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức thực hiện yêu cầu tiết luyện nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- + Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu).

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan.
- + Soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài
 b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.
 c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.
 d) **Tổ chức thực hiện:**

GV cho học sinh xem video quảng cáo sữa đậu nành Fami

Theo em, trong video, nhà quảng cáo đã làm gì?

Hs: giới thiệu sản phẩm, nguồn gốc, giá trị dinh dưỡng...

Quảng cáo, giới thiệu sản phẩm là khâu rất quan trọng của bất cứ nhãn hàng nào và trong cuộc sống của chúng ta cũng vô cùng cần thiết. Vậy làm thế nào để tạo ra sức hấp dẫn, cuốn hút lôi cuốn được mọi người? Chúng ta sẽ tìm hiểu bài học hôm nay để đưa ra lời giải đáp

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Kiểm tra các nội dung phần chuẩn bị ở nhà của học sinh.

- a) **Mục tiêu:** Học sinh chuẩn bị các nội dung để thuyết minh
 b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
 c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ
 d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Hãy nêu các bước chuẩn bị cần thiết bài văn thuyết minh? ? Để làm bài văn thuyết minh chúng ta phải chú ý những bước nào? ? Hãy nêu những định hướng ban đầu khi tìm hiểu đề? ? Kiến thức thuyết minh về đồ vật thường chú ý kiến thức nào? ? Từ đó, hãy điền vào chỗ chấm để hoàn thành bố cục của một bài văn thuyết minh? ? Để bài viết TM có sức thuyết phục, dễ hiểu, sáng rõ, người ta thường sử dụng PP thuyết minh nào?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. *Để viết bài thuyết minh, cần phải chuẩn bị: - Quan sát - Học tập - Tích lũy kiến thức về sự vật (bản chất, đặc trưng của chúng).. -> Tránh sa vào trình bày các biểu hiện không</p>	<p>I. Chuẩn bị. Đề bài: Thuyết minh về cái phích nước 1. Tìm hiểu đề: - Thể loại: thuyết minh - Đối tượng: cái phích nước - Phạm vi kiến thức: đồ dùng trong gia đình => Chuẩn bị kiến thức: quan sát, tìm hiểu, ghi chép, tích lũy kiến thức về phích nước Yêu cầu kiến thức TM (Tìm ý) Trình bày công dụng, cấu tạo, đặc điểm (nguyên lí giữ nhiệt) và cách sử dụng bảo quản</p> <p>2. Dàn ý: a) Mở bài: Giới thiệu đối tượng: phích là một đồ dùng quen thuộc trong mỗi gia đình. b) Thân bài</p>

tiêu biểu, không quan trọng.

* Cách làm bài văn thuyết minh:

- Tìm hiểu đề:
- Xây dựng bố cục:
- Xác định phương pháp thuyết minh từng phần...

* Khi tìm hiểu đề cần tìm hiểu kiểu bài, đối tượng th.minh và xác định phạm vi kiến thức về đối tượng. -> Tìm ý (kiến thức TM)

* Trình bày cấu tạo, các đặc điểm, lợi ích ... của đối tượng.

* - Mở bài: (Giới thiệu đối tượng thuyết minh)

- Thân bài: (Trình bày cấu tạo, các đặc điểm, lợi ích ... của đối tượng)

- Kết bài: (bày tỏ thái độ với đối tượng).

* Phương pháp nêu định nghĩa, giải thích: giới thiệu tổng quát, dùng tri thức khoa học giảng giải các đặc điểm, tính năng, công dụng... của sự vật...

- Phương pháp liệt kê: nêu các đặc điểm, tính chất của sự vật...

- Phương pháp nêu VD: dẫn Ví dụ cụ thể -> tăng độ tin cậy

- Phương pháp dùng số liệu: khẳng định độ tin cậy của tri thức

- Phương pháp so sánh: nổi bật tính chất, đặc điểm của đối tượng

- Phương pháp phân loại, phân tích: Chia nhỏ đối tượng ra từng mặt, từng khía cạnh... làm cho người đọc hiểu từng mặt của đối tượng, có tính chất hệ thống, đầy đủ, toàn diện.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

NV2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Cho đề bài:

? Hãy nêu những định hướng khi tìm hiểu đề?
Tìm hiểu đề em phải tìm hiểu những gì?

? Hãy nêu các bước chuẩn bị cần thiết cho bài văn thuyết minh của em ?

? Cần chuẩn bị kiến thức nào để thuyết minh cho đối tượng?

? Nêu nội dung từng phần của dàn ý?

? Công dụng chính của phích nước?

? Phích nước có cấu tạo như thế nào

* **Công dụng của phích nước:** là loại bình có khả năng cách ly nhiệt dùng để đựng và giữ nước nóng hoặc lạnh được lâu...

* **Cấu tạo, đặc điểm:**

- Cấu tạo ngoài: Vỏ phích: (gồm Vỏ-thân, quai xách, Tay cầm, nắp đậy, đế phích...)

* Vỏ phích

Chất liệu: sắt, nhựa

Màu sắc (trắng, xanh, đỏ),

Hình dáng: hình trụ...

- Cấu tạo trong: Ruột phích.

* Ruột phích

Nguyên liệu: thủy tinh

Cấu tạo:

2 lớp thủy tinh có lớp chân không ở giữa (làm giảm khả năng truyền nhiệt ra ngoài.)

phía trong tráng bạc nhằm hắt nhiệt trở lại để giữ nhiệt (giữ nhiệt: 6 tiếng đồng hồ nước từ 100⁰ còn nóng 70⁰...)

miệng phích nhỏ làm giảm khả năng truyền nhiệt...

* **Công dụng (từng phần cấu tạo)**

- Vỏ phích tạo vẻ đẹp, bảo quản ruột phích...

- Ruột phích: giữ nhiệt dùng cho sinh hoạt, đời sống.

* **Sử dụng:**

- Bình mới mua về, khi

<p>? Vỏ phích gồm bộ phận nào? cần chú ý gì?</p> <p>? Bộ phận nào là quan trọng nhất?</p> <p>? Đặc điểm nào đảm bảo nguyên lí giữ nhiệt của phích?</p> <p>? Công dụng (từng phần cấu tạo) ntn?</p> <p>? Cách sử dụng và bảo quản như thế nào?</p> <p>? Ngày nay người ta cải tiến gì về phích nước ?</p> <p>? Phân kết bài cần nêu được ý nào?</p> <p>? Em dự kiến phương pháp thuyết minh từng phần như thế nào cho phù hợp ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>- HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>* Thao tác chuẩn bị: Chuẩn bị kiến thức: quan sát, tìm hiểu, ghi chép, tích lũy kiến thức về phích nước (chọn lọc sử dụng -> Tránh sa vào trình bày các biểu hiện không tiêu biểu, không quan trọng)</p> <p>* - MB: Giới thiệu đối tượng TM</p> <p>- TB: Trình bày công dụng, cấu tạo, đặc điểm (nguyên lí giữ nhiệt) và cách sử dụng bảo quản...</p> <p>- KB: Vai trò của phích nước trong đời sống.</p> <p>* (Phần này có thể đưa lên mở bài)</p> <p>* Cấu tạo ngoài: Vỏ phích,</p> <p>- Cấu tạo trong: Ruột phích.</p> <p>* (Chất liệu, màu sắc, hình dáng...)</p> <p>* Cấu tạo trong: Ruột phích (chú ý đến nguyên lí giữ nhiệt của phích)</p> <p>* Có thể thuyết minh cùng với từng phần Cấu tạo trong, cấu tạo ngoài</p> <p>* Cải tiến phích nước = phích điện (có hệ thống đun sôi bằng điện) trên cơ sở cấu tạo của phích nước để tiện sử dụng.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>cho nước nóng vào phải đổ từ từ, ít một...vài phút sau lại cho tiếp.</p> <p>- Dùng một thời gian, thấy đóng cặn ở đáy bình, cho một ít nước dấm nóng vào bình, lắc nhẹ, đây nắp lại khoảng 30 phút, sau đó dùng nước sạch -> cặn cặn sẽ sạch.</p> <p>- Muốn phích giữ được nước sôi lâu, không nên đổ nước đầy sát nút phích để cách nhiệt.</p> <p>* Bảo quản:</p> <p>- Sử dụng nhẹ nhàng, tráng va đập mạnh.</p> <p>- Đóng mở nút hợp lý để giữ nhiệt lâu.</p> <p>- Không cho trẻ em sử dụng gây nguy hiểm.</p> <p>c) Kết bài:</p> <p>Vai trò của phích trong cuộc sống gia đình</p> <p>3. Phương pháp thuyết minh:</p> <p>- Mở bài : PP nêu định nghĩa.</p> <p>- Thân bài: PP phân tích, phân loại.</p> <p>PP giải thích, đưa số liệu, liệt kê để làm rõ.</p> <p>- Kết bài: PP trình bày</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

c) Sản phẩm: Trả lời các câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

1. Luyện nói theo dàn ý đã chuẩn bị trong tổ (Nhóm) :

- Mỗi nhóm tập nói trong nhóm nội dung được phân công và chọn một HS trình bày trước lớp; Thời gian chuẩn bị (5 phút)
- Lắng nghe bạn trình bày và nhận xét.

2. Yêu cầu nói:

- Phần thủ tục: “**Kính thưa ...cảm ơn.**”,
- Phần trình bày: Chọn vị trí trình bày phần TM sao cho có thể nhìn thấy được người nghe.
- + Lựa chọn ngôn ngữ nói mạch lạc, rõ ràng, chính xác, lời nói đủ nghe, động tác...ngữ điệu hấp dẫn.
- (sử dụng đồ dùng để phần trình bày cụ thể, sinh động. Hoặc chỉ trên màn hình máy chiếu)
- Nội dung kiến thức TM: Đầy đủ kiến thức, chính xác, Kiến thức phần sau phải tiếp nối ý phần trước.

2. Thực hành nói trước lớp:

1. Mở bài: Giới thiệu phích nước, công dụng (Nhóm 1)

2. Thân bài:

- a) Cấu tạo, đặc điểm, công dụng từng phần:
 - Cấu tạo trong-Phần chính: (Nhóm 2)
 - Cấu tạo ngoài-Phần phụ: (Nhóm 3)
- b) Sử dụng và bảo quản: (Nhóm 4,6)

3. Kết bài: Vai trò của phích nước (Nhóm 5)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) **Nội dung:** GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) **Sản phẩm:** Đáp án của HS

d) **Tổ chức thực hiện:**

Dưới đây là hai bức ảnh quảng cáo cho hai chiếc cặp học sinh

a. Nếu em là nhà quảng cáo, em sẽ lựa chọn những thông tin gì để quảng cáo cho hai chiếc cặp (em sẽ chú trọng thông tin gì cho từng loại)

-ba lo chống gù

-ba lo đựng laptop, sách vở....



Hình 1
Hướng dẫn về nhà



hình 2

*** Đối với bài cũ:**

- Tập nói ở nhà đối với các đề còn lại.

*** Đối với bài mới:**

Chuẩn bị bài mới: Viết bài Tập làm văn số 3

- + Tìm hiểu, Tập lập dàn ý về thuyết minh một thứ đồ dùng
- + Ôn lại toàn bộ kiến thức về văn thuyết minh: Đặc điểm chung của văn TM; các phương pháp thuyết minh; cách làm bài văn thuyết minh...
- + Tập làm các bài văn thuyết minh trong SGK/145

PHỤ LỤC BIỂU ĐIỂM THI NÓI

PHIẾU CHẤM ĐIỂM THI NÓI CỦA TÔ					
Họ và tên	Điểm nội dung	Điểm hình thức			
		Lời giới thiệu (1đ)	Ngữ điệu (1đ)	Cử chỉ (1đ)	Diễn đạt (2 đ)
PHIẾU CHẤM ĐIỂM THI NÓI					
Họ và tên	Điểm nội dung	Điểm hình thức			
		Lời giới thiệu (1đ)	Ngữ điệu (1đ)	Cử chỉ (1đ)	Diễn đạt (2 đ)

Lưu ý :

- Nội dung: Chính xác , đầy đủ (5 điểm).
- Hình thức:
 - Có lời giới thiệu, lời chào. (1đ)
 - Nói chứ không phải đọc. (1đ)
 - Chú ý đến người nghe. (1 đ)
 - Các ý liên kết, mạch lạc. (1đ)
 - Diễn đạt trôi chảy. (1 đ)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 53

Tiếng Việt:

DẤU NGOẶC KÉP**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức**

- Hiểu công dụng của dấu ngoặc kép.
- Biết cách sử dụng dấu ngoặc kép.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp, thưởng thức văn học.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức sử dụng dấu ngoặc kép đúng ngữ pháp.
- Có ý thức học tập, tự giác, tích cực

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

+ Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.

+ Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (bảng phụ, máy chiếu, phiếu học tập), Cuốn Từ vựng ngữ nghĩa Tiếng Việt.

2. Chuẩn bị của học sinh:

+ Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan.

+ Soạn bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) **Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Gv cho hs xem hình ảnh

Người ta thường nói: Phong ba bão táp không bằng ngữ pháp Việt Nam. Sự phức tạp của ngữ pháp tiếng Việt có sự "đóng góp không nhỏ của hệ thống dấu câu, mời các con quan sát hình ảnh: Ma trận hệ thống dấu câu tiếng Việt

Có một dấu câu mà ta chưa nhắc tới đây chính là dấu ngoặc kép. Vậy dấu câu này có chức năng gì, cô và các con sẽ tìm hiểu trong tiết hôm nay

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu công dụng của dấu ngoặc kép.

a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu dấu ngoặc kép.

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV treo(chiếu) bảng phụ -> HS đọc VD và quan sát các đoạn trích ở mục I, yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn câu hỏi SGK. ? Dấu “ ” trong các ví dụ trên dùng để làm gì? ? Qua các VD, hãy nêu công dụng của dấu “ ” ? Bài tập nhanh ? Hãy điền dấu “ ” cho phù hợp với mục đích của đoạn văn? - Chúng ập vào nhà họ Vương như 1 đám ruồi xanh. - Tôi nói nghe đâu vì tôi thấy người ta bắt tin rằng mẹ tôi xoay ra sống bằng cách đó.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p>	<p>I. Công dụng của dấu ngoặc kép. 1. Phân tích ngữ liệu: SGK/ T134 Dấu ngoặc kép dùng để: Đánh dấu a) Trích lời dẫn trực tiếp b) Từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt c) Từ ngữ hàm ý mỉa mai d) Tên các vở kịch 2. Ghi nhớ : sgk(142) Dấu ngoặc kép dùng để: - Trích lời dẫn trực tiếp. - Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có hàm ý mỉa mai. - Đánh dấu tên tác phẩm được</p>

<p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*a) Đánh dấu lời dẫn trực tiếp: câu nói của Găngđi</p> <p>b) Đánh dấu từ ngữ hiểu theo một số nghĩa đặc biệt (ẩn dụ): Từ “dải lụa” chỉ chiếc cầu</p> <p>-> cách nói hình ảnh, gây sự chú ý.</p> <p>c) Đánh dấu từ ngữ mà TDP thường dùng khi nói về sự cai trị của chúng đối với VN “khai hóa văn minh cho 1 nước lạc hậu”.</p> <p>-> Tục ngữ có hàm ý mỉa mai.</p> <p>d) Đánh dấu tên các vở kịch</p> <p>GV lưu ý: Tên các tác phẩm, tập san... được dẫn khi in có thể in nghiêng, đậm hoặc gạch chân.</p> <p>*2 HS nêu -> 1 HS đọc ghi nhớ.</p> <p>*Đáp án:</p> <p>Từ “ruồi xanh” -> đánh dấu từ ngữ biểu thị ý mỉa mai.</p> <p>-Từ “nghe đâu”-> dẫn lời người nói..</p> <p>- Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án</p>	<p>dẫn.</p>
---	-------------

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi của GV

d) Tổ chức thực hiện:

1. Bài tập 1 (142) Đánh dấu

a) Lời dẫn trực tiếp: những câu nói giả định của lão Hạc

b) Từ ngữ hàm ý mỉa mai

d) Lời dẫn trực tiếp: dẫn lại lời của người khác

d) Lời dẫn trực tiếp + hàm ý mỉa mai, châm biếm

e) Lời dẫn trực tiếp: những từ ngữ trích trong 2 câu thơ của N.Du.

2. Bài tập 2 (143) Đặt dấu hai chấm và dấu ngoặc kép vào chỗ thích hợp, giải thích lý do.

a) “...**cười bảo**” -> đánh dấu lời đối thoại (báo trước)

“**cá tươi**”, “**tươi**” -> đánh dấu từ ngữ được dẫn lại

b) “...**chú Tiến Lê**” -> đánh dấu lời dẫn trực tiếp

“**Cháu hãy...cháu**” -> lời dẫn trực tiếp

c) “...**bảo hẩn**” -> đánh dấu lời dẫn trực tiếp

“**Đây là...**” -> đánh dấu lời dẫn trực tiếp.

3. Bài tập 3 (T144)

Hai câu có ý nghĩa giống nhau nhưng dùng dấu câu khác nhau.

- Dùng đủ dấu câu để đánh dấu lời dẫn trực tiếp: lời của chủ tịch Hồ Chí Minh
- Không dùng dấu câu như trên vì đây là lời dẫn gián tiếp, chỉ lấy ý cơ bản để diễn đạt thành câu của người viết.

4. Bài tập 5 (T144):

Viết một đoạn văn thuyết minh ngắn có dùng dấu ngoặc đơn, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép. Giải thích công dụng các loại dấu câu đó.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Hãy đặt dấu hai chấm, dấu ngoặc kép thích hợp vào truyện cười dưới đây và giải thích lí do. (Điều chỉnh chữ viết hoa, nếu cần thiết)

Một người đi đường thấy Nicky đi cùng một chú chó, bèn hỏi chó của cháu có cắn người không? Nicky đáp chó nhà chúa không cắn ai bao giờ cả. Người khách liền đưa tay vuốt ve con chó nhưng bị nó đớp ngay một miếng. Bực mình, ông khách nói sao cháu bảo chó nhà cháu không cắn ai? Vâng, thì đúng hư vậy. Nhưng đây đâu phải là con chó của nhà cháu?

Hướng dẫn về nhà

* **Đối với bài cũ:**

- Học kĩ nội dung bài học
- Hoàn thành các bài tập còn lại.

* **Đối với bài mới: Luyện nói: thuyết minh về một thứ đồ dùng theo hướng dẫn chuẩn bị SGK**

- + Nhóm 1 chuẩn bị 1 cái phích nước làm đồ dùng trực quan
- + Tìm hiểu các bộ phận của phích nước: ruột phích, lớp tráng bạc, miệng bình, hiệu quả giữ nhiệt
- + Tác dụng của phích nước, cách bảo quản và sử dụng nó.
- + HS lập dàn ý từng phần chuẩn bị cho việc luyện nói trên lớp.
- + Nhập vai chiếc phích để giới thiệu về mình
- + Lập dàn ý cho đề bài: Thuyết minh về cái phích nước
- + Luyện nói ở nhà
- Chuẩn bị tốt cho viết bài tập làm văn số 3: Văn thuyết minh

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết: 54

Văn bản:

ĐẬP ĐÁ Ở CÔN LÔN**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức**

- Nắm được sự mở rộng kiến thức về văn học Cách mạng đầu thế kỉ XX.

- Nắm được chí khí lắm liệt, phong thái đàng hoàng của nhà chí sĩ yêu nước Phan Châu Trinh
- Cảm hứng hào hùng, lãng mạn được thể hiện trong bài thơ.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp, thưởng thức văn học.

3. Phẩm chất:

- Khâm phục, tự hào về anh hùng dân tộc, học tập ý chí quan tâm, bền chí và vận dụng vào cuộc sống.
- Trân trọng những áng thơ văn yêu nước, cảm phục khí phách anh hùng của PCT.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giáo viên:

- + Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kỹ năng, tư liệu tham khảo.
- + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu, tranh).

- Học sinh:

- + Đọc kỹ SGK, tài liệu liên quan, tranh, usb
- + Soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài
- Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.
- Sản phẩm:** hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức thực hiện:**

GV cho học sinh nghe bài Biết ơn chị Võ Thị Sáu và xem các hình ảnh



Bài hát và những hình ảnh gợi em nghĩ đến địa danh nào? Em biết gì về địa danh này

Côn Đảo là một hòn đảo thuộc tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, xưa kia, đây là nơi thực dân Pháp bắt giam, tra tấn và dày dọ và sát hại những người cộng sản. Nổi bật lên trong số đó là hình ảnh chị Võ Thị Sáu- một thiếu nữ hiên ngang, kiên cường, bất khuất, chị đã bị thực dân Pháp xử tử năm 1952, khi mới 18-19 tuổi. Trước Võ Thị Sáu, đã có rất nhiều người tham gia cách mạng bị bắt và giam giữ tại đây. Trong đó có Phan Bội Châu. Ông bị giam ở khu đập đá, nơi dành cho những người phạm tội nguy hiểm. Trong qua trình bị giam giữ ở đây ông đã sáng tác bài Đập đá ở Côn Lôn(tên gọi khác của Côn Đảo)

Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu bài thơ này của ông.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Giới thiệu chung về tác phẩm

a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm. Và đọc hiểu nội dung

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Trình bày những hiểu biết của em về tác giả? (về thân thế, sự nghiệp, tp chính)</p> <p>? Nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm?</p> <p>? Dựa vào kiến thức về Địa lý, Lịch sử, nêu hiểu biết của em về vùng đất này?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>*Tác giả</p> <p>- HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>GV chiếu hình ảnh, thuyết trình thêm.</p>  <p>+ TP chính: “Tây Hồ thi tập”, “Tinh quốc hồn ca”, “Xăng – tê thi tập”, “Giai nhân kì ngộ”,....</p> <p>Các em tìm hiểu thêm về tác giả trên sách báo, internet,...</p> <p>*Tác phẩm</p> <p>GV mở rộng: Đầu năm 1908, nhân dân Trung Kỳ nổi dậy chống sưu thuế, Phan Châu Trinh bị bắt, bị kết án chém và bị đày ra Côn Đảo (tháng 4/1908). Vài tháng sau, nhiều thân sĩ yêu nước khắp Bắc Kỳ, Trung Kỳ cũng bị đày ra đây.</p> <p>ghi</p> <p>Năm 1908, PCT bị bắt và bị đày ra Côn Lôn (Côn Đảo)</p>	<p>I. Giới thiệu chung:</p> <p>1. Tác giả</p> <p>Phan Châu Trinh (1872-1926)</p> <p>Quê: tỉnh Quảng Nam.</p> <p>- Tham gia hoạt động cứu nước rất sôi nổi đầu thế kỉ XX.</p> <p>- Văn chương của ông thấm đẫm tinh thần yêu nước, dân chủ.</p> <p>- TP chính: SGK.</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>- Ra đời năm 1908, khi Phan Châu Trinh bị bắt và đày ra Côn Đảo.</p>

<p>*Máy chiếu (tranh ảnh), tích hợp Lịch sử. GV thuyết trình.</p> <p>Côn Lôn (Côn Đảo) thuộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, cách Vũng Tàu khoảng 180 km đường biển. TD Pháp biến Côn Đảo thành nơi giam cầm tù chính trị, với hệ thống chế độ nhà tù tàn bạo.</p> <p>GV: Ngày đầu tiên tới đây, PCT đã ném một mảnh giấy vào khám để an ủi đồng viên bạn tù:</p> <p>“Đây là trường học thiên nhiên, mùi cay đắng ở trong ấy, làm trai ở TK XX này không thể không ném cho biết.”</p> <p>Hình ảnh người làm trai trong trường học thiên nhiên ấy ntn, cô và các em cùng tìm bước sang phần II để tìm hiểu.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
--	--

Hoạt động 2: Đọc, chú thích, tìm hiểu kết cấu bố cục, phân tích văn bản.

a) Mục tiêu: Học sinh tìm hiểu văn bản

b) Nội dung: HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV yêu cầu học sinh đọc văn bản và tìm hiểu chú thích</p> <p>? Em hiểu gì về nghĩa của cụm từ “thân sành sỏi”, “dạ sắt son”?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>-Học sinh đọc văn bản và tìm hiểu chú thích</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>-Giáo viên: hướng dẫn đọc, hỗ trợ nếu HS cần.</p> <p>- 4 câu đầu đọc giọng điệu hào sảng, hùng hồn, riêng hai câu 5,6 đọc giọng trầm lắng.</p> <p>4 câu đầu: nhịp 2/2/3;</p> <p>4 câu còn lại: nhịp 4/3.</p> <p>- 2 HS đọc -> GV nhận xét.</p> <p>-Cho H đọc tiếp, H khác nhận xét.</p> <p>-Bước 4: Kết luận, nhận định:</p>	<p>II. Đọc-hiểu văn bản</p> <p>1. Đọc, chú thích</p>

Giáo viên nhận xét, đánh giá	
<p>NV2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.</p> <p>? Bài thơ được viết theo thể thơ nào?</p> <p>? Bài thơ sử dụng những PTBD nào? PTBD nào là chính?</p> <p>? Em có thể chia bố cục của vb ntn?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>-HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*Các em đã được biết về thể thơ này ở lớp 7. Cô trò ta sẽ được tìm hiểu kĩ hơn về các đặc điểm của thể thơ này trong tiết TLV “Thuyết minh về một thể loại văn học” sắp tới.</p> <p>*Biểu cảm, MT, TS. Phương thức BC là chính.</p> <p>-> Thông qua việc MT và TS về việc đập đá của người tù ở CL, nhà thơ bộc lộ suy nghĩ của mình.</p> <p>*+ Cách chia thứ nhất: 4 phần (đề, thực, luận, kết): bố cục thông thường của thể thơ thất ngôn bát cú ĐL</p> <p>+ Cách thứ 2:</p> <p>2 phần (4 câu đầu, 4 câu cuối).</p> <p>Cô và các em cùng chuyển sang phần 3. Phân tích để hiểu rõ vì sao bài thơ được khắc trên bia đá và trường tồn mãi cùng mảnh đất Côn Lôn.</p> <p>Bài thơ được sử dụng PTBD chính là BC. Bài thơ BC thường có nv trữ tình.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>-Giáo viên nhận xét, đánh giá</p>	<p>2. Kết cấu - bố cục :</p> <p>- Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.</p> <p>- Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm</p> <p>- Bố cục: 2 phần</p>

Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích

a) Mục tiêu: HS phân tích hình ảnh người tù cách mạng với công việc đập đá.

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Nắm rõ kiến thức văn bản

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
NV1	3. Phân tích

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?
 ? Đối tượng để nhân vật trữ tình bộc lộ cảm xúc là gì?
 ?) Qua việc tìm hiểu hoàn cảnh ra đời bài thơ, em hình dung về công việc đập đá mà người tù như thế nào?
 ? Nếu nói 4 câu thơ đầu của bài thơ có hai lớp nghĩa thì phần vừa tìm hiểu là lớp nghĩa nào của bài thơ?
 ? Khi đọc những câu thơ đầu, ngoài hình ảnh người tù với công việc LĐ khổ sai cực nhọc, em cảm nhận được hình tượng nhân vật nào khác được khắc họa?
 ? Em đánh giá gì về nghệ thuật xây dựng hình tượng?
 ? Trong câu thơ đầu, tác giả nói tới quan niệm gì?
 ? Nói đến chí làm trai, tác giả muốn khẳng định điều gì?
 ? Vì sao nhà thơ không nói: đứng tại/ đứng ở/ trên đất Côn Lôn mà nói “đứng giữa”?
 (Đặt trong hoàn cảnh “địa ngục trần gian” kinh hoàng ấy, cụm từ “đứng giữa” cho ta thấy tư thế, vẻ đẹp của người tù cách mạng như thế nào)
 ? Em nhận xét gì về khẩu khí, giọng điệu của những câu thơ này?
 ?) Em hiểu “lùng lẩy” có nghĩa là gì?
 ? Nếu nối liền ý với câu trên, câu thứ hai có phù hợp với việc MT công việc đập đá đơn thuần không?
 ? Tác giả còn sử dụng biện pháp nghệ thuật gì qua những cụm từ “làm cho lở núi non”(các em đã học trong chương trình TV?)
 ? Câu thơ thứ hai cho thấy khát vọng gì của người chí sĩ CM?
 ? Câu thơ cho em thấy khí phách của người anh hùng?
 ? Đặt trong hoàn cảnh ở chốn địa ngục trần gian, người chí sĩ CM muốn thể hiện khát vọng gì của mình?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

3.1. Hình ảnh người tù cách mạng với công việc đập đá.

* Hình ảnh người tù với việc lao động khổ sai ở Côn Lôn:
 Công việc cực nhọc, kham khổ, bị vắt kiệt sức LĐ, bị quản thúc,...

-> Lớp nghĩa tả thực

* Hình tượng người anh hùng trong cảnh nguy nan.

Nghĩa biểu trưng

-> xây dựng hình tượng nghệ thuật có tình đa nghĩa.

quan niệm “làm trai

- khát vọng muốn khẳng định mình, muốn làm nên việc lớn, cống hiến cho đời.

Tư thế hiên ngang, sừng sững, vẻ đẹp cao lớn cùng trời đất.

Khẩu khí ngang tàng, ngạo nghễ, giọng điệu hào hùng

- Nét bút khoa trương, bút pháp lãng mạn.

-> Khát vọng muốn làm việc lớn, với sức mạnh chuyển dời.

=> Khí phách hiên ngang, lắm liệt

- Câu 3,4:

+ Sử dụng ĐT mạnh, số từ tăng tiến

+ NT đối

-> hành động mạnh mẽ, quyết liệt, sức mạnh dẻo dai

=> muốn biến ý chí dời đổi thành hành động cụ thể.

- Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

-HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

1. Người tù đập đá cũng là tác giả PCT.
2. Công việc đập đá của người tù ở Côn Lôn
3. Trong thực tế:
 - + Nắng gió làm con người khô quắt
 - Làm việc từ sáng đến tối
 - + Ăn uống khám khổ, bị lính đánh đập, hành hạ dã man: địa ngục trần gian
 -> Người tù phải dùng sức người để phá núi. Phải đập những khối đá khổng lồ để xây nhà, xây đường, xây cầu tàu. Tại CĐ vẫn còn 200m cầu tàu bằng đá được đánh đổi bằng tính mạng của hàng ngàn người tù CM. Đó là công việc khổ sai cực nhọc. Đây là hình thức LĐ nhằm hủy hoại tinh thần, thể xác người tù CM của TD Pháp.
5. Lốp nghĩa tả thực.
6. Trong câu thơ đầu tiên, Phan Châu Trinh nói: Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn.
 Cô và các em cùng tìm hiểu hình tượng của người anh hùng trong ảnh nguy cảnh nguy nan ấy.
7. -Quan niệm làm trai
 GV đưa máy chiếu về những câu thơ thể hiện quan niệm làm trai.
 Làm trai cho đáng nên trai
 Xuống Đông Đông tĩnh, lên Đoài Đoài yên.
 (ca dao)
- Nguyễn Công Trứ:
 - + “Làm trai đứng ở trong trời đất
 Phải có danh gì với núi sông”..
 - + Chỉ làm trai Nam, Bắc, Đông, Tây,
 Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể.
- Phan Bội Châu:
 - “Làm trai phải lạ ở trên đời
 Há để càn khôn tự chuyển dời..”
8. Nhắc đến làm trai là tỏ lòng kiêu hãnh về chí lớn, có khát vọng hành động cống hiến, tự khẳng định mình, ý thức

được vai trò, trọng trách của đảng nam nhi với cuộc đời.

+ tung hoành ngang dọc

+ có ý chí hoài bão làm nên việc lớn, giúp ích cho đời, cho nước.

=> Phan Châu Trinh đã nối tiếp, kế thừa quan niệm truyền thống ấy.

9. Tư thế hiên ngang, sừng sững, đội trời đạp đất, vẻ đẹp cao lớn sánh ngang tầm trời rộng non cao.

Đó không phải là thế đứng của người tù nữa mà là tư thế hiên ngang, sừng sững giữa đất trời thách thức nguy hiểm, khó khăn.

GV: Côn Lôn, chỉ nghe nhắc đến là đã ghê sợ bởi đó là **địa ngục trần gian**, bởi đó là lao động khổ sai, là gông cùm, là xiềng xích, tra tấn man rợ. Vậy mà người tù vẫn sừng sững đứng giữa đất Côn Lôn. Hình ảnh người tù LD khổ sai bị mờ đi, thay vào đó là hình tượng người anh hùng trong cảnh nguy nan với khí phách hiên ngang,凛冽.

10. khẩu khí ngang tàng, ngạo nghễ giọng điệu hào hùng.

11. Lừng lẫy: được hiểu là ngạo nghễ,凛冽

12. Phép nói quá

GV: Trong văn chương, người ta gọi đó là lối nói khoa trương.

Nhân vật trữ tình đã vượt lên trên hiện thực đau khổ để vươn lên ngang tầm vũ trụ. => Bút pháp lãng mạn

13. có tác động rất mạnh làm lay trời chuyển đất, sức mạnh chuyển dời; muốn đem tất cả tài năng, sức lực để làm việc lớn.

14. muốn phá tan những gông cùm, xiềng xích, những đòn roi song sắt nhà tù, muốn lật đổ ách thống trị thực dân tàn bạo.

GV: Vượt lên trên hoàn cảnh kinh hoàng của nơi địa ngục trần gian ấy, bóng dáng người tù bị kìm kẹp mờ đi, mà sáng ngời hình tượng người anh hùng hào kiệt, muốn làm việc lớn với

sức mạnh lay trời chuyển đất. Tác giả đã sử dụng bút pháp lãng mạn để thể hiện khí phách khí phách, khẩu khí của người anh hùng.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

-Giáo viên nhận xét, đánh giá

NV2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.

Câu 3,4:

Xách búa đánh tan năm bảy đồng

Ra tay đập bể mấy trăm hòn

? Ý nghĩa tả thực của hai câu thơ này?

? Nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ trong hai câu 3,4?

? Giá trị biểu đạt của những từ ngữ ấy?

? Trong đối có đối tương phản và đối

tương hỗ. Nhà thơ sd kiểu đối nào? Ý nghĩa của nó?

? Với phương thức lao động thủ công, vì sao người tù có thể; làm điều phi thường ấy?

? Hành động mạnh mẽ liên tiếp ấy có phải diễn tả nhiệt tình lao động của người tù không hay muốn nói điều gì? (gắn với hai câu thơ đầu)

? Như vậy, qua 4 câu thơ đầu, em hãy nêu những cảm nhận chung nhất, khái quát nhất về hình ảnh nhân vật trữ tình trong bài thơ (từ nghĩa thực đến ý nghĩa biểu tượng?)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

-HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

1. MT cụ thể cv đập đá của người tù: dùng búa, trực tiếp bằng tay, dùng (sức người để đập vỡ đá thành những hòn nhỏ)

2. - sử dụng hàng loạt những động từ mạnh: xách búa, ra tay, đánh tan, đập bể,...

- Sử dụng số từ tăng tiến, dồn dập: năm, bảy đồng...mấy trăm hòn.....

3. - Đt mạnh chỉ hành động mạnh mẽ, liên tiếp, quả quyết,...

<p>- Sử dụng số từ với mức độ tăng tiếng gọi công việc đập đá, chỉ số lượng nhiều, rất nhiều.</p> <p>GV:</p> <p>Đây là hai câu thực của bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Em hãy chỉ ra nghệ thuật đối giữa câu 3 và câu 4. (đối thanh, đối ý, đối từ loại)</p> <p>Xách búa/ đánh tan/ năm bảy đồng Ra tay/ đập bể/ mấy trăm hòn</p> <p>4. - sử dụng NT đối tương hỗ, tạo cho câu thơ có sự đăng đối nhịp nhàng, ý thơ bổ sung cho nhau, nâng cao hơn ý nghĩa của từng câu, cùng khắc họa hình ảnh người CM có hành động rất mạnh mẽ, sức mạnh dẻo dai.</p> <p>5. Ý chí, nghị lực.</p> <p>6. từ ý chí dòi dòi đã biến thành hành động cụ thể.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>-Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>GV bình: Bốn câu thơ đầu của bài thơ đã khắc họa hình ảnh nhân vật trữ tình thật ấn tượng. Hình ảnh người tù lao động khổ sai với công việc cực nhọc mờ dần đi; thay vào đó là bức tượng đài uy nghi về hình tượng người anh hùng trong cảnh nguy nan với khí phách hiên ngang,凛冽, sừng sững giữa đất trời. Với bút pháp lãng mạn, giọng điệu hào hùng thể hiện khẩu khí ngang tàng, ngạo nghễ của con người dám coi thường mọi thử thách gian nan.</p> <p>Chuyển ý:</p> <p>Việc lao động khổ sai ở Côn Lôn đã gọi lên ở người tù yêu nước những suy nghĩ sâu sắc. Đó là những suy nghĩ gì. Cô và các em cùng tìm hiểu 4 câu thơ cuối.</p>	
<p>NV3</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.</p> <p>Cách thức biểu cảm của 4 câu cuối khác với những câu đầu như thế nào?</p> <p>? Em có nhận xét gì về giọng điệu câu thơ 5 - 6?</p> <p>? Em hiểu “tháng ngày”, “mưa nắng” có ý nghĩa gì?</p>	<p>3.2. Bốn câu thơ cuối: Cảm xúc, suy nghĩ của tác giả từ công việc đập đá.* Câu 5,6</p> <p>Giọng thơ trầm lắng, suy tư như lời tự bạch.</p> <p>- NT đối:</p> <p>Thử thách gian nan >< ý chí sắt đá, sức chịu đựng bền bỉ...</p>

<p>? Em hãy chỉ ra nghệ thuật đối của hai câu 5, 6?</p> <p>? Em có thể diễn xuôi hai câu thơ 5,6?</p> <p>? Lời thơ sâu lắng như hướng vào nội tâm, thể hiện suy nghĩ gì của người chí sĩ CM?</p> <p>? Em có nhận xét gì giọng điệu của 2 câu kết?</p> <p>? Hình ảnh “kẻ vá trời” có ý nghĩa gì?</p> <p>? Em có nhận xét gì về cách nói này? Tác dụng của cách diễn đạt ấy?</p> <p>? Em hiểu gì về ý nghĩa của từ lữ bước trong câu thơ này?</p> <p>? Theo em “việc con con” mà tác giả nói đến cụ thể là việc gì?</p> <p>? Từ đó, phẩm chất tinh thần đáng quý nào của người CM được bộc lộ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời <p>- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. <p>1. Nếu 4 câu thơ đầu là biểu cảm gián tiếp thông qua tự sự và miêu tả thì 4 câu thơ cuối tác giả đã trực tiếp bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của mình.</p> <p>2. Vẫn khẩu khí ngang tàng, câu thơ chuyển sang giọng tự bộc bạch, tạo sự sâu lắng về cảm xúc. -> Hướng nội tâm.</p> <p>3. Nghĩa thực nói về thời gian, thời tiết; nghĩa ẩn dụ: + tháng ngày: tg đi đầy đặn đặn + mưa nắng: những gian khổ (thời tiết, gông cùm, xiềng xích, đòn roi,...)</p> <p>4. Đối: câu thơ đối ngẫu nhịp nhàng Đối lập giữa những thử thách với sức chịu đựng dẻo dai, bền bỉ và ý chí chiến đấu sắt son của người chiến sĩ cách mạng.</p> <p>Dựa vào phần vừa tìm hiểu và chú thích SGK</p> <p>5. Dù thời gian đi đầy có dày đặn đặn thì người CM vẫn sẵn sàng chấp nhận gian khổ, thêm dạn dày phong trần. Dù có bao khổ ải đọa đầy tinh thần vẫn cứng cỏi, kiên trung, không sờn lòng đổi</p>	<p>-> Niềm tin vào lý tưởng, ý chí sắt son chiến đấu, phẩm chất kiên cường, ý chí sắt đá của người CM:</p> <p>* Câu 7,8:</p> <p>“kẻ vá trời: Hình ảnh ẩn dụ, cách nói khoa trương</p> <ul style="list-style-type: none"> - hành động phi thường, tầm vóc khổng lồ của người anh hùng. <p>-> sự nghiệp cứu nước, cứu dân là vĩ đại, lớn lao</p> <ul style="list-style-type: none"> - gian khổ phải chịu chỉ là “việc con con” <p>=> Khí phách hiên ngang, tinh thần lạc quan, coi thường gian nan thử thách.</p>
---	--

chí.

6.Suy nghĩ: đường cách mạng còn lâu dài, vô cùng khó khăn, gian khổ, phải có niềm tin vào lý tưởng, ý chí sắt son chiến đấu,

GV: Gông xiềng, tra tấn, lao dịch khổ sai chính là trường học để tôi luyện lòng trung thành với dân với nước. Người chiến sĩ CM vẫn bền gan vững chí, tấm lòng vẫn sắt son, vẫn một niềm tin sắt đá vào sự nghiệp CM.

- Tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh:

Cũng với tinh thần ung dung, ý chí sắt đá ấy, sau này, Bác Hồ kính yêu của chúng ta khi bị bắt giam ở nhà tù TGT đến 13 tháng, trải qua 13 nhà giam gông cùm, xiềng xích, Bác tự nhủ lòng mình:
Gạo đem vào giã bao đau đớn
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông
Sống ở trên đời người cũng vậy
Gian nan rèn luyện mới thành công.

(“Nghe tiếng giã gạo”)

7.giọng thơ cứng cỏi, hào hùng, sáng khoái trở lại.

8.Tự cho mình là **kẻ vá trời** như bà Nữ Oa để chỉ việc làm của mình và công việc của các nhà CM là công việc lớn lao, phi thường. Nâng cao tầm vóc của người tù.

9.Gặp điều chẳng may. Thực tế là người chí sĩ CM bị đày ra CĐ.

10.Sự thật là PCT và các chiến sĩ CM đang trong hoàn cảnh khắc nghiệt bị đày ải trong chuồng bò, chuồng cạp, nhà đá cùng với những bản án chung thân, tử hình.

11.Khí phách hiên ngang, tinh thần lạc quan, coi thường gian nan thử thách.

GV: Những gian khổ mà người chí sĩ phải chịu đựng là việc con con, đối lập với sự nghiệp cứu dân, cứu nước vĩ đại mà họ theo đuổi. Đó là tinh thần bất khuất của cả một thế hệ của các nhà yêu nước đầu thế kỉ XX. Họ muốn xoay chuyển vận mệnh đất nước khỏi đêm đen dưới gót giày thực dân.Sự nghiệp

<p>ấy đã được Bác Hồ và nhân dân ta kể tục thành công để thực hiện con đường giải phóng dân tộc.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
--	--

Hoạt động 3: Hướng dẫn tổng kết

a) Mục tiêu: HS tổng kết về nội dung-ý nghĩa và nghệ thuật trong tác phẩm.

b) Nội dung: Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Nắm rõ kiến thức bài học

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Em hãy tổng kết giá trị nội dung cơ bản của tác phẩm?</p> <p>? Qua văn bản, nhà chí sĩ CM muốn gửi gắm điều gì?</p> <p>? Em cảm nhận được như thế nào về vẻ đẹp của người cách mạng qua bài thơ?</p> <p>? Nghệ thuật nổi bật của bài thơ là gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>1.</p> <p>Hình ảnh người tử với công việc lữ khổ sai cực nhọc.</p> <p>- Hình tượng người anh hùng trong cảnh nguy nan.</p> <p>+ Khí phách hiên ngang lắm liệt.</p> <p>+ Niềm tin vào lý tưởng và ý chí chiến đấu sắt son.</p> <p>+ Hành động phi thường, tâm vóc lớn lao.</p> <p>2. Hình tượng người Cách mạng đẹp lắm liệt, ngang tàng, dù gặp bước nguy nan vẫn không sờn lòng đổi chí.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>-GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p> <p>-Y/c hs đọc ghi nhớ SGK.</p>	<p>4. Tổng kết</p> <p>4.1. Nội dung - ý nghĩa</p> <p>* Nội dung</p> <p>* Ý nghĩa:</p> <p>Nhà tù của đế quốc thực dân không thể khuất phục ý chí, nghị lực và niềm tin vào sự nghiệp CM của những bậc anh hùng hào kiệt khi sa cơ rơi vào vòng tù ngục.</p> <p>4.3. Nghệ thuật:</p> <p>- Xây dựng hình tượng nghệ thuật có tính đa nghĩa</p> <p>- Sử dụng bút pháp lãng mạn, thể hiện khẩu khí ngang tàng, ngạo nghễ và giọng điệu hào hùng.</p> <p>- sử dụng thủ pháp đối lập, nét bút khoa trương góp phần làm nổi bật tầm vóc không lồ của người anh hùng CM.</p> <p>4.3. Ghi nhớ: SGK T150</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành nhiệm vụ

d) Tổ chức thực hiện:

? Qua bài thơ “Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác” của Phan Bội Châu và “Đập đá ở Côn Lôn” của Phan Châu Trinh, em hãy trình bày những cảm nhận của mình về vẻ đẹp của hình tượng nhà nho yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX?

- Đây là những nhà nho, là những chí sĩ cách mạng lãnh đạo các phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX, có hoài bão lớn giúp nước cứu đời.

- Là những anh hùng sa cơ lỡ bước (vào tù) nhưng tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, ý chí sắt đá, niềm tin vào sự nghiệp Cách mạng đã chiến thắng mọi thử thách gian nan (Nói chí - tỏ lòng).

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

GV: Em đã bao giờ đặt ra cho mình mục tiêu nào chưa? Để thực hiện mục tiêu ấy có khó khăn không? Em đã, đang và sẽ làm gì để những dự định lớn lao của mình thành hiện thực?

Liên hệ với việc thi vào cấp 3. Bản thân mỗi người phải trang bị những hành trang gì?(tư tưởng, quan niệm sống, hành động cụ thể).

Hướng dẫn về nhà

* Đối với bài cũ:

Ôn lại đặc điểm thơ thất ngôn bát cú Đường luật

- Phát biểu cảm nhận riêng về vẻ đẹp hào hùng lãng mạn, ý chí chiến đấu và niềm tin vào SNCM của những bậc AH hào kiệt khi sa cơ rơi vào vòng tù ngục.

* Đối với bài mới:

Chuẩn bị bài mới: Ôn luyện dấu câu.

- Lập bảng hệ thống các dấu câu và công dụng của chúng trong hoạt động giao tiếp.

- Tạo lập một văn bản trong đó biết phối hợp sử dụng các dấu câu hợp lí tạo nên hiệu quả cho VB.

- Nhận ra việc sử dụng dấu câu sai làm cho người đọc ko hiểu hoặc hiểu sai ý định diễn đạt bằng một ví dụ cụ thể.

Ngày soạn:	
Ngày dạy:	

Tiết:

Văn bản:

Đọc thêm: HAI CHỮ NƯỚC NHÀ

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức**

- Hiểu được nỗi đau mất nước và ý chí phục thù cứu nước được thể hiện trong đoạn thơ.
- Nắm được sức hấp dẫn của đoạn thơ qua cách khai thác đề tài lịch sử, lựa chọn thể thơ để diễn tả xúc động tâm trạng của nhân vật lịch sử với giọng thơ thống thiết.

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.
- Năng lực giao tiếp, thưởng thức văn học

3. Phẩm chất:

- Trân trọng những giá trị nghệ thuật, tư tưởng yêu nước của các tác giả.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Giáo viên: + Nghiên cứu SGK, SBT, SGV, chuẩn kiến thức kĩ năng, tư liệu tham khảo. + Chuẩn bị kế hoạch dạy học, thiết bị, phương tiện dạy học (máy chiếu, tranh).
- Học sinh: + Đọc kĩ SGK, tài liệu liên quan, tranh, usb + Soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

- a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài
- b) Nội dung:** HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.
- c) Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.
- d) Tổ chức thực hiện:**

G chiếu clip về xã hội Việt Nam những năm đầu của thế kỉ 20.

? Em có suy nghĩ gì sau khi xem đoạn clip trên?

Sau khi H trình bày, G dẫn dắt vào bài mới.

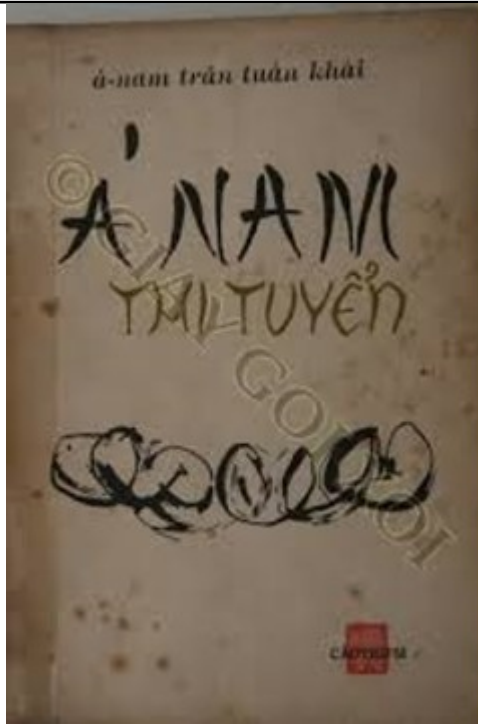
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: : Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.

- a) Mục tiêu:** HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.
- b) Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
- c) Sản phẩm:** HS nắm rõ thông tin tác giả ,tác phẩm
- d) Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Em hãy nêu một số nét khái quát về tác giả Trần Tuấn Khải? ? Kể tên những tác phẩm chính của ông?	I. Hướng dẫn giới thiệu chung:

<p>? Nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm?</p>	<p>1. Tác giả - Trần Tuấn Khải (1895 - 1938) - Bút hiệu: Á Nam. - Quê ở Nam Định. 2. Tác phẩm - Đoạn trích gồm 36 câu, trích phần đầu của bài thơ "Hai chữ nước nhà".</p>
<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời Bước 3: Báo cáo, thảo luận: -HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. HS: Trình bày. GV: Trần Tuấn Khải là một nhà thơ yêu nước. Thơ ông thường lưu hành công khai (hợp pháp) cho nên nội dung yêu nước thường phải biểu hiện một cách kín đáo để có thể vượt qua vòng kiểm duyệt gắt gao của thực dân Pháp. Thơ ông thường mượn đề tài lịch sử để kí thác tâm sự yêu nước của mình và thường rất thành công trong cách thể hiện này. -HS: Trả lời theo SGK trang 161 -G giới thiệu 1 số tác phẩm của tác giả:</p>	

	
<p>- Bước 4: Kết luận, nhận định: + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	

Hoạt động 2: Đọc, chú thích, tìm hiểu kết cấu bố cục, phân tích văn bản.

- a) **Mục tiêu:** Học sinh tìm hiểu thông tin về tác giả và tác phẩm
b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
c) **Sản phẩm:** Nắm rõ thông tin về tác giả và tác phẩm.
d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
<p>NV1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: -Hướng dẫn H đọc: Khi đọc cần chú ý cảm xúc của đoạn thơ, khi nuối tiếc tự hào, khi căm uất, khi xót xa. - Nhịp : Song thất đọc 3/ 2/ 2 Lục bát đọc 2/ 2/ 2 hoặc 4/ 4 GV: đọc mẫu từ đầu -> lời cha khuyên HS 1 đọc tiếp...sau đó mà HS 2 đọc phần còn lại Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh đọc bài ,tìm hiểu chú thích Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - 3 HS đọc -> Nhận xét, cho điểm. GV: Hướng dẫn H tìm hiểu chú thích. Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, đánh giá</p>	<p>II. Hướng dẫn đọc-hiểu văn bản 1. Đọc, chú thích</p>

<p>NV2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>? Đặc điểm của thể thơ song thất lục bát?</p> <p>? Cảm xúc bao trùm của đoạn thơ này là gì?</p> <p>? Xác định bố cục của đoạn trích?</p> <p>? Em có nhận xét gì về giọng điệu của đoạn thơ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>+ Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>+ HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>*HS:</p> <p>+ 2 cặp thất + 1 cặp lục bát tạo thành một khổ (không hạn định).</p> <p>+ Vần: Tiếng cuối của câu thất trên vần với tiếng thứ 5 của câu thất dưới, tiếng cuối của câu lục vần với tiếng thứ 6 của câu bát</p> <p>* HS: Là lời trăng trối của người cha với con trước giờ vĩnh biệt, trong bối cảnh đau thương nước mất nhà tan. Nó nặng ân tình và cũng tràn đầy nỗi xót xa đau đớn.</p> <p>* HS:</p> <p>+ P1: từ đầu -> lời cha khuyên => Tâm trạng của người cha trong cảnh ngộ éo le đau đớn.</p> <p>+ P2: tiếp...sau đó mà =>Hiện tình đất nước trong cảnh đau thương tang tóc.</p> <p>+ P3: còn lại=> thể thất lục bát của người cha và lời trao gửi cho con</p> <p>* HS: Giọng điệu lâm li, thống thiết, nhiều lời cảm thán.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>2. Kết cấu - bố cục :</p> <p>- Thể thơ: Song thất lục bát</p> <p>- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm</p> <p>- Bố cục: 3 phần</p> <p>+ P1: 8 câu thơ đầu</p> <p>+ P2: 20 câu tiếp</p> <p>+ P3: 8 câu thơ cuối</p>
--	---

Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích

a) **Mục tiêu:** HS phân tích tác phẩm.

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Nắm rõ thông tin về tác phẩm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
------	------------------

ĐỘNG CỦA GV - HS	
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Em hiểu gì về nhan đề bài thơ? ? Em có nhận xét gì về các nhan đề chữ "nước", chữ "nhà" theo quan niệm ngày xưa? ? Cái nào là chính, cái nào là phụ? ? Chỉ ra mối quan hệ giữa chúng? ? Hãy liên hệ với nhân vật và sự kiện lịch sử để giải thích hai chữ "nước, nhà"? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: -Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời Bước 3: Báo cáo, thảo luận: -HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. Bước 4: Kết luận,</p>	<p>3. Hướng dẫn phân tích 3.1. Nhan đề của bài thơ Hai chữ nước nhà - Nhà: đạo hiếu của người con - Nước: tung với vua với nước. Mối quan hệ mật thiết gắn bó của chữ trung và chữ hiếu. - Khi tổ quốc lâm nguy chữ trung được đặt lên cao</p>

<p>nhận định: -GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
<p>NV3 Bước 1: Chuyên giao nhiệm vụ: ? Đọc diễn cảm lại 8 câu thơ đầu? ? Cảnh vật thiên nhiên trong 4 câu thơ đầu được miêu tả như thế nào? ? Những từ ngữ: mây sâu ảm đạm, gió thảm đìu hiu, hổ thét chim kêu.. gợi cho em cảm giác gì? ? Đây có phải chỉ hoàn toàn cảnh thật hay phóng đại? ? Nhận xét về cảnh vật nơi đây? ? Trong bối cảnh ấy hoàn cảnh của hai cha con như thế nào? ? Trong bối cảnh đau thương như vậy, tâm trạng của</p>	<p>3.1. Cuộc chia tay và tâm trạng của người cha * Bối cảnh không gian: - Nơi biên ải xa xôi ảm đạm, heo hút + Mây sâu + Gió thảm + Hổ thét, chim kêu. - Nơi cuối cùng để vĩnh biệt Tổ quốc quê hương. -> Cảnh vật được bao phủ một màu tang tóc chia li, thê lương heo hút, ảm đạm-> Thảm cảnh nước mất nhà tan.. * Hoàn cảnh của hai cha con - Éo le, nghiệt ngã * Tâm trạng của người cha - Đau đớn xót xa + Hạt máu nóng + Thân tàn lân bước dậm phơ + Tầm tã châu rơi -> Nhiệt huyết yêu nước => Cách nói nhân hoá, ẩn dụ, ước lệ phù hợp với văn cảnh => Gợi không khí trang nghiêm, thiêng liêng như lời trời trăng của người cha già căn dặn người con vì thù nước mà tạm gác tình riêng thật xúc động biết bao..</p>

người cha ra sao?

? Hình ảnh:

+ Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước”

+ Thân tàn lụn bước dặm khơi

+ Tâm tã châu rơi..

Gợi cho em suy nghĩ và liên tưởng gì?

? Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì nhằm diễn tả tốt nội dung?

? Trong bối cảnh và tâm trạng ấy lời khuyên của người cha có ý nghĩa ntn?

Bước 2:
Thực hiện nhiệm vụ:

-Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

-HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

* GV: Đây là nơi tận cùng của đất nước. Đối với cuộc

ra đi không
 trở lại của
 Nguyễn Phi
 Khanh thì
 đây là điểm
 cuối cùng để
 rời vĩnh biệt
 với Tổ quốc,
 quê hương,
 chỉ còn vài
 bước chân
 nữa thôi
 trong khoảnh
 khắc thôi.
 Bởi vậy cái
 nhìn ngoái
 lại “trời
 Nam” như để
 khắc ghi
 hình bóng
 thân quen
 vào sâu thẳm
 tâm trí người
 đi. Nhưng
 buồn thay
 hình ảnh
 cuối cùng ấy
 của Tổ quốc
 lại là “cõi
 giờ nam gió
 thả đu hiu”
 là hình ảnh
 đất nước
 đang bị
 ngoại xâm
 giày xéo.
 * GV: Tâm
 trạng của
 người cha đã
 phủ lên cảnh
 vật một mau
 tang tóc thê
 lương.
 Không khí
 ấy không
 phải chỉ là

của thời
Nguyễn Phi
Khanh mà
còn là không
khí của đất
nước vào
những năm
20 đầu thế kỉ
XX.

* GV: Vô
cùng éo le,
nghiệt ngã. :
Cha bị bắt
giả sang
Trung Quốc
không có
ngày trở lại.
Con muốn đi
theo cha để
phụng dưỡng
cho tròn đạo
hiếu. Nhưng
cha phải dằn
lòng khuyên
con trở lại để
trả thù nhà
đền nợ nước.

* GV: Có ý
nghĩa như lời
trăng trời->
Nó thiêng
liêng, xúc
động và có
sức truyền
cảm mạnh
khiến người
con phải
khắc cốt ghi
xương-> một
lời dặn nhẹ
nhàng mà trĩu
nặng tâm tư.

**Bước 4: Kết
luận, nhận
định:**

-GV nhận

<p>xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
<p>NV4 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Đọc phần hai? Nêu nội dung của đoạn? ? Tình cảm yêu nước của tác giả thể hiện qua những tình cảm nào? ? Người cha đã nói với con điều gì? Vì sao? ? Điều đó cho thấy tình cảm gì ở người cha? ? Tiếp theo người cha đã kể tội ác của giặc Minh như thế nào? ? Trước cảnh đất nước như vậy tình cảm của người cha ra sao? ? Nỗi đau xót của người cha được thể hiện như thế nào qua hai câu thơ: Con ơi ! Càng nói</p>	<p>3.2. Hiện trạng đất nước trong cảnh đau thương tang tóc * Tâm sự yêu nước của tác giả - Thể hiện qua nỗi lòng của người cha qua nỗi lòng của người cha trong cảnh nước mất nhà tan - Người cha nhắc nhở đến lịch sử hào hùng của dân tộc -> Niềm tự hào về dân tộc - Kể tội ác của giặc gây ra cảnh nước mất nhà tan => Giọng thơ thống thiết, nghệ thuật nhân hoá => Nỗi đau mất nước thấm đến cả trời đất núi sông. đó cũng là tình cảm của tác giả trước tình cảnh đất nước đầu thế kỉ XX.</p>

<p>càng đau</p> <p>Lấy ai tể độ đàn sau đó mà</p> <p>? Nhận xét về NT của đoạn thơ?</p> <p>Tác dụng?</p> <p>? Những lời lẽ nói về thảm vong quốc đã bộc lộ cảm xúc sâu sắc nào trong lòng người cha?</p> <p>? Qua đó em hiểu gì về tình cảm của tác giả?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. <p>* GV: Thể hiện qua nỗi lòng của người cha trước cảnh nước mất, nhà tan. Hoá thân vào nhân vật Nguyễn Phi Khanh- một</p>	
---	--

nạn nhân
vong quốc
(mất nước)
đang đi đến
chỗ chết để
miêu tả hiện
tình đất nước
và kể tội
quân xâm
lược.

* GV : Nhắc
đến lịch sử
dân tộc hào
hùng

Giống
Lạc Hồng
hoàng thiên
đã định

Giống
Lạc Hồng
xưa nay kém
gì

-> Khích lệ
con

* Niềm tự
hào về
truyền thống
dân tộc, về
những tấm
gương cao
đẹp hiệp nữ
đã xả thân vì
Tổ quốc

* Than vắn
nước... để
còn thương
đâu qua các
hình ảnh:
Bốn phương
khói lửa
bùng bùng,
xương rùng
máu sông,
thành tung
quách vỡ, bỏ
vợ lia con

-> Gọi hình ảnh một đất nước đang bị giặc ngoại xâm giày xéo thương tâm. Tất cả tạo nên một lời tố cáo đanh thép trong nỗi căm giận không cùng

* Đau xót :
Thảm quốc vong kẻ sao xiết kẻ, xé tâm can, ngậm ngùi đất khóc gào than. Thương tâm dòng giống làm than nỗi này.

GV: Tác giả sử dụng một loạt hình ảnh , từ ngữ diễn tả cảm xúc mạnh , sâu sắc của người cha trước cảnh nước mất nhà tan.

Giọng thơ trở nên lâm li thống thiết xen lẫn nỗi phần uất, hờn căm.

Mỗi dòng thơ là một tiếng than, một tiếng nấc xót xa cay đắng.

* HS : Người cha đau đớn thốt lên một nỗi niềm lo lắng (Tế độ : Cứu vớt chúng sinh khỏi bể khổ). Lo cho tương lai của dân tộc-> Đó là một nỗi đau thiêng liêng, cao cả vượt lên trên số phận cá nhân mà trở thành nỗi đau non nước kinh đông cả trời đất khiến cho đất khóc giong than

* - Niềm xót thương vô hạn trước tình cảnh đất nước

- Lòng căm phẫn vô hạn trước tội ác của giặc

* Cảm xúc của người cha chính là cảm xúc của tác giả Nguyễn Tuấn Khải. Từ tình cảnh đất nước thời giặc Minh xâm lược. Trần Tuấn Khải đã mượn đề

<p>diễn tả cảnh đất nước đầu thế kỉ XX và gửi gắm cảm xúc, tấm lòng yêu nước của mình vào đó một cách thâm kín.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
<p>NV5</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Đọc phần cuối văn bản? Nêu nội dung của đoạn?</p> <p>? Người cha nơi đến sự bất lực của mình như thế nào? Nói vậy nhằm mục đích gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>-Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>-HS trình bày miệng,</p>	<p>3. 3. Thế bất lực của người cha và lời trao gửi cho con.</p> <p>- Thế bất lực của người cha: tuổi già, sức yếu, bị bắt, không làm được gì cho đất nước.</p> <p>- Khích lệ con, trao gửi trọng trách gánh vác non sông</p> <div data-bbox="459 1086 1394 1809"> <p>3. Hai câu luận</p> <p><i>Có bầu có bạn càn chi tử, Cùng gió, cùng mây thế mới vui</i></p> <p>Nghệ thuật đối, liệt kê</p> <p>+ <i>Thể hiện cuộc sống hạnh phúc vui vầy</i></p> <p>+ <i>Vẽ lên cuộc sống tươi đẹp để thuyết phục chị Hằng, lời đề nghị rất duyên dáng.</i></p> <p>+ <i>Như những người bạn tâm giao</i></p> <p>=> <i>Khát vọng cuộc sống hạnh phúc, không có nỗi buồn và cô đơn</i></p> </div>

<p>HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>GV: Trao gửi nhiệm vụ trọng trách cho con.</p> <p>Người cha đã đặt vào đó chữ “cậy” với bao niềm hi vọng tin tưởng</p> <p>- Ấn sau lời nói của cha với con là những lời tâm sự thiết tha sâu kín, là lời nhắn nhủ chân thành của Á Nam - Trần Tuấn Khải với mọi người đương thời.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định:</p> <p>-GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	
---	--

Hoạt động 3: Hướng dẫn tổng kết

- a) **Mục tiêu:** HS tổng kết về nội dung-ý nghĩa và nghệ thuật trong tác phẩm.
- b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Nắm rõ bài học
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Sản phẩm dự kiến
NV1	4.1. Nội dung- ý nghĩa:

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Hãy khái quát giá trị nội dung và ý nghĩa nổi bật của bài thơ? ? Hãy khái quát giá trị nghệ thuật ? ? Qua đó mang lại cho em những hiểu biết mới mẻ nào?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: -Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: -HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá. * - Thể thơ song thất lục bát - Giọng điệu trữ tình thống thiết - Hình ảnh nhân hoá - Từ ngữ, hình ảnh ước lệ có sức truyền cảm mạnh mẽ * GV: Tác giả mượn một câu chuyện lịch sử để bộc lộ cảm xúc yêu nước của mình và khích lệ lòng yêu nước ý chí chiến đấu của đồng bào. H đọc ghi nhớ.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: -GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.</p>	<p>* Ý nghĩa: Mượn lời của Nguyễn Phi Khanh nói với con là Nguyễn Trãi, tác giả bày tỏ và khơi gợi nhiệt huyết yêu nước của người Việt Nam trong hoàn cảnh nước mất nhà tan.</p> <p>4.2. Nghệ thuật - Kết hợp tự sự với biểu cảm. - Thể thơ truyền thông, phong phú về nhịp điệu. - Giọng điệu trữ tình thống thiết.</p> <p>4.3. Ghi nhớ : sgk</p>
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức

b) Nội dung: HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ .

d) Tổ chức thực hiện:

? Người ta nói thơ Trần Tuấn Khải vẫn sử dụng nhiều hình ảnh, từ ngữ có tính chất ước lệ, sáo mòn. Hãy tìm trong đoạn thơ một số hình ảnh, từ ngữ như thế và cho biết tại sao nó vẫn có sức truyền cảm mạnh mẽ?

-Những từ ngữ hình ảnh có tính chất ước lệ sáo mòn: ải Bắc, mây sầu, gió thảm, hổ thét, chim kêu, hạt máu nóng, hồn nước, Hồng Lạc, vong quốc... Nhưng vẫn có sức truyền cảm mạnh mẽ bởi cảm xúc chân thành mãnh liệt vừa gợi tả tâm trạng khắc khoải đau thương của nhân vật lịch sử vừa tác động đến lòng yêu nước của mọi người thời hiện tại.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS làm các bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án của HS

d) Tổ chức thực hiện:

? Suy nghĩ của em về tình thân yêu nước hiện nay?

H chia sẻ.

G đưa ra cách lí giải.

Hướng dẫn HS về nhà

* Đối với bài cũ:

Học thuộc lòng bài thơ

- Phân tích bài thơ: Hai chữ nước nhà.

* Đối với bài mới:

Chuẩn bị bài mới: Hoạt động Ngữ văn: Làm thơ bảy chữ...

- Suu tầm những bài thơ bảy chữ

- Làm được bài thơ bảy chữ.

Ngày soạn:	
Ngày dạy:	
Tiết:	

HOẠT ĐỘNG NGỮ VĂN: THI LÀM THƠ BẢY CHỮ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết cách làm thơ bảy chữ với những yêu cầu tối thiểu đặt câu thơ 7 chữ, biết ngắt nhịp 4/3, biết gieo đúng vần.

- Tạo không khí mạnh dạn, sáng tạo, vui vẻ.

- Thấy được bút pháp lãng mạn đầy truyền cảm của nhà thơ.

- Làm được bài thơ bảy chữ

2. Năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác, tự quản bản thân.

- Năng lực giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Có lòng yêu thơ ca, ham muốn sáng tạo.

- Giáo dục ý thức trách nhiệm với môi trường thiên nhiên; Hưởng ứng bảo vệ môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- **Giáo viên:**

+ Bảng phụ, phiếu học tập.

+ Những bài thơ thất ngôn tứ tuyệt mẫu mực..

- **Học sinh:**

+ Xem lại kiến thức đã học

+ Suu tầm một số bài thơ, thực hành làm một số bài thơ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b) Nội dung: HS vận dụng vào kiến thức hiểu biết của mình để trả lời.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) Tổ chức thực hiện:

Thơ ca là tiếng hót của tâm hồn, là nơi người ta hay mượn để giải bày những tâm tư, tình cảm của bản thân. Vì thế, chúng ta nên tập làm thơ, đặc

biệt là thơ 7 chữ để có thể bộc bạch những tâm tư , tình cảm của mình vào đó.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhận diện luật thơ

a) **Mục tiêu:** HS tìm hiểu cách làm bài thơ 7 chữ

b) **Nội dung:** Vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành nhiệm vụ.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Thơ 7 chữ các em đã được học cụ thể những thể loại nào? ? Thuyết minh lại đặc điểm của thể thơ đó?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.</p> <p>1. HS: Thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt. 2. * Số câu, dòng, chữ: - 8 câu (4 câu) - 8 dòng (4 dòng) - Số chữ (tiếng) trong mỗi dòng: 7 chữ (tiếng). * Luật và niêm - Luật bằng trắc + Bằng: thanh huyền, không dấu + Trắc: Thanh sắc, hỏi, ngã, nặng - Luật đối : + Dòng 3- 4, 5- 6 (Hoặc chỉ 1- 2, 3-4) + Dòng trên là bằng, dòng dưới là trắc - Niêm(dính nhau) + Ở các cặp câu 2-3, 4- 5, 6-7 (2-3) + Dòng trên và dưới đều là bằng hay trắc * Vần - Có bộ phận vần giống nhau (Trừ dấu và phụ âm đầu) - Vần bằng, trắc cùng thanh - Nằm ở cuối các dòng thơ 1, 2, 4, 6, 8 đều là vần bằng (1, 2, 4) * Nhịp - Nhịp 4/ 3</p>	<p>I. Nhận diện luật thơ 1. Bài thơ: Chiều (Đoàn Văn Cừ) - Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt - Ngắt nhịp: 4/3 - Gieo vần: Tiếng cuối của câu 1, 2, 4 (Vần bằng) - Mối quan hệ B – T - Đối: Câu 1- 2, 3- 4 - Niêm: Câu 2- 3 (bằng) - Luật bằng trắc: Xét chữ thứ hai của bài thơ: + Chữ thứ hai là vần bằng thì gọi bài thơ đó là vần bằng + Chữ thứ hai là vần trắc thì gọi bài thơ đó là vần trắc.</p> <p>2. Bài thơ: Tối (Đoàn Văn Cừ) - Sai luật: + Câu 2: sau “ngọn đèn mờ” không có dấu phẩy, dấu phẩy gây đọc sai nhịp. + Hiệp vần ở chữ cuối của câu 2 sai - Sửa lại: + Bỏ dấu phẩy ở câu 2 + Thay chữ “xanh” cuối câu 2 bằng chữ “lẻ” hoặc cả hai chữ xanh xanh bằng chữ vàng khè.</p>

- Bước 4: Kết luận, nhận định:

+ GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án

NV2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV: Treo bảng phụ ghi bài thơ “Chiều”

? Đọc bài thơ trên bảng phụ?

? Nhận diện thể thơ?

? Một em hãy lên bảng gạch nhịp của bài thơ?

? Chỉ ra các tiếng gieo vần cũng như mối quan hệ bằng trắc của 2 câu thơ kề nhau trong bài thơ?

? Nhận xét về luật bằng trắc của các bài thơ?

? Đọc bài thơ và chỉ ra và nêu lí do chỗ sai trong bài thơ Tối của Đoàn Văn Cừ?

? Sửa lại như thế nào cho đúng?

? Chép lại bài thơ đúng sau khi đã sửa lỗi?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

-Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

-HS trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

*GV: Tổng kết về luật thơ 7 chữ (Số câu, số chữ, ngắt nhịp, gieo vần, luật B - T theo 2 mô hình sau(Bảng kí hiệu B, Trắc kí hiệu T).

B	B	T	T	T	B	B
T	T	B	B	T	T	B
T	T	B	B	B	T	T
B	B	T	T	T	B	B

Chú ý :

- Luật đối và niêm chỉ xét ở các chữ nhị, tứ, lục

*Chữ thứ hai của bài thơ có thể là vần bằng và vần trắc. Nếu chữ thứ hai là vần bằng thì gọi bài thơ đó là vần bằng, chữ thứ hai là vần trắc thì gọi bài thơ đó là vần trắc.

GV giới thiệu mô hình luật bằng trắc

B	B	T	T	T	B	B
T	T	B	B	T	T	B
T	T	B	B	B	T	T
B	B	T	T	T	B	B

T	T	B	B	T	T	B
B	B	T	T	T	B	B
B	B	T	T	B	T	T
T	T	B	B	T	B	B

*+ Sai ngắt nhịp do dấu phẩy đặt sau ngọn đèn mờ
 + Hiệp vần sai chữ xanh cuối câu hai
 *HS: Bỏ dấu phẩy ở câu 2...
Bước 4: Kết luận, nhận định:
 -GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a) **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học vào làm các dạng bài tập
 b) **Nội dung:** HS sử dụng khả năng đọc của mình để thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra.
 c) **Sản phẩm:** HS trả lời câu hỏi của GV
 d) **Tổ chức thực hiện:**

Ôn kĩ lại đặc điểm thơ 7 chữ? Tập làm thơ 7 chữ theo chủ đề tự chọn

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn
 b) **Nội dung:** GV tổ chức cho HS làm các bài tập
 c) **Sản phẩm:** Đáp án của HS
 d) **Tổ chức thực hiện:**

?Sưu tầm thêm các bài thơ 7 chữ.

* Hướng dẫn học ở nhà

- Đọc lại bài
- Hướng dẫn chuẩn bị bài mới: Hoạt động ngữ văn: Làm thơ bảy chữ
- Tập làm thơ 7 chữ theo yêu cầu mục II SGK/ 166.
- Tập sáng tác bài thơ 7 chữ hoàn chỉnh.